|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ….**  **ĐỀ THI THỬ HSG LẦN 4** | **ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7**  **NĂM HỌC 2021-2022**  **MÔN THI:** **Ngữ Văn 6**  Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)  Đề thi có 01 trang, có 6 câu. |

**Phần I. Đọc hiểu : Đọc đoạn thơ sau và trả lười câu hỏi :**

Cái cò... sung chát đào chua

câu ca mẹ hát gió đưa về trời

ta đi trọn kiếp con người

cũng không đi hết mấy lời mẹ ru

Bao giờ cho tới mùa thu

trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm

bao giờ cho tới tháng năm

mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao

Ngân hà chảy ngược lên cao

quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thằng Bờm

bờ ao đom đóm chập chờn

trong leo lẻo những vui buồn xa xôi

Mẹ ru cái lẽ ở đời

sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn

bà ru mẹ... mẹ ru con

liệu mai sau các con còn nhớ chăng**.**

(Trích Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa - Theo Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)

**Câu 1** Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2** Những từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn trích được lấy từ chất liệu văn học dân gian ?

**Câu 3** Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai.

**Câu 4.** Hai câu thơ: *“Ta đi trọn kiếp con người. Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru”* gợi suy nghĩ gì về lời ru của mẹ đối với những đứa con?

**Phần II. Tạo lập văn bản.**

**Câu 1:** Từ nội dung đoạn thơ em hãy viết đoạn văn 200 từ nêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử.

**Câu 2**: Em hãy tưởng tượng mình là một tia nắng ấm lần đầu tiên được mẹ Mặt Trời giao nhiệm vụ đi tiếp thêm sức sống cho vạn vật, hãy kể lại hành trình trải nghiệm trong một ngày thú vị ấy.

----------------------------------------------

**Hướng dẫn chấm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ….**  **HƯỚNG DẪN CHẤM** | **ĐÁP ÁNĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8**  **NĂM HỌC 2020-2021**  **MÔN THI:** **Ngữ Văn 6**  Hướng dẫn có 04 trang, có 6 câu. |

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

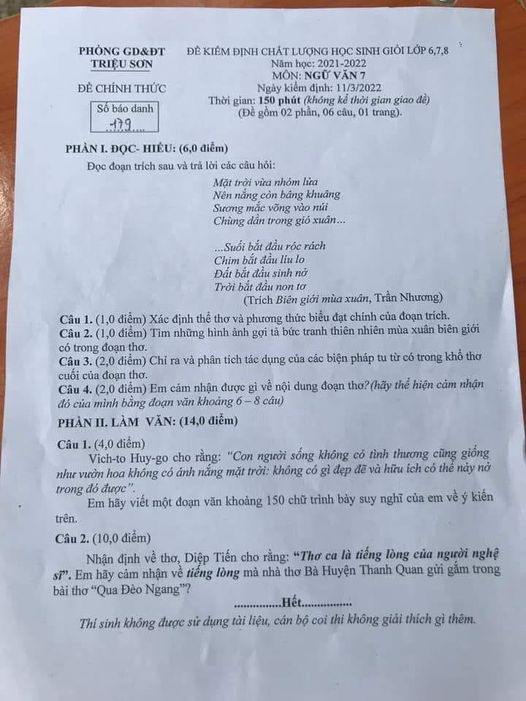
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.

- Chấm theo thang điểm 20, cho điểm lẻ đến 0,25.

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Phần I. Đọc hiểu** | | |
| **Câu 1** | Thể thơ: Lục bát | 1,0 |
| **Câu 2** | Những từ ngữ, hình ảnh được lấy từ chất liệu văn học dân gian là: cái cò, sung chát đào chua, gió đưa về trời, lời mẹ ru, quạt mo - thằng Bờm | 1,0 |
| **Câu 3** | Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai là:  + Lặp cấu trúc/điệp ngữ: Bao giờ cho tới…  + Nhân hóa: trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm  - Hiệu quả: nhấn mạnh, khơi gợi khao khát về kỉ niệm thời thơ ấu với những hình ảnh gần gũi, thân quen. | 0,5  0,5  1,0 |
| **Câu 4** | "Lời mẹ ru" không chỉ là lời ca và giai điệu để dỗ dành trẻ nhỏ ngủ ngon mà còn thể hiện tâm hồn, tấm lòng người hát ru. Tiếng ru của mẹ là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm, tâm tình của người mẹ với con mình. Nó chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con. Đó là:  + Là lời yêu thương: chứa đựng tình yêu vô bờ bến của mẹ dành cho con. Trong tình yêu ấy, con là tài sản quý giá nhất, là niềm tự hào lớn đẹp nhất, là cả cuộc sống của người mẹ.  + Là lời cầu nguyện, ước mong: lời ru là sự gửi gắm mong ước về tương lai của con với sự trưởng thành về thể chất và tâm hồn, sự thành công trong cuộc sống.  + Là lời nhắn nhủ, khuyên răn, dạy bảo: Chứa đựng trải nghiệm của cuộc đời người mẹ, sự hiểu biết, khát vọng truyền thụ hiểu biết, kinh nghiệm của mẹ cho con, sự hiểu biết và kinh nghiệm về đạo làm người, về lẽ sống ở đời, về lẽ phải cần phải tuân theo, về những giới hạn cần biết dừng lại, về những cạm bẫy nguy hiểm nên tránh, về những bước đường mỗi người phải đi qua… | 2,0 |
| **Phần II: Tạo lập văn bản** | | |
|  | Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về **tình mẫu tử.**  1. Yêu cầu về hình thức:  *- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn*  *-Xác định đúng vấn đề :* **Ý nghĩa tình mẫu tử**  2. Yêu cầu về nội dung:  **a. Giải thích khái niệm về tình mẫu tử:**  - Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng giữa mẹ và con, thể hiện sự gắn bó, yêu thương và chăm sóc, che chở, bảo vệ… của người mẹ dành cho con.  **b. Biểu hiện của tình mẫu tử**  - Mẹ luôn là người nâng đỡ, chở che cho con ngay từ những ngày đầu chập chững.  - Khi lớn lên, mẹ cũng luôn sát cánh cùng con trên đường đời đầy gian lao, thử thách  - Mẹ dành cả cuộc đời lo lắng cho con mà không mong một sự đáp đền, bởi niềm hạnh phúc lớn nhất của mẹ là được nhìn thấy các con hạnh phúc, trưởng thành.  - Mẹ luôn tha thứ mọi lỗi lầm của con.  (Lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống và trong văn học)  **c. Vai trò, ý nghĩa của tình mẫu tử**  - Đó là tình cảm đầu tiên mà mỗi người sinh ra đều cảm nhận được và sẽ gắn bó với nó trong suốt cuộc đời: từ khi mẹ mang nặng đẻ đau, nâng đỡ con khi chập chững vào đời, sánh bước cùng con qua từng nấc thang của cuộc đời. Cuộc đời của người con cũng chính là cuốn nhật ký của người mẹ.  - Nếu được sống trong tình mẫu tử thì con người ta sẽ vô cùng hạnh phúc, còn nếu thiếu thốn tình mẫu tử thì sẽ là người chịu thiệt thòi và bất hạnh (dẫn chứng).  - Tình mẫu tử có thể soi sáng con đường cho mỗi người, giúp con người thức tỉnh khi lầm đường lạc lối, sống tốt hơn và sống có trách nhiệm hơn.  - Tình mẫu tử là sức mạnh kì diệu giúp con người vượt lên những khó khăn của cuộc sống  **d. Trách nhiệm của mỗi con người trước tình mẫu tử:**  - Tình mẫu tử là tình cảm vô cùng bao la, rộng lớn và vĩ đại, mẹ là người đã suốt đời hi sinh vì con. Chính vì thế con cái cần biết trân trọng những tình cảm đó và phải sống làm sao để xứng đáng với tình cảm đó.  - Không ngừng nỗ lực học tập, tu dưỡng đạo đức, trở thành con người có ích cho xã hội để đền đáp lại những tình cảm cao cả mà mẹ dành cho ta. Bởi điều mà mỗi người mẹ mong muốn chỉ là con mình khôn lớn nên người.  - Không được có những hành động trái với đạo làm con như vô lễ, bất kính với mẹ, đối xử không tốt với mẹ, hay hơn cả là sử dụng bạo lực, bỏ rơi mẹ của mình. Đây như một tội ác không thể tha thứ được.  - Có những hành động thiết thực, cụ thể để đáp đền tình cảm của mẹ dành cho mình : biết vâng lời, nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ; siêng năng học hành để không phụ công ơn nuôi dưỡng, quan tâm, giúp đỡ từ những việc nhỏ nhặt nhất.  - Phê phán những hành động đi ngược lại với đạo lí: mẹ bỏ rơi con hay con đối xử không tốt với mẹ, bỏ mặc mẹ. | 0,5  0,5  1,0  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 2** | **1. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Đảm bảo một văn bảncó bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách lôgic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản…  - Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  **2. Yêu cầu về kiến thức**: *HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:*  **Học sinh tưởng tượng và kể được truyện**  **1.Mở bài**: Tạo tình huống dẫn dắt để phát triển câu chuyện.  Tia Nắng tự giới thiệu về mình: là con của mẹ Mặt Trời, mái nhà là bầu trời rộng lớn; công việc của mình và các anh chị em là chiếu ánh sáng và tiếp thêm sức sống cho vạn vật trên Trái Đất.  **2.Thân bài** : Tia Nắng kể lại hành trình trải nghiệm một ngày thú vị của mình:  - Anh chị em chúng tôi thường được mẹ gọi dậy rất sớm, mẹ Mặt Trời giao nhiệm vụ cụ thể cho từng người.  **-** Nhiệm vụ của tôi hôm nay là đi tiếp sức sống cho vạn vật trên mọi nẻo, tôi hào hứng lắm.  **- Tia nắng kể về hành trình của mình*( Sau đây chỉ là một gợi ý, HS thoả sức sáng tao miễm hợp lý, logic, có ý nghĩa)***  + Hành trình đầu tiên của tôi là bay qua mặt biển, ánh sáng của tôi chiếu và làn nước biển trong xanh, và những con sóng có màu ánh hồng lấp lánh.  + Tôi bay đến khu rừng rậm, tinh nghịch đánh thức đàn chim đang ngủ, chiếu nắng ấm vào tán lá xanh um...  + Tôi bay tới những cánh đồng, tôi toả nắng ấm cho bông lúa chín vàng, cho bắp ngô thêm nặng hạt, cho vườn cây thêm xum xuê hoa trái...  +Tôi bay qua trường học, thích thú đậu trên vai các cô cậu học trò, tô điểm cho sân trường sắc màu vàng ươm của nắng mới, vương đậu trên đôi môi rạng rỡ của các cô cậu tinh nghịch...  +Buổi chiều muộn khi tôi cảm thấy sức nóng của mình yếu đi, nhìn lên cao mẹ tôi đang vẫy gọi anh chị em chúng tôi trở về. Tôi bay nhanh về nhà vad sà vào lòng mẹ, tôi kể cho mẹ nghe về hành trình trải nghiệm một ngày thú vị, ý nghĩa của mình.  **3. Kết bài**: Đây là những trải nghiệm của tôi trong một ngày và hành trình của tôi không có kết thúc, tôi sẽ tiếp tục cuộc đời mình bằng những trải nghiệm có ý nghĩa như vậy. Trái Đất này sẽ càng tươi đẹp hơn khi có sự đóng góp của anh chị em chúng tôi. Hôm nào tôi mệt quá chị Mây, chị Mưa sẽ thay thế tôi tô điểm cho cuộc sống thêm sắc màu  *( Trên đây chỉ là gợi ý, GV chấm nên trân trọng những bài viết sáng tạo của học sinh. )* | 0,5  1,0  7.5  1,0  0,5  6,0      1.0 |
|  |





|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **LIÊN TRƯỜNG THCS**  **NGA TIẾN – NGA THỦY** | **ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HSG 6,7,8**  **NĂM HỌC : 2019 - 2020**  **MÔN: VĂN 6**  *Thời gian làm bài: 150 phút* |   **ĐỀ BÀI** |  |

**A/ ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):** Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

**MẸ ỐM**

*Cánh màn khép lỏng cả ngày*

*Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa*

*Nắng mưa từ những ngày xưa*

*Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.*

*Khắp người đau buốt, nóng ran*

*Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm*

*Người cho trứng, người cho cam*

*Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.*

*Sáng nay trời đổ mưa rào*

*Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương*

*Cả đời đi gió đi sương*

*Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.*

*Mẹ vui con có quản gì*

*Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca*

*Rồi con diễn kịch giữa nhà*

*Một mình con sắm cả ba vai chèo.*

*Vì con, mẹ khổ đủ điều*

*Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn*

*Con mong mẹ khỏe dần dần*

*Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.*

*Rồi ra đọc sách, cấy cày*

*Mẹ là đất nước, tháng ngày của con* ...

(Trần Đăng Khoa)

**Câu 1**: (*1.0điểm*) Xác định phương thức biểu đạt trong văn bản trên?

**Câu 2**: (*1.0điểm*)

*“Nắng mưa từ những ngày xưa*

*Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan”*

Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ trên?

**Câu 3:** (*2.0điểm*) Tác dụng của biện pháp tu từ thể hiện trong hai câu thơ trên.

**Câu 4**: (*2.0 điểm*) Tình cảm của tác giả đối với mẹ thể hiện như thế nào trong bài thơ?

**B/ TẬP LÀM VĂN (14 điểm)**

**Câu 1** (4 điểm): Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 10 đến 15 dòng*) trình bày cảm nghĩ về mẹ của em.

**Câu 2** (10điểm): Dựa vào bài thơ ‘’ ***Đêm nay Bác không ngủ***’’ của nhà thơ Minh Huệ (*Sách Ngữ văn 6, tập hai*), em hãy viết bài văn bằng lời của người chiến sĩ kể về kỉ niệm một đêm được ở bên Bác Hồ khi đi chiến dịch.

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I/**  **ĐỌC HIỂU** | 1 | - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp biểu cảm. | 1.0 |
| 2 | - Biện pháp tu từ ẩn dụ. | 1 .0 |
| 3 | - Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ qua từ ‘’*lặn*’’ trong câu thơ thứ hai.  *Hs viết một đoạn văn có thể nêu các ý kiến khác nhau nhưng phải làm rõ được nét đặc sắc NT dùng từ ‘’lặn’’ trong câu thơ với nội dung cơ bản như sau:*  - Với việc sử dụng từ ‘’lặn’, câu thơ thể hiện được sự gian lao vất vả của người mẹ trong cuộc sống.  - Thấy được nỗi gian truân, cực nhọc của đời mẹ không thể thay đổi, bù đắp ... (nếu thay các từ *ngấm*, *thấm*, ... chỉ nỗi vất vả chỉ thoảng qua, có thể tan biến đi ...)  - Qua đó thêm yêu quý, kính trọng người mẹ hơn. | 1.0  1.0 |
| 4 | Tình cảm của tác giả đối với mẹ trong bài thơ:  *Tác giả đã bộc lộ tình cảm của một người con với mẹ - một tình cảm rất hồn nhiên của tuổi niên thiếu.*  - Thấu hiểu nỗi vất vả cực nhọc của mẹ trong cuộc sống lam lũ mà em đã từng chứng kiến và cảm nhận.  - Nhìn những nếp nhăn hằn trên khuôn mặt mẹ, nhà thơ cảm động và thấy vô cùng biết ơn mẹ, đó cũng chính là tình cảm của mỗi chúng ta khi nghĩ về mẹ: Con yêu mẹ nhất trên đời, con yêu mẹ như yêu đất nước và mẹ cũng chính là Tổ quốc của riêng con!  Trong cuộc sống lao động cực nhọc, mẹ đã từng trải qua và vượt lên tất cả để vì cuộc sống và vì tương lai tốt đẹp của các con. | 1.0  1.0 |
| **II/**  **TẬP LÀM VĂN** | **1** | *Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau*:  - Giới thiệu khái quát về mẹ.  - Biểu cảm cụ thể về mẹ: ngoại hình, tính tình, tài năng (nét tiêu biểu) -> yêu, quý, khâm phục.  - Vai trò của mẹ đối với mình (quan trọng thế nào, nếu có, nếu không).  - Khẳng định tình cảm yêu quý của mình về mẹ. | 0,5  1,5  1,5  0,5 |
| **2** | **\*  Yêu cầu**:  - Học sinh dựa vào bài  thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của nhà  thơ Minh Huệ  (Sách Ngữ văn 6 - Tập hai), để viết bài văn bằng lời của người chiến sĩ kể về kỉ niệm một đêm được ở bên Bác Hồ khi đi chiến dịch.  - Yêu cầu hs phải thuộc và nhớ được nội dung bài thơ, dùng ngôi thứ nhất (nhân vật tôi – anh đội viên để kể lại câu chuyện). Biết vận dụng văn kể chuyện để kể lại một câu chuyện từ văn bản thơ, có kết hợp yếu tố miêu tả, kể chuyện với bộc lộ cảm xúc, tâm trạng  - Khi kể chuyện, cần phải tạo dựng được câu chuyện có hoàn cảnh, có nhân vật, sự việc và diễn biến câu chuyện ... Học sinh có thể  trình bày theo  nhiều  cách khác nhau,  nhưng  chuyện kể phải theo diễn biến sự việc như trình tự bài thơ và nêu được các ý cơ bản như sau:  **\* Mở bài**: (*2.0 điểm*) Giới thiệu câu chuyện:  - Giới thiệu hoàn cảnh, thời gian, không gian nơi xảy ra câu chuyện.  - Giới thiệu nhân vật trong câu chuyện: tôi (tự giới thiệu) được ở cùng Bác Hồ trong mái lều tranh xơ xác vào một đêm mưa lạnh trên đường đi chiến dịch | 1.0  1.0 |
| **\* Thân bài**: *(10 điểm)*  - Kể  lại diễn biến câu chuyện,  trong đó có kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả và bộc lộ cảm xúc, câu chuyện được kể lại qua lời kể của anh đội viên (nhân vật tôi: vừa là người chứng kiến, vừa là người tham gia vào câu chuyện).  + Lần đầu  thức giấc,  tôi ngạc nhiên vì trời đã khuya lắm  rồi mà Bác vẫn ngồi “trầm ngâm” bên bếp  lửa. Từ ngạc nhiên đến xúc động khi  tôi hiểu rằng Bác vẫn ngồi đốt lửa sưởi ấm cho các chiến sĩ. Niềm xúc động càng lớn khi được tôi chứng kiến cảnh Bác đi “dém chăn” cho từng chiến sĩ với bước chân nhẹ nhàng…  + Tâm trạng mơ màng: Bác vừa lớn lao, vĩ đại, vừa  gần gũi,  thân  thương như một người Cha đối với chúng  tôi - những người chiến sĩ... Trong sự xúc động cao độ, thầm thì, tôi hỏi nhỏ:  “Bác ơi ! Bác chưa ngủ ? Bác có lạnh lắm không ?” Bác ân cần trả lời:  “ *Chú cứ việc ngủ ngon / Ngày mai đi đánh giặc*”  (anh đội viên tự bộc lộ tâm trạng …)    + Lần  thứ ba  thức dậy, trời sắp sáng,  tôi “hốt hoảng giật mình” vì vẫn  thấy Bác vẫn “ngôi đinh ninh – chòm râu im phăng phắc”.   - Kể  lại  diễn biến  câu  chuyện qua  lời đối  thoại  giữa  anh với Bác Hồ, đồng  thời  tự bộc  lộ diễn biến  tâm  trạng … qua đó nêu bật được hình tượng Bác Hồ: giản dị, gần gũi nhưng cũng thật vĩ đại, lớn lao…  - Được tiếp cận, được thấu hiểu tình thương yêu của Bác với bộ đội và nhân dân ta,  tôi như lớn thêm lên về tâm hồn, như được hưởng một niềm hạnh phúc lớn lao, bởi thế nên:   “Lòng vui sướng mênh mông”, tôi “thức luôn cùng Bác”. | **6.0**  2.0  2.0  2.0  **2.0**  **2.0** |
|  | **\* Kết bài**: (*2.0 điểm*)  - Cảm nhận của người chiến sĩ: đêm không ngủ được kể lại trên đây chỉ là một trong vô vàn đêm không ngủ của Bác. Việc Bác không ngủ vì lo việc nước và thương bộ đội, dân công là một “lẽ thường tình” vì “Bác là Hồ Chí Minh”.  - Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch, thể hiện rõ tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân, đồng thời thể hiện tình cảm kính yêu, cảm phục của người chiến sĩ, của nhân dân ta đối với Bác Hồ…. | 1,0  1.0 |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO …**  **TRƯỜNG THCS ….** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG**  **NĂM HỌC 2017 - 2018**  ***Môn: Ngữ văn lớp 6***  *Thời gian làm bài 120 phút* |

**I. PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

*Trăng ơi...từ đâu đến?*  
*Hay từ cánh rừng xa*  
*Trăng hồng như quả chín*  
*Lửng lơ lên trước nhà*  
*Trăng ơi...từ đâu đến?*  
*Hay biển xanh diệu kỳ*  
*Trăng tròn như mắt cá*  
*Chẳng bao giờ chớp mi*  
*Trăng ơi...từ đâu đến?*  
*Hay từ một sân chơi*  
*Trăng bay như quả bóng*  
*Bạn nào đá lên trời...*

(Trăng ơi...từ đâu đến, Trần Đăng Khoa)

Câu 1: Bài thơ sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2: Bài thơ trên sử dụng biện pháp tu từ nào là chính?

Câu 3: Hình ảnh nào trong bài thơ được nhắc đến nhiều nhất?

Câu 4: Chỉ ra 1 cụm danh từ, 1 cụm tính từ và 1 cụm động từ trong bài thơ.

Câu 5: Chỉ ra từ láy có trong bài  thơ

Câu 6: Các từ “trăng; mắt” là những từ thuộc nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 7: Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào?

Câu 8: Thái độ của nhân vật trữ tình (tác giả) trong bài thơ là gì?

Câu 9: Có thể chia bài thơ trên thành mấy khổ thơ? Vì sao em có thể chia như thế?

Câu 10:

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)**

Câu 1: (4 điểm)

Theo em tại sao trong truyện cổ tích Thạch Sanh tác giả lại sáng tạo ra chi tiết cây đàn thần để giúp Thạch Sanh đòi lại công lí? Em hãy trình bày ý nghĩa của chi tiết cây đàn thần trong truyện Thạc Sanh.

**Câu 2: (12 điểm)**

Câu chuyện về những hạt mưa.

**Bộ 20 đề thi HSG Ngữ văn 6 theo định hướng phát triển năng lực**

**2017- 2018**

**(ĐT: 01233.703.100)**

**GỢI Ý CHẤM**

1. **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Câu 1: Miêu tả, biểu cảm

Câu 2 : So sánh

Câu 3: Trăng

Câu 4 :*Cánh rừng xa;* tròn như quả bóng, cánh rừng

Câu 5: Lơ lửng

Câu 6: Từ “trăng; mắt” là những từ thuộc nghĩa gốc?

Câu 7: Năm chữ

Câu 8: Ngạc nhiên, yêu mến trăng

Câu 9: 3 khổ

Câu 10:

**PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)**

Câu 1:

TG dân gian sáng tạo chi tiết cây đàn thần như một phép màu, một thế giới thứ 3 để giứp TS giải oan vì trong XH PK, những người nông dân thấp cỏ bé họng luôn bị ức hiếp, thiệt thòi, họ không được bảo về bời luật pháp, luật pháp, lĩ lẽ luôn đứng về bọn nhà giàu và quan lại

Chi tiết cây đàn thần xuất hiện 2 lần, mỗi lần mang 1 ý nghĩa khác nhau

Lần 1: Là tiếng nói công lí, là liều thuốc chữa bệnh, là …

Lần 2: là Vũ khí…là tấm lòng nhân đạo…thể hiện tài năng nghệ thuật của TS…

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 2** |  |
|  | **\*Yêu cầu chung:**  - Tạo lập được văn bản tự sự (kể bằng văn xuôi hoặc thơ) thể hiện được khả năng sáng tạo, tưởng tượng phong phú; dẫn dắt hợp lí.  -Không mắc các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...  **\*Yêu cầu cụ thể:**  a)Viết bài văn tự sự có bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.  b)Kể theo ngôi thứ nhất hoặc thứ ba; kể hợp lí, sinh động, hấp dẫn.  c)Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.  d)HS biết sáng tạo cốt truyện xoay quanh những hạt mưa và câu chuyện phải có ý nghĩa ...  ***Có những giả định như sau:***  +Những hạt mưa kể về sự xuất hiện của mình và vai trò đối với vạn vật trên trái đất.    +Những hạt mưa  gặp gỡ, trò chuyện, chứng kiến những sự việc trên cuộc hành trình và rút ra bài học trong cuộc sống.    + Trong chuyến phiêu lưu, những hạt mưa  có thể gặp những trở ngại, vượt qua trở ngại và rút ra bài học                         v.v… |

### **Đề bài: Đề thi HSG môn Văn lớp 6**

**Câu 1** (8.0 điểm):

Cảm nhận của em về bài thơ sau của tác giả Lê Hồng Thiện:

Trăng của mỗi người

Mẹ bảo: trăng như lưỡi liềm

Ông rằng trăng tựa con thuyền cong mui

Bà nhìn như hạt cau phơi

Cháu cười: quả chuối vàng tươi ngoài vườn

Bố nhớ khi vượt Trường Sơn

Trăng như cánh võng chập chờn trong mây.

(Thơ với tuổi học trò – Tập I NXB Lao Động- Hà Nội, 1993)

**Câu 2:** (12.0 điểm)

Một lần, khi ra thăm vườn rau, vô tình em nghe được cuộc trò chuyện giữa Sâu Rau và Giun Đất. Hãy kể lại câu chuyện đó.

### **Hướng dẫn chấm điểm và đáp án đề thi HSG Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **Tập làm văn** | 1 | 1/ Yêu cầu về kỹ năng:  - HS biết cách viết bài văn cảm thụ ngắn có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc.  - Lời văn chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả và diễn đạt.  2/ Yêu cầu về kiến thức:  Học sinh có những cảm nhận khác nhau về bài thơ song cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:  **\* Về nghệ thuật:**  - Nghệ thuật so sánh đặc sắc: trăng được ví với những hình ảnh rất đỗi gần gũi: “ như lưỡi liềm”, “ tựa con thuyền cong mui”, “ như hạt cau phơi”, “ quả chuối vàng tươi”, “ như cánh võng chập chờn trong mây”.  - Lời thơ giản dị, trong sáng, giọng điệu dí dỏm.  **\* Về nội dung:**  - Bài thơ là những cảm nhận rất thú vị, độc đáo về trăng: nhà thơ đã mượn lời của từng thành viên trong gia đình để nhìn trăng theo cách liên tưởng riêng bằng tâm lý, lứa tuổi, công việc khác nhau:  + Mẹ là người tay liềm, tay hái quen việc đồng ruộng nên thấy “trăng như lưỡi liềm”  + Ông quen việc sông nước nên thấy “trăng tựa con thuyền cong mui”;  + Bà nhìn trăng ra “hạt cau phơi” bởi bà hay ăn trầu;  + Cháu thấy trăng ngon như “quả chuối vàng tươi trong vườn”, cháu thiết thực hơn, vì cái tính háu ăn của con trẻ,  + Bố - chú bộ đội Trường Sơn, vầng trăng trong tâm trí bố lúc ẩn, lúc hiện với bao kỉ niệm trong chiến tranh gian lao nhưng hào hùng, thơ mộng.  - Kết luận về nghệ thuật, ý nghĩa, sức lan tỏa của đoạn thơ. | **1.0**  **7.0**  **1.0**  **0.5**  **5.5**  **0.5** |
| **2** | **Viết bài văn kể chuyện tưởng tượng**  **a. Yêu cầu về kĩ năng:**  - Học sinh cần viết bài kể chuyện tưởng tượng, có bố cục 3 phần mạch lạc, chặt chẽ, kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm.  - Sử dụng linh hoạt các hình thức ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại.  - Văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc, biết vận dụng tốt trí tưởng tượng, sáng tạo thêm các chi tiết và ngôi kể phù hợp.  **b. Yêu cầu về kiến thức:**  \* Giới thiệu hoàn cảnh nghe được câu chuyện giữa Sâu Rau và Giun Đất  \* Học sinh có thể kể nhiều hướng khác nhau. Nhưng cần đảm bảo có các nhân vật như yêu cầu, các chuỗi sự việc liên kết với nhau và theo trình tự hợp lí, câu chuyện phải mang một ý nghĩa, một bài học nào đó.  - Xây dựng được cuộc trò chuyện của Sâu Rau và Giun Đất thể hiện :  + Quan điểm, thái độ và cách sống của từng nhân vật.  + Là hai nhân vật đối lập về tính cách và quan điểm: Giun Đất chăm chỉ, hiền lành; Sâu Rau lười biếng, ăn bám, bảo thủ...  + Vai trò của từng nhân vật với cuộc sống: Kẻ sống có ích, kẻ phá hoại rau màu...  - Kết cục của từng nhân vật hợp lí để toát lên bài học.  **\*** Cảm nghĩ của bản thân:  - Bày tỏ thái độ yêu ghét với từng nhân vật  - Rút ra bài học: tùy học sinh tự rút ra bài học. (Có thể là : phải chăm chỉ làm việc, không được sống ăn bám thì cuộc sống mới có ý nghĩa. | **12.0**  **1.0**  **11.0.**  **1.0**  **8.0**  **2.0** |

**THẦY CÔ VUI LÒNG THAM GIA NHOSMFB: TÀI LIỆU ÔN HSG NGỮ VĂN 6.7.8.9 ĐỂ TẢI CÁC TÀI LIỆU CHO TIỆN A.**

**THAM KHẢO TÀI LIÊU VAN 6**

**(Bộ đề: 90 đề 230 trang, tặng TL ôn 373 tr, đề đọc hiểu, giao án5HĐ, phụ đạo)**

**PHẦN 1. Một số đề tham khảo**

**PHẦN 2: TÀI LIỆU ÔN TẬP, BỒI DƯỠNG**

**PHẦN 3: GIÁO ÁN PỤ ĐẠO**

**PHẦN 1. Một số đề tham khảo**

Đề 2:

ĐỀ BÀI

**I.  Đọc hiểu văn bản: ( 6 điểm)**

 Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Đất  mọng nước mưa, và khi gió xua tan mây ra, đất ngây ngất dưới ánh nắng chói lọi và tỏa ra một làn khói lam. Sáng sáng, sương mù dâng lên từ một con ngòi, từ vùng trũng bùn lầy nước đọng. Sương trôi như sóng, lao ra ngoài đồi núi thảo nguyên và ở đó nó tan ra thành một lớp khói lam mịn màng. Và trên những cành lá đâu đâu cũng la liệt những giọt sương nặng nom như những hạt đạn ghém đỏ rực, đè trĩu ngọn cỏ. Ngoài thảo nguyên, cỏ băng mọc cao hơn đầu gối. Lúa vụ đông trải ra đến tận chân trời như một bức tường xanh biếc. Những khoảnh ruộng cát xám tua tủa những ngọn ngô non như muôn ngàn mũi tên. Tới thượng tuần tháng 6, thời tiết đã đẹp đều, trời không gợi một bóng mây, và thảo nguyên nở hoa sau những trận mưa phơi mình ra lộng lẫy dưới ánh nắng. Giờ đây, thảo nguyên nom như một thiếu phụ đang nuôi con bú, xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp lắng dịu, hơi mệt mỏi và rạng rỡ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con.”

( Trích” Đất  vỡ hoang”- sôlôkhôp)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 3. Trong đoạn trích trên, nhà văn đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào? Nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

 Câu 4. bằng trải nghiệm văn học của bản thân, hãy lấy một ví dụ trong Văn Thơ thơ có sử dụng biện pháp tu từ mà em vừa tìm ở trên?.

**II.  Tập làm văn ( 14 điểm)**

**Câu 1.(4 điểm)**

Em hãy viết đoạn văn cảm nhận về đoạn thơ sau:

“ Cháu nằm trên lúa

  Tay nắm chặt bông

  Lúa thơm mùi sữa

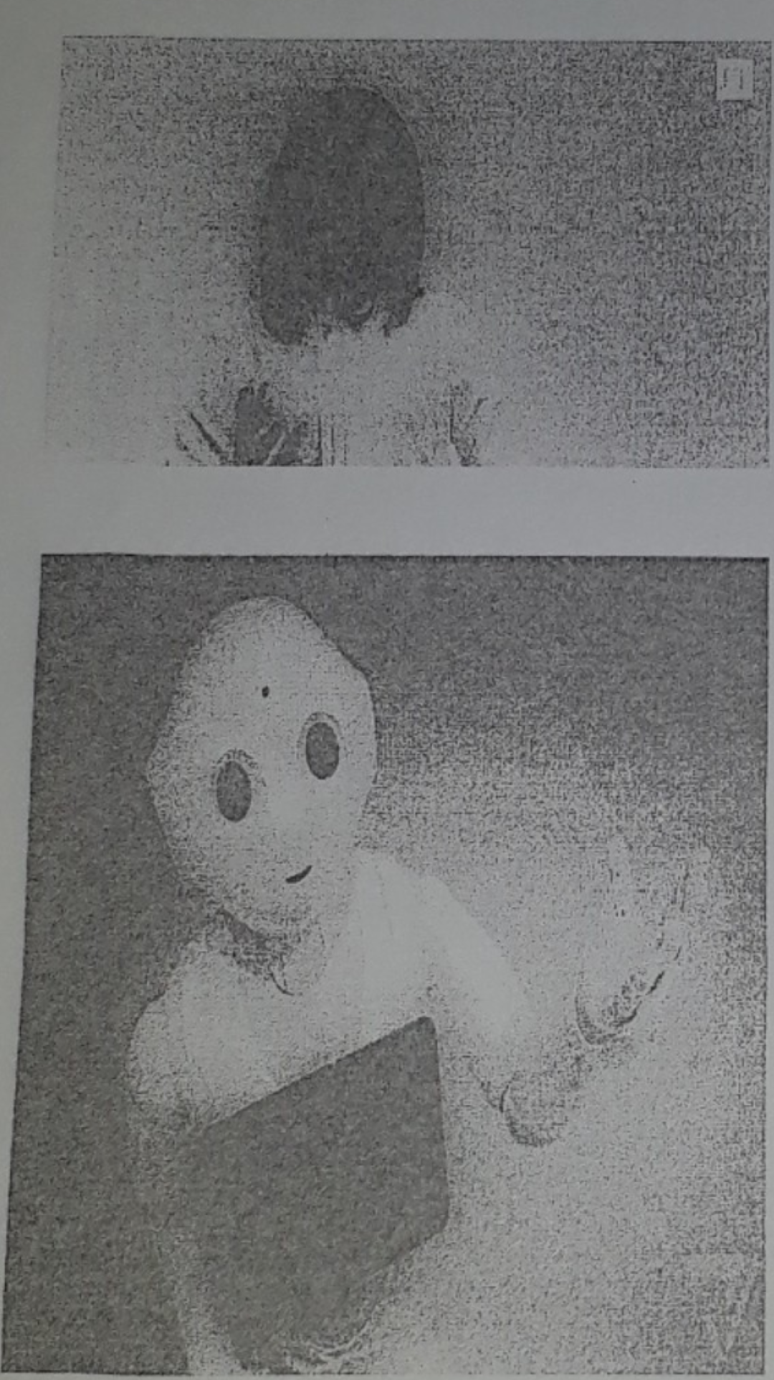
  Hồn bay giữa đồng…

  Lượm ơi, còn không?”

(  Trích “Lượm” -  Tố Hữu)

**Câu 2. (10 điểm)**

   Chúng ta đang bước vào cuộc sống với công nghệ máy móc tự động hóa cao. Một trong những điển hình tiêu biểu của khoa học công nghệ là phát minh ra người máy (robot). Từ phòng thí nghiệm cho đến các nhà máy, nhà hàng, bệnh viện,... rất nhiều robot đang hiện hữu trong cuộc sống hàng ngày. Dưới đây là hai ví dụ tiêu biểu:

  “ Cô người máy Chihira Aico -  Nhật Bản trông sống động như thật với làn da silicon mịn màng. Cô gái robot này hiện đang làm nhân viên lễ tân mitsukoshi, cửa hàng bách hóa lâu đời nhất của Nhật Bản. Với nụ cười thường trực trên môi  Chihira Aico không bao giờ tỏ vẻ chán nản khi chào đón khách hàng tới cửa hiệu.”

  “Chú robot Pepper có chiều cao 140 cm và được trang bị các bánh xe với khung thân hình màu trắng, có một màn hình gắn trên ngực và có đầu tròn. Mặc dù phát âm vẫn còn đôi chút rời rạc và các bước di chuyển chưa thật dứt khoát, nhưng người máy Pepper có thể nhận biết giọng nói của con người với 20 ngôn ngữ khác nhau, cũng như phân biệt được giọng nói của nam giới, nữ giới và trẻ nhỏ. Robot chịu trách nhiệm tiếp  đón người bệnh là trẻ em và người già nhà tại 2 Bệnh viện lớn là Estend và Liege của nước Bỉ”

 Em hãy tưởng tượng mình được đến nơi làm việc một trong hai người máy đáng yêu này và viết bài văn miêu tả lại hình ảnh của người máy và không khí nơi làm việc của họ?

-         Hết –

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **CÂU 1** | **PHẦN I: ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **Câu 1:**  phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn:  Miêu tả | 0.5 |
| **Câu 2:**  Nội dung chính của đoạn văn trên:   Vẻ đẹp của thảo nguyên vào mỗi buổi sớm bình minh và sau những trận mưa vào thượng tuần tháng 6. | 1.0 |
| **Câu 3:** Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, nhân hóa. | 0.5 |
| - Biện pháp so sánh:  + Sương trôi như sóng  + Những giọt sương lặn non như những hạt đạm ráng đỏ rực.  + Lúa vụ đông như bức tường thành xanh biếc  + Những ngọn ngô non như muôn ngàn mũi tên  + Thảo nguyên như một thiếu phụ đang cho con bú… | 1.25 |
| - Biện pháp nhân hóa:  + Đất - ngây ngất dưới ánh nắng  + Sương - lao ra ngoài đồi núi Thảo Nguyên  + Thảo nguyên - phơi mình lộng lẫy... xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp  lắng dịu, hơi mệt mỏi và rạng rỡ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con. | 0.75 |
| Tác dụng của biện pháp nghệ thuật: phép so sánh và nhân hóa  làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt; làm cho hình ảnh thiên nhiên thảo nguyên hiện lên cụ thể đẹp đẽ, lung linh, sống động, có tâm hồn sống ảnh và mang đậm hơi thở ấm áp của con người.  \* Chú ý: Học sinh có thể diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo đủ ý thì vẫn cho điểm tối đa. | 1.0 |
| **Câu 4:** Học sinh lấy chính xác một ví dụ trong văn thơ ( trong hoặc ngoài chương trình) có sử dụng một trong hai biện pháp so sánh nhân hóa. Nếu ví dụ do học sinh tạo sáng tạo viết ra diễn đạt hay có hình ảnh thì giáo viên có  thể linh động cho nửa số điểm. | 1.0 |
|  | **PHẦN II: LÀM VĂN** | **14.0** |
| **CÂU 1** | **CẢM THỤ VĂN HỌC** | **4.0** |
| **A. Yêu cầu về kỹ năng:**  Học sinh sinh viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt và trình bày tốt. | 0.5 |
| **B. Yêu cầu kiến thức:**   Đoạn văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trong cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |  |
| - Giới thiệu được đoạn thơ trích trong tác phẩm Lượm của nhà thơ Tố Hữu | 0.5 |
| - Đoạn thơ miêu tả hình ảnh Lượm lúc hi sinh, hình ảnh vừa hiện thực vừa lãng mạn. | 0.5 |
| - Sự ra đi nhẹ nhàng  thanh thản. Lượm như một thiên thần đang nằm ngủ. | 0.5 |
| - “Lúa thơm mùi sữa” quê hương như ôm ấp, ấp ru giấc ngủ dài cho  lượm. Linh hồn bé nhỏ và anh dũng đã hóa thân vào quê hương đất nước. | 0.75 |
| - Câu thơ “Lượm ơi còn không? ” được tách thành một khổ thơ riêng có hình thức là một câu hỏi tu từ -> diễn tả nỗi xót đau trước cái chết của Lượm, như không muốn tin rằng đó là sự thật. | 0.75 |
| - Đoạn thơ ca ngợi sự hi sinh cao đẹp và trở thành bất tử của  Lượm; bộc lộ niềm xót thương sâu sắc của tác giả. | 0.5 |
|  |  |
| **CÂU 2** |  | **10.0** |
| **A. Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:**  -  Hình thức: viết bài văn  miêu tả hoàn chỉnh.  - Lời văn trong sáng, lựa chọn điểm nhìn hợp lý,  thể hiện được khả năng nhưng năng lực hình dung, tưởng tượng, so sánh trong văn miêu tả thể hiện sáng tạo, trong cách dùng từ. | 1.0 |
| **B. Yêu cầu kiến thức:** | 9.0 |
| **1. Mở bài:** giới thiệu chung về người máy và hoàn cảnh mình được gặp một trong hai người máy. | 1.0 |
| **2.  Thân bài:** | 7.0 |
| -  Lý do em được đến nơi làm việc của một trong hai người máy. | 0.5 |
| -  Tả không gian nơi làm việc của người máy: nơi cửa hàng ( nếu viết về cô người máy Chihira Aicô hoặc nơi đón tiếp bệnh nhân Bệnh viện (  nếu viết về robot pepper)  + Tên cửa hàng bách hóa/ bệnh viện  + Miêu tả không gian, không khí nơi làm việc. | 1.0 |
| *-  Tả khái quát về người máy:*  Học sinh giới thiệu khái quát về người máy cái theo sự hiểu biết của mình, có thể theo hướng sau:  + Người máy robot: là sản phẩm khoa học công nghệ của ngành công nghiệp tự động hóa.  + Người máy được mô phỏng có hình dáng giống với con người, có thể hiểu và nói được nhiều ngôn ngữ khác nhau, sau làm được nhiều công việc như con người khi chẳng hạn như bán hàng, đón tiếp bệnh nhân... có người máy còn được công nhận quyền công dân. | 1.0 |
| * *Tả chi tiết:*   - Hình dáng, hành động, cách người máy giao tiếp với mọi người khi làm việc:   cụ thể:  + Chiều cao, khuôn mặt, tóc, cách ăn mặc,...  +  Hành động, cử chỉ cách giao tiếp   Nếu tả Chihira Aicô: tự di chuyển,  luôn niềm nở, tươi cười chào khách hàng…   Nếu tả Pepper: cử chỉ còn gượng gạo chưa tự nhiên, bước đi chưa dứt khoát nhưng có thể nhận biết được giọng nói con người, khi tiếp đón bệnh nhân là trẻ em và người già…. đặc biệt người máy  Chihira Aicô / Pepper luôn hiểu được và hướng dẫn tận tình khách hàng/ bệnh nhân.   Cô người máy  Chihira Aico - Nhật Bản trông sống động như thật với làn da silicon mịn màng. Cô gái robot này hiện đang làm nhân viên lễ tân Mitsukoshi, cửa hàng bách hóa lâu đời nhất của Nhật Bản. Với nụ cười thường trực trên môi  Chihira Aico không bao giờ tỏ vẻ chán nản khi chào đón khách hàng tới cửa hiệu.   Chú robot Pepper có chiều cao 140 cm và được trang bị các bánh xe với khung thân hình màu trắng, có một màn hình gắn trên ngực và có đầu tròn. Mặc dù phát âm vẫn còn đôi chút rời rạc và các bước di chuyển chưa thật dứt khoát, nhưng người máy Pepper có thể nhận biết giọng nói của con người với 20 ngôn ngữ khác nhau, cũng như phân biệt được giọng nói của nam giới nữ giới và trẻ nhỏ. Robot chịu trách nhiệm tiếp  đón người bệnh là trẻ em và người già nhà tại Bệnh viện. | 2.5 |
| *- Sự giao tiếp hoặc tình cảm thái độ của mọi người với người máy*  + Khách hàng/ Bệnh nhân đều coi người máy Chihira Aico/ Pepper đều được coi là những nhân viên thực sự  +  Khách hàng/ Bệnh nhân rất tin tưởng, ảnh tự nguyện xếp hàng để được phục vụ  +  Khách hàng/ Bệnh nhân ai cũng cảm thấy hài lòng và khi ra về họ không quên gửi lời chào, lời cảm ơn. | 1.0 |
| *- Cảm xúc sự giao tiếp của em với người máy.*  + Em rất ngưỡng mộ cô ( chú) người máy Chihira Aico/ Pepper.  + Cảm xúc của em khi được nói chuyện với người máy lần đầu tiên. (  học sinh tạo tình huống để giao tiếp với người máy)  + Em yêu quý và mong muốn được nói chuyện với  người máy Chihira Aico/ pepper và có ước mơ sau này có thể chế tạo được những người máy tuyệt vời như vậy ở Việt Nam. | 1.0 |
| 3. Kết bài:   Cảm nghĩ về người máy, cái suy nghĩ về sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, mong ước của bản thân... | 1.0 |
| *Thang điểm:* |  |

Đề 3:

ĐỀ BÀI

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Lặng rồi cả tiếng con ve*

*Con ve cũng mệt vì hè nắng oi*

*Nhà em vẫn tiếng ạ ời*

*Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru*

*Lời ru có gió mùa thu*

*Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về*

*Những ngôi sao thức ngoài kia*

*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

*(Mẹ*, Trần Quốc Minh, *Theo Thơ chọn và lời bình*, NXB Giáo dục, 2002)

**Câu 1 (0,5 điểm):** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2 (1,0 điểm):** Từ *“Bàn tay”* trong câu thơ *“Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về”* được hiểu theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

**Câu 3 (2,0 điểm):** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nhân vật ấy muốn bày tỏ tình cảm gì?

**Câu 4 (2,5 điểm):** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)**

**Câu 1 (4.0 điểm):** Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn *(khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng)* trả lời câu hỏi: ***Tại sao chúng taphải có lòng hiếu thảo.***

**Câu 3 (10.0 điểm**): Em hãy là nàng tiên Mùa Xuân để kể về thiên nhiên và con người mỗi khi Tết đến, xuân về.

---- H

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Hướng dẫn cụ thể:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **CÂU 1** | **PHẦN I. ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| 1.Thể thơ: Lục bát | 0.5 |
| 2. “Bàn tay” được hiểu theo nghĩa gốc. | 1.0 |
| 3. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người con đang bày tỏ  tình cảm biết ơn với người mẹ của mình. | 2.0 |
| 4. Biện pháp tu từ:  + Ẩn dụ: *“giấc tròn”*: Cách nói ẩn dụ “giấc tròn” không phải chỉ là giấc ngủ của con mà mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất cả tình yêu thương. | 1.0 |
| + So sánh: *“Mẹ là ngọn gió”:* Đây là một hình ảnh so sánh đặc sắc về mẹ: *“Mẹ là ngọn gió”* – ngọn gió mát lành làm dịu êm những vất vả trên đường, ngọn gió bền bỉ theo con suốt cuộc đời.  Hình ảnh thơ giản dị nhưng giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, sự hi sinh thầm lặng, bền bỉ suốt cuộc đời mẹ đối với con. | 1.5 |
| **PHẦN 2. TẠO LẬP VĂN BẢN** | | **14.0** |
| **CÂU 1** | **Nghị luận về lòng hiếu thảo** | **4.0** |
| **a.***Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn:* Mở đoạn giới thiệu vấn đề; Thân đoạn làm rõ vấn đề, triển khai được các ý rõ ràng; Kết đoạn khái quát được nội dung. | 0.5 |
| **b.** *Xác định đúng vấn đề:* Con người cần có lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. | 0.5 |
| **c**. *HS triển khai vấn đề cụ thể, rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác viết đoạn văn. Có thể trình bày theo định hướng sau:* | 1.0 |
| - Hiếu thảo là hành động đối xử tốt với ông bà, cha mẹ, luôn yêu thương họ. |  |
| - Lòng hiếu thảo là phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi ốm yếu, già cả. |  |
| ***\* Vì sao chúng ta cần phải có lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?***  - Ông bà, cha mẹ là người đã sinh ra ta, đã mang lại cuộc sống cho chúng ta.  - Họ là những người đã nuôi nâng, chăm sóc và dạy bảo chúng ta nên người.  - Sống hiếu thảo với ông bà, cha mẹ là thể hiện sống có trách nhiệm của mỗi người.  - Người có lòng hiếu thảo sẽ được mọi người yêu mến và quý trọng. Giá trị của bạn sẽ được nâng cao nếu sống có hiếu thảo.  - Lòng hiếu thảo gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, thể hiện tình yêu thương gia đình.  - Phê phán những người sống bất hiếu, vô lễ, đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi ông bà, cha mẹ. | **2.0** |
| **CÂU 2** | **Em hãy là nàng tiên Mùa Xuân để kể về thiên nhiên và con người mỗi khi Tết đến, xuân về.** | **10.0** |
| **1, Yêu cầu chung:**  - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh.  - Biết vận dụng kĩ năng tự sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm.  - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | 1.0 |
| **2, Yêu cầu cụ thể:**  Học sinh có thể làm theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo  những nội dung cơ bản sau: |  |
| **\* Mở bài:**  - Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc (hóa thân thành nàng tiên Mùa xuân để kể về thiên nhiên và con người dịp Tết đến, xuân về). | **1.0** |
| **\* Thân bài:** | **7.0** |
| - Mùa xuân mang lại vẻ đẹp, khơi dậy sức sống cho thiên nhiên, đất trời: | **3.0** |
| + Mùa xuân đến, tiết trời ấm áp hơn, bầu trời trong sáng hơn, mặc dù, thỉnh thoảng, trong mưa xuân vẫn có cả cái lành lạnh của mùa đông mang lại. | 1.5 |
| + Cảm nhận được sự sống đang sinh sôi, nảy nở của hạt mầm, nhìn thấy sự vươn dậy của lộc non, chồi biếc, nhìn thấy sắc màu rực rỡ của những cành đào, những bông hoa ngày Tết và cảm nhận được cái ngào ngạt của hương xuân. | 1.5 |
| - Mùa xuân mang lại niềm vui cho con người: | **4.0** |
| + Cảm thấy rất vui mỗi dịp Tết đến vì được tận mắt chứng kiến biết bao niềm vui, niềm hạnh phúc của con người: gia đình đoàn tụ, sum họp sau một năm tất bật, rộn ràng với công việc làm ăn, với cuộc sống. | 1.5 |
| + Cảm thấy vui hơn khi biết rằng mình đã khơi dậy sức sống trong lòng người, làm cho con người thêm yêu cảnh vật, làm cho tâm hồn con người trong sáng hơn, ấm áp hơn. | 1.5 |
| + Mùa xuân còn biết gieo vào lòng người mơ ước về một tương lai tươi sáng, một ngày mai tốt đẹp. | 1.0 |
| **\* Kết bài:**  - Tình cảm của Mùa xuân với thiên nhiên và con người | **1.0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đề 6:

ĐỀ BÀI

**I. Đọc- hiểu ( 6,0 điểm):** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:

*“ Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều tỏa xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.”*

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

**Câu 1. ( 1.0 điểm):** Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là gì?

**Câu 2. ( 1.0 điểm):** Xác định các từ láy trong đoạn văn?

**Câu 3. ( 2.0 điểm):**Xác định các thành phần câu trong câu văn sau:

*“Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông.”*

**Câu 4. ( 2.0 điểm):** Phép tu từ nhân hóa trong đoạn văn trên được tạo ra bằng cách nào? Tác dụng của phép tu từ ấy?

**II.Tạo lập văn bản. (14 điểm)**

**Câu 1. ( 4.0 điểm):** Viết đoạn văn miêu tả về cảnh vật nơi em ở sau cơn mưa mùa hạ.

( Đoạn văn dài khoảng 15 đến 20 dòng)

**Câu 2. ( 10 điểm):** Sau một đêm mưa to, gió lớn. Sáng hôm sau người ta thấy ở tổ chim chót vót trên cành cây cao, chim mẹ giũ lông, giũ cánh cho mau khô rồi khẽ nhích ra ngoài. Tia nắng ấm vừa vặn rơi xuống đúng chỗ chim non đang ngái ngủ, lông cánh vẫn còn khô nguyên.

Em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đã xảy ra với hai mẹ con nhà chim trong đêm mưa gió ấy.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
| **Phần** | **Nội dung kiến thức cần đạt** | **điểm** |
| **Đọc hiểu**  **(6*.0đ*)** | **Câu 1**. Văn bản đã cho được viết theo phương thức biểu đạt tự sự kết hợp vớimiêu tả. | 1,0 |
| **Câu 2**. Các từ láy là: mênh mông, tấp nập, xơ xác, cãi cọ, vêu vao, bì bõm. | 1,0 |
| **Câu 3**. Xác định thành phần câu *(xác định đúng mỗi thành phần cho 0,5 đ):*  *Mấy hôm nọ,trờimưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt,*  TN CN VN TN  *nướcdâng trắng mênh mông.*  CN VN | 2,0 |
| **Câu 4.** *- Phép tu từ được tạo ra bằng cách:*  + Dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hành động, tính chất của vật: (cua cá) *tấp nập*; (cò,sếu, vạc, cốc…) *cãi cọ om sòm*. Tôi (Dế Mèn) *suy nghĩ việc đời…*  + Dùng từ vốn để gọi người để gọi vật: *họ* (cò, sếu, vạc, cốc…); *anh* (Cò); *tôi* (Dế Mèn).  *- Tác dụng:* Làm cho thế giới loài vật trở nên gần gũi, biểu thị được những tình cảm suy nghĩ của con người, như con người. | 2.0 |
| **Tạo lập vb**  (*1****0 đ)*** | **Câu 1.**  *1. Yêu cầu về kĩ năng:* học sinh trình bày đúng thể thức đoạn văn miêu tả có thể kết hợp biểu cảm, tự sự, diễn đạt trôi chảy, không sai chỉnh tả …. đảm bảo độ dài khoảng 15 đến 20 dòng.  *2. Yêu cầu cơ bản về kiến thức: HS v*iết đoạn văn miêu tả về cảnh vật nơi em ở sau cơn mưa mùa hạ.  - HS biết lựa chọn các hình ảnh phù hợp với thời điểm sau cơn mưa mùa hạ  + Thiên nhiên: Nước chảy tràn các bờ ruộng, tràn qua cả đường đi, nước cuốn vào các cống nghe òng ọc. Bầu trời cao rộng, quang đãng, trong xanh, vài đám mây, mặt trời hé nắng. Từng đàn chim chao liệng, bày mối cánh, bướm vàng, bướm xanh bay lượn, gà mẹ dắt gà con đi kiếm mồi. Cây cối tỉnh táo, khoan khoái rung rinh trong gió, trên tán lá vẫn đọng những giọt nước long lanh ….  + Hoạt động của con người: Mấy cậu bé đuổi trâu ra đồng, các bác nông dân tiếp tục công việc đang dang dở, người đi úp nơm, người đi câu cá, trên đường xe cộ đi lại đông đúc … | 1.0  3.0 |
| ***Câu 2***  ***(10đ)*** | **a - Hình thức**: HS viết thành một bài tập làm văn kể chuyện tưởng tượng hoàn chỉnh.  **- Ngôi kể**: Ngôi 3.  **b - Nội dung:**Kể được những sự việc xảy ra với hai mẹ con nhà chim trong đêm mưa gió. | *1.0* |
| **\* Mở bài**- Dẫn dắt: Giới thiệu về tổ chim nhỏ chót vót trên cành cây cao và hai mẹ con nhà chim...  - Giới thiệu câu chuyện sẽ kể: Sau một đêm mưa như trút nước, sáng ra thấy chim con lông cánhvẫn khô nguyên, trong khi chim mẹ dáng vẻ mệt mỏi, lông cánh ướt sũng... | *1.5* |
| **\* Thân bài: HS kể diễn biến câu chuyện dựa trên các gợi ý như sau:**  - Cảnh trời mưa: Miêu tả trời mưa to bất ngờ qua các hình ảnh như bầu trời, sấm chớp...  - Sự mỏng manh của tổ chim trước cơn mưa gió... nỗi lo của chim mẹ ... sự sợ hãi của chim con...  - Những nguy hiểm xảy ra trong đêm mưa gió, sự vất vả, can đảm, vững vàng của chim mẹ khi phải gắng sức để bảo vệ tổ, bảo vệ chim con...  - Sau đêm mưa gió, nguy hiểm đã qua đi, chim con vẫn ngủ ngon lành và không bị ướt; chim mẹ mệt mỏi nhưng lòng ngập tràn hạnh phúc... | *1.0*  *2.0*  *2.0*  *1.0* |
| **\*Kết bài** - Bày tỏ những suy nghĩ của em về sự can đảm, vững vàng cũng như đức hy sinh cao cả của chim mẹ ...  - Ý nghĩa câu chuyện: Khẳng định vẻ đẹp của tình mẫu tử qua câu chuyện của hai mẹ con nhà chim ... | *1.5* |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Đề 13:

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1 (4,0 điểm)**

Viết đoạn văn khoảng 8-10 câu trình bày suy nghĩ của em về nhân vật người anh (Truyện *Bức tranh của em gái tôi* – Tạ Duy Anh, Ngữ văn Lớp 6, Tập II) qua đoạn văn sau:

*“Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.*

**Câu 2 (6,0 điểm)**

Cho đoạn thơ sau:

*Những ngôi sao thức ngoài kia*  
*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*  
*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*

(*Mẹ* – Trần Quốc Minh)

a. Chỉ ra các phép so sánh trong đoạn thơ trên. Cho biết chúng thuộc những loại so sánh nào?

b. Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về tác dụng gợi hình, gợi cảm của những phép so sánh ấy.

**Câu 3 (10,0 điểm)**

***Chiếc bình nứt***

*Một người có hai chiếc bình lớn để chuyển nước. Một chiếc bình bị nứt nên khi gánh từ giếng về, nước trong bình chỉ còn một nửa. Chiếc bình lành rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc bình nứt luôn thấy dằn vặt, cắn rứt vì không hoàn thành nhiệm vụ.*

*Một ngày nọ, chiếc bình nứt nói với người chủ:…*

Em hãy tưởng tượng và viết tiếp câu chuyện trên.

**......................Hết.....................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(4,0 đ )** | **Viết đoạn văn khoảng 8-10 câu trình bày suy nghĩ của em về nhân vật người anh (Truyện *Bức tranh của em gái tôi* – Tạ Duy Anh, Ngữ văn Lớp 6, Tập II) qua đoạn văn.** |  |
| ***\* Về hình thức:*** Viết đúng yêu cầu 1 đoạn văn. | 1,0 |
| ***\* Về nội dung:*** Bài viết đảm bảo các ý sau***:***  ***-*** Người anh không trả lời mẹ vì quá ngạc nhiên và bất ngờ trước vẻ đẹp của bức tranh và tài năng của em gái mình.  ***-*** Người anh muốn khóc vì quá xúc động và xấu hổ với sự đố kỵ, cố tình xa lánh của mình đối với em gái trước đây.  ***-*** Người anh cảm thấy đó không phải là bức tranh vẽ mình vì hình ảnh trong bức tranh quá đẹp, trong sáng và ngoài sức tưởng tượng của người anh.  ***-*** Người anh hiểu rằng chính lòng nhân hậu của em gái là cơ sở để tạo nên tài năng.  ***-*** Câu nói thầm của người anh thể hiện sự hối hận chân thành, ăn năn, bị thuyết phục, tự nhận thức về bản thân cũng như về em gái của mình. | 0,5  0,5  0,5  0,5  1,0 |
| **Câu 2**  **(6,0 đ)** | **a. Chỉ ra các phép so sánh trong đoạn thơ trên. Cho biết chúng thuộc những loại so sánh nào?**  – Chỉ đúng các phép so sánh  *+ Những ngôi sao thức ngoài kia*  *Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*  *+ Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*  – Xác định đúng kiểu so sánh  + *Những ngôi sao thức ngoài kia Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*:  là kiểu so sánh hơn kém  + *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*:  là kiểu so sánh ngang bằng | **3,0**  2,0  1,0 |
| **b. Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về tác dụng gợi hình, gợi cảm của những phép so sánh ấy.**  – Yêu cầu học sinh viết đúng một đoạn văn cảm nhận với nội dung cơ bản sau:  + Phép so sánh hơn kém “*Những ngôi sao thức ngoài kia”/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con”* nhấn mạnh thời gian thức vì con nhiều hơn thời gian ” thức” của ngôi sao, của thiên nhiên.  + Phép so sánh ngang bằng “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*” khẳng định tình mẹ, vai trò quan trọng của mẹ với cuộc đời của con.  + Lòng biết ơn mẹ sâu sắc của con. | **3,0**  1,0  1,0  1,0 |
| **Câu 3**  **(10,0 đ)** | **A. Yêu cầu về kĩ năng:**  Học sinh biết cách làm bài văn kể chuyện sáng tạo. Bố cục rõ ràng, mạch lạc. Lựa chọn ngôi kể phù hợp, kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài. | **1,0** |
| **B. Yêu cầu về kiến thức:**  Học sinh có nhiều cách xây dựng cốt truyện sáng tạo, các sự việc logic, lời thoại hợp lí, đan xen yếu tố miêu tả, biểu cảm, câu chuyện kể thể hiện một ý nghĩa, một bài học nào đó trong cuộc sống. |  |
| ***1. Mở bài:***  **Chiếc bình nứt**  *Một người có hai chiếc bình lớn để chuyển nước. Một chiếc bình bị nứt nên khi gánh từ giếng về, nước trong bình chỉ còn một nửa. Chiếc bình lành rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc bình nứt luôn thấy dằn vặt, cắn rứt vì không hoàn thành nhiệm vụ.* | **1,0** |
| ***2. Thân bài:***  *Một ngày nọ, chiếc bình nứt nói với người chủ: ……*  ***\* Cách 1:***  ***-*** Bình nứt tâm sự chân thành với ông chủ về khuyết điểm của mình, tự trách mình vì trong suốt thời gian qua không giúp ích được gì cho ông chủ. Tâm trạng buồn bã, thất vọng về bản thân.  ***-*** Rất may mắn nó gặp được ông chủ tốt bụng, biết cảm thông chia sẻ, biết cổ vũ động viên khích lệ để bình nứt cố gắng.  ***-*** Ông chủ động viên khích lệ bằng cách: Mở một cuộc thi tài giữa chiếc bình nứt và chiếc bình lành.  ***-*** Diễn biến cuộc thi.  ***-*** Kết quả cuộc thi: Bình nứt luôn cần mẫn, nỗ lực cố gắng vươn lên và chiến thắng, bình lành quá tự tin về bản thân nên chủ quan kiêu ngạo và thất bại. | **7,0**  1,0  1,0  1,0  2,0  2,0 |
| **\* Cách 2:**  **-** Bình nứt tâm sự chân thành với ông chủ về khuyết điểm của mình, tự trách mình vì trong suốt thời gian qua không giúp ích được gì cho ông chủ.  **-** Ông chủ tốt bụng, có mắt tinh tế và óc sáng tạo lãng mạn đã biết cách chuyển điều hạn chế của bình nứt thành thế mạnh bằng cách gieo hạt giống hoa bên phía con đường chiếc bình nứt hàng ngày vẫn qua (Hoặc ông chủ trồng hoa trên chính chiếc bình nứt).  **-** Ngày qua ngày, tháng qua tháng …..những cây hoa mọc lên, đón nắng mai, khí trời rồi kết nụ, nở hoa làm đẹp cho con đường, làm đẹp cho ngôi nhà -> bình nứt yêu đời, tự tin, luôn nỗ lực vươn lên, nhận ra vẻ đẹp, ý nghĩa của cuộc sống.  **-** Còn chiếc bình lành luôn tự tin về bản thân, coi mình hoàn hảo, không nỗ lực vươn lên, không cẩn trọng. Một ngày kia gặp tình huống không may bị nứt, mẻ, xấu xí. Sống buông xuôi, bất lực, thu mình. | 1,5  1,5  2,0  2,0 |
| ***3. Kết bài:***  Mỗi người trong chúng ta đều có những hạn chế riêng, luôn nỗ lực vươn lên để hoàn thiện bản thân làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. | **1,0** |
|  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đề 14:

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1 (4.0 điểm)**

Đọc kĩ đoạn văn sau rồi thực hiện những yêu cầu bên dưới:

*“Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy, bẹ măng bọc kín thân cây non ủ kỹ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ?”.*

( *Ngô Văn Phú*)

a) Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên.

b) Trình bày giá trị diễn đạt của của những biện pháp tu từ đó.

**Câu 2 ( 6.0 điểm)**

Trong văn bản “ *Buổi học cuối cùng*” của An- phông -xơ Đô - đê ( SGK Ngữ văn 6- T2), trước khi chia tay các em học sinh thân yêu của mình, thầy Ha- men đã nói: “... *khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù...”.*

Hãy trình bày cảm nhận của em về lời nói trên bằng một đoạn văn ngắn.

**Câu 3 ( 10.0 điểm)**

Trong thiên nhiên, có những sự biến đổi thật kì diệu: *mùa đông, lá bàng chuyển sang màu đỏ rồi rụng hết; sang xuân, chi chít những mầm non nhú lên, tràn trề nhựa sống.*

Em hãy tưởng tượng và viết thành một câu chuyện có các nhân vật: ***Cây Bàng,Đất Mẹ, Lão già Mùa Đông, Nàng tiên Mùa Xuân*** để gợi tả điều kì diệu ấy của thiên nhiên.

------------------ Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  **( 4.0 đ)** | **a)*Yêu cầu chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật:***  - So sánh: (măng trồi lên như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy; ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt)  - Nhân hóa ( áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt) | **2.0**  1.0  1.0 |
| **b)*Trình bày được giá trị diễn đạt của các biện pháp nghệ thuật như sau:***  - Khơi gợi được hình ảnh mầm măng mạnh mẽ, đầy sức sống …  - Làm cho hình ảnh mầm măng hiện lên sống động, có hồn….  - Thể hiện rõ tình cảm của người miêu tả: Không chỉ quan sát mầm măng bằng thị giác mà còn cảm nhận nó bằng sự rung động của một tâm hồn đồng cảm….  ***\* Lưu ý:***  *- Thí sinh có thể trình bày giá trị diễn đạt của từng biện pháp tu từ hoặc có thể trình bày chung. Giám khảo linh hoạt cho mức điểm phù hợp.*  *- Khuyến khích những bài làm thí sinh chỉ ra được những đặc sắc nghệ thuật khác như: sử dụng từ ngữ giàu giá trị gợi tả, sử dụng câu hỏi tu từ, đảo ngữ…* | **2.0**  0.75  0.75  0.5 |
| **Câu 2**  **( 6.0 đ)** | **\* Yêu cầu về kĩ năng:**  - Thí sinh phải biết xây dựng thành một đoạn văn, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, ít mắc lỗi về dùng từ, đặt câu…  - Nếu học sinh không viết thành một đoạn văn thì giám khảo không cho điểm. | **0.5** |
| **\* Yêu cầu về kiến thức:**  Thí sinh có thể có những cách diễn đạt khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý sau:  - Đây chính là điều tâm niêm của thầy Ha- men về giá trị và sức mạnh của tiếng nói dân tộc (tiếng nói không chỉ là tài sản quý báu mà còn là phương tiện quan trọng để đấu tranh giành độc lập, tự do, là linh hồn của dân tộc ).  - Khẳng định một chân lí: Giữ được tiếng nói là giữ được độc lập, tự do còn mất tiếng nói dân tộc là mất độc lập, tự do.  - Thể hiện rõ tình cảm của thầy Ha- men đối với tiếng nói dân tộc: giữ gìn, nâng niu, tự hào…  - Khơi dậy tình cảm của mọi người đối với tiếng nói dân tộc mình. Liên hệ với bản thân tình yêu tiếng nói dân tộc, tình yêu tổ quốc, quê hương mình …. | **5.5**  1.5  2.0  1.0 |
| **Câu 3**  **(10.0đ)** | **\* Yêu cầu chung:**  - Thí sinh cần viết đúng thể loại văn tự sự - kể chuyện tưởng tượng, có bố cục rõ ràng, lời văn trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt; cách kể chuyện tự nhiên, lời thoại hợp lí…  - Thí sinh phải kể được câu chuyện tưởng tượng về sự biến đổi kì diệu của thiên nhiên với sự xuất hiện của các nhân vật: Cây Bàng, Đất Mẹ, Lão già Mùa Đông, Nàng tiên Mùa Xuân . | **1.0** |
| **\* Yêu cầu cụ thể:**  **1. Mở bài:**  Giới thiệu chung về câu chuyện mình định kể.  + Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  + Ấn tượng chung về câu chuyện đó. | **0.5** |
| **2. Thân bài**:  Kể lại diễn biến của câu chuyện:  - Lão già Mùa Đông: già nua, xấu xí, cáu kỉnh, xuất hiện mang theo cái rét như cắt da, cắt thịt. Hoạt động của lão: len lách vào từng đường thôn ngõ xóm, lão leo lên tất cả cây cối trong vườn…Lão đi đến đâu, tàn sát không thương tiếc đến đó, khiến mọi vật đều vô cùng run sợ...  - Hình ảnh Cây Bàng về mùa đông: bị lão già Mùa Đông đến hành hạ, lão bẻ từng chiếc lá khiến cành cây trơ trụi, gầy guộc, run rẩy, cầu cứu Đất Mẹ...  - Đất Mẹ: hiền hậu nhân từ, điềm đạm, dịu dàng động viên Cây Bàng dũng cảm chờ đợi Nàng tiên Mùa Xuân đến và dồn chất cho cây...  - Nàng tiên Mùa Xuân xuất hiện: trẻ trung, tươi đẹp, dịu dàng, mang theo những tia nắng ấm áp xua đi cái lạnh giá của mùa đông. Mọi vật đều vui mừng phấn khởi khi Nàng tiên Mùa Xuân đến. Cây cối như được hồi sinh, trăm hoa khoe sắc….Cây Bàng đâm chồi nảy lộc….Tất cả như được tiếp thêm sức mạnh, tràn trề nhựa sống….  - Cây Bàng cảm ơn Đất Mẹ, cảm ơn Nàng tiên Mùa Xuân… | **8.0**  2.0  1.5  1.5  2.0 |
| **Kết bài:**  **-** Suy nghĩ về câu chuyện vừa kể.  **-** Bài học từ câu chuyện (Cần có nghị lực vươn lên trong cuộc sống. Biết quan tâm giúp đỡ lẫn nhau đặc biệt khi khó khăn hoạn nạn). | **0.5** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đề 22:

**ĐỀ BÀI**

**I. Phần Đọc hiểu (6,0 điểm):**

**Hãy đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu**

*“Sang năm con lên bảy  
Cha đưa con đến trường  
Giờ con đang lon ton  
Khắp sân vườn chạy nhảy  
Chỉ mình con nghe thấy  
Tiếng muôn loài với con.  
  
Mai rồi con lớn khôn  
Chim không còn biết nói  
Gió chỉ còn biết thổi  
Cây chỉ còn là cây  
Đại bàng chẳng về đây  
Đậu trên cành khế nữa  
Chuyện ngày xưa, ngày xửa  
Chỉ là chuyện ngày xưa.  
  
Đi qua thời ấu thơ  
Bao điều bay đi mất  
Chỉ còn trong đời thật  
Tiếng người nói với con  
Hạnh phúc khó khăn hơn  
Mọi điều con đã thấy  
Nhưng là con giành lấy  
Từ hai bàn tay con.”*

( “***Sang năm con lên bảy***” - Vũ Đình Minh )

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu nội dung chính bài thơ. (1,0 điểm)

2. Giải nghĩa từ “đi” trong câu thơ “*Đi qua thời ấu thơ*”. Từ “đi” thuộc loại từ nào? (0,5 điểm)

3.Qua đoạn thơ người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ giã thời thơ ấu? (1,0 điểm)

4.Cảm nhận sâu sắc của em về bài thơ trên (3,0 điểm)

**II. Phần Làm văn (14 điểm):**

**Câu 1 (4,0 điểm):**

Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận, trách nhiệm của con cái với cha mẹ.

**Câu 2 (10 điểm):**

Cho bài thơ sau:

*Em có nghe tiếng xuân về gõ cửa*

*Mang nồng nàn theo gió đón mùa sang*

*Tiếng bầy chim đang ríu rít gọi đàn*

*Từng nhành lá mướt non màu áo mới*

*Em có nghe xuân về vui phơi phới*

*Bao nụ cười tươi mới rạng trên môi*

*Khắp không gian rộn rã như gọi mời*

*Phố náo nức dòng người như trẩy hội*

**(** Nguyễn Hưng, ***Tiếng xuân về*** )

Dựa vào ý bài thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy viết thành một bài văn miêu tả: **Buổi sáng mùa xuân.**

*………… HẾT………*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC** - **HIỂU** | **6,0** |
| **1** | - Thể thơ: năm chữ (ngũ ngôn)  - Nội dung: Bài thơ là lời người cha muốn nhắn nhủ với con của mình. Khi con lên bảy tuổi, con sẽ đi học, những truyện cổ tích và thế giới trẻ thơ sẽ nhường bước cho một thế giới mới, nhiều khó khăn nhưng cũng đầy thú vị mà tự con sẽ khám phá. | **0,5**  **0,5** |
| **2** | - Phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là biểu cảm  - Vì bài thơ thể hiện rõ tình cảm của người cha với con. | **0,25**  **0,25** |
| **3** | - Nghĩa của từ “đi”: quãng thời gian trong thời ấu thơ của người con.  - Từ “*đi”*trong câu thơ “*Đi qua thời ấu thơ*” được hiểu theo nghĩa chuyển.=> Từ “đi” là từ nhiều nghĩa. | **0,25**  **0,25** |
| **4** | Khi lớn lên và từ giã thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Con phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. | **1,0** |
| **5** | ***Học sinh bày tỏ cảm nhận sâu sắc của mình về bài thơ***.  Hình thức: đoạn văn.  Nội dung: cần hướng tới bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về sự quan tâm, chăm lo của người cha dành cho con khi con bắt đầu đi học.Khi lớn lên và từ giã thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Để có được hạnh phúc con phải vất vả khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. Nhưng hạnh phúc của con giành được trong cuộc đời thực sẽ thật sự là của con (do chính công sức lao động và khối óc của con làm ra) sẽ đem đến cho con niềm tự hào kiêu hãnh. | **3,0** |
| **II** | **LÀM VĂN** | **14,0** |
| **Câu 1** | **Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận, trách nhiệm của con cái với cha mẹ.** | **4,0** |
|  | **I.Yêu cầu về kĩ năng**: Thí *sinh biết viết đoạn văn; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.*  **II**. **Yêu cầu về kiến thức**: *Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau:*  - Khẳng định công lao to lớn của cha mẹ trong việc sinh thành, nuôi dưỡng con cái.  - Con cái cần làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành. Khi còn nhỏ, bổn phận của con cái là phải biết vâng lời cha mẹ, chăm chỉ học tập rèn luyện để cha mẹ được vui lòng. Khi con cái dần trưởng thành cũng là lúc cha mẹ ngày càng già yếu đi, đây chính là lúc những người làm con cần làm làm tròn chữ hiếu của mình, đó là phải phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo cho cha mẹ của mình, có như vậy mới làm tròn chữ hiếu của đạo làm con.  - Phê phán những người con không làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ. | **1,0**  **2,0**  **1,0** |
| **Câu 2** | **Dựa vào ý bài thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy viết thành một bài văn miêu tả: Buổi sáng mùa xuân.** | **10,0** |
|  | **Yêu cầu kĩ năng**: HS có kĩ năng viết bài miêu tả sáng tạo  - Biết xác định đúng vấn đề miêu tả : buổi sáng mùa xuân  - Có bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài mạch lạc, văn phong trong sáng, từ ngữ được dùng gợi hình, gợi âm thanh và có sức biểu cảm. | **1,0** |
|  | **Yêu cầu kiến thức:**Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau song phải biết dựa vào phần gợi dẫn của đề . Sau đây là định hướng các ý cơ bản:  *1.* ***Mở bài:***  Giới thiệu chung về cảm nhận của bản thân về buổi sáng mùa xuân trên quê hương.  ***2.Thân bài:***  **(*Dựa vào ý bài thơ và tên bài thơ để tập trung miêu tả cảnh*** buổi sáng mùa xuân trên quê hương.**).**  **\* Cảnh vật mùa xuân** - Bầu trời trong xanh: cao hơn, rộng hơn sau những ngày động âm u, lạnh giá. - Những đám mây xanh vắt bay lượn trên bầu trời.  - Không khí: ấm áp  - Mưa xuân: lất phất, dịu dàng/ (Hoặc: Nắng xuân: ấm áp chiếu xuống vạn vất như muốn đánh thức tất cả...)  - Gió xuân: nhẹ nhẹ, mơn man,... **\* Tả bao quát mùa xuân** - Nhìn đâu đâu cũng thấy phấn khỏi và tươi vui - Con đường trải dài sắc xuân - Không gian như chìm đắm trong hương xuân **\* Tả chi tiết mùa xuân** - Con người ai cũng vui vẻ, phấn khởi, tràn đầy ước mơ, hi vọng,... - Ai ai cũng ra đường với tâm trạng mừng vui - Cây cối đua nhau nở rộng - Chim choc ríu tít kêu - Khắp nơi đều rộn rang sắc xuân - Những cô cậu nhỏ háo hứng được mặc đồ mới - Những người lao động sẽ có một kì nghĩ dài ***3. Kết bài***  - Nhận xét và cảm nghĩ về bức tranh buổi sáng mùa xuân trên quê hương. | **1,0**  **2,0**  **1,0**  **3,0**  **1,0** |
|  | **c. Sáng tạo**: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật. | **0,5** |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp**: đảm bảo các qui tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa, tiếng việt. | **0,5** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Đề 44:

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: (3 điểm**)

Trong bài thơ “Lượm” (Ngữ văn 6, tập II) Tố Hữu đã viết:

*…Cháu nằm trên lúa*

*Tay nắm chặt bông*

*Lúa thơm mùi sữa*

*Hồn bay giữa đồng …*

*Lượm ơi, còn không?*

Hãy viết đoạn văn từ 8-10 câu trình bày cảm nhận của em về sự hy sinh của Lượm.

**Câu 2: (5 điểm)**

Suy nghĩ của em về nội dung mẩu chuyện sau:

*“Gia đình nọ rất quý mến ông lão mù nghèo khổ và rách rưới - người hàng tuần vẫn mang rau đến bán cho họ. Một hôm, ông lão khoe: “ Không biết ai đã để trước cửa nhà của tôi một thùng quần áo cũ”. Gia đình biết ông lão cũng thiếu thốn nên rất vui: “Chúc mừng ông! Thật là tuyệt!” Ông lão mù nói: “Tuyệt thật! Nhưng tuyệt nhất là vừa đúng lúc tôi biết có một gia đình thực sự cần quần áo đó hơn tôi*”

(Phỏng theo *Những tấm lòng cao cả*)

**Câu 3: (12 điểm)**

Trong mơ em lạc vào thế giới cổ tích kỳ diệu. Ở đó em gặp chàng dũng sỹ Thạch Sanh và chàng đã tặng cho em cây đàn thần. Với cây đàn thần em đã làm được nhiều việc có ích cho cuộc sống. Tưởng tượng và viết lại câu chuyện cổ tích của riêng mình

--------------------------------------Hết-----------------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | **Học sinh viết đoạn văn nêu được các ý sau:** | **3.0đ** |
| - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu khái quát nội dung đoạn thơ | **0.5** |
| - Tác giả sử dụng các động từ, tính từ gợi tả để khắc họa đậm nét tư thế hy sinh của Lượm vừa hiện thực, vừa lãng mạn | **0.5** |
| - Lượm ngã xuống trên đồng lúa quê hương, tay nắm chặt bông lúa như muốn níu lấy quê hương, níu lấy tuổi trẻ và sự sống của mình. | **0.5** |
| - Đất quê hương, “lúa thơm mùi sữa” của quê hương như ôm ấp, ru giấc ngủ dài cho Lượm. Linh hồn bé nhỏ và anh hùng ấy đã hóa thân vào quê hương, đất nước | **0.5** |
| - Câu thơ “Lượm ơi, còn không?” được tách thành một khổ thơ riêng như một câu hỏi vừa đau xót, vừa ngỡ ngàng như không muốn tin rằng Lượm đã không còn nữa. Vừa có tác dụng nhấn mạnh, hướng người đọc suy nghĩ về sự còn hay mất của Lượm. | **0.5** |
| - Khẳng định Sự hi sinh của chú bé liên lạc đã trở thành bất tử trong lòng tác giả và mỗi chúng ta. | **0.5** |
| **2** | **HS viết đoạn văn hoặc bài văn suy nghĩ về nội dung mẩu chuyện** | **5.0đ** |
| Kĩ năng- Trình bày suy nghĩ thành một đoạn văn hoặc bài văn ngắn.  - Diễn đạt lưu loát. | 1.0 |
| 2, Nội dung  Bài viết có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng đại thể nêu được các ý sau: |  |
| - Đây là câu chuyện cảm động về tình yêu thương, sự quan tâm chia sẻ đối với những người bất hạnh, nghèo khổ. Câu chuyện thể hiện tình thương của gia đình nọ với ông lão mù, nghèo khổ và đặc biệt là tình thương của ông lão với những người khác bất hạnh hơn mình. Đối với ông lão, những bộ quần áo cũ là món quà mà ai đó đã trao tặng cho mình nhưng món quà ấy còn quý giá hơn khi mà ông trao nó cho người khác - những người thực sự cần nó hơn ông. Trong con người nghèo khổ, mù lòa ấy là cả một tấm lòng nhân ái, một tâm hồn trong sáng, cao đẹp. Đối với ông lão, được giúp đỡ người khác như một bất ngờ thú vị của cuộc sống, là niềm vui, niềm hạnh phúc; | 1.0 |
| + Ngay cả khi phải sống cuộc sống nghèo khổ hay chịu sự bất hạnh thì con người vẫn cần sự quan tâm đến người khác, nhất là những người nghèo khổ, bất hạnh hơn mình. | 1.0 |
| + Tình thương yêu giữa con người với con người là không phân biệt giàu nghèo giai cấp… | 0.5 |
| **Nêu bài học sâu sắc về tình thương**:  + Được yêu thương, giúp đỡ người khác là niềm vui, nguồn hạnh phúc, ý nghĩa của sự sống và cách nâng tâm hồn mình lên cao đẹp hơn. | 0.5 |
| + Đừng bao giờ thờ ơ, vô cảm trước nỗi khổ đau, bất hạnh của người khác và cũng đừng vì nghèo khổ hay bất hạnh mà trở nên hẹp hòi, ích kỷ, sống trái với đạo lý con người: Thương người như thể thương thân. | 0.5 |
| - Xác định thái độ của bản thân: đồng tình với thái độ sống có tình thương và trách nhiệm với mọi người, khích lệ những người biết mở rộng tâm hồn đề yêu thương, giúp đỡ người khác. Phê phán thái độ sống cá nhân, ích kỷ, tầm thường. | 0.5 |
| **3** | **Học sinh tưởng tượng và kể được truyện** | 12.0 |
| **MB** - Tạo tình huống dẫn dắt để phát triển câu chuyện | **1.0** |
| **TB**  : Bài văn triển khai các ý sau: |  |
| **Ý 1** : Trong mơ em lạc vào thể giới cổ tích kỳ diệu ở đó em gặp chàng dũng sỹ Thạch Sanh và chàng tặng cho em cây đàn thần  - Hoàn cảnh gặp gỡ  - Trò chuyện với nhân vật  - Hình dáng cử chỉ lòi nói của nhân vật  - Tâm trạng cảm xúc khi được tặng đàn thần | **4.0**  **(1đ/ý)** |
| **Ý 2**: Với cây đàn thần em đã làm được nhiều việc có ích cho cuộc sống  - Giúp đỡ người nghèo  - Đồng bào bị thiên tai  - Giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn  - Giúp đỡ những người bị tật nguyền vì bẩm sinh hay do chất độc da cam  - Trừng trị những người độc ác, làm việc phi pháp….  - Ngăn chặn chiến tranh .  Tất cả các việc làm đó thành công giống như kết thúc trong truyện cổ tích. | **6.0**  **(1đ/ý)** |
| **KB** : Kết thúc cuộc gặp gỡ.  - Tâm trạng sự lưu luyến, tiếc nuối  - Vui vì làm nhiều chuyện có ích cho cuộc sống | **1.0** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Đề 59:

**ĐỀ BÀI**

**I. Phần Đọc- hiểu (*4,0 điểm*):**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**

“ Vươn mình trong gió tre đu

Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh

Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm...”

( Trích: Tre Việt Nam- Nguyễn Duy).

a. Đoạn thơ trên gợi nhớ về một tác phẩm cũng viết về tre mà em đã học trong SGK Ngữ văn 6. Đó là tác phẩm nào? Do ai sáng tác?

b. Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của tre Việt nam trong đoạn thơ trên?

c. Từ vẻ đẹp không chịu khuất phục của tre hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của tinh thần vươn lên trong học tập.

**I II. Phần Làm văn.(*6,0 điểm*):**

Sau những ngày mùa đông lạnh lẽo, âm u, mùa xuân tươi đẹp đã về trên quê hương em. Mùa xuân du ngoạn khắp nơi: dòng sông, cánh đồng, làng mạc...hãy đóng vai mình là Mùa Xuân để kể và tả lại chuyến du ngoạn đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** | |
| **PHẦN ĐỌC- HIỂU** | | | |
| **I** | a | Đoạn thơ trên gợi nhớ về tác phẩm “ Cây tre Việt Nam” của Thép Mới. | 0,5 | |
| b | HS cảm thụ được vẻ đẹp của cây tre trong đoạn thơ:  - Nhân hóa: *vươn mình trong gió tre đu, cây kham khổ hát ru lá cành; yêu nhiều nắng nỏ trời xanh; không đứng khuất mình.*  + Tre mang sức sống mãnh liệt.  + Tre bền bỉ vượt qua gian khó trong cuộc sống...  + Tre không cam chịu không cúi mình trước bóng râm... | 1,0 |
| - Ẩn dụ: tre là biểu tượng cho những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam: cần cù, chịu thương chịu khó, có ý chí mãnh liệt, bền bỉ, vượt khó khăn và luôn lạc quan yêu đời. | 1,0 |
| c | - Giải thích  + Học tập là hoạt động tiếp thu kiến thức từ thầy cô, bạn bè, tài liệu...  + Vươn lên là luôn luôn cố gắng,nỗ lực không ngừng..  => Trong học tập. muốn đạt kết quả cao thì phải có sự cố gắng hết mình... | 0,25 |
| - Nêu ý nghĩa.  + Kiến thức của nhân loại là vô hạn, hiểu biết của con người thì hữu hạn. Vì vậy, việc học tập không phải là công việc dễ dàng...Nhưng nếu ta biết khắc phục khó khăn...vươn lên trong học tập ta sẽ thu được thành quả tốt đẹp. Những thành quả đó không chỉ giúp ích cho bản thân mà còn cho cả những người xung quanh trong xã hội... | 0,5 |
| + Có ý thức vươn lên trong học tập, ta còn rèn được các đức tính tốt đẹp khác như: kiên trì, nhẫn nại...ta sẽ được mọi người yêu quý, trân trọng.... | 0,25 |
| + Phê phán những bạn học sinh thấy khó khăn thì nản lòng, ngại khó, ngại khổ, học hành sa sút... | 0,25 |
| - Hs liên hệ:  + Có ý thức tự giác, khắc phục mọi khó khăn trong học tập...  + kết hợp học đi đôi với hành, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn. | 0,25 |
| **PHẦN LÀM VĂN** | | | |
| **II** | 2 | **\* Yêu cầu về hình thức:**  Học sinh viết đúng kiểu bài kể chuyện tưởng tượng kết hợp với miêu tả.  + Bố cục chặt chẽ , có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài.  + Xác định đúng ngôi kể, đúng thứ tự, lời kể phù hợp ( người kể: Mùa Xuân, kể theo ngôi thứ nhất.)  + Lời văn tự nhiên,trong sáng, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.  **\* Yêu cầu về nội dung:**  đóng vai mình là Mùa Xuân để kể và tả lại chuyến du ngoạn của mình đi khắp nơi: dòng sông, cánh đồng, làng mạc... | 0,5  0,5 |
| - Học sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau, song phải đảm bảo nội dung sau: |  |
| **a. Mở bài.**  - Giới thiệu chung về nhân vật mùa Xuân “ tôi” và sự việc (câu chuyện của Mùa Xuân du ngoạn khắp nới: dòng sông, cánh đồng, làng mạc). | 0,5 |
| **b. Thân bài.**  \* Mùa xuân tự giới thiệu về mình.  - Sự thay đổi của thiên nhiên, đất trời, mây, gió, nắng, cây cối, hoa lá, chim chóc..  - Niềm vui của con người khi chào đón năm mới: sự sum vầy, đoàn tự, những cuộc du xuân... | 1,0 |
| \* Mùa xuân kể và tả về cuộc du ngoạn khắp nơi, được chiêm ngưỡng những cảnh nước non kì thú như: dòng sông, cánh đồng, làng mạc....  - Mùa xuân tả về những cảnh quan trên con đường du ngoạn..  + Kể lại một cuộc gặp gỡ bất ngờ thú vị mà Mùa Xuân ấn tượng nhất. | 2,0 |
| \* Mùa xuân rút ra bài học bổ ích nhất sau chuyến đi.( về tình bạn, tình yêu quê hương đất nước, tinh thần đoàn kết, sự sẻ chia, cống hiến..) | 1,0 |
| **c. Kết bài.**  - Cảm nghĩ của Mùa Xuân sau mỗi chuyến du ngoạn.  - Mong ước được đi du ngoạn khắp nơi để có những trải nghiệm phong phú.. | 0,5 |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\* Đề 71:

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm).**

***Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

*Dòng sông mới điệu làm sao*

*Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha*

*Trưa về trời rộng bao la*

*Áo xanh sông mặc khác nào mới may*

*Chiều chiều thơ thẩn áng mây*

*Cài lên màu áo hây hây ráng vàng*

*Đêm thêu trước ngực vầng trăng*

*Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên ...*

(Trích "*Dòng sông mặc áo*" - Nguyễn Trọng Tạo)

**Câu 1**. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt của bài thơ trên.

**Câu 2**. Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của dòng sông qua các thời điểm nào? Tác dụng?

**Câu 3**. Bài thơ sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ, biện pháp nghệ thuật nào? Hãy chỉ rõ các từ ngữ thể hiện BPTT, biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 4**. Nêu cảm nhận chung của em về nội dung bài thơ.

**II. LÀM VĂN (14.0 điểm).**

**Câu 1 (4.0 điểm).**

Từ hình ảnh dòng sông quê hương trong bài thơ trên, em hãy viết một đoạn văn *(khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng)* nêu suy nghĩ về ***vai trò của quê hương trong cuộc đời mỗi con người.***

**Câu 2 (10.0 điểm).**

Đứng lặng giờ lâu trước nấm mồ của Dế Choắt, Dế Mèn nghĩ về bài học đường đời đầu tiên và hối hận vô cùng.

Qua văn bản *“Bài học đường đời đầu tiên”* (Sách *Ngữ văn 6*, tập hai – Nhà xuất bản Giáo dục), em hãy thay lời Dế Mèn kể lại bài học đường đời đầu tiên và niềm ân hận ấy.

-------------------**HẾT ---------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | **Điểm** |
| **I.** | **ĐỌC - HIỂU** | **6.0** |
| 1. | - Thể thơ: lục bát.  - Phương thức biểu đạt: Miêu tả và biểu cảm. | 0.5  0.5 |
| 2. | - Miêu tả qua 4 thời điểm: Sáng, trưa, chiều, tối *(chỉ rõ các từ ngữ thể hiện các thời điểm đó)*.  - Tác dụng: Làm hiện lên một dòng sông quê rất đẹp, vẻ đẹp đó thay đổi theo những thời điểm trong cả đêm ngày. | 1.0 |
| 3. | - Biện pháp tu từ: Nhân hóa, sử dụng từ láy.  - Chỉ rõ từ ngữ thể hiện. | 1.0  0,5 |
| 4. | - Một dòng sông rất đẹp, rất thơ mộng.  - Chẳng những thế, dòng sông sống động, có hồn, giống như một người thiếu nữ xinh đẹp, điệu đà, duyên dáng, biết làm đẹp cho mình bằng những tấm áo tuyệt diệu, những tấm áo ấy được thay đổi liên tục khiến dòng sông biến hóa bất ngờ, mỗi lần biến hóa lại mang một sắc màu lung linh, lại là một vẻ đẹp quyến rũ, vừa thực lại vừa như mơ..., một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng khiến người đọc phải say đắm ...  (Xuất phát từ thực tế: ánh nắng, màu mây trời và cả bầu trời lấp lánh trăng sao buổi tối in hình xuống mặt sông, làm ánh lên những sắc màu lung linh, rực rỡ. Màu nắng, màu mây trời ở các thời điểm trong ngày luôn thay đổi khiến màu sắc của sông cũng thay đổi, như là dòng sông liên tục thay áo mới).  \* Dòng sông vốn là ảnh quen thuộc trong cuộc sống, nhưng tác giả đã khiến dòng sông trở nên sống động, vừa đẹp vừa quyến rũ, đáng yêu như một con người.  \* Bài thơ thể hiện cái nhìn, sự quan sát vô cùng tinh tế, tài tình của nhà thơ về cảnh vật và ta cũng thấy được tâm hồn yêu thiên nhiên của nhà thơ. | 0,5  1,0  0,5  0,5 |
| **II.** | **LÀM VĂN** | **14,0** |
| **1.** | **Viết đoạn văn (câu này chưa phù hợp với hs lớp 6)** | **4,0** |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn* | 0.25 |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề cần trình bày* | 0.25 |
|  | **c**. *Hs có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau. Sau đây là một số gợi ý:*  *-* **Vị trí, vai trò của quê hương trong đời sống của mỗi con người:**  + Mỗi con người đều gắn bó với quê hương, mang bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì thế, tình cảm dành cho quê hương ở mỗi con người là tình cảm có tính chất tự nhiên, sâu nặng.  + Quê hương luôn bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần cao quí (tình làng nghĩa xóm, tình cảm quê hương, gia đình sâu nặng...).  + Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là đích hướng về của con người.  **- Bàn bạc mở rộng:**  + Phê phán một số người không coi trọng quê hương, không có ý thức xây dựng quê hương, thậm chí quay lưng, phản bội quê hương, xứ xở.  + Tình yêu quê hương cũng đồng nhất với tình yêu đất nước, Tổ quốc.  **- Phương hướng, liên hệ:**  + Xây đắp, bảo vệ quê hương, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mổi con người.  + Là học sinh, ngay từ bây giờ phải tu dưỡng, tích lũy kiến thức để sau này xây dựng, bảo vệ quê hương. | 1.0  1.0  1.0 |
| **d.** *Sáng tạo:* có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề | 0.25 |
| **e.***Chính tả, dùng từ, đặt câu:* đảm bảo những quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0.25 |
| **2.** | **Viết bài văn học (10.0 điểm)** |  |
|  | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự*: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề tự sự; Thân bài kể lại chi tiết sự việc; kết bài khái quát được nội dung tự sự. | 0.25 |
|  | **b.** *Xác định đúng vấn đề tự sự* | 0.25 |
|  | ***c.*** *Triển khai nội dung tự sự.*  Yêu cầu hs nhập vai vào nhân vật của câu chuyện (Dế Mèn) để kể lại câu chuyện và nói lên cảm nghĩ, tâm trạng của Dế Mèn. Tâm trạng đó được biểu hiện qua suy nghĩ, cử chỉ, thái độ, những ăn năn của Dế Mèn…  **Có thể kể như sau:**  Mở bài: *1 điểm*  - Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  Thân bài:*7 điểm*   * Kể lại diễn biến câu chuyện, tâm trạng qua suy nghĩ, cử chỉ, thái độ, những ăn năn của Dế Mèn… trong đó có kết hợp tự miêu tả và miêu tả các nhân vật khác trong câu chuyện, miêu tả cảnh… * Kể về niểm ân hận của bản thân khi đứng trước mộ Dế Choắt: Vì đã không đào hang giúp Choắt; vì đã không dũng cảm đứng ra nhận trách nhiệm khi Chị Cốc vu oan cho Choắt; vì thói nghênh ngang, nông nổi của bản thân …   Kết bài:*1 điểm*  - Kết thúc câu chuyện. Khắc sâu bài học đường đời đầu tiên… |  |
|  | **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề. | 0,25 |
|  | **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | 0,25 |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**PHẦN 2: TÀI LIỆU DẠY ÔN TẬP, BỒI DƯỠNG**

**CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỀN THUYẾT**

**I. CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG KIẾN THỨC**

**1.** Truyền thuyết là một thể loại trong loại hình tự sự dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

Một vài điểm lưu ý khác biệt giữa thể loại truyền thuyết với một số thể loại văn học dân gian khác dễ nhầm lẫn:

– Truyền thuyết với thần thoại: về thời gian ra đời, thần thoại ra đời trước truyền thuyết. Thần thoại ra đời từ thuở “hồng hoang” của loài người kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, các nhân vật sáng tạo văn hoá, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và của đời sống con người. Khi nhận thức của con người phát triển đến một trình độ nhất định thì sáng tác thần thoại chấm dứt. Truyền thuyết ra đời sau thần thoại và tiếp tục tồn tại song hành với lịch sử loài người. Truyền thuyết là cách nhận thức lịch sử, phản ánh lịch sử theo quan điểm của dân gian. Nhiều truyền thuyết thực chất là các thần thoại đã được lịch sử hoá.

– Truyền thuyết vói truyện cổ tích. Trong hệ thống văn học dân gian của mỗi dân tộc, nếu có thể loại truyện kể về nhũng điều không có thực thì cũng có thể loại kể về nhửng điều có thực hay ít nhiều cũng liên quan đến điều có thực. Truyện cổ tích là truyện kể về những điều không có thực, những chuyện không thể xảy ra trong thực tế còn truyền thuyết là truyện kể về những điều có thực hay ít nhiều cũng liên quan đến điều có thực.

– Truyền thuyết với vè: Truyền thuyết vói vè có điểm tương đồng về mặt chức năng – nhận thức, phản ánh lịch sử theo quan điểm của dân gian nhưng về hình thức thể hiện và thời gian ra đòi lại khác nhau. Vè thể hiện bằng văn vần, truyền thuyết thể hiện bằng văn xuôi. Vè ra đời mang tính cập nhật về thòi gian để kịp thời phản ánh người thật việc thật, truyền thuyết phản ánh người thực, việc thật nhưng đó là những người, những việc đã lùi sâu vào trong quá khứ.

**2.** Ở Việt Nam, truyền thuyết là thể loại văn học dân gian có tầm quan trọng đặc biệt. Đánh giá như vậy một phần vì chúng bao gồm một khối lượng tác phẩm vô cùng lớn, nhưng mặt khác quan trọng hơn là giá trị đặc biệt của thể loại này bởi truyền thuyết là cách ghi chép, phản ánh lịch sử độc đáo của dân gian, của dân tộc. Vì vậy, truyền thuyết có ý nghĩa to lớn trong việc “bổ sung, đính chính và sàng lọc kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc” (Nguyễn Khánh Toàn – Vai trò của văn học dân gian trong văn học Việt Nam nói chung, trong “Truyện Kiều” nói riêng, Tạp chí Văn học, số 11, năm 1965).

Căn cứ vào nội dung truyền thuyết phản ánh – ghi chẹp ta có thể chia truyền thuyết thành các tiểu loại sau:

– Truyền thuyết anh hùng:

+ Truyền thuyết về những anh hùng văn hoá.

+ Truyền thuyết về nhũng anh hùng chống ngoại xâm trong buổi đầu dựng nước.

– Truyền thuyết lịch sử:

+ Truyền thuyết lịch sử về những cuộc khởi nghĩa giành độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc.

+ Truyền thuyết về thòi kì phong kiến tự chủ.

+ Truyền thuyết về thòi kì Pháp thuộc.

**3.** Truyền thuyết ra đời vào buổi bình minh của dân tộc, khi các vua Hùng đóng đô khai quốc trên đất Phong Châu. Nó song song tồn tại và phát triển cùng quá trình lịch sử dân tộc.

– Truyền thuyết phản ánh công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc, phản ánh những cuộc khỏi nghĩa của nhân dân chống lại triều đại phong kiến suy thoái: Truyền thuyết là những truyện kể dân gian về những việc có thực, những nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử cho nên dù yếu tố lịch sử có mong manh đến đâu, cái lõi lịch sử có được trí tưởng tượng dân gian thêu dệt đến mức nào thì lịch sử vẫn được coi là đối tượng phản ánh chuyên biệt của thể loại này. Chính vì vậy, đọc truyền thuyết chúng ta thấy được cả một chặng đường dài trong suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc từ ngày đầu mở nước, giữ nước, xây dựng đất nước cho đến ngày nay.

+ Truyền thuyết về những anh hùng văn hoá, truyền thuyết về những anh hùng chống ngoại xâm trong buổi đầu dựng nước đã tập trung vào một chủ đề lớn là giải thích nguồn gốc, giống nòi của dân tộc Việt Nam, ca ngợi công cuộc lao động khai hoang và xác lập địa bàn sinh sống cho dân tộc – quốc gia, ca ngợi công lao chống ngoại xâm bước đầu để bảo vệ chủ quyền của các vua Hùng trong buổi bình minh của lịch sử dân tộc.

+ Những truyền thuyết lịch sử về những cuộc khởi nghĩa giành độc lập tự chủ trong thời kì Bắc thuộc, truyền thuyết về thòi kì phong kiến tự chủ, truyền thuyết về thời kì Pháp thuộc là một bức tranh lịch sử hoành tráng phản ánh những nhân.vật lịch sử – sự kiện lịch sử liên quan đến vận mệnh dân tộc, đời sống xã hội cửa nhân dân ở các thòi kì lịch sử khác nhau của dân tộc. Nó ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm để giành và giữ nền độc lập, tự chủ của dân tộc, ca ngợi sự nghiệp lao động sáng tạo để xây dựng nền văn hiến của đất nước. Ngoài ra, truyền thuyết giai đoạn này còn phản ánh những mâu thuẫn trong xã hội phong kiến với những cuộc đấu tranh của các phong trào khỏi nghĩa nông dân.

– Truyền thuyết phản ánh lịch sử một cách độc đáo: Khi kể lại cái lõi lịch sử này, nhân dân đã kì diệu hoá các nhân vật lịch sử, các sự kiện lịch sử bằng phương pháp tư duy của thần thoại. Người ta gọi đây là phần tưởng tượng hoang đường của truyện. Nói một cách chính xác là các nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết là có thực nhưng khi đi vào tác phẩm văn học thì không hoàn toàn giống như thực. Nó đã được trí tưởng tượng của dân gian thêu dệt, hư cấu theo hướng hình tượng hoá, mĩ hoá để cho sinh động và hấp dẫn hơn, để thể hiện được thái độ và tình cảm của nhân dân hơn. Ví dụ như sự ra đời, trưởng thành, đi đánh giặc và bay về tròi kì lạ của Thánh Gióng, sức mạnh kì diệu của nỏ thần, hình ảnh An Dương Vương cầm sừng tê giác rẽ nước đi xuống biển sâu hay việc Lạc Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm thần rồi sai Rùa-Vàng đòi lại gươm thần…

Lịch sử khi đi vào trong truyền thuyết đã được lí tưởng hoá theo trí tưởng tượng dân gian. Cái lõi lịch sử ở đây là những sự kiện, nhân vật lịch sử có trong xã hội thật nhưng không trần trụi như ngoài xã hội mà còn bao hàm cả thái độ và cách đánh giá của nhân dân về các sự kiện, nhân vật lịch sử đó. Vì vậy, truyền

thuyết được coi là kho tàng vô giá đối với sử học. Nó có tác dụng bổ sung, đính chính, sàng lọc kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc. Hư cấu trong truyền thuyết là sự tái tạo, nhào nặn lại sự thật lịch sử trong chất “thơ và mộng”, nhằm lí tưởng hoá những con người đã làm nên lịch sử, để thể hiện thái độ tình cảm của nhân dân với những con người đó.

– Truyền thuyết có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với các nghi lễ, lễ hội: Khác vói các nhân vật trong các thể loại văn học dân gian khác, nhân vật trong truyền thuyết không chỉ sống trong đòi sống văn học mà còn được sống trong lòng ngưỡng mộ, tôn kính của nhân dân. Các nhân vật trong truyền thuyết đều được nhân dân suy tôn thành thần, thánh của một làng hoặc một vùng. Đi cùng vói sự suy tôn đó là các sự tích, nghi lễ – lễ hội diễn ra hằng năm ở khắp mọi noi để lưu truyền, tưởng nhớ công lao của các vị anh hùng. Truyền thuyết và nghi lễ – lễ hộí là hai lĩnh vực khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ vói nhau. Truyền thuyết làm cho lễ hội có nội dung linh thiêng hơn và ngược lại nghi lễ – lễ hội làm cho truyền thuyết sống mãi trong lòng cộng đồng một cách sinh động, hấp dẫn.

4. Đặc sắc về nghệ thuật

– Cách lựa chọn và thể hiện nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết: Nếu

như nhân vật, sự kiện, trong truyện cổ tích là nhân vật hư cấu, sự kiện hư cấu thì nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết là những nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử. Nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết là do lịch sử tạo ra nhưng nó cũng không phải là bản sao của nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử. Các tác giả dân gian khi sáng tạo truyền thuyết không hư cấu ra những nhân vật, sự kiện nhự sáng tác truyện cổ tích mà chọn lựa những sự kiện, những nhân vật có thật trong lịch sử (hoặc ít nhiều liên quan đến lịch sử) để hư cấu nhằm dựng lại những diện mạo, tầm vóc của những sự kiện, nhân vật ấy, đồng thời lí tưởng hoá những người, những sự việc cần được ca ngợi. Thậm chí, tác giả dân gian qua truyền thuyết có thể khôi phục lại những sự thực lịch sử bị che lấp, bị bỏ qua hoặc bị xuyên tạc.

Truyền thuyết không chỉ có chức nàng ghi chép lịch sử mà còn có chức năng phản ánh, ghi lại thái độ, tư tưởng, tình cảm và quan điểm của dân gian về các sự kiện lịch sử, nhâri vật lịch sử bằng hình thức nghệ thuật – nghệ thuật ngôn từ. Do vậy, những sự kiện lịch sử, những nhân vật lịch sử đi vào truyền thuyết không phải là bản sao hay là một sự tái tạo nguyên mẫu mà là một sự tái

tạo lại lịch sử. Tức là trên cơ sở cái lõi lịch sử, truyền thuyết đã dựng lại lịch sử bằng cách sắp xếp, nhào nặn, thêm bớt (thậm chí đưa cả các yếu tố thần kì) các sự kiện, nhân vật để tạo ra một tầm vóc của sự kiện, nhân vật, đồng thời đưa vào đó cả những tư tưởng, tình cảm của mình với những đối tượng được phản ánh. Đây chính là cách thể hiện nhân vật và sự kiện của truyền thuyết. Xin lưu ý, khác vói các nhân vật trong các thể loại văn học dân gian khác, nhân vật truyền thuyết không chỉ sống trong lòi kể mà còn sống trong các nghi lễ tín ngưỡng. Do vậy, khi phân tích nhân vật truyền thuyết cần gắn với môi trường đã sản sinh và nuôi dưỡng tác phẩm (môi trường diễn xướng).

– Xung đột trong truyền thuyết:

+ Xung đột giữa con người với thiên nhiên: Xung đột này phản ánh quá trình dựng nước của dân tộc. Đó là những cuộc vật lộn với biển cả để mở rộng địa bàn cư trú ra ngoài hải đảo, với lũ lụt để đắp đê bảo vệ làng bản, mùa màng; việc chế biến thực phẩm hay việc tìm ra các giống cây, giống quả… Ví dụ như các truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy; Son Tinh, Thuỷ Tinh; Mai An Tiêm;…

+ Xung đột giữa dân tộc với các thế lực ngoại xâm: Xung đột này phản ánh công cuộc giữ nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Thể hiện xung đột này, truyền thuyết thực hiện chức năng phản ánh, ghi chép lịch sử của mình. Ví dụ như các truyền thuyết về Thánh Gióng, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, chuỗi truyền thuyết về Lê Lợi…

+ Xung đột giữa nhân dân với chính quyền phong kiến: Loại xung đột này phản ánh những mâu thuẫn của xã hội phong kiến, đặc biệt là mâu thuẫn giữa ‘tầng lóp nông dân với giai cấp địa chủ. Những truyền thuyết này cho thấy quan điểm và thái độ của nhân dân khác hẳn với chính sử của nhà nước phong kiến Việt Nam. Nhiều nhân vật trong mắt triều đình phong kiến là nghịch tặc thì với nhân dân là anh hùng.

– Kết cấu và lời kể của truyền thuyết:

+ Truyền thuyết có đặc điểm nổi bật là kết cấu xâu chuỗi thành một Hệ thống. Ví dụ chuỗi truyền thuyết về thời các vua Hùng gồm có các truyện: Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Son Tinh, Thuỷ Tinh; Thánh Gióng;… Chuỗi truyền thuyết về Lê Lợi và cuộc khỏi nghĩa Lam Sơn gồm có các truyện: Trao gươm thần, Hai vợ chồng ông lão bắt cá và Lê Lợi, Sự tích Hồ Gươm,…

+ Kết cấu cốt truyện của truyền thuyết thường có ba phần:

. Hoàn cảnh xuất hiện và thân thế của nhân vật chính.

. Cuộc đời và sự nghiệp (hành trạng, chiến công) của nhân vật chính.

. Đoạn kết cuộc đời của nhân vật chính.

+ Lời kể: Truyền thuyết có lối kể cô đọng, rất ít miêu tả, chủ yếu là thuật lại các hành động của nhân vật, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện (những chi tiết về hoàn cảnh, sự việc, hành động, lời nói của nhân vật).

**BÀI 1: CON RỒNG CHÁU TIÊN**

## KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thể loại** | Truyện truyền thuyết |
| **2. Tóm tắt** | Ngày xưa ở vùng đất Lạc Việt có vị thần con trai thần Long Nữ, tên Lạc Long Quân kết duyên cùng nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông xinh đẹp. Về sau, Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, từ trăm trứng nở ra một trăm người con khôi ngô tuấn tú. Vì Lạc Long Quân không quen sống trên cạn lâu ngày nên hai vợ chồng mỗi người dẫn năm mươi người con lên rừng và xuống biển. Người con trưởng được suy tôn làm vua Hùng trên đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang, cứ thế kế tục tới muôn đời sau. |
| **3. Bố cục**  **(3 phần)** | - Phần 1 (từ đầu đến “cung điện Long Trang”): Giới thiệu về Lạc Long Quân và Âu Cơ  - Phần 2 (tiếp đó đến “rồi chia tay nhau lên đường”): Việc sinh con và chia con của Lạc Long Quân và Âu Cơ  - Phần 3 (còn lại): Việc lập nước Văn Lang và nguồn gốc của dân tộc Việt. |
| **4. Giá trị nội dung** | Truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và qua đó thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng Việt. |
| **5. Giá trị nghệ thuật** | - Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, hoang đường, kì ảo  - Hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh |

### **II. Dàn ý Phân tích văn bản “Con rồng cháu tiên”**

**1. Mở bà**i

- Giới thiệu khái quát về thể loại truyền thuyết (khái niệm, khái quát đặc trưng thể loại…)

- Giới thiệu về truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” (khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật…)

**2. Thân bài**

**a. Giới thiệu về Lạc Long Quân và Âu Cơ**

- Lạc Long Quân:

+ Vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ

+ Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ

+ Giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh

+ Dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở

- Âu Cơ: ở vùng núi cao phương Bắc, thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần

→ Lạc Long Quân và Âu Cơ gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi thành vợ thành chồng, cùng nhau chung sống trên cạn

→ Sự kết duyên của những con người phi thường

**b. Việc sinh con và chia con của Lạc Long Quân và Âu Cơ**

- Âu Cơ sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần

→ Hình tượng cái bọc một trăm trứng thể hiện những con người của dân tộc Việt do cùng một mẹ sinh ra

- Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con: 50 con xuống biển, 50 con lên núi, chia nhau cai quản các phương, khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau

→ Giải thích nguồn gốc của các dân tộc Việt Nam sinh sống trên khắp đất nước. Đồng thời, qua đó phản ánh truyền thống đoàn kết của dân tộc ta từ ngàn đời nay

**c. Việc lập nước Văn Lang và nguồn gốc của dân tộc Việt**

- Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang

- Khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng cháu Tiên

**3. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

+ Nội dung: Truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và qua đó thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng Việt

+ Nghệ thuật: sử dụng các chi tiết tưởng tượng hoang đường, kì ảo, xây dựng nhân vật mang dáng dấp thần linh…

**KIẾN THỨC BỔ SUNG**

**1. Cha mẹ là thần tiên kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ, phi thường**

    Đó là nguồn gốc và hình dạng của tổ tiên – bố Rồng, mẹ Tiên với hai cái tên thật là đẹp : Lạc Long Quân, Âu Cơ. Cả hai người đều là “thần”. Lạc Long Quân là thần nòi rồng, ở dưới nước, con thần Long Nữ. Âu Cơ là thần nòi Tiên, ở trên núi, thuộc dòng họ Thần Nông – vị thần chuyên trách nghề nông, dạy loài người trồng trọt và cày cấy. Lạc Long Quân “sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ”, còn Âu Cơ thì “xinh đẹp tuyệt trần”. Cả hại đều là trai tài, gái sắc, xứng đôi vừa lứa nên đã tìm đến nhau thành duyên chồng vợ. Mối duyên tình ấy đẹp đẽ biết bao !

    Đẹp đẽ và cao quý hơn nữa là sự nghiệp khai mở đất nước, tạo lập gia đình của hai người. Lạc Long Quân “giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh” – những loại yêu quái làm hại dân ở vùng biển, đồng bằng, rừng núi, tức những nơi dân ta thuở ấy khai phá, ổn đinh cuộc sống. Thần còn “dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở”. Còn Âu Cơ vốn là dòng Thần Nông – rất giỏi về nông nghiệp đã tìm đến vùng đất Lạc – đất tổ Việt Nam có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Nàng đã cùng Long Quân lập cung điện Long Trang, xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều kì lạ, khác thường là đến kì sinh nở, nàng “sinh ra một cái bọc trăm trứng”, rồi “trăm trứng nở ra một trăm người con…”.

    Điếu thú vị thứ nhất của câu chuyện Con Rồng cháu Tiên là : bằng nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo, thần tiên hoá nguồn gốc, nòi giống dân tộc, cha ông ta đã ca ngợi cội nguồn, tổ tiên người Việt chúng ta. Nói khác đi, ta có thể hiểu rằng dân tộc Việt Nam bắt nguồn từ một nòi giống thần tiên, tài ba, xinh đẹp, rất đáng tự hào. Mỗi người Việt Nam ngày nay vinh dự là con cháu thần tiên hãy tin yêu, tôn kính tổ tiên dân tộc mình.

**2. Điều thú vị nữa toát ra từ truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên là gì ?**

    Phải chăng đó là hình ảnh những người con và cuộc phân chia gia đình của Lạc Long Quận và Âu Cơ ? Muốn hiểu rõ điều này, ta hãy bắt đầu từ những chi tiết thánh thần, kì ảo. Chỉ một lần sinh mà Âu Cơ cho ra đời những… một trăm con. Những người con ấy không ra đời từ bụng mẹ mà “nở ra” từ những quả trứng, vừa nở ra thì “một trăm người con” đều “hồng hào, đẹp đẽ lạ thường”. Đúng là con của Thần dưới biển, và Tiên trên trời ! Điểu kì lạ, kì diệu hơn nữa là những người con thần tiên ấy “không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần”. Một gia đình có tới một trăm con, thật là đông đúc, vui vầy ! Trăm người con ấy ai cũng “tự lớn lên, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh…”, đúng là nòi giống Rồng, Tiên, cùng một bọc nên giống nhau cả về dáng hình, sức sống và bản lĩnh làm người.

    Khi trăm người con ấy trưởng thành thì cha mẹ phân chia gia đình để sinh sống và cai quản đất đai. Cuộc phân chia ấy giản dị và hợp nghĩa tình biết bao. Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên núi. Biển là biểu tượng của Nước. Núi là biểu tượng của Đất. Chính nhờ sự khai phá mở mang của một trăm người con Long Quân và Âu Cơ mà Đất Nước Văn Lang xưa, Tổ quốc Việt Nam ngày nay của chúng ta hình thành, tổn tại và phát triển.

    Điều cần ghi nhớ là lời căn dặn của cha Rồng trước khi chia tay : “Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn”.

    Rõ ràng, cùng với ý nghĩa tôn vinh, ca ngợi nguồn gốc dân tộc, truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên còn thể hiện một ước mơ, cũng chính là lời nhắn gửi của cha ông đối với con cháu rằng : là dòng dõi Thần Tiên, con cháu đông vui, khoẻ mạnh, giàu bản lĩnh, phải biết yêu thương nhau như anh em ruột thịt, phải luôn luôn đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Hình ảnh “bọc trăm trứng, nở trăm người con” là một chi tiết kì ảo, lãng mạn, giàu chất thơ, gợi cho chúng ta nhớ tới từ “đồng bào” – một từ gốc Hán, nghĩa là người cùng một bọc. “Ý niệm về giống nòi cũng bắt đầu từ đó và mở rộng ra thành tình cảm của dân tộc lớn đoàn kết nhiều nhóm người lại với nhau như anh em ruột thịt – dù người miền núi hay miền xuôi, người vùng biển hay trên đất liền. Hình tượng “sinh ra trong cùng một bọc” là cội nguồn của hai tiếng “đồng bào” mãi mãi nghe rất thân thương.

    Cùng với truyền thuyếtCon Rồng cháu Tiên như ta đang tìm hiểu, suy ngẫm, một số dân tộc khác ở Việt Nam cũng sáng tác những truyền thuyết nhằm giải thích nguồn gốc dân tộc, ước mơ và khẳng định tình đoàn kết các cư dân trên lãnh thổ Việt Nam như truyện Quả trứng to nở ra con người của dân tộc Mường, truyện Quả bầu mẹ của người Khơ-mú,… Tình anh em ruột thịt, nghĩa đồng bào gắn bó keo sơn trong đại gia đình Việt Nam, dưới một mái nhà Tổ quốc, chung một cội nguồn cha mẹ,… thiêng liêng, cao quý mà rất đỗi gần gũi, giản dị xiết bao. “Bầu ơi thương lấy bí cùng – Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” (Ca dao). Tình đồng bào, tình đoàn kết dân tộc là một nét đẹp trong bản sắc văn hoá, cũng là đạo lí lớn lao của dân tộc chúng ta, luôn nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta phải thấu hiểu để thêm tự hào, tin yêu, ghi nhớ và thực hiện.

    Tóm lại, truyện Con Rồng cháu Tiên với nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo là một truyền thuyết mở đầu cho các truyền thuyết Việt Nam về thời đại Hùng Vương, vừa giải thích vừa ngợi ca nguồn gốc, giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết thống nhất cộng đồng người Việt chúng ta. Nghe kể, hay được đọc văn bản ghi lại truyền thuyết này, ấn tượng không thể mờ phai trong chúng ta như một lờii tâm niệm, lời răn dạy về nét văn hoá truyền thống dân tộc: Cha mẹ là thần Tiên, con cháu khoẻ mạnh, đông vui, đoàn kết,…

## B. BÀI TẬP:

**I. Bài tập cơ bản:**

**Câu 1: Nêu khái niệm truyện truyền thuyết?**

**\* Gợi ý:**

Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ. Truyền thuyết là tác phẩm nghệ thuật truyền miệng nên nó thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyền thuyết thể hiện quan điểm, thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

**Câu 2: Hãy tìm những chi tiết trong truyện thể hiện tính chất kì lạ, cao quý về nguồn gốc và hình dạng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.**

**\* Gợi ý:**

- Những chi tiết **thể hiện tính chất lạ kì**, lớn lao, đẹp đẽ của hình tượng Lạc Long Quân và Âu Cơ về nguồn gốc và hình dạng được thể hiện trong truyện:

+ Lạc Long Quân là con trai thần Long Nữ, mình rồng, sống được cả dưới nước và trên cạn. **Có nhiều phép lạ**: Giết ba con yêu tinh hại dân.

+ Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông (ở trên núi),  xinh đẹp tuyệt trần. Gặp gỡ yêu thương Lạc Long Quân và thành vợ chồng Sinh ra bọc nở trăm người con trai khỏe mạnh, tuấn tú.

+ Họ chia con để cai quản các phương, kẻ ở núi, người ở biển.

**Câu 3: Việc kết duyên của Lạc Long Quân cùng Âu Cơ và chuyện Âu Cơ sinh nở có điều gì kì lạ? Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con như thế nào và để làm gì? Theo truyện này thì người Việt là con cháu của ai?**

**\* Gợi ý:**

- Về việc kết duyên của Lạc Long Quân cùng Âu Cơ và chuyện Âu Cơ sinh nở có nhiều điều kì lạ:

+ Một vị thần sống dưới nước đem lòng yêu thương và kết duyên cùng một người thuộc dòng họ Thần Nông ở trên núi cao.

+ Ít lâu sau, Âu Cơ sinh nở không phải có mang và sinh ra một bọc trứng, sau đó mới nở ra một trăm người con.

+ Lạc Long Quân và Âu Cơ chia đôi mỗi người 50 con theo mẹ lên chốn non cao, 50 người con theo cha về ven biển để chiếm lĩnh các vùng đất, mở rộng nơi cư trú, làm ăn, để cho gia đình tương lai thành dân tộc, đất nước. Đặc biệt có việc gì (chiến tranh, thiên tai…) thì giúp đỡ lẫn nhau dễ hơn.

- Theo truyện ngày thì người Việt Nam ta là con cháu của vị thần nòi Rồng là Lạc Long Quân và của bà Âu cơ nòi giống Tiên. Nguồn gốc này rất cao quý và đáng tự hào.

**Câu 4: Em hiểu thế nào là chi tiết tưởng tượng kì ảo? Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện?**

**\* Gợi ý:**

- Chi tiết tưởng tượng, kì ảo là những chi tiết không có thật. Các chi tiêt này khiến cho các nhân vật và sự kiện lịch sử mang màu sắc thần thoại. Nó được gọi là truyền thuyết.

- Trong truyện *Con Rồng cháu Tiên*, những chi tiết này có vai trò tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ của các nhân vật (Lạc Long Quân và Âu Cơ), đồng thời chứng tỏ người Việt có nguồn gốc khác thường, rất cao quý và đẹp đẽ. Qua đó, nhân dân ta muốn nhắn nhủ người đời sau hãy luôn luôn tự hào, tôn kính tổ tiên mình. Các chi tiết tưởng tượng, kì ảo trong truyện vừa phản ánh một trình độ hiểu biết nhất định ở giai đoạn lịch sử sơ khai, vừa là kết quả của óc tưởng tượng phi thường của người Lạc Việt.

**Câu 5: Ý nghĩa của truyện *Con Rồng cháu Tiên*?**

**\* Gợi ý:** **Ý nghĩa truyện *Con rồng, cháu Tiên*:**

- Giải thích, suy tôn nguồn gốc cao quý thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.

- Truyện cũng thể hiện niềm tự hào dân tộc, ý nguyện đoàn kết, thống nhất từ xa xưa của cộng đồng người Việt: dù ở bất cứ đâu, đồng bằng hay miền núi, trong Nam hay ngoài Bắc, người Việt Nam đều là con cháu các vua Hùng, có chung dòng dõi “con Rồng cháu Tiên”, vì thế phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

**Câu 6: Em biết những truyện nào của các dân tộc khác ở Việt Nam, cũng giải thích nguồn gốc dân tộc tương tự như truyện “Con Rồng, cháu Tiên”? Sự giống nhau ấy khẳng định điều gì?**

**\* Gợi ý:**

**- Các truyện tương tự truyện *Con Rồng, cháu Tiên*, các dân tộc khác ở Việt Nam cũng có những câu chuyện giải thích về nguồn gốc dân tộc tương tự, như:**

+ Truyện “Quả trứng thiêng” của dân tộc Mường.

+ Truyện “Quả bầu mẹ” của dân tộc Khơ Mú.

**- Ý nghĩa của sự giống nhau:**

+ Sự tương đồng về cách giải thích nguồn gốc của các dân tộc.

+ Khẳng định về tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em.

+ Sự gặp gỡ, giao thoa về nền văn hóa giữa các dân tộc.

**II. Bài tập nâng cao:**

**Bài tập 1:** **Hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về truyện Con Rồng cháu Tiên.**

**\* Gợi ý:**

Truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* mở ra trang sử mới cho dân tộc ta, đã giải thích và suy tôn nguồn gốc thiêng liêng của cộng đồng người Việt. Những chi tiết kì ảo về hình tượng bọc trăm trứng, về mẹ nòi giống Tiên, Rồng đã khiến chúng ta thêm tự hào, tin yêu, tôn kính tổ tiên, dân tộc mình và cũng làm tăng sức hấp dẫn của câu chuyện. Và rồi từ bọc trăm trứng, 100 người con đã ra đời và nửa theo cha lên rừng, nửa xuống biển cùng mẹ. Dù cách xa như vậy, dù người đồng bằng hay miền núi, dù miền ngược hay miền xuôi nhưng tất cả cùng chung một dòng máu, một cội nguồn, chung mẹ cha trong một gia đình. Lời dặn dò của Lạc Long Quân đã phản ánh ý nguyện của nhân dân ta về sự đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau . Truyện đã đề cao nguồn gốc chung và biểu hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất của nhân dân của mọi miền đất nước. Truyện Con Rồng cháu Tiên tuy có những yếu tố tưởng tượng, kì ảo nhưng về cơ bản đã giải thích, suy tôn nguồn gốc của đất nước ta. Đồng thời truyện cũng thể hiện niềm tự hào dân tộc, ý nguyện đoàn kết, thống nhất từ xa xưa của cộng đồng người Việt: dù ở bất cứ đâu, đồng bằng hay miền núi, trong Nam hay ngoài Bắc, người Việt Nam đều là con cháu các vua Hùng, có chung dòng dõi “con Rồng cháu Tiên”, vì thế phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

**Bài tập 2:** **Trình bày vai trò của các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện *Con Rồng cháu Tiên.***

**\* Gợi ý:**

Chi tiết tưởng tượng kì ảo là những chi tiết không có thật mà có tính chất hoang đường, kì lạ. Những chi tiết tưởng tượng kì ảo thường xuất hiện trong các truyền thuyết, truyện cổ tích, thần thoại... Trong truyện truyền thuyết, nhân dân sáng tạo ra những chi tiết tưởng tượng kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kì, nhằm giải thích những sự việc, sự kiện chưa thể giải thích theo cách thông thường, cũng có khi là để thần thánh hóa các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng.

Trong truyện Con Rồng cháu Tiên, những chi tiết tưởng tượng kì ảo có vai trò làm tăng tính chất kì lạ và đẹp đẽ của nhân vật Lạc Long Quân và Âu Cơ. Việc tưởng tượng ra Âu Cơ sinh bọc trăm trứng là một cách lí giải đẹp đẽ và cao quý nguồn gốc của dân tộc Việt. Qua việc thần kì hóa nguồn gốc dân tộc, người thời xưa muốn nhắn nhủ thế hệ sau phải biết tự hào và tôn kính tổ tiên mình. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo còn giúp cho câu chuyện thêm sức hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, người nghe.

Những chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện Con Rồng cháu Tiên phản ánh phần nào trình độ nhận thức lịch sử sơ khai của người Việt cổ, đồng thời cho thấy khả năng tưởng tượng phong phú của họ.

Truyện Con Rồng cháu Tiên tuy có nhiều chi tiết xuất phát từ trí tưởng tượng của người dân nhưng cơ bản đã giải thích khá rõ và tô đậm vẻ đẹp của dân tộc Việt. Nội dung của truyện đã thể hiện lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý nguyện thống nhất đất nước của người Việt xa xưa. Con cháu người Việt dù sống ở bất cứ nơi đâu trên đất nước đều là con cháu của vua Hùng, có chung một dòng dõi đó là con Rồng cháu Tiên. Hai tiếng đồng bào thân thương cũng xuất phát từ câu chuyện này, do vậy những ai cùng chung nguồn gốc Lạc Việt, cùng mang tiếng đồng bào đều phải yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

**BT3:GiẢi Thích Nhan ĐỀ Con RỒng, Cháu TiÊN**

**Gợi ý.**  
- Nhan đề khái quát toàn bộ nội dung tư tưởng: Nhắc nhở người Việt Nam về nguồn gốc cao quý của mình, chúng ta đều được sinh ra bởi cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ, đây là hai người có xuất thân từ giống Rồng, giống Tiên.  
=> Khơi dậy tính tự hào, tự tôn dân tộc  
- Đề cao truyền thống đoàn kết, truyền thống yêu thương đùm bọc nhau, vì đều trong bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ  
=> Nhắc nhở người Việt Nam về tình "đồng bào" thiêng liêng.

# BT4. Phát biểu cảm nghĩ về truyện Con Rồng, cháu Tiên

**Bài làm:**

Tuổi thơ của chúng ta thường gắn liền với những lời hát ru của bà, của mẹ..., với những câu chuyện cổ tích như lạc vào xứ sở thần tiên và còn là những câu chuyện truyền thuyết vô cùng thú vị. Một trong số đó là truyện Con Rồng Cháu Tiên, một câu chuyện nói về nguồn gốc nòi giống cao quý của con người, dân tộc Việt.

Con Rồng, Cháu Tiên là một truyền thuyết nổi tiếng của kho tàng truyền thuyết Việt Nam. Câu chuyện kể về nguồn gốc sinh thành của cộng đồng người Việt. Lạc Long Quân sống ở miền sông nước, tượng trưng cho loài Rồng. Lạc Long Quân được biết đến như một vị thần với những chiến công lừng lẫy như lấn biển, mở rộng đất đai, khai sơn, phá thạch, tiêu diệt Ngư Tinh, Mộc Tinh, Hồ Tinh để giữ gìn cuộc sống bình yên của nhân dân, đất nước. Còn Âu Cơ được biết đến là một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, biểu tượng cho cái đẹp. Chính vẻ đẹp tuyệt trần và sự xuất thân tương xứng đã khiến cho Lạc Long Quân rung động với Âu Cơ.

Đây là tình yêu tuyệt đẹp giữa hai con người tương xứng về mọi mặt, từ xuất thân đến hình thức bề ngoài. Không được bao lâu sau, Lạc Long Quân và Âu Cơ phải chia li khi họ có sự khác biệt về tính cách cũng như tập quán, đời sống của hai con người thuộc dòng giống khác nhau, một con Rồng, một cháu Tiên. Vì thế, họ quyết định chia nhau một trăm người con ra thành hai nơi, năm mươi theo mẹ lên rừng và năm mươi xuống biển theo cha.

Câu chuyện truyền thuyết có sử dụng nhiều chi tiết, yếu tố hoang đường kì ảo. Đây cũng là một điểm đặc trưng của thể loại truyện này. Những yếu tố không có thật dựa trên sự sáng tạo, tâm hồn phong phú của những tác giả dân gian đã góp phần truyền tải nội dung, ý nghĩa câu chuyện. Câu chuyện về mối tình đẹp giữa hai vị thần tượng trưng cho núi, cho biển đã tạo nên một truyền thuyết thật đẹp về nguồn gốc ra đời của con người Việt Nam. Họ chia ly nhưng luôn giữ trọn lời hẹn thề: "kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau" đã thể hiện tinh thần, sức mạnh dân tộc. Cùng với đó là tinh thần đoàn kết tập thể giữa con người với con người, tạo nên sức mạnh khối đại đoàn kết của toàn dân tộc.

Con Rồng, cháu Tiên là một truyền thuyết đầy ý nghĩa về nguồn gốc ra đời của những con người con Lạc, cháu Hồng Việt Nam. Câu chuyện giúp chúng ta hiểu rõ hơn về dân tộc, đất nước, con người Việt Nam cũng như ca ngợi tinh thần đoàn kết dân tộc tuyệt vời. Đây mãi là một câu chuyện đẹp, một câu chuyện hay trong kho tàng truyền thuyết Việt Nam.

https:// Con rồng cháu tiên là một truyền thuyết nổi tiếng của kho tàng truyền thuyết việt Nam, ngoài bài làm văn Phát biểu cảm nghĩ về truyện Con Rồng, cháu Tiên, học sinh và giáo viên có thể tham khảo thêm những dạng bài văn mẫu khác như [Phát biểu cảm nghĩ về truyện Con Rồng, cháu Tiên](https://thuthuat.taimienphi.vn/phat-bieu-cam-nghi-ve-truyen-con-rong-chau-tien-41449n.aspx), Phân tích truyền thuyết con Rồng cháu Tiên, [Kể tóm tắt truyện Con Rồng cháu Tiên](https://thuthuat.taimienphi.vn/ke-tom-tat-truyen-con-rong-chau-tien-41448n.aspx), Đóng vai nhân vật Âu Cơ kể lại câu chuyện Con Rồng Cháu Tiên hay cả các phần Soạn bài Con Rồng cháu Tiên.

# BT5.Phân tích truyền thuyết con Rồng cháu Tiên

“Xưa mẹ Âu Cơ sinh được trăm con. Năm mươi xuống biển năm mươi lên non. Nay triệu cháu con chung tình nước non, là hoa một gốc là con một nhà”… Những ca từ ấy được nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác lấy cảm hứng từ tác phẩm “Con Rồng, cháu Tiên” trong dân gian. Đây là một trong những truyền thuyết nổi tiếng của dân tộc ta giải thích về nguồn gốc giống nòi, dân tộc và quá trình dựng nước, giữ nước của các vua Hùng.

Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo, thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với những điều được kể. Lạc Long Quân được giới thiệu là một vị thần “thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ”. Thần hay ở dưới nước, “thỉnh thoảng lên sống trên cạn”, có sức khỏe vô địch và nhiều phép lạ. Lạc Long Quân đã giúp nhân dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, những con cá, con cáo, những cây sống lâu năm biến thành yêu quái làm hại đến cuộc sống, tính mạng của dân lành. Vị thần ấy còn dạy nhân dân ta “cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở”. Sau đó, Lạc Long Quân thường về thủy cung, “khi nào có việc cần, thần mới hiện lên”.

Còn Âu Cơ là một nàng tiên thuộc “dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần”. Do nghe nói vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ nên tìm đến thăm. Tại đây, nàng và Lạc Long Quân đã gặp nhau, “đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang”. Hai nhân vật này đều có nguồn gốc xuất thân cao quý. Nhắc đến “Rồng” là nhắc đến loài vật vô cùng thiêng liêng, được nhân dân ta tôn thờ, thành kính. Nhắc đến “Tiên” là nhắc đến một vẻ đẹp tuyệt thế, cao sang. Phải chăng thông qua nguồn gốc của Lạc Long Quân và Âu Cơ, nhân dân ta muốn ngợi ca nguồn gốc của dân tộc, của những con người Việt Nam máu đỏ da vàng?

Chi tiết Âu Cơ có mang và sinh ra cái bọc trăm trứng, “trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường”, đặc biệt hơn, “đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần”. Đây quả là một chi tiết kì lạ mang tính kì ảo, hoang đường nhưng cũng dễ hiểu bởi thực tế rồng và chim đều là loài vật đẻ trứng. Chi tiết này còn hàm chứa ý nghĩa biểu tượng nhằm giải thích nguồn gốc của giống nòi. Mọi người dân Việt Nam đều được sinh ra từ bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ, bởi vậy nên được gọi là đồng bào, là anh em của nhau, cùng yêu thương, đùm bọc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Tất cả những con người Việt Nam phải biết gắn bó, đoàn kết với nhau để tạo nên sức mạnh dân tộc, chống lại mọi sự xâm lược của kẻ thù.

Do không quen với cuộc sống trên cạn nên Lạc Long Quân đã từ biệt Âu Cơ và mang theo năm mươi người con xuống biển, năm mươi người con còn lại theo Âu Cơ lên núi để chia nhau cai quản các phương. Kẻ ở “chốn non cao”, kẻ ở “miền nước thẳm” nên khi nào có việc thì giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc chia tay ấy đã thể hiện ý nguyện mở rộng đất đai để làm ăn, sinh sống của con người. Qua đó, hành động này cũng thể hiện tình đoàn kết của các dân tộc Việt Nam. Họ không phân chia tôn giáo, ngôn ngữ, giới tính, nơi ở, tuổi tác mà luôn sát cánh bên nhau trong cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm và các thế lực thù địch trong suốt mấy nghìn năm lịch sử. Truyền thống ấy đã được đúc kết qua câu ca dao của dân gian:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Có thể nói, chính sức mạnh đoàn kết đã giúp dân tộc ta không ngừng lớn mạnh, phát triển và hội nhập với các nước trên thế giới như ngày hôm nay. “Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang”, thiết lập triều đình, dựng xây đất nước. Triều đình có đầy đủ cả tướng văn và tướng võ, con trai của vua được gọi là “lang”, con gái được gọi là “mị nương”, “khi cha chết thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương”. Cũng từ sự tích Lạc Long Quân và Âu Cơ mà người Việt Nam chúng ta đều tự hào khi nhắc đến nguồn gốc “con Rồng cháu Tiên” của mình. Để tưởng nhớ công ơn các vua Hùng, nhân dân ta đã xây lăng tưởng niệm. Hằng năm, vào ngày mùng mười tháng ba âm lịch, người dân ở khắp mọi miền đất nước đổ về  xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để tham gia lễ hội tưởng nhớ công ơn các vị vua Hùng. Nghi lễ giỗ tổ này đã trở thành tín ngưỡng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Nhân dân ta dù có đi đâu, làm gì thì cũng đều ghi nhớ:

“Dù ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba”

Truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” đã giúp chúng ta có được sự lí giải về nguồn gốc giống nòi, về truyền thống đoàn kết của dân tộc. Bên cạnh đó, các chi tiết kì ảo cũng góp một phần không nhỏ tạo nên sự thành công và sức hấp dẫn của tác phẩm.

https:/ Con Rồng cháu Tiên là truyền thuyết tiêu biểu trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam lí giải về nguồn gốc Tiên Rồng cao quý của con người Việt Nam. Để có những cảm nhận chi tiết về những ý nghĩa, bài học sâu sắc được gửi gắm trong truyện,

# BT6.Đóng vai nhân vật Âu Cơ kể lại câu chuyện Con Rồng Cháu Tiên

Ta tên là Âu Cơ, một thiếu nữ xinh đẹp thuộc dòng họ Thần Nông sống tại vùng núi cao phương Bắc.

Vốn có sở thích thăm thú những miền đất lạ nên khi nghe nói ở một vùng đất tên là Lạc Việt có rất nhiều hoa thơm, cỏ lạ, cảnh đẹp tuyệt trần ta đã tìm đường đến thăm thú. Khi ta đến nơi đây, không chỉ bắt gặp cảnh đẹp mà còn gặp một vị thần mình rồng, chàng trai có thân mình cao to từ từ hiện lên trên mặt nước. Nghe chàng giới thiệu, ta mới biết đây chính là con trai của thần Long Nữ thuộc nòi giống rồng tên là Lạc Long Quân, thường sống ở dưới nước khi có việc cần mới lên trên cạn. Chàng là vị thần bảo vệ dân chúng khỏi bọn Ngư Tinh, Hồ Tinh và Mộc Tinh, chàng còn dạy cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi và ăn ở.

Cha mẹ ta luôn nhắc nhở ta chuyện gả chồng, ngày đêm khuyên bảo ta hãy chọn lấy một người, nhưng trong số những người đến cầu hôn, chưa ai có thể khiến ta rung động. Nay bỗng nhiên gặp được chàng Lạc Long Quân, ta mới gặp lần đầu nhưng đã rung động trước tướng mạo và phong thái của một người anh hùng, khi đó ta cũng đã biết trái tim mình đã lựa chọn chàng Lạc Long Quân, chỉ mong sao ta cũng có ấn tượng gì đó với chàng. May sao chàng cũng có tình cảm với ta và chúng ta đem lòng yêu nhau, cha mẹ ta rất vui mừng vì ta đã tìm được ý trung nhân của mình. Sau khi trở thành vợ chồng, ta cùng chàng chuyển đến cung điện Long Trang, sống trên cạn rất vui vẻ và hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng được ít lâu thì ta có mang, mang thai ròng rã suốt chín tháng nhưng đến kỳ sinh lại có chuyện lạ, đến chính ta cũng không thể tin vào mắt mình. Ta sinh ra không phải là một hài nhi mà là một chiếc bọc bên trong có rất nhiều trứng, đếm ra mới biết có đến trăm quả. Rồi từ trăm quả trứng hồng đó nở ra một trăm người con đẹp đẽ lạ thường. Khi ấy, ta vui mừng khôn xiết, ôm ấp từng đứa con của mình vào lòng. Điều kỳ lạ hơn là các con của ta sinh ra không cần bú mớm sữa mẹ, chúng cứ tự nhiên lớn lên nhanh như thổi, mặt mũi người nào cũng khôi ngô tuấn tú, khỏe mạnh như thần.

Long Quân vốn quen sống dưới nước, nay phải sống trên cạn quá lâu cảm thấy không ổn nên đã từ biệt mẹ con ta trở về thuỷ cung. Ta một mình nuôi con, cùng các con chờ đợi chồng trong mòn mỏi, đến một ngày phải gọi chàng lên. Ta trách móc sao chàng nỡ bỏ lại ta và các con, sao không ở lại cùng ta nuôi dạy chúng. Nhưng chàng đáp rằng:

· Ta là giống rồng ở miền nước thẳm, nàng lại là tiên chốn non cao, tính tình và tập quán khác nhau rất khó để ăn ở lâu dài. Nay ta sẽ đưa năm mươi con xuống biển còn nàng hãy đưa năm mươi con lên núi, cùng nhau cai quản đến khi nào có việc sẽ giúp đỡ lẫn nhau.

Khi ấy ta và đàn con đành nghe theo lời của Long Quân, chia nhau lên đường. Sau khi dẫn năm mươi con lên núi, ta chọn sống tại vùng đất Phong Châu, chọn người con trưởng lên làm vua lấy hiệu Hùng Vương và đặt tên nước là Văn Lang. Ta quy định rất rõ ràng các tướng văn, võ trong triều rồi lấy tên gọi chung cho con trai vua là lang, con gái vua là mị nương. Nếu vua cha chết sẽ truyền lại ngôi cho người con trưởng, từ đời này sang đời sau vẫn lấy hiệu là Hùng Vương không thay đổi.

https://th **BT7.Đóng vai nhân vật Lạc Long Quân kể lại chuyên Con Rồng Cháu Tiên.**

**Dàn ý**

**1. Mở bài:**

- Mở bài trực tiếp, hóa thân vào nhân vật Lạc Long Quân, tự giới thiệu về mình và kể chuyện: ta là Lạc Long Quân, con trai thần Long Nữ…

**2. Thân bài:**

- Giới thiệu nguồn gốc xuất thân: con trai thần Long Nữ, cai quản vùng Lạc Việt..; bày tỏ suy nghĩ về nguồn gốc của mình: tự hào về nguồn gốc cao quý.

- Lạc Long Quân gặp Âu Cơ và kết duyên cùng Âu Cơ: Lạc Long Quân và Âu Cơ kết duyên, sự kì lạ trong việc sinh nở của Âu Cơ: sinh ra cái bọc trăm trứng nở ra trăm con, con nào con nấy hồng hào khỏe mạnh; cảm xúc của Lạc Long Quân: ta vô cùng kinh ngạc và vui sướng.

- Lạc Long Quân, Âu Cơ cùng đàn con chia nhau cai quản các vùng đất

+ Lí do cuộc li biệt: sự khác nhau về điều kiện sinh sống, tập quán… của 2 giống Rồng-Tiên

+ Lạc Long Quân chia sẻ với Âu Cơ và đàn con những trăn trở của mình, quyết định chia nhau cai quản các vùng đất

+ Cuộc chia li diễn ra ngậm ngùi, da diết

- Long Quân và Âu Cơ cùng các con chia về 2 miền xuôi ngược, xây dựng chính quyền (Nhà nước Văn Lang và các vua Hùng ra đời).

**3. Kết bài**

- Suy nghĩ, cảm nhận của Lạc Long Quân: ta tự hào về các con, các cháu của ta đã trưởng thành; nhớ đến nguồn gốc tổ tiên mà biết đoàn kết, yêu thương nhau để cùng xây dựng va bảo vệ lãnh thổ…

 Ta là Lạc Long Quân con trai thần Long Nữ, dòng dõi ta thuộc nòi rồng. Chính vì vậy mà ta sống ở dưới nước, thỉnh thoảng ta lên cạn để giúp dân lành diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh và các loài yêu quái. Ta còn dạy cho dân chúng cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Khi ta xuất hiện trên cạn thì tất cả dân chúng đều rất kính trọng và khâm phục tài năng của ta.

       Có lần, ta đã hoá phép giết chết năm loài quỷ quái, chuyên đi giết hại dân lành. Sau khi bọn quỷ quái bị ta giết, người dân ở vùng này vô cùng sung sướng, họ đã đem rất nhiều lễ vật quý báu đến dâng cho ta nhưng ta không hề nhận một thứ gì. Chính vì thế họ càng kính phục tin tưởng vào tài năng và tấm lòng nhân đức của ta. Mỗi khi làm xong việc ta lại trở về Thủy Cung và báo cáo với cha ta. Trước khi trở về Thuỷ Cung ta còn dặn lại dân chúng khi nào gặp tai ương, hoạn nạn thì xuống biển gọi ta lên giúp.

       Một lần, ta đang cùng cha vui chơi dưới Thuỷ Cung, bỗng có tiếng kêu cứu của dân chúng. Ta vội vàng từ biệt cha lên đường. Khi ta xuất hiện, ta đã phải chứng kiến một cảnh thảm thương ở vùng núi phương Bắc. Đó là nạn Hồ Tinh, Mộc Tinh quấy nhiễu dân lành. Chúng ăn thịt biết bao người dân vô,tội nơi đây khiến xương trắng phơi đầy sau một quả núi to. Ta vô cùng căm phẫn đã truy tìm tới tận hang ổ của bọn Hồ Tinh và Mộc Tinh.

       Ròng rã một tháng trời, ta mới quét sạch được lũ yêu ma này. Sau khi giết hết lũ Hồ Tinh và Mộc Tinh, cuộc sống của người dân ở vùng này lại trở lại bình yên. Để đền đáp công ơn của ta, họ đã mở hội ăn mừng to lắm: Bao nhiêu lễ vật họ đã dâng biếu cho ta cùng tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng hò reo chào mừng chiến thắng náo động cả một vùng. Đã lâu nay ta mới cảm nhận được cuộc sống ở trên cạn có nhiều điều kì thú mà ở dưới Thuỷ Cung không có được. Cảnh núi non hùng vĩ với hoa lá chim muông thật đẹp và thơ mộng. Ta quyết định ở vùng này một thời gian để vãn cảnh. Thế rồi, vào một ngày đẹp trời, ta đang mải mê ngắm nhìn dòng sông chảy lững lờ quanh một sườn núi cỏ cây xanh biếc thì thấy xuất hiện một thiếu nữ xinh đẹp cùng các hầu nữ cũng đang hái hoa đuổi bướm dưới núi. Có lẽ vì mải mê với những bông hoa ven sườn núi mả nàng đã bị ngã. Không ngần ngại gì, ta vội chạy tới đỡ nàng lên. Sau một lúc trò chuyện ta đã biết được đó là nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Tiếng tăm của nàng ta đã được nghe đã lâu mà nay mới thấy. Ta đã đem lòng yêu thương nàng và nàng cũng yêu ta. Ta và nàng đã trở thành vợ chồng cùng chung sông ở cung điện Long Trang.

       Ít lâu sau, nàng có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con chẳng cần bú mớm mà tự lớn như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần. Thế rồi một hôm, ở dưới Thuỷ Cung có việc lớn, cha ta gọi về. Ta đành phải từ biệt nàng và đàn con về Thuỷ Cung, ở dưới đó cha ta đã già yếu nên rất cần ta ở lại giúp việc, nên ta chưa thể về ngay với nàng cùng các con.

       Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi ta lên mà than thở:

- Sao chàng bỏ thiếp mà di, không cùng thiếp nuôi các con?

       Ta nói:

-Ta vốn nồi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở dưới nước kẻ ở cạn tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp dỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

       Nàng đã nghe lời ta, rồi ta chia tay nàng cùng năm mươi con xuống vùng biển. Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang.

       Triều đình có tướng văn, tướng võ; con trai gọi là Lang, con gái gọi là Mị Nương; khi cha chết thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền ngôi vua đều lấy tên hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

       Mốì tình của ta và nàng Âu Cơ đã trở thành một sự tích đẹp lưu truyền trong dân gian. Mỗi khi nhắc đến nguồn gốc của mình người Việt Nam thường tự xưng mình là con Rồng cháu Tiên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**CHUYÊN ĐỀ 2:TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. CỦNG CÔ VÀ MỞ RỘNG KIÊN THỨC**

**1.**Truyện cổ tích là tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động.

**2.**Truyện cổ tích có thể chia làm ba tiểu loại: truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích loài vật, truyện cổ tích sinh hoạt.

 Truyện cổ tích thần kì là tiểu loại tiêu biểu nhất của truyện cổ tích. Những truyện thuộc tiểu loại này thường ra đời từ rất sớm và những đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích đều có thể tìm thấy ở kiểu truyện này. Đặc trưng nổi bật của truyện cổ tích thần kì là sử dụng yếu tố kì ảo một cách đậm đặc. Đó là một yếu tố không thể thiếu được của cốt truyện, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng về một xã hội lí tưởng của nhân dần và kết thúc truyện thường có hậu.

– Truyện cổ tích loài vật là kiểu truyện mà nhân vật là các con vật trong thế giới loài vật. Tác giả dân gian thông qua các con vật, mối quan hệ của các con vật để gián tiếp phản ánh xã hội con người, những mối quan hệ của con người trong xã hội.

– Truyện cổ tích sinh hoạt, là những truyện rạ đời khi mâu thuẫn và đấu tranh xã hội trở nên gay gắt. Thực tế này đi vào trong truyện cổ tích đã làm cho yếu tố hoang đường kì ảo giảm nhẹ và thay vào đó là các yếu tố hiện thực để phản ánh sâu sắc những sinh hoạt- đời thường, những quan hệ gia đình và xã hội. Thông qua những bức tranh sinh hoạt, những mối quan hệ này nhân dân đã gửi gắm những ước mơ về một xã hội công bằng, dân chủ, phê phán cái ác và đề cao đạo đức, luân lí.

**3. Đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích :** Sau khi xã hội nguyên thuỷ tan rã, cùng với sự xuất hiện thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích đã ra đời. Nhưng khác với truyền thuyết, đối tượng phản ánh của truyện cổ tích không phải là những nhân vật lịch sử hay các sự kiện lịch sử mà là những quan hệ giữa con người với con người trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là số phận của những con người “thấp cổ bé họng” trong xã hội.

– Truyện cổ tích phản ánh mâu thuẫn và đấu tranh xã hội: Ra đời và phát triển trong xã hội có phân hoá giai cập, truyện cổ tích rất chú ý tới việc phản ánh những mâu thuẫn giai cấp, phản ánh những cuộc đấu tranh xã hội. Đi sâu vào mảng đề tài này, truyện cổ tích chú ý khai thác những mâu thuẫn gia đình, tác giả dân gian quan niệm gia đình là một xã hội thu nhỏ. Và với cái nhìn như vậy, truyện cổ tích đã lí giải những mâu thuẫn gia đình trong mối tương quan vói các quan hệ xã hội. Chế độ phong kiến đề cao, coi trọng người đàn ông thì trong gia đình nảy sinh mối quan hệ bất bình đảng giữa nam và nữ, con trưởng và con út. Nếu gia đình là mái ấm của những đứa trẻ có đủ cha, đủ mẹ thì những đứa trẻ mồ côi, những đứa trẻ bị bỏ rơi lại bị hắt hủi và bóc lột tàn tệ… Truyện cổ tích đã dựng nên những bức tranh trái chiều nhau giữa hai cảnh sống của giai cấp thống trị và những người thuộc tầng lóp bị trị. Khi phản ánh những mâu thuẫn giai cấp, những cuộc đấu tranh xã hội, các tác giả dân gian đã thể hiện một cái nhìn đầy cảm thông, thương yêu, nâng đỡ những con người “nhỏ bé” gặp phái những cảnh ngộ trớ trêu. Và ẩn sâu trong cái nhìn đó là một tinh thần phản kháng mạnh mẽ, mãnh liệt của nhân dân lao động, đồng thời’Cũng ánh lên một niềm tin vào ngày mai tươi sáng.

– Truyện cổ tích phản ánh ước mơ của nhân dân lao động về một xã hội tốt đẹp, cộng bằng, dân chủ: Thực trạng xã hội được phản ánh trong truyện cổ tích là hết sức đen tối, đầy rẫy những cảnh tượng đáng sợ. Trong gia đình thì anh cướp hết của cải eủa em (Cây khê), chị giết em để cướp chồng (Sọ Dừa), anh nuôi lợi dụng, hãm hại và lừa gạt em để cướp công (Thạch Sanh), mẹ con dì ghẻ hành hạ, sát hại con riêng của chồng (Tấm Cám). Ngoài xã hội cũng đầy rẫy những cảnh bất công, oan trái, đói rét, thảm thương (Chim Huýt-cô, Chủ Đồng Tử, Bò béo bò gầy, Sự tích con muỗi…). Hơn bất kì một thể loại văn học dân gỉan nào khác, truyện cổ tích đã xây dựng thành công một thế giới hiện thực trong những “giấc mơ”. Và qua những “giấc mơ” ấy người dân lao động đã trực tiếp trình bày, phản ánh khát vọng của mình về một xã hội công bằng, dân chủ. Ở dó những người dân lương thiện, nghèo khổ, hiền làrih, chăm chỉ làm ãn sẽ được hưởng hạnh phúc xứng đáng với đạo đức và tài nâng của họ, đồng thời những kẻ ác sẽ bị trừng trị đích đáng.

     Trong “thế giới cổ tích” người dân lao động không chỉ ước mơ về một xã hội công bằng, dân chủ mà còn có cả những ước mơ khác, bay bổng và đẹp đẽ. Đó là ước mơ về lao động nhẹ nhàng: trong một đêm xây được cả một toà lâu đài tráng lệ; giao thông thuận tiện: tấm thảm biết bay, đôi hài vạn dặm; đời sống vật chất phong phú mà không cần phải lao động vất vả: con người chỉ cần trải khăn ăn hoặc ngả mâm thần ra là có đủ thứ thức ăn sơn hào hải vị, ước mơ sống lâu, ước mơ có những công cụ lao động và vũ khí tốt để lao động và chiến đấu có hiệu quả…

– Truyện cổ tích đề cao, ca ngợi những tình cảm đạo đức xã hội: Truyện cổ tích đề cao, ca ngợi những tình cảm đạo đức xã hội theo hai khuynh hướng: đề cao, ca ngợi và phê phán, lên án.

+ Khuynh hướng thứ nhất, đề cao, ca ngợi những tình cảm đạo đức tốt đẹp. Theo khuynh hướng này, chúng ta thấy trong “thế giới cổ tích” người dân lao động không chỉ đơn thuần là phản ánh những mâu thuẫn xã hội hay trình bày những khát vọng về một xã hội tốt đẹp, công bằng, dân chủ mà còn đề cao, ca ngợi nhũng tình cảm đạo đức xã hội tốt đẹp theo những quan điểm thẩm mĩ của mình. Đó là tình nghĩa vợ chồng thuỷ chung son sắt [Sự tích đá Vọng Phu, Sự tích con sam), là tình bạn keo sơn thắm thiết [Sự tích chim quốc, Ba người bạn), là tình anh em, vợ chồng gắn bó thắm thiết [Sự tích trầu cau), là tình người nhân hậu (Người trồng mía và người đi đường, Tấm Cám – bà hàng nước cưu mang che chở cho cô Tấm).

+ Khuynh hướng thứ hai: Truyện cổ tích phê phán, lên án những thứ phi đạo đức trong xã hội. Đối với những trường họp này, nhân dân coi đây là những bài học bổ ích để cảnh tỉnh những kẻ ác, cái ác đang hoành hành trong xã hội: kết thúc truyện cổ tích người “ở hiền” sẽ “gặp lành”, còn cái ác, kẻ ác bao giờ cũng bị trừng trị đích đáng. Không chỉ vậy, nhân dân còn muốn coi truyện cổ tích là những liều “thuốc đắng dã tật” hay nhắc nhở, khuyên răn cho những ai đã và đang cố tình lãng quên tình nghĩa anh em, vợ chồng, cha mẹ, làng xóm, để củng cố vun đắp những tình cảm tốt đẹp trong gia đình, họ hàng, làng xóm.

Những quan niệm đạo đức thể hiện trong truyện cổ tích được chắt lọc từ chính trong kinh nghiệm ứng xử thực tế, đồng thòi là những lí tưởng đạo đức mà nhân dân muốn xây dựng. Do vậy nó vừa quen lại vừa lạ, vừa gần gũi vừa cao cả, vừa đời thường vừa thánh thiện. Nó không chỉ là cáị vốn có trong cộng đồng mà còn là cái sẽ có, cần có để cho cuộc đòi ngày càng tốt đẹp hon.

**5.**Đặc sắc về nghệ thuật

– Cốt truyện và kết cấu

+ Cốt truyện của truyện cổ tích íà sự đan cài của một loạt những mô-típ theo một hệ thống nhất định. Do vậy, trong truyện cổ tích hầu như không có những cốt truyện độc lập. cốt truyện của truyện cổ tích thường ngắn gọn, ít tình tiết phức tạp. Nó không có những chi tiết rườm rà mà thay vào đó là những công thức trần thuật đơn giản, gọn nhẹ. Truyện được kể trung thành theo trục thòi gian : việc gì xảy ra trước thì kể trước, việc gì xảy ra sau thì kể sau.

+ Truyện cổ tích thường có một số kết cấu như sau:

Kết cấu một trục thẳng: Đây là kiểu kết cấu mà cốt truyện có một nhân vật chính, nhân vật này hành động liên tiếp, các nhân vật và các sự kiện bị chi phối bởi những hành động của nhân vật chính. Ví dụ Tấm Cám, Cây tre trăm đốt, Lọ nước thần…

Kết cấu ba chặng tăng cấp: Đây là kiểu kết cấu có cốt truyện được chia làm ba chặng, mỗi một chặng là một thử thách với nhân vật mà thử thách sau cao hơn thử thách trước. Khi nhân vật chính vượt qua thử thách thứ ba là lúc nhân vật đạt được mục đích cuối cùng và cũng là lúc kết thúc truyện. Ví dụ Thạch Sanh.

Kết cấu đồng quy: Đây là kiểu kết cấu mà nhân vật được chia làm hai tuyến. Hai tuyến nhân vật này đều đứng trước những thử thách như nhau. Những thử thách này là các tình huống mà nhân vật phải trải qua. Và trong quá trình xử lí các tình huống này thì bản chất nhân vật sẽ được bộc lộ và dẫn đến những kết thúc trái ngược nhau. Ví dụ truyện Cây khế, Hai cô gái và cục bướu…

– Nhân vật: Nhân vật chính trong truyện cổ tích là những con người bé nhỏ tầm thường. Ở các .cốt truyện chia làm hái tuyến nhân vật thì nhân vật thiện luôn là những- người nghèo khổ có tài có đức, luôn bị áp bức bóc lột. Họ là những con ngưòi hoàn hảo về mọi mặt, tiêu biểu cho quan niệm thẩm mĩ của nhân dân. Ngược lại nhân vật ác thì lại ác và xấu đến tột cùng. Chúng là những kẻ có lòng dạ nham hiểm, tham lam vô độ. Ngược lại ở những truyện không chia hai tuyến đối lập thì nhân vật chính của truyện thường đứng ở một cực nào đó, hoặc là xấu hoặc là tốt, tính cách này không phát triển và cũng không phụ thuộc vào hoàn cảnh. Nhân vật trong truyện cổ tích thường mang tính chất đại diện chứ không mang tính cá nhân, cá thề. Họ là đại diện cho một tầng lóp hay một nhóm người nào đó, mang tính khái quát chung chung về một loại nhân vật (nhân vật chức năng). Do tính chất này mà nhân vật truyện cổ tích mang tính phiếm chỉ.

– Yếu tố thần kì: Yếu tố thần kì là kết quả của những hư cấu dưới ánh sáng trí tưởng tượng kì ảo và bay bổng của nhân dân. Yếu tố thần kì này có thể là những nhân vật thần kì như ông Bụt, cô Tiên, Thiên Lôi, Ngọc Hoàng, phù thũỷ, yêu tinh…, cũng có thể là những đồ vật hay vật thể thần kì như gậy thần, khăn thần, mâm thần, đàn thần, niêu thần…, cũng có thể là những con vật thần kì như ngựa thần, chim thần, rắn thần… Trong truyện cổ tích Việt Nam, nhân vật thần kì chia làm hai loại: những ông Bụt, bà Tiên luôn tốt bụng, giàu lòng thương người luôn hiện lên để giúp đỡ những kẻ thấp cổ bé họng còn những phù thuỷ, yêu tinh thì luôn độc ác, làm hại người. Khác với các nhân vật thần kì, các đồ vật thần kì và con vật thần kì phần lớn không đứng riêng về phe nào cả, ai có nó là làm chủ được nó. Ví dụ ngựa thần, chim thần, mâm thần giúp tất cả những ai là chủ nhân của chúng. Khi tham gia vào truyện cổ tích, các yếu tố thần kì có nhiều tác dụng khác nhau, nhờ có nó mà cốt truyện có thể kéo dài hay rút ngắn theo ý người kể chứ không phụ thuộc vào lô-gíc thực tế. Nhờ có yếu tố thần kì này mà truyện cổ tích hấp dẫn mọi lứa tuổi, mọi thời đại, thể hiện một cách sinh động những ước mơ của nhân dân lao động.

**VĂN BẢN: THẠCH SANH**

Đây là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng, cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. về sự ra đòi và lớn lên của Thạch Sanh có tả những nét bình thường và những nét khác thường. Những nét bình thường như lớn lên trong cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ, Thạch Sanh sống vừa thiếu thốn tình cảm, vừa thiếu thốn cả về vật chất… gợi lên ở người nghe truyện một niềm xót xa, thương cảm. Đó là một phần của cái tâm lí, tâm thế mà truyện cổ tích rất cần tạo nên nơi người nghe – tạo nên ngay từ lúc mở. đầu truyện. Còn những nét khác thường như là thái tử trên trời do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai, được thiên thần dạy võ nghệ và các phép thần thông… Điều đó mở ra hướng phát triển tiếp của câu chuyện. Truyện sẽ kể về diễn biến của một số phận tuy bình thường mà lại khác thường. Truyện lôi cuốn người nghe một phần do cái tâm lí, tâm thế mà nó tạo nên nơi người nghe kể: tâm lí háo hức chờ theo dõi một số phận tưởng như bình thường mà lại đầy sự khác thường. Cả hai phần, hai nửa tâm lí, tâm thế ấy họp lại thành cái mà người ta gọi là tăm lí nghệ thuật khi nghe kể chuyện cổ tích.

Diễn tiến số phận của Thạch Sanh được tạo thành bởi những trở ngại mang ý nghĩa thử thách mà chàng liên tiếp gặp phải. Đó là quá trình chàng liên tiếp lập được những chiến công thần kì, khác thường. Những Lí Thông, chằn tinh, đại bàng và liên tiếp quân mười tám nước chư hầu là những lực lượng thù địch gây trở ngại cho Thạch Sanh. Nhũng trở ngại đó càng về sau càng gay gắt hơn, và do vậy, những thử thách mà nhân vật lí tưởng trải qua cũng ngày càng khó khăn. Nhưng cũng vì thế những chiến thắng của nhân vật sau mỗi lần vượt qua thử thách cũng ngày càng cao hơn. Đó là quá trình nhân vật chính trở thành nhân vật lí tưởng. Trong quá trình ấy, nhân vật luôn được sự trợ thủ của các nhân vật thần kì.

Những phẩm chất mà Thạch Sanh bộc lộ qua mỗi lần vượt qua (chiến thắng) thử thách đó là sự thật thà, chất phác, lòng thương người, sẵn sàng quên mình vì người khác; là lòng dũng cảm phi thường và tài năng khác thường; là lòng nhân đạo, khoan dung… Nhân dân Việt Nam yêu mến Thạch Sanh, thích kể và nghe kể chuyện về Thạch Sanh chính là do lòng ngưỡng mộ của họ trước những phẩm chất và tài năng của chàng. Họ coi đó là những phẩm chất và tài năng lí tưởng mà họ mơ ước.

Nhân vật tương phản với Thạch Sanh là Lí Thông, về mọi phương diện, Lí Thông đều trái ngược với Thạch Sanh. Lí Thông gian xảo, chỉ quen tính toán có lợi cho mình và nhiều mưu mô, đùng mưu mẹo gian ngoan xảo quyệt để cướp công của người khác mà sống, hưởng thụ. Kết cục là dù được Thạch Sanh tha chết nhung Lí Thông vẫn bị thần sét đánh chết (cùng mẹ hắn), hơn thế lại còn bị biến thành bọ hung. Sự đối lập giữa Thạch Sanh vói Lí Thông là sự đối lập giữa thiện với ác, thật thà với gian xảo, vị tha với ích kỉ, tài năng với bất tài. Xây dựng những mẫu nhân vật tương phản tuyệt đối như vậy là đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyện cổ tích (tiểu loại truyện cổ tích thần kì). Nhân vật phản diện là đối tượng chiến thắng của nhân vật chính diện, đồng thòi có tác dụng làm nổi bật nhân vật chính diện.

Trong truyện Thạch Sanh, có một số chi tiết thần kì, đặc sắc nhất là hai chi tiết: cây đàn £hần kì và niêu cơm thần kì. Cây đàn cùng âm thanh thần kì của nó chính là tiếng đàn của công lí, thực hiện ước mơ về công lí của nhân dân. Nhưng đây cũng là tiếng đàn hoà bình dùng để chiến thắng và cảm hoá kẻ thù. Với ý nghĩa này, cây đàn thần kì tượng trưng cho tinh thần yêu chuộng cái thiện, yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta trong quan hệ đối ngoại. Niêu com thần kì mang nhiều ý nghĩa: tượng trưng cho sự sáng tạo vô cùng tận của nhân dân lao động; biểu hiện tài năng thần kì, phi thường của nhân vật Thạch Sanh; tượng trưng cho truyền thống nhân đạo của dân tộc ta trong quan hệ đối ngoại; phản ánh ước mơ lãng mạn của nhân dân lao động về sự no đủ, hạnh phúc. Cả hai chi tiết thần kì này, cùng với các chi tiết thần kì khác góp phần quan trọng tạo nên vẻ đẹp kì diệu và sức hấp dẫn kì lạ của truyện cổ tích.

Truyện kết thúc bằng việc Thạch Sanh được kết hôn cùng công chúa, lại được lên ngôi vua cùng sự thất bại hoàn toàn, thảm hại của các nhân vật thù địch. Đó là kiểu kết thúc có hậu phổ biến ở các truyện cổ tích thần kì. Kiểu kết thúc ấy biểu hiện ước mơ về công lí xã hội (Ớ hiền gặp lành, ở ác gặp ác), ước mơ về hạnh phúc, ước mơ về những mẫu người lí tưởng. Kiểu kết thúc này một mặt thoả mãn nhu cầu của nhân dân về cái đẹp (cái đẹp ở trong con người, cái đẹp ngoài cuộc đời), một mặt góp phần làm nên ý nghĩa giáo dục sâu sắc của thể loại truyện cổ tích.

**1. Giá trị nội dung**

Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dùng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân, bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.

**2. Giá trị nghệ thuật**

- Truyện sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì độc đáo và giàu ý nghĩa (sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần…)

- Xây dựng hai nhân vật đối lập

### **II. Phân tích văn bản Thạch Sanh**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu về thể loại truyện cổ tích (khái niệm, các kiểu nhân vật, đặc sắc về nội dung và nghệ thuật…)

- Giới thiệu về truyện cổ tích “Thạch Sanh” (tóm tắt, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật…)

**II. Thân bài**

**1. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh**

- Là thái tử con của Ngọc Hoàng

- Mẹ mang thai nhiều năm

- Mồ côi cha lớn lên bằng nghề kiểm củi, không lâu thì mẹ qua đời

- Được thần dạy đủ võ nghệ và tài giỏi

→ Vừa bình thường, vừa khác thường. Bình thường ở chỗ Thạch Sanh là con của nông dân, sống nghèo khổ bằng nghề tiều phu. Khác thường ở chỗ Thạch Sanh là thái tử con của Ngọc Hoàng, được mang thai trong thời gian dài, được chỉ dạy võ nghệ tinh thông -Bình thường:

→ Thể hiện ước mơ niềm tin con người bình thường cũng có tài năng hơn người.

**2. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh**

- Bị mẹ con Lý Thông lừa đến miếu hoang để thế mạng. Giết được chằn tinh, nhặt được cung tên vàng, bị Lí Thông cướp công.

- Xuống cứu công chúa lại bị Lý Thông lấp cửa hang về giành chiến tích.

- Giết đại bàng, cứu được con trai vua Thủy tề và được tặng cây đàn thần

- Bị hồn chằn tinh và đại bàng báo thù, Thạch Sanh bị vu oan và bị bắt vào ngục.

   + Tự minh oan cho mình

   + Thật thà kể lại mọi chuyện

→ Thạch Sanh được minh oan. Vua giao cho Thạch Sanh xét xử hai mẹ con Lí Thông nhưng chàng không giết mà cho về quê làm ăn, trên được về thị bị sét đánh chết, hóa thành con bọ hung. Điều này cho thấy quan niệm ở hiền gặp lành, ác giả ác báo của nhân dân ta

→ Thạch Sanh là chàng trai dũng cảm, tài năng, thật thà, chất phác và khoan dung.

**3. Thạch Sanh cưới công chúa, lên ngôi vua và lui yên quân chư hầu**

- Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì

- Hoàng tử bị công chúa từ hôn nổi giận, binh lính mười tám nước kéo sang đánh

- Thạch Sanh một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc, tiếng đàn của chàng khiến binh lính phải cởi áo xin hàng và dọn cơm thết đãi những kẻ thua trận

- Thạch Sanh lên ngôi vua

**III. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản:

   + Nội dung: Truyện thể hiện ước mơ đạo lí của nhân dân: Thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh…

   + Nghệ thuật: sử dụng chi tiết tưởng tượng thần kì, xây dựng hai nhân vật tương phản, đối lập

- Bài học cho bản thân: tin tưởng vào sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, biết nhận diện cái ác, cái xấu….

**NHỮNG CHI TIẾT LƯU Ý**

**\* Tiếng đàn hóa giải và niêu cơm nhân nghĩa**

    Truyện cổ tích Thạch Sanh bắt nguồn từ một cốt truyện dân gian phổ biến trên thế giới ngợi ca người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng, cứu người bị hại. Khi “nhập cư” vào mảnh đất trí tuệ và tâm hồn Việt Nam, truyện cổ tích ấy nảy cành, thêm lá, nở hoa, kết trái, mở rộng thêm nội dung, ý nghĩa. Chàng dũng sĩ ấy có quê quán cụ thể : tỉnh miền núi Cao Bằng, mang tên cụ thể : Thạch Sanh với ý nghĩa “người con được sinh ra từ đá”. Chàng lại có nguồn gốc sâu xa : vốn là thái tử con Ngọc Hoàng Thượng đế… Do đó, câu chuyện về dũng sĩ Thạch Sanh, không chỉ ca ngợi công lao diệt loài vật ác trên núi, trên trời mà còn diệt cả ác quỷ dưới nước, đấu tranh vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chống ngoại xâm, bảo vệ non sông Tổ quốc, vẻ đẹp tài năng, đạo đức của Thạch Sanh đậm đà bản chất Việt Nam. Những chiến công của Thạch Sanh thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta. Những giá trị nội dung ấy của tác phẩm được thể hiện bằng nhiều tình huống, chi tiết và hình ảnh thần kì độc đáo như : sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, cung tên vàng, cày đàn thần và niêu cơm thần. Thêm nữa, cùng với văn bản kể miệng bằng văn xuôi, cổ tích Thạch Sanh còn được sáng tác bằng một truyện thơ Nôm, theo thể lục bát ra đời khoảng cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Tác phẩm toát ra bao nhiêu ý nghĩa nội dung, hiển hiện bao nhiêu hình ảnh nghệ thuật độc đáo. Nổi bật nhất trong truyện kể văn xuôi cũng như trong truyện thơ Nôm Thạch Sanh là hình ảnh cây đàn, tiếng đàn thần và niêu cơm thần. Có thể nói đó là “tiếng đàn hoá giải”, đó là “niêu cơm nhân nghĩa”.

**1.** Trước hết, chúng ta hãy lắng nghe và suy nghĩ về tiếng đàn của Thạch Sanh. Chẳng rõ, sau khi nhận cây đàn kỉ niệm của vua Thuỷ Tề, trở lại dương thế, tiếp tục sống cuộc đời lam lũ, Thạch Sanh đã luyện được phép màu kì diệu nào mà khi tiếng đàn cất lên ở trong ngục, nó nỉ non, thánh thót, nhiều cung, nhiều nghĩa đến thế. Truyện văn xuôi chỉ kể ngắn gọn : “Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, đem đàn của vua Thuỷ Tề cho ra gảy”. Còn truyện thơ thì miêu tả tiếng đàn ấy rất cụ thể :

Đàn kêu : Ai chém chằn tinh

Cho mày vinh hiển dự mình quyền sang ?

Đàn kêu : Ai chém xà vương

Đem nàng công chúa triều đường vê đây ?

Đàn kêu : Hỡi Lí Thông mày

Cớ sao phụ nghĩa lại rày vong ân ?

Đàn kêu : Sao ở bất nhân

Biết ăn quả lại quên ân người trồng ?

    Nhân danh công lí, tiếng đàn ấy đã thay lời nạn nhân oan uổng nói to lên, vang lên tất cả sự thật, bênh vực người có công, tố cáo kẻ gian xảo, cướp công, gây tội ác, bất nghĩa, bất nhân. Âm thanh, nhịp phách của tiếng đàn rắn rỏi, mạnh mẽ, dứt khoát,… như tiếng vị quan toà phân xử rạch ròi như lưỡi rìu, mũi tên chàng dũng sĩ nhằm giữa mặt kẻ quyển cao chức lớn, nhưng chúng là thủ phạm gieo đau khổ cho người dân lương thiện. Tiếng đàn của Thạch Sanh vang lên giữa thanh thiên bạch nhật, nói rõ tất cả mọi lẽ đời ân oán, nghĩa tình, vọng từ ngục tối, vọng khấp kinh thành, vọng tới cung vua. Nghe tiếng đàn, nàng công chúa bấy lâu im tiếng, nay “bỗng cười nói vui vẻ”. Thạch Sanh được gặp nhà vua. Tiếng đàn ấy đã hoá giải mọi bi kịch của cuộc đời chàng Thạch Sanh dũng sĩ – nghệ sĩ. Tên Lí Thông độc ác bị trừng phạt. Công lao, tài đức của Thạch Sanh được đền đáp. Tiếng đàn có phép thần thông kì diệu, hay đó chính là khát vọng công lí, khát vọng nhân nghĩa ngàn đời của dân tộc ta ? Trong các truyện cổ tích khác, niềm khát vọng đó thường được biểu hiện bằng hình tượng Tiên, Bụt, hoặc những biến hoá huyền ảo, hoang đường. Ở truyện Thạch Sanh, tác giả dân gian sử dụng “tiếng đàn” biết nói, nói thấu tình, đạt lí để đấu tranh cho lẽ phải, giành lấy hạnh phúc. Hình tượng “tiếng đàn” vừa gần gũi vừa độc đáo và đậm chất nghệ sĩ.

    Độc đáo và nghệ sĩ hơn nữa là từ trong nhà ngục, từ tay chàng dũng sĩ – tù nhân đơn độc, tiếng đàn ra giữa chiến trường, từ tài năng, đức độ của một phò mã, tấu lên sức mạnh chính nghĩa, khát vọng hoà bình. Trước quân tướng của mười tám nước chư hầu đầy hận thù và tham vọng xâm lược, thay mặt nhà vua, thay mặt triều đình và cả dân tộc, Thạch Sanh một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc, tấu lên khúc nhạc thần kì. “Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa”. Lời kể chỉ ngắn gọn một câu mà gợi cho người đọc, người nghe bao nhiêu tưởng tượng, suy nghĩ. Tiếng đàn của Thạch Sanh đã ngân vang những cung bậc gì mà kì diệu đến thế, có sức thuyết phục con người đến thế ? Phải chăng đấy là tiếng nói nhân nghĩa, yêu chuộng hoà bình của cả triều đình, cả dân tộc ta lúc bấy giờ. Trước kia, tiếng đàn của Thạch Sanh cất lên từ ngục tối, như tiếng én gọi xuân, thức dậy tâm hồn, tình yêu của nàng công chúa. Nó hoá giải bi kịch riêng cho chàng dũng sĩ. Giờ đày, tiếng đàn ấy ngân vang “như nước cành dương tưới nhuần” (lời miêu tả tiếng đàn trong truyện thơ Nôm Thạch Sanh). Như vậy, tiếng đàn Thạch Sanh đã hoá giải một tình thế khó khăn, nguy cấp – có thể coi là một bi kịch của cả dân tộc. Sáng tạo ra hình tượng tiếng đàn có sức mạnh chiến thắng như thế, phải chăng các tác giả truyện cổ tích Thạch Sanh(cả trong truyện kể và truyện thơ) muốn ngợi ca một chiến lược quan trọng của dân tộc ta trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ? Đó là nghệ thuật “mưu phạt tâm công” – đánh vào lòng người, dùng văn chương, nghệ thuật hỗ trợ cho thanh gươm, khẩu súng. Từ “tiếng đàn Thạch Sanh”, chúng ta nhớ tới bài thơ Nam quốc sơn hà đời Lí, những bức thư Nguyễn Trãi thuyết hàng giặc Minh đời Lê và biết bao tác phẩm văn nghệ khác ở các giai đoạn lịch sử sau này. “Tiếng đàn Thạch Sanh”, binh pháp Việt Nam kì diệu biết bao !

**2. Niêu cơm nhân nghĩa**

    Chiến thắng của tiếng đàn Thạch Sanh mới chỉ ở chặng đầu. Quân chư hầu mười tám nước bằng lòng lui binh. Các hoàng tử cởi giáp xin hàng. Nhưng đội ngũ vẫn trùng trùng điệp điệp trước kinh thành. Làm thế nào đây ? Phải cấp lương thực để cho chúng no bụng, vui vẻ về nước chứ. Lúc bấy giờ nhà vua lo lắng. Cả triều đình lo lắng, nghĩ kế, bày mưu. Thạch Sanh chẳng nghĩ nhiều, chàng sai dọn một bữa cơm thết đãi kẻ bại trận. Bữa cơm… chỉ vẻn vẹn có “một niêu cơm tí xíu” khiến lũ giặc “bĩu môi”, như chế giễu, như hỏi han, chất vấn. Thạch Sanh “đố họ ăn hết và hứa sẽ trọng thưởng”. Một câu đố – một bài toán, lại xuất hiện “bài toán” trong tác phẩm. Đơn giản quá, dễ dàng quá, cái “bài toán niêu cơm”. Vậy mà, hàng vạn quân của mười tám nước chư hầu không giải được bài toán ấy. Chúng đành phải “cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước”. Chao ôi ! Niêu cơm của Thạch Sanh, cái vật dụng đất nung nhỏ bé, bình thường mà sao có sức chứa lớn lao phi thường như vậy. Thật lạ lùng và thú vị ! Tôi chợt nhớ thành ngữ xưa “nước lọ, cơm niêu” cha ông ta dùng để thở than về cuộc sống thiếu thốn, đói nghèo từng đày đoạ bao kiếp người lao động.

    Rồi nhớ, một lần nhà thơ Xuân Diệu giải thích câu tục ngữ “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”, rằng : “Tại sao phải ăn trông nồi ? Vì nếu không “trông nồi” để liệu mà xới cơm, bớt miệng thì, con ơi, cháu ơi, bay sẽ ăn hết cả phần ông bà, cha mẹ, anh chị em ! Khổ cực thế ! Bốn nghìn năm nay, cái nồi cơm, cái niêu cơm Việt Nam nó nhỏ lắm, nó bé lắm. Nhưng cũng bốn nghìn nằm nay, dân tộc Việt Nam chúng ta biết dạy nhau, nhường nhịn nhau để sống, để đánh giặc, giữ nước, dựng nước…”. Và tôi nhớ lại truyền thuyết về đạo sĩ Nguyễn Minh Không triều đại nhà Lí. Đạo sĩ ở ẩn trong rừng, dưới túp lều tranh, ngày ngày chỉ ăn một niêu cơm, vẫn khoẻ mạnh, tìm thuốc, chữa bệnh cho dân quanh vùng. Triều đình cử một đoàn sứ giả đến mời Minh Không về chữa bệnh cho vua. Khách có hơn chục người. Minh Không chỉ thổi một niêu cơm đãi. Đoàn người ăn mãi không hết, niêu cơm vơi rồi lại đầy. Chẳng biết cái “niêu cơm” trong thành ngữ, tục ngữ, trong truyền thuyết xa xưa và trong sự cảm nhận của thi sĩ Xuân Diệu ngày nay có liên quan gì với “niêu cơm” của Thạch Sanh không mà sao nó trở thành một hình tượng kì vĩ trong tâm thức biết bao thế hệ người Việt Nam, từ người nghệ sĩ bình dân đến những nhà văn, nhà thơ bác học đến như vậy ? Dù nguyên cớ gì thì “niêu cơm” nhỏ xinh ấy đã trở thành một hình tượng thẩm mĩ đặc sắc khiến cho câu chuyện “dũng sĩ giết chằn tinh trừ hại cho dân”, “dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp” trong nhiều thần thoại, cổ tích của thế giới trở thành cổ tích Thạch Sanh đậm đà chất Việt Nam, đích thực là sản phẩm tinh thần độc đáo của trí tuệ, tàm hồn Việt Nam. Khác với tiếng đàn, niêu cơm chẳng nói nửa lời, cứ lặng lẽ vơi rồi đầy, giúp cho một người no nê, sảng khoái, rồi mười người, trăm ngàn người, biến họ từ những kẻ hung dữ, kiêu ngạo thành người hiền lành, phục thiện. Từ sản vật bình thường, niêu cơm đem lại cho Thạch Sanh sức mạnh tinh thần phi thường, to lớn. Nó tượng trưng cho lòng bao dung, độ lượng, chí tình, chí nghĩa của chàng dũng sĩ xuất thân dân dã. Nó bắt nguồn từ truyền thống khoan hồng, từ chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam mà biết bao anh hùng cứu nước từng thực hiện và nhắc nhở. Sau chiến thắng giặc Minh, Nguyễn Trãi đã viết (và đã thực hiện) : “Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc ; Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run…” (Bình Ngô đại cáo).

    Khi lãnh đạo nhân dân ta chống giặc Mĩ xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc : Nếu quân giặc từ bỏ ý chí xâm lược, thì dân tộc ta sẽ trải chiếu hoa tiễn họ về nước. Niêu cơm Thạch Sanh không chỉ là biểu tượng cho đạo lí Việt Nam trong công cuộc giữ nước mà còn là khát vọng nghìn đời của cả dân tộc ta về miếng ăn, về của cải vật chất có để nuôi sống mình, gia đình mình và để cho kẻ thù nể sợ. Sáng tạo ra hình tượng “niêu cơm” ở cuối câu chuyện, tác giả truyện cổ tích Thạch Sanh thực sự rất am hiểu, rất mến yêu và trân trọng quê hương, đồng ruộng, hạt gạo, nồi cơm, tâm hồn, khát vọng cùng biết bao giá trị khác nữa trên mảnh đất và trong tâm hồn Việt Nam. Cái thời “nước lọ, cơm niêu” đói khổ đã qua rồi. Ngày nay, ở nhiều khách sạn của nhiều thành phố Việt Nam, “cơm niêu” xuất hiện trở lại, như một biểu tượng của đặc sản cao cấp Việt Nam, thật là thú vị !

    Không biết, khi mời khách, nhất là khách nước ngoài, các nhà hàng có kể cho họ nghe về cái “niêu cơm” Thạch Sanh huyền thoại – sản phẩm thần kì của mảnh đất trí tuệ và tâm hồn dân tộc ta ? Những hình tượng thẩm mĩ độc đáo một khi bắt nguồn từ cuộc sống, nhất là cuộc sống đẫm mồ hôi và nước mắt của người lao động, qua sự sáng tạo tài tình của người nghệ sĩ thì nó sẽ trẻ mãi không già, sẽ trường tồn và trở đi trở lại với chúng ta trong cuộc sống, cũng như trong lòng người.

    So với những truyện cổ tích quen thuộc trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam như Chử Đồng Tử, Tấm Cám, Cây khế, Trầu cau, Sợ Dừa,… cổ tích Thạch Sanh có nội dung, kết cấu, số phận, tính cách nhân vật phong phú, đa dạng hơn nhiều. Nhân vật Thạch Sanh trong truyện vừa mang những nét đặc trứng của các nhân vật dũng sĩ trong anh hùng ca thời thị tộc – bộ lạc, vừa có những nét tính cách và số phận tiêu biểu cho loại nhân vật trong cổ tích thần kì ra đời trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Vì thế, Thạch Sanh vừa là biểu tượng cho con người lương thiện, nêu cao điều thiện, để đấu tranh diệt trừ cái ác vừa là người anh hùng tài năng, trí dũng vẹn toàn chiến đấu chống ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Đỉnh cao của phẩm chất nhân nghĩa, anh hùng trong Thạch Sanh phải chăng là tiếng đàn và niêu cơm ? Kéo tấm màn huyền thoại, hoang đường, sương khói kì ảo của trí tưởng tượng dân gian, chúng ta nhìn thấy được những chứng tích lịch sử, lắng nghe được những tiếng nói của cha ông về khát Vọng hoà bình, no ấm tự ngàn đời nay vọng lại. Tiếng đàn Thạch Sanh hay chính là văn hoá, văn học nghệ thuật Việt Nam có khả năng hoá giải mọi bi kịch ? Niêu cơm Thạch Sanh, hay chính là hạt thóc, nồi cơm, của cải vật chất trên mảnh đất Việt Nam đã từng nuôi lớn dân tộc, đã từng chiến thắng ngoại xâm và sẽ mãi mãi đem lại ấm no, hạnh phúc cho mỗi gia đình, cho mọi người Việt Nam chúng ta ? Ôi, tiếng đàn kì diệu, niêu cơm nhỏ bé mà có sức chứa vô hạn, vô biên, đáng yêu, đáng nhớ làm sao !

**II. LUYỆN TẬP**

**Bài tập**

**1.** Hãy tìm các chi tiết hoang đường trong các truyện cổ tích Sọ Dừa, Thạch Sanh, Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng. Việc sử dụng các chi tiết hoang đường này có ý nghĩa gì?

Gợi ý

1.  – Các chi tiết hoang đường trong các truyện cổ tích:

+ Sọ Dừa: Đó là các chi tiết kể về sự mang thai, hình dạng, tài năng khác thường của Sọ Dừa.

+ Thạch Sanh: Tuy do một bà mẹ nghèo dưới trần thế sinh ra nhưng Thạch Sanh lại chính là thái tử trên trời do Ngọc Hoàng sai xuống đầu thai; Thời gian bà mẹ mang thai dài khác thường (dài đến mấy năm). Thạch Sanh được thiên thần dạy võ nghệ và các phép thần thông, cây đàn và niêu cơm thần kì…

+ Cây bút thần: Cụ già cho Mã Lương cây bút thần trong giấc ngủ. Có cây bút thần, Mã Lương vẽ gì được nấy: từ chim, cá, cày, cuốc, đèn, thùng nước đến bếp lò, thang, ngựa, cung tên, cò rồi cả cóc, gà, biển cả và thuyền buồm, gió bão… Còn tên vua tham lam dùng cây bút vẽ lại không được như ý muốn: núi vàng thành núi đá, vẽ thỏi vàng thành mãng xà.

+ Ông lão đánh cá ưà con cá vàng: Cá vàng biết nói, có phép lạ giúp ông lão đánh cá có được nhiều thứ từ cái máng lợn đến to à nhà đẹp, biến vợ ông thành bà nhất phẩm phu nhân, nữ hoàng rồi lại biến mọi thứ trở về túp lều nát như xưa.

–   Việc sử dụng các chi tiết hoang đường này có nhiều ý nghĩa:

+ Sự ra đời và hình dạng khác thường: Là chủ ý của tác giả dân gian, họ như báo trước cho người đọc về tài năng và số phận khác thường của nhân vật, mở hướng phát triển của câu chuyện và thu hút sự chú ý của người nghe, người đọc.

+ Tài năng hơn người và những phẩm chất đạo đức của nhân vật: Là cách xây dựng nhân vật cổ tích. Nhân vật có hình thức bên ngoài và phẩm chất, tâm hồn bên trong trái ngược nhau. Bề ngoài họ có thể là những người xấu xí, lam lũ, vất vả nhưng bên trong họ là người có tài năng và tấm lòng nhân hậu, bao dung… Qua cách xây dựng nhân vật như vậy, nhân dân muốn tuyệt đối hoá giá trị bên trong, coi đó là bản chất của con người

+ Những chi tiết khác khi tham gia vào truyện cổ tích có nhiều tác dụng khác nhau, nhờ có nó mà cốt truyện có thể kéo dài hay rút ngắn theo ý người kể chứ không phụ thuộc vào lô-gíc thực tế. Nhờ có yếu tố thần kì này mà truyện cổ tích hấp dẫn mọi lứa tuổi, mọi thòi đại, thể hiện một cách sinh động những ước mơ của nhân dân lao động. Ví dụ: Cây đàn thần kì và gắn vói nó là âm nhạc thần kì trong truyện Thạch Sanh, đó là tiếng đàn của công lí, nó thực hiện ước mơ về công lí của nhân dân nhưng cũng là tiếng đàn hoà bình dùng để chiến thắng và cảm hoá kẻ thù. Với ý nghĩa này, cây đàn thần kì tượng trưng cho tinh thần yêu chuộng cái thiện, yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta trong quan hệ đối ngoại. Niêu com thần kì trong truyện Thạch Sanh cũng có nhiều ý nghĩa. Nó tượng trưng cho sự sáng tạo vô cùng tận của nhân dân lao động; biếu hiện tài năng thần kì, phi thường của nhân vật Thạch Sanh; thể hiện truyền thống nhân đạo của dân tộc ta trong quan hệ đối ngoại; phản ánh ước mơ lãng mạn của nhân dân lao động về sự no đủ, hạnh phúc…

**BÀI THAM KHẢO**

## ĐỀ 1.Phân tích truyện cổ tích Thạch Sanh

Tuổi thơ của tôi trôi qua thật êm đềm và đẹp đẽ, tôi sống trong những lời ru thân thương của mẹ của bà, nghe từng câu chuyện cổ tích lý thú, hấp dẫn mà đi vào giấc ngủ mơ màng. Mỗi một câu chuyện đều đem đến cho tôi những bài học hay và quý giá, từ Tấm Cám, Sọ Dừa, đến Sự tích Hồ Gươm, và Thạch Sanh cũng là một trong số những câu chuyện cổ tích đặc sắc gắn liền với tuổi thơ tôi.

Nhân vật Thạch Sanh có nhiều điểm tương đồng với các nhân vật chính trong các truyện cổ tích khác, là kiểu người thật thà tốt bụng, có một lai lịch bất thường, ở chàng hội tụ đủ các phẩm chất đẹp không chỉ về ngoại hình mà còn cả tâm hồn. Xuyên suốt câu chuyện là những tình tiết lý thú, gay cấn, thêm vào các yếu tố thần kỳ làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, hút người đọc. Đây là một câu chuyện khá dài, kể về cuộc đời của Thạch Sanh từ khi sinh ra cho đến khi đã thành gia lập thất, cuộc đời chàng gặp rất nhiều nguy khốn, nhưng may thay đều vượt qua được, cuối cùng có một cuộc sống viên mãn.

Kể về gốc gác của Thạch Sanh, ngay từ lúc ban đầu đã có nhiều sự lạ, bởi vốn dĩ chàng là thái tử do Ngọc Hoàng phái xuống đầu thai làm con của cặp vợ chồng hiếm muộn, nhưng ăn ở tốt. Người mẹ mang thai ròng rã mấy năm trời, đến nỗi khi người chồng lâm bệnh qua đời mà Thạch Sanh vẫn chưa chịu ra đời, đến khi chào đời vừa lớn khôn cậu đã phải chịu cuộc sống mồ côi cha mẹ. Tình cảnh hết sức khó khăn, nghèo túng, gia sản chỉ có túp lều và lưỡi rìu người cha để lại, tuy nhiên Thạch Sanh đã sớm tự lập, nối nghiệp của cha mẹ ngày ngày lên rừng kiếm củi. Ngọc Hoàng lại phái thiên thần xuống dạy cho các phép thần thông, từ đó Thạch Sanh trở thành người tinh thông võ nghệ, nhưng không vì thế mà sinh kiêu, chàng vẫn ngày ngày kiếm củi sống cuộc sống giản dị chân chất, không hề có ý bon chen. Sống ẩn dật và mang trong mình một sức mạnh phi thường, dự báo trước một cuộc đời vẻ vang với nhiều chiến công lừng lẫy của chàng về sau này.

Cuộc đời chàng bắt đầu rẽ sang hướng khác khi gặp Lý Thông, và kết nghĩa anh em. Thực chất Lý Thông chẳng phải hạng tốt lành gì, hắn chỉ nhắm vào sức khỏe phi thường của Thạch Sanh hòng lợi dụng chàng làm việc cho mẹ con hắn. Nhưng vốn thật thà, chất phác, lại sớm mồ côi cha mẹ, nay lại có người hỏi thăm, muốn kết nghĩa anh em, quả thật không gì hạnh phúc bằng nên Thạch Sanh đã nhận lời và dọn về cùng Lý Thông. Và tại nơi này Thạch Sanh đã chịu lần hãm hại đầu tiên, mà kẻ thủ phạm không ai khác chính là người anh em gian ác Lý Thông, hắn lợi dụng lòng tin của Thạch Sanh nhờ chàng đi canh miếu giùm, thực chất là đưa Thạch Sanh vào chỗ chết. Quả là một kẻ nham hiểm, xảo trá, sẵn sàng hy sinh mạng sống của anh em không từ thủ đoạn. Thạch Sanh vì tin tưởng anh, nên ra đi mà không hề biết có nguy hiểm phía trước, khi gặp xà tinh ban đầu chàng có hơi hoảng loạn, nhưng bằng sự gan dạ, dũng cảm và võ nghệ đã học được, Thạch Sanh cuối cùng cũng chiến thắng quái vật. Cây cung vàng chính là phần thưởng cho sự anh dũng, khi diệt quái thú của Thạch Sanh. Thạch Sanh đem đầu xà tinh về nhà, lúc này chàng vẫn không mảy may nghi ngờ người anh Lý Thông, cứ nghĩ mọi chuyện chỉ là trùng hợp. Mẹ con nhà Lý Thông, có tật giật mình nghe tiếng gõ cửa tưởng hồn Thạch Sanh hiện về, nhưng không ngờ lại thấy Thạch Sanh còn sống nguyên vẹn trở về, với bản tính tham lam, hám lợi Lý Thông lại một lần nữa lừa Thạch Sanh hòng đuổi chàng đi, để chiếm hết công lao và thành Quận công. Còn Thạch Sanh vốn chất phác, càng không có suy nghĩ danh lợi lại lầm lũi trở về túp lều trước kia tiếp tục kiếm sống qua ngày.

Mạch truyện hấp dẫn hơn khi lần nữa Thạch Sanh dùng mũi tên bắn bị thương đại bàng bắt công chúa, và tìm thấy nơi ẩn nấp của nó. Lúc này tên Lý Thông vốn vô năng, không thể cứu được công chúa như lệnh của hoàng đế, bất ngờ gặp lại Thạch Sanh, và hắn lập tức lợi dụng chàng thêm lần nữa. Khi đã giải cứu được công chúa, để giành hết công lao và che giấu tội lỗi hắn từng gây ra, Lý Thông bèn lập kế lấp miệng hang hòng thủ tiêu Thạch Sanh, vô cùng tàn nhẫn và độc ác. Sau ba lần bị lừa, giờ đây cuối cùng Thạch Sanh cũng nhận ra bộ mặt thật của tên Lý Thông gian ác, đánh dấu bước chuyển biến mới trong tư duy của Thạch Sanh, biết phân biệt người tốt kẻ xấu, dự báo một ngày tàn của Lý Thông sẽ không còn xa nữa. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo nguy khốn, Thạch Sanh lại ra tay nghĩa hiệp cứu được thái tử của vua Thủy Tề và may mắn thoát khỏi hang động bị lấp kín đá. Với tâm hồn thanh bạch không màng danh lợi, vật chất, khi được biếu tặng nhiều vàng bạc Thạch Sanh không nhận và chỉ xin một cây đàn, rồi trở về gốc đa tiếp tục cuộc sống ẩn dật, chàng vẫn không có ý định trả thù tên Lý Thông, bởi sâu trong thâm tâm chàng là người lương thiện, sẵn sàng bỏ qua mọi chuyện. Có một chi tiết rất lạ, là nàng công chúa sau khi được cứu về lại hóa câm, qua mạch truyện hẳn đây là tâm bệnh, có lẽ nàng quá căm tức trước hành động vô liêm sỉ của Lý Thông và thương xót cho Thạch Sanh mà thành ra như thế. Chi tiết này phần nào tố cáo Lý Thông và những tội ác, những lời gian dối hắn có nhiều nghi vấn, đây là nút thắt chính của câu chuyện, cũng là nút thắt hóa giải tất cả mọi việc.

## ĐỀ 2:Phân tích truyện cổ tích Thạch Sanh

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vô cùng phong phú, đặc sắc. Với trí tưởng tượng phong phú, tài hoa các tác giả dân gian đã dựng lên bức chân dung các nhân vật chính diện thật tuyệt mĩ, hoàn hảo, không chỉ đẹp về ngoại hình mà còn đẹp cả phẩm chất bên trong. Thạch Sanh là một truyện cổ tích như vậy.

Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì, nhân vật thuộc kiểu người dũng sĩ, đây là mô típ phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Câu chuyện với những tình tiết bất ngờ, hợp lí đã tạo nên sức hấp dẫn với người đọc.

Trước hết tác phẩm là bài ca ca ngợi người anh hùng lí tưởng Thạch Sanh trong cuộc đấu tranh lại cái ác. Thạch Sanh vốn là con Ngọc Hoàng, nhưng được sai xuống đầu thai làm con của một gia đình nghèo khó, hiền lành, tốt bụng. Sự ra đời của Thạch Sanh cũng ẩn chứa rất nhiều điều kì lạ. Người mẹ sau nhiều năm mang thai mới sinh ra Thạch Sanh. Khi cậu vừa khôn lớn thì mẹ qua đời. Thạch Sanh sống một mình trong túp lều cũ cạnh gốc đa, hàng ngày kiếm củi bán để sống. Sự ra đời của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những cái bình thường và phi thường. Điều bình thường ở Thạch Sanh đó là được sinh ra trong một gia đình nghèo, sau khi cha mẹ chết cậu làm nghề kiếm củi để nuôi sống bản thân. Nhưng điểm nhấn của nhân vật chính là yếu tố phi thường: mẹ mang thai vài năm mới sinh, được các thiên thần dạy đủ các môn võ nghệ và phép thần thông. Sự ra đời và lớn lên kì lạ như vậy như một tín hiệu báo những chiến công oanh liệt của Thạch Sanh sau này. Mang trong mình sự hài hòa giữa nét bình thường và khác thường còn cho ta thấy rằng những con người bình thường cũng có thể mang trong mình những khả năng, phẩm chất khác thường.

Cũng như các nhân vật truyện cổ tích khác, Thạch Sanh phải trải qua rất nhiều thử thách khác nhau để khẳng định bản thân và đến được bến bờ hạnh phúc, đồng thời cho thấy quá trình đấu tranh thiện, ác gian nan của chàng. Là một người mồ côi, luôn khao khát được yêu thương, bởi vậy khi Lý Thông ngỏ lời kết nghĩa anh em, Thạch Sanh đã lập tức đồng ý. Ta thấy rằng Lý Thông không hề có lòng tốt khi kết nghĩa với Thạch Sanh mà chỉ muốn lợi dụng chàng. Thử thách đầu tiên mà Thạch Sanh phải trải qua là thử thách lòng tin. Lý Thông nói dối để Thạch Sanh đi canh miếu thờ, mà thực chất là đẩy Thạch Sanh đến chỗ chết, Lý Thông là kẻ hết sức mưu mô, xảo quyệt, ích kỉ vì mạng sống của mình mà đẩy người anh em vào chỗ chết. Vốn là người hiền lành nên chàng tin lời anh ngay, trong đêm canh miếu, Thạch Sanh không những không bị giết mà còn đánh bại chằn tinh. Qua những việc làm đó cho thấy Thạch Sanh là một người thật thà, chất phác.

Lý Thông tiếp tục tỏ ra là tên gian xảo, một lần nữa lừa Thạch Sanh, khiến chàng bỏ về túp lều cũ, còn hắn thì đàng hoàng nhận lấy công trạng và lĩnh thưởng. Công chúa bị đại bàng bắt đi, Thạch Sanh nghĩa hiệp mang cung tên vàng ra bắn bị thương con chim ác, chàng đã đi theo giấu máu và tìm đến tận cửa hang. Nghe theo lời nhờ cậy của Lý Thông, chàng xuống hang sâu cứu công chúa, nhưng lại bị Lý Thông lấp cửa hang. Ở dưới đó, chàng không hề sợ hãi, tìm đường ra, trên đường tìm lối thoát chàng còn cứu thêm con vua Thủy Tề. Chàng quả là người có tấm lòng nhân hậu và lương thiện. Nói về phần công chúa, sau khi được cứu về nàng hóa câm, đó cũng chính là bằng chứng tố cáo tội ác của Lý Thông.

Tội ác của Lý Thông ngày một gia tăng, được các tác giả dân gian khéo léo xếp theo chiều tăng tiến, ban đầu hắn lợi dụng Thạch Sanh thế mạng cho mình, rồi tiếp đến cướp công một cách trắng trợn, không dừng lại ở đó hắn còn nhẫn tâm giết chết Thạch Sanh. Những tội ác của Lý Thông mỗi ngày một tăng lên cho thấy tính cách xấu xa, xảo quyệt, lòng tham vô đáy, ham mê quyền lực, tiền bạc đến mờ mắt của hắn. Vậy liệu Lý Thông có bị trừng phạt đích đáng hay không?

Quá trình đấu tranh giữa cái thiện và cái ác ngày càng gay go, quyết liệt, Thạch Sanh không chỉ chịu sự hãm hại của Lý Thông, mà còn bị hồn của đại bàng và chằn tinh báo thù, chàng bị giam vào ngục. Cái ác ngày càng tăng dần về cấp độ thì ta cũng thấy cái thiện cũng ngày một trưởng thành, lớn mạnh hơn. Nhờ có tiếng đàn Thạch Sanh được giải oan, còn mẹ con Lý Thông phải chịu tội. Tiếng đàn chính là tiếng nói của công lý, nhờ có tiếng đàn mà mọi oan khuất của Thạch Sanh đã được hóa giải. Có một điều đặc biệt đó là Thạch Sanh không phải là người trừng phạt tội ác mẹ con Lý Thông mà chính đất trời đã trừng trị chúng. Qua chi tiết đó càng thể hiện rõ tấm lòng bao dung, độ lượng của Thạch Sanh với kẻ đã hãm hại mình. Câu chuyện kết thúc có hậu, Thạch Sanh lấy công chúa, công lí, công bằng đã được thực thi.

Truyện Thạch Sanh không chỉ phản ánh quá trình đấu tranh thiện ác mà còn thể hiện lòng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta. Lấy công chúa, Thạch Sanh trải qua thử thách cuối cùng: thu phục các nước chư hầu. Với niêu cơm thần và tiếng đàn thần các nước chư hầu phải ngả mũ xin hàng. Chi tiết niêu cơm thần và tiếng đàn thần là hai chi tiết có nhiều giá trị, ý nghĩa. Niêu cơm thần thể hiện mơ ước, khát vọng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và tấm lòng nhân đạo của dân tộc. Tiếng đàn thần tượng trưng cho khát vọng hòa bình của nhân dân ta. Trải qua rất nhiều khó khăn thử thách, Thạch Sanh đã đến được bến bờ hạnh phúc, chung sống cùng công chúa và cai trị đất nước. Đây là phần thưởng xứng đáng cho đức hạnh cũng như tài năng của Thạch Sanh.

## ĐỀ 3:Phân tích truyện cổ tích Thạch Sanh

“Ầu ơi! Ví dầu cầu ván đóng đinh  
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi”

Lời ru êm ái, nhẹ nhàng đã gợi nhắc trong lòng chúng ta về tuổi thơ ngọt ngào bên chiếc võng, nhưng mỗi một con người lớn lên không chỉ bằng lời ru dịu ngọt của bà, của mẹ mà còn bằng cái nôi từ những câu chuyện cổ tích. Đó là thế giới của công bằng, của chân lí chất chứa biết bao bài học làm người quý giá mà bà và mẹ đã truyền dạy cho chúng ta như những bài học đầu đời. Truyện cổ tích “Thạch Sanh” là một trong số những câu chuyện rất đỗi quen thuộc và thể hiện rõ điều đó thông qua việc kể về người dũng sĩ Thạch Sanh vượt qua nhiều thử thách để cứu người, đồng thời vạch mặt kẻ xấu và chống quân xâm lược.

“Thạch Sanh” là chuyện cổ tích kể về cuộc đời của kiểu nhân vật dũng sĩ và có tài năng lạ kì. Ngay từ phần mở đầu, tác phẩm đã thể hiện rõ điều đó. Sự ra đời của Thạch Sanh đã được tác giả dân gian thần kì hóa để dự báo về tài năng, phẩm chất phi thường của chàng về sau. Chàng vốn là thái tử, con trai của Ngọc Hoàng đầu thai xuống trần gian và người mẹ mang thai qua mấy năm, khi người bố mất thì chàng mới được sinh ra. Chẳng bao lâu, người mẹ qua đời và sau đó, chàng được thiên thần truyền dạy võ công và phép thần thông. Như vậy, Thạch Sanh hiện lên là một người có sự hài hòa giữa những điều bình thường và phi thường, trong đó cái phi thường là yếu tố nổi trội hơn.

“Thạch Sanh” là bài ca ngợi ca về sự chiến thắng của cái thiện trước cái xấu, cái ác. Chàng dũng sĩ đã phải vượt qua rất nhiều thử thách như giết chằn tinh, giết đạt bàng, bị Lí Thông hãm hại và bị bắt giam trước âm mưu của linh hồn chằn tinh và đại bàng. Ở mỗi một thử thách, con người chàng lại thể hiện những phẩm chất đáng quý. Đầu tiên, chàng là người thật thà, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi kết nghĩa huynh đệ với Lí Thông và cả tin đi canh miếu thờ. Và với sự gan dạ, dũng cảm, chàng đã giết chết chằn tinh, đem lại sự bình yên cho dân làng, sau đó chàng cũng là người bắn trọng thương và tình nguyện xuống hang sâu giết đại bàng, cứu công chúa, cứu con trai vua Thủy Tề. Chàng làm việc này không xuất phát từ việc được trọng thưởng mà từ tấm lòng nghĩa hiệp, không khoan nhượng trước cái xấu, cái ác. Sau khi giải được nỗi oan ngục thất và kết hôn cùng công chúa, Thạch Sanh đã dùng tiếng đàn của mình đánh lui mười tám nước chư hầu mà không hề gây ra bất cứ sự thương vong chết chóc nào giúp chúng ta thấy được chàng là người trượng nghĩa, yêu chuộng sự hòa bình.

Để làm nổi bật phẩm chất của Thạch Sanh, tác giả dân gian đã xây dựng nên hình tượng nhân vật phản diện là Lí Thông. Hắn ta hiện lên với bản chất của một con buôn gian xảo, tham loan, luôn toan tính để lợi dụng người khác. Tàn nhẫn hơn, để đạt được mục đích của mình, hắn không ngần ngại đẩy người anh em kết nghĩa của mình vào bước đường cùng, vào chỗ chết. Vì thế, dù được Thạch Sanh tha mạng, nhưng mẹ con hắn vẫn không thoát khỏi sự trừng phạt. “Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó thoát” nên cuối cùng, hắn bị sắt đánh chết và hóa thành bọ hung, thể hiện quan điểm rất rõ ràng của nhân dân ta về cái thiện, cái ác. Đó là chân lí “ở hiền gặp lành” và “ác giả ác báo”.

Khi đặt chân vào thế giới cổ tích vô cùng bao la rộng lớn, chúng ta luôn được khám phá vô vàn điều kì thú, đặc biệt là bắt gặp rất nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì và giàu ý nghĩa. Trong câu chuyện “Thạch Sanh” cũng thế. Sự ra đời của khác thường của Thạch Sanh đã được thần kì hóa để dự báo những điều phi thường. Những đồ vật như cây đàn, niêu cơm cũng được nhân dân lao động thần kì hóa để thể hiện khát vọng về công lí, về hòa bình.

Như vậy, thông qua hình tượng người anh hùng lí tưởng là chàng Thạch Sanh, nhân dân ta đã gửi gắm mơ ước về một xã hội lí tưởng của sự công bằng, về niềm tin đạo đức ở những phẩm chất tốt đẹp của con người cùng lí tưởng nhân đạo, lòng yêu hòa bình của nhân dân ta. Trong kho tàng cổ tích Việt Nam, chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều những tác phẩm có mô típ về người dũng sĩ và phản ảnh ước mơ, khát vọng của nhân dân lao động.

### ĐỀ 4:**Bài văn phân tích nhân vật "Thạch Sanh"**

“Đàn kêu: Ai chém chằn tinh

Cho mày vinh hiển dự mình quyền sang

Đàn kêu: Ai chém xà vương

Đem nàng công chúa triều đường về đây?”

Những câu thơ Nôm ấy khiến người đọc nhớ ngay tới câu chuyện cổ tích xưa với hình ảnh chàng dũng sĩ Thạch Sanh. Nhân vật ấy đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng sâu sắc.Thạch Sanh cũng như bao nhân vật ổ tích khác được xây dựng bằng bút pháp dân gian, đơn giản và không có đời sống tâm lí. Nhưng bằng sự tài hoa của mình các tác giả xưa vẫn tạo ra được những dấu ấn riêng cho các nhân vật. Nói đến Thạch Sanh người đọc nhớ ngay tới chàng dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược với những phẩm chất, tài năng đáng quý.

Dũng sĩ Thạch Sanh sinh ra không bình thường như những đứa trẻ khác. Chàng là con trai của Ngọc Hoàng được cử xuống trần gian đầu thai nên mang trong mình nhiều yếu tố thần kì. Nhưng Thạch Sanh cũng có một số phận hẩm hiu và chịu nhiều gian khổ. Vừa mới lớn khôn, chàng đã mồ côi cả cha lần mẹ. Từ đó, chàng phải sống đơn côi một mình với cả gia tài chỉ là lưỡi búa do cha để lại. Đến lúc có mái ấm gia đình với mẹ con Lí Thông thì chàng lại bị lừa đến nỗi phải trốn đi.

Số phận đưa Thạch Sanh gặp lại tên Lí Thông gian ác ấy khi giải cứu công chúa. Hắn không những cướp công của chàng mà còn lập mưu hại Thạch Sanh nhằm bắt chàng ở dưới hang sâu mãi mãi. Hết lần này đến lần khác, Thạch Sanh gặp nạn. vẫn chưa hết, sau khi về ở lại gốc đa, chàng bị hồn chăn tinh và đại bàng hãm hại. Thế là Thạch Sanh bị bắt giải vào ngục tối. Cuộc đời Thạch Sanh thật chông gai và có nhiều bất hạnh như bao nhân vật cổ tích khác. Một mình chàng phải đương đầu với tất cả sóng gió. Nhưng qua mỗi lần như thế ta càng cảm phục hơn bởi sức mạnh kiên cường bên trong của chàng.

Những thử thách tác giả dân gian đưa ra đã thể hiện được tài năng cũng như phẩm chất cao đẹp của Thạch Sanh. Đầu tiên ta thấy Thạch Sanh là chàng trai khỏe mạnh, hiền lành và tự lập. Nhờ có sức khỏe nên khi về ở với Lí Thông, chàng đã giúp hắn làm giàu lên nhanh chóng. Cũng nhờ có sức khỏe Thạch Sanh đánh thắng được chằn tinh, đại bàng cứu giúp nhân dân và công chúa.Thạch Sanh còn là chàng trai thật thà, tốt bụng, vốn tính hiền lành nên khi nghe Lí Thông lân la gợi chuyện, chàng đồng ý về ở cùng hai mẹ con hắn. Chàng chăm chỉ làm việc giúp hai mẹ con Lí Thông, coi như hai người thân yêu của mình.

Nhưng ngược lại, mẹ con Lí Thông chỉ lợi dụng chàng, xem chàng như công cụ giúp chúng làm giàu. Cũng vì thật thà, Thạch Sanh bị hắn lừa đi trông miếu để thế mạng. Khi chàng giết được chằn tinh, Lí Thông lại lừa chàng để cướp công, về sau, trong lúc giải cứu công chúa, do tính vốn tin người Thạch Sanh một lần nữa lại bị Lí Thông lừa. Hết lần này qua lần khác, chàng bị người ta phản bội nhưng không vì thế mà có ý định trả thù. Khi được nhà vua cho quyền xử tội mẹ con Lí Thông, Thạch Sanh không những không giết mà còn tha cho về quê làm ăn. Tấm lòng của Thạch Sanh càng khiến lòng người cảm phục. Những phẩm chất cao đẹp ấy đã giúp chàng vượt qua mọi gian nan.

Thạch Sanh vốn là con Trời được phái xuống nên mang trong mình nhiều tài năng cùng với tố chất thông minh làm cho chàng càng có thêm sức mạnh. Vừa mới lớn lên, Thạch Sanh đã được Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông. Tài năng kì diệu ấy chàng luôn đem ra cứu giúp dân lành không bao giờ tư lợi. Chàng vô cùng thông minh, khéo léo khi vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa Lí Thông. Ngồi trong ngục tối, chàng lấy đàn ra gẩy “Đàn kêu tích tịch tìm tang. Ai đem công chúa dưới hang trở về...” Tiếng đàn thiết tha, vang đến tai công chúa Quỳnh Nga. Bao oan ức của chàng được sáng tỏ, kẻ xấu Lí Thông bị lộ chân tướng.

Sự thông minh của chàng được thể hiện rõ nhất qua việc dẹp loạn chư hầu. Vốn yêu chuộng hòa bình, có tầm nhìn xa trông rộng, Thạch Sanh không vội vàng động binh. Muốn dùng nhân nghĩa để xoay chuyển lòng người, làm cho đối phương tâm phục khẩu phục, Thạch Sanh dũng cảm một mình cầm cây đàn thần ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn chân tay, không nghĩ tới chuyện đánh nhau nữa. Thế là chúng phải giơ tay xin hàng. Quân ta chiến thắng vẻ vang, không tôn một hòn tên mũi đạn cũng không mất một binh sĩ nào.

Để an ủi lòng quân sĩ đối phương, Thạch Sanh sai dọn một bữa Cơm thết đãi. Nhưng lạ thay chỉ có một niêu cơm tí xíu, ai nhìn cũng bĩu môi, không muốn ăn. Chi tiết niêu cơm thần ấy đã đưa Thạch Sanh lên tầm một vị thánh cứu tinh của đất nước. Niêu cơm nhỏ mà kì diệu thay, tướng sĩ mười tám nước ăn mãi không hết, cứ vơi lại đầy. Cuối cùng chúng phải cúi đầu lạy tạ và kéo nhau về nước trong sự kính nể, tôn sùng Thạch Sanh. Như vậy, với tài năng, trí tuệ và tấm lòng nhân ái của mình, không cần dùng sức Thạch Sanh đã đương đầu và chiến thắng kẻ thù, chiến thăng vẻ vang, ngạo nghễ.

Thạch Sanh tuy là nhân vật cổ tích nhưng được gửi gắm trong đó nhiều ước mơ của nhân dân ta thời xưa: ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình. Mãi mãi, chàng dũng sĩ Thạch Sanh sẽ tồn tại trong đời sống tinh thần dân tộc.

# BT5:[Cảm nhận về truyện cổ tích Thạch Sanh](https://loigiaihay.com/cam-nhan-ve-truyen-co-tich-thach-sanh-c33a13250.html)

**Bài làm**

*Thạch Sanh* là một truyện cổ tích kì diệu nhất trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam. Hình ảnh chàng dũng sĩ chém Trằn tinh, bắn Đại bàng; cây đàn thần, niêu cơm thần của chàng dũng sĩ đã đem đến cho thế giới tuổi thơ bao kỳ thú, bao giấc mơ đẹp.

     Thạch Sanh là con Trời, được đầu thai vào nhà vợ chồng Lục ông hiền lành, tốt bụng. Khác với người trần, Thạch Sanh nằm trong bụng mẹ nhiều năm mới cất tiếng chào đời. Yếu tố hoang đường ấy tạo nên chất kỳ diệu của truyện ca ngợi tính phi thường của Thạch Sanh. Vợ chồng Lục ông đã được Ngọc Hoàng thương cho đứa con trai khôi ngô tuấn tú nối dõi tông đường. Đó là niềm tin của dân gian: ở hiền gặp lành.

     Mọi thứ hạnh phúc đều có giá và phải trả giá. Đường đời của Thạch Sanh cũng đầy gian truân. Phải chăng Ngọc Hoàng đang thử thách Thái tử? Chàng sớm mồ côi cả bố lẫn mẹ, nhà lại nghèo, phải trú lại một túp lều ở dưới gốc đa. Chỉ một chiếc búa cùn, chỉ có một nghề kiếm củi độ thân. Tuổi thơ chàng bơ vơ, thật đáng thương! Thiên thần đã đến với đứa con mồ côi: dạy võ nghệ, các phép thần thông biến hoá, và trao cho chiếc búa thần. Qua các chi tiết hoang đường ấy, nhân dân gửi gắm bao ước mơ: phải có sức mạnh vô địch để sống, để tồn tại, để chiến thắng!

     Cuộc đời Thạch Sanh là những năm tháng đầy gian truân thử thách, chiến công nối tiếp chiến công.

     Thạch Sanh đến miếu thần là để thế mạng cho Lý Thông. Nhưng chàng đâu có biết? Trằn tinh là một yêu quái khổng lồ, có nanh sắc, có nọc độc, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay. Dù bị tấn công trong thế bị động, nhưng Thạch Sanh cực kỳ dũng cảm, tài trí đã dùng phép lạ và búa thần giáng trả quái vật. Trằn tinh bị Thạch Sanh chém giết, bị cắt đầu, bị bổ xác. Chàng thu được một bộ cung tên vàng. Thạch Sanh đã diệt trừ quái vật, trừ hậu hoạ cho nhân dân. Chàng dũng sĩ có thêm vũ khí mới: cung tên thần. Thạch Sanh đã có búa thần đế đánh gần, đánh ở tầm thấp, giờ đây lại có thêm cung tên thần, đế đánh ở tầm cao, tầm xa. Thử hỏi, kẻ thù nào địch nổi chàng dũng sĩ?.

 Đại bàng là một kẻ thù rất nguy hiểm vì nó ở trên trời, lại có hang sâu bí mật. Thái tử con vua Thuỷ tề còn bị đại bàng bắt sống, giam giữ trong cũi sắt! Công chúa con vua còn bị Đại bàng quắp đi giữa thanh thiên bạch nhật, trước mắt bá quan văn võ và đông đủ anh tài trong thiên hạ! Thạch Sanh chỉ bắn một mũi tên vàng đã làm cho Đại bàng bị trọng thương. Lần theo vết máu, dũng sĩ tìm đến hang ổ ác điểu. Đại bàng có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm. Thạch Sanh đã vung búa thần giáng trả, dùng cung tên thần bắn mù hai mắt quái vật. Đại bàng bị giết, bị phanh xác. Một kẻ thù nguy hiểm nữa của nhân dân đã bị chàng dũng sĩ tiêu diệt! Chiến công diệt đại bàng là một kì tích vì Thạch Sanh đã cứu được nàng công chúa và Thái tử con vua Thuỷ tề. Chiến công chấn động cõi đời mà còn vang động tới vương quốc Thuỷ tề. Từ thuỷ phủ trở về, Thạch Sanh chỉ cầm trong tay một cây đàn thần làm kỉ niệm một chuyến viễn du thú vị. Chàng lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương. Với chàng dũng sĩ thì vàng bạc châu báu cũng như dinh thự nguy nga, của ngon vật lạ đều trở nên xa lạ. Túp lều gốc đa là nơi chàng đã sinh ra, lớn lên, với bao kỷ niệm buồn vui. Thạch Sanh trở về gốc đa, một tình tiết, phải chăng nói lên quan niệm nhân sinh tốt đẹp của nhân dân thời xưa: Một túp lều tranh, một trái tim vàng?

     Với Thạch Sanh, cây đàn thần không phải là một nhạc cụ để mua vui mà là một vũ khí vô cùng linh nghiệm. Nơi chàng đánh đành, gảy đàn là trong ngục. Tiếng đàn để giãi bày. Tiếng đàn như một thứ "thần dược" làm cho công chúa đang bị câm nghe tiếng đàn mà nói lên được! Nhờ tiếng đàn mà chàng dũng sĩ được gặp lại người đẹp, rồi được minh oan, vạch trần bộ mặt thật của Lý Thông, tên bán rượu xảo quyệt, cướp công, độc ác, âm mưu hãm hại người... Thạch Sanh không dùng búa thần, cung tên thần để giao tranh với tướng sĩ 18 nước chư hầu, mà chỉ dùng đàn thần để lui giặc. Đó là tiếng đàn hoà bình. Niêu cơm Thạch Sanh là niêu cơm hàng vạn người ăn mãi không hết; niêu cơm ấm no, hạnh phúc. Đàn thần và niêu cơm thần đã góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu truyện Thạch Sanh.

     Thạch Sanh tha tội cho Lý Thông, kẻ đã cướp công và hãm hại mình. Hành động ấy thể hiện lòng độ lượng, nhân ái, bao dung cao đẹp.

     Nhân vật Thạch Sanh thật đẹp. Với búa thần, cung tên vàng, đàn thần, với võ nghệ và phép thần thông biến hoá, chàng dũng sĩ đã chém trằn tinh, giết đại bàng, trừ diệt cái ác, tai hoạ cho nhân dân, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đem lại hoà bình. Thạch Sanh đã trải qua bao gian truân thử thách, lấp lánh bao chiến công hiển hách, được kết duyên với công chúa, chàng đã thể hiện ước mơ của nhân dân, những ước mơ hồn nhiên, trong sáng và rất đẹp. Thật vậy, truyện *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích thần kì, nói lên một giấc mơ đẹp của nhân dân ta bao đời nay.

**BT6:Tại sao nói;Thạch Sanh - cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, hãy nêu ý kiến của em…**  
**Dàn ý**

**1. Mở bài**

-Giới thiệu tác phẩm, tình tiết cái ác, cái thiện trong truyện: Truyện dân gian là thể loại phản ánh chân thực bộ mặt của xã hội, thể hiện ước mơ khát vọng của con người Qua chuyện cho người đọc thấy được cái giá phải trả của việc ác và những gì nhận lại được qua tấm lòng, hành động lương thiện của con người.

**2. Thân bài**

***a. Hình ảnh biểu trưng cho cái thiện***

Thạch Sanh:

- Hiền lành, thật thà, chất phác, đấu tranh sinh tồn, diệt chằn tinh, diệt đại bàng, cứu công chúa chống quân xâm lược

- Cái thiện luôn phải chịu oan ức nhưng sau sự đấu tranh, cuối cùng vẫn sẽ nhận lại những gì xứng đáng nhất.

***b. Hình ảnh biểu trưng cho cái ác và chống lại cái ác***

Lý Thông:

- Lòng dạ thâm độc, nham hiểm, dựa vào người khác để đi lên, đùn đẩy trách nhiệm, cướp công người khác để vụ lợi cho bản thân mình

***c. Cuộc đấu tranh chống cái ác:***

- Cái ác tồn tại khắp mọi nơi, trước hết là chống lại những loài vật độc ác, chống lại sự độc ác bên trong con người

- Cái ác trong con người Lý Thông: Tội ác giết người, tội ác vong ân bội nghĩa, lấy oán báo ân

***d. Kết quả của cuộc đấu tranh***

- Cái thiện luôn giành phần thắng, cái ác phải trả giá, công lý luôn công bằng ở khắp mọi nơi

**3. Kết bài**

Cảm nghĩ về cuộc đấu tranh trong tác phẩm: Lời cảnh tỉnh trong xã hội hiện nay đối với bất cứ tầng lớp xã hội nào.

Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác là chủ đề chính trong truyện cổ tích. Trong xã hội, cái ác luôn hoành hành, làm tồn tại đạo lí tốt đẹp của dân tộc. Không những thế, nó còn đe doạ trực tiếp cuộc sống xã hội, làm hại tới sự bình yên của nhiều người lương thiện. Trong thực tế đời sống xã hội, nhân dân ta không hề chấp nhận và dung tha cho cái ác. Cuộc đấu tranh chống cái ác là một trận chiến gay go, phức tạp và dai dẳng. Tuy vậy, niềm tin và ước mơ về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác của nhân dân vẫn không hề suy giảm. Niềm tin và ước mơ ấy được họ gửi gắm vào trong các truyện cổ tích.

       Thạch Sanh là một truyện cổ tích tiêu biểu cho chủ đề chống cái ác.

       Cái ác trong truyện cổ tích hiện ra muôn hình vạn trạng. Ở *Tấm* Cám ta bắt gặp cái ác ở chỗ một người mẹ kế và một cô em cùng cha khác mẹ tìm mọi cách để giết chết người con chồng, người chị. Ở Sọ Dừa, cái ác còn đáng sợ hơn: hai người chị đang tâm xô đứa em ruột của mình xuống biển để cướp chồng của em…

       Tuy nhiên, trong Sọ Dừa và Tấm Cám, cái ác tuy rất tàn bạo, vẫn là những hành động từ con người bình thường và đơn lẻ, nên phần nào dễ đối phó hơn dễ trừng trị hơn. Đến Thạch Sanh, cái ác đã thực sự trở thành một lực lượng đông đảo, vô tình hỗ trợ nhau cùng nhằm vào một con người lương thiện. Đối phó với chúng không dễ, bởi chúng không chỉ là những người phàm trần mà còn gồm cả lũ yêu ma, thần thông biến hóa. Ngay cả những con người là phàm trần thì cũng rất gian ngoan, xảo quyệt.

       Trước hết ta hãy xét đến bọn ác nhân là lũ yêu ma, ác quỷ. Chúng được đại diện bằng hai tên trăn tinh và đại bàng.

       Trăn tinh là một con yêu do một con trăn núi khổng lồ sống lâu đã hoá tinh mà thành. Hắn rất độc ác. Hàng ngàn người lương thiện đã bị nó ăn thịt. Ngay đến nhà vua cũng phải nhượng bộ nó, lập đền thờ và hàng năm dâng nộp người. Đã độc ác lại có tài biến hoá, trăn tinh thực sự là mối hiểm hoạ lớn.

       Đồng đảng với trăn tinh là đại bàng - con yêu núi thứ hai. Tên này còn đáng sợ hơn cả trăn tinh. Đến cả thái tử con vua Thuỷ Tề - một vị vua đứng đầu một cõi thần linh, thuộc lực lượng siêu nhiên — còn bị hắn bắt nhốt vào trong cũi sắt không thoát ra được.

       Để đối phó với hai con yêu núi này cần phải có một chàng dũng sĩ quả cảm. Và Thạch Sanh xuất hiện. Song để chuẩn bị cho hai cuộc quyết chiến tiêu diệt tràn tinh và đại bàng, phải có sự giúp đỡ của thần linh. Thiên thần đã dạy cho Thạch Sanh đủ các môn võ nghệ và các phép thần thông.

       Mặc dù đã được thần linh giúp đỡ, nhưng trong trận chiến tiêu diệt kẻ ác, Thạch Sanh vẫn là người đơn độc. Chàng phải tự lực là chính. Với tài trí phi thường, lòng quả cảm vô song và ý chí tiêu diệt kẻ ác, Thạch Sanh đã chiến thắng và chiến thắng giòn giã: chàng đã chém chết trăn tinh, xé xác nó làm hai, bắn chết tươi đại bàng. Và thật lí thú, Thạch Sanh lại bắn chết đại bàng bằng bộ cung tên vàng lấy dược từ tay trăn tinh. Phải chăng đấy là quan niệm của nhân dân: diệt kẻ ác này sẽ là cơ hội để diệt kẻ ác khác, diệt kẻ ác mạnh vừa sẽ là điều kiện để diệt kẻ ác mạnh hơn.

       Giết được trăn tinh và đại bàng, trừ được hoạ cho dân, nhưng chính chàng dũng sĩ diệt trăn tinh và đại bàng lại bị mang vạ vào thân: hồn chúng liên kết với nhau tìm cách báo thù và chàng dũng sĩ lương thiện phải chịu nỗi oan trong nhà ngục. Thế mới biết cuộc đấu tranh chống cái ác không đơn giản. Người có công không khéo có thể trở thành người có tội. Tuy nhiên, Thạch Sanh không mất niềm tin. Và nỗi oan của chàng đã được giải, Thạch Sanh đàng hoàng ngẩng cao đầu với tư thế của chàng dũng sĩ đấu tranh vì cái thiện.

       Cuộc đấu tranh chống cái ác là lực lượng yêu ma vốn đã khó khăn và dai dẳng, nhưng cuộc đấu tranh chống cái ác ở ngay trong hàng ngũ con người còn khó khăn, phức tạp và dai dẳng hơn nhiều.

       Kẻ ác ở đây tuy không có phép thần thông biến hoá nhưng lại rất nham hiểm, xảo trá. Đầu tiên, hắn vờ kết nghĩa anh em, rồi nguỵ trang bằng tình anh em để lừa Thạch Sanh đi thế mạng thay mình. Đến khi Thạch Sanh chém được đầu trăn tinh xách về thì hắn lại nảy sinh lòng tham, lừa đuổi Thạch Sanh đi để cướp công. Cướp được công của Thạch Sanh, được hưởng vinh hoa phú quý hắn vẫn không từ bỏ lòng tham và dã tâm. Hắn lại tiếp tục lợi dụng Thạch Sanh để lập công lớn hơn, nhằm có địa vị và danh vọng cao hơn. Lần này, để đạt được mục đích ấy, hắn sẵn sàng ra tay giết người. Hành động giết người vốn đã là đỉnh cao của tội ác, đáng sợ và ghê tởm hơn, người bị giết lại vừa là người em kết nghĩa, vừa là ân nhân của kẻ gây tội ác. Đã thế hành động gây tội ác của hắn không cần che giấu, mà phơi bày giữa thanh thiên bạch nhật, trước mắt bao người. Có thể nói, Lí Thông đã lộ rõ nguyên hình của kẻ ác.

       Cái ác của Lí Thông là cái ác có thực trong xã hội. Nó bắt nguồn từ lòng tham, sự đố kị ghen ghét trước tài năng và công lao, thành tích của người khác. Cái ác của Lí Thông không chỉ là tội ác giết người, mà còn là tội ác của sự vong ân bội nghĩa, khiến cả con người lẫn đất trời đều phẫn nộ. Cuối cùng Thạch Sanh phải lên tiếng vạch mặt Lí Thông. Và dù Thạch Sanh có nhân từ tha tội chết cho mẹ con Lí Thông thì trời đất cũng không dung tha. Và lưỡi tầm sét cua Thiên Lôi chính là lưỡi gươm công lí của nhân dân vung lên tiễu trừ kẻ ác. Kẻ ác không những bị trừng trị mà còn bị trừng trị thật đích - đáng: bị biến thành bọ hung để đời đời kiếp kiếp bị người đời nguyền rủa và khinh bỉ.

       Đến đây, tôi lại nhớ tới sự trừng trị của nhân dân Nga dành cho kẻ tham lam bội bạc là mụ vợ ông lão đánh cá trong truyện cổ tích Ông lão đánh cá và con cá vàng. Và tôi mỉm cười: Công lí của nhân dân ở đâu cũng thật công bằng. Điều đó tạo cho tôi một niềm tin sâu sắc về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác trong cuộc đời thực.

**BT7.Kể sáng tạo truyện Thạch Sanh (Theo lời kể của Công chúa)**  
**Dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu bản thân: là công chúa con gái Vua, bị đại bàng gian ác bắt đi.

**2. Thân bài**

***a. Câu chuyện ở cửa hang***

- Vô cùng cảm tạ khi được Thạch Sanh cứu.

- Bàng hoàng khi thấy Lý thông chặn và giam hãm Thạch Sanh.

=> Uất ức đến mức bị câm và không nói ra thành tiếng.

***b. Câu chuyện về hoàng cung***

- Khóc nức nở vì thương Thạch Sanh nhưng không có cách nào cứu chàng lên.

- Bần thần, sửng sốt khi nghe tin kết hôn cùng Lý Thông.

- Bao nhiêu thầy thuốc giỏi được mời đến nhưng không ai chữa được cho công chúa.

- Một hôm nghe tiếng đàn thần và công chúa đã nói được.

***c. Mọi sự thật được phơi bày***

- Vua cho vời Thạch Sanh vào hỏi mọi chuyện, sự thật dần sáng tỏ.

- Thạch Sanh lên ngôi vua, cai trị đất nước.

- Mẹ con Lý Thông bị Ngọc Hoàng đánh chết.

**3. Kết bài**

Cảm nghĩ về câu chuyện và lẽ phải ở đời.

Tôi vừa lên khỏi hang thì Lí Thông sai quân sĩ lấy đá ném cửa hang. Tôi bàng hoàng không tin vào mắt mình nữa. Làm sao hắn có thể nhẫn tâm đến thế? Làm sao hắn có thể đối xử với ân nhân của mình như thế? Một niềm căm uất dâng lên khiến cổ họng tôi nghẹn lại, không nói được câu nào.

      Sau khi đã lấp kín cửa hang, Lí Thông đến bên tôi tâu rằng:

-    Dạ, thưa công chúa, thần rất hân hạnh được rước công chúa về cung ạ.

      Rồi hắn đem kiệu tôi. Lòng nặng trĩu, tôi bước lên kiệu, đưa đôi mắt đẫm lệ nhìn về phía cửa hang lần cuối cùng.

      Vừa trông thấy vua cha, tôi oà lên khóc nức nở, nhưng vẫn không nói được câu nào. Nghĩ tới ân nhân của mình đang ở dưới hang sâu không có đường lên, lòng tôi đau như cắt. Tội nghiệp Thạch Sanh, làm sao chàng có thể thoát khỏi cái chết. Tên Lí Thông độc ác và nham hiểm quá. Hắn muốn cướp công của Thạch Sanh đây.

      Tôi đang miên man suy nghĩ thì bỗng nghe vua cha truyền lệnh:

-    Quận công Lí Thông đã lập được công lớn, đã cứu được con gái yêu của ta. Nay ta ban thưởng được kết hôn cùng công chúa.

      Tôi kinh hoàng. Trời đất tối sầm lại trước mắt tôi. Làm sao tôi có thể chung sống cùng con người đáng ghê tởm ấy. Tôi muốn kêu to lên tố cáo hành động bỉ ổi của Lí Thông . Tôi muốn kêu to lên xin vua cha rút lại lệnh ban kết hôn của Người. Nhưng không hiểu sao tôi không thể nói nên lời.

      Mẫu hậu cùng đám cung nữ nghe tin tôi vội vã đến. Bà ôm tôi vào lòng vỗ về. Lát sau mọi người thi nhau hỏi chuyện tôi. Nỗi đau khiến tôi câm lặng tưởng như hoá đá. Mẫu hậu thảng thốt kêu lên:

-     Trời ơi! Con tôi bị câm rồi!

      Vua cha và triều thần xúm lại. Tôi vẫn im lặng. Vua cha bèn ra lệnh:

-         Hãy tạm hoãn lễ cưới lại. Lí Thông, phò mã hãy tìm các thầy thuốc giỏi nhất đến chữa cho công chúa.

      Bao nhiêu thầy thuốc giỏi nhất nước được mời đến, nhưng chẳng ăn thua gì. Suốt ngày tôi sống âm thầm như một cái bóng, không nói, không cười. Có thầy thuuốc nào chữa được cõi lòng đang tan nát của tôi? Và lễ cưới vẫn cứ phải hoãn lại.

      Một hôm, tôi đang ngồi im lặng lẽ trên lầu cao, bỗng có tiếng đàn vọng đến.

      Đàn kêu tích tịch tình tang Ai mang công chúa dưới hang trở về?

-  Trời ơi, tiếng đàn của Thạch Sanh, đúng là chàng rồi! Chàng ở đâu? Tôi kêu lên.

      Bọn cung nữ thấy vậy, mừng quá, cùng xúm lại chỗ tôi. Một cung nữ cho tôi biết đó là tiếng đàn của một người bị nhốt trong ngục vì tội ăn cắp vàng bạc trong cung vua.

      Tôi chạy đi tìm vua cha, xin Người cho gọi người đánh đàn tới. Vua cha thấy tôi nói được, vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, vội sai quân lính thực hiện ngay.

      Vừa trông thấy Thạch Sanh, bỗng nhiên bao nhiêu đau buồn trong tôi tan biến hết. Tôi vui mừng thưa với vua cha:

-        Bẩm vua cha, đây là chàng dũng sĩ đã giết đại bàng, cứu con từ dưới hang sâu. Chàng đã nhường con lên trước để chàng lên sau. Nhưng khi con vừa lên được khỏi hang sâu, Lí Thông đã sai quân lính lấp cửa hang để giết chàng, cướp công.

      Vua cha nghe tôi thưa chuyện bèn quay sang hỏi Thạch Sanh:

-     Làm sao ngươi lên được?

-      Dạ, tâu Đại vương, sau khi bị lấp kín dưới hang sâu, hạ thần đã cố tìm lối thoát. Hạ thần đi mãi, tới cuối hang gặp thái tử con vua Thuỷ Tề đang bị nhốt trong cũi sắt, hạ thần đã dùng bộ cung tên vàng này bắn tan cũi sắt, cứu thoát thái tử. Thái tử mời hạ thần xuống thăm Thuỷ Phủ. Hạ thần được trọng đãi và ban thưởng nhiều vàng bạc. Nhưng hạ thần từ chối, chỉ nhận một cây đàn này. Sau đó, vua Thuỷ Tề sai rẽ nước đưa hạ thần lên trần gian.

      Vua cha hỏi tiếp:

-     Thế sao ngươi lại bị kết tội ăn cắp của cải trong cung và bị nhốt vào ngục?

Thạch Sanh chưa kịp nói thì đàn thần kêu lên:

-     Tích tịch tình tang, hồn đại bàng và trăn tinh báo thù, vu oan cho Thạch Sanh.

Vua cha hỏi tiếp:

-     Thế bộ cung tên vàng kia ở đâu ra?

      Thạch Sanh bèn kể lại đâu đuôi câu chuyện. Từ chuyện chàng được Ngọc Hoàng sai xuống trần gian đầu thai làm con hai vợ chồng ông lão tiều phu nghèo tốt bụng đến chuyện chàng mồ côi cha mẹ, sống lủi thủi một mình ở dưới gốc đa với nghề kiếm củi; rồi chuyện kết nghĩa anh em với Lí Thông; rồi chuyện Lí Thông nhờ đi canh miếu thần; rồi chuyện chàng giết trăn tinh lấy được bộ cung tên vàng. Chàng kể tiếp:

-      Khi hạ thần đem đầu trăn tinh về đến nhà. Lí Thông lại bảo với thần: “Đây là con vật quý vua nuôi, giết nó ắt không thoát khỏi tội chết. Bây giờ em hãy trốn đi ngay, mọi việc để ta lo liệu”. Dạ tâu Đại vương, hạ thần vốn là kẻ thật thà, tin là thật. Lại trở về gốc đa làm nghề kiếm củi. Một hôm, vừa gánh củi về thì trông thấy một con đại bàng khổng lồ đang cắp một người con gái (lúc đó thần chưa biết là công chúa). Hạ thần giương cung bắn nó bị thương. Rồi hạ thần lần theo vết máu, tìm được cửa hang nó ở. Vài hôm sau, Lí Thông tìm đến gốc đa, nói là vua sai đi cứu công chúa. Thần đã kể hết cho Lí Thông nghe chuyện đại bàng, chuyện biết cửa hang đại bàng. Lí Thông nhờ thần giúp, nhờ vậy mà thần có may mắn gặp được công chúa.

Vua cha nghe xong tức giận nói:

-     Tên Lí Thông khốn kiếp, xảo trá. Ta vốn đã muốn diệt trăn tinh từ lâu để trừ hoạ cho dân, hiềm một nỗi nó thần thông biến hoá khiến ta đành bó tay. Năm nào cũng phải dâng một mạng người, ta đau lòng lắm. May có dũng sĩ đây diệt được trăn tinh. Thế mà hắn lại lừa đảo đê’ cướp công. Ta tưởng hắn đã giết đuợc trăn tinh, nên mới phong cho hắn làm Quận công.

      Người ra lệnh:

-     Lính đâu? Hãy tống mẹ con tên Lí Thông vào ngục.

Rồi Người quay sang Thạch Sanh:

-     Còn dũng sĩ, đã có công diệt trăn tinh, đại bàng, trừ họa cho dân, lại có công cứu công chúa, ta ban thưởng cho được kết hôn cùng công chúa và giao cho xét xử mẹ con Lí Thông.

      Thạch Sanh vâng mệnh vua cha. Lễ cưới của chúng tôi được tổ chức rất trọng thể. Chưa bao giờ kinh kì mở hội vui như thế.

      Về phần Thạch Sanh, chàng đã tha chết cho mẹ con Lí Thông, cho về quê cũ làm ăn. Nhưng nghe đâu, dọc đường, mẹ con hắn bị Thiên Lôi đánh chết rồi bắt hoá kiếp làm bọ hung. Thật đáng đời kẻ gian ác, xảo trá.

      Lễ cưới chưa kết thúc thì có tin cấp báo có quân binh của thái tử mười tám nước chư hầu hội nhau lại kéo sang đánh (Họ tức giận vì trước đây tôi đã từ hôn họ.

      Vua cha sai Thạch Sanh đi đánh giặc. Chàng xin vua cha không động binh. Rồi chàng đem đàn thần ra gảy. Nghe tiếng đàn của chàng, quân lính mười tám nước rụng rời chân tay, cuốn binh khí xin hàng. Thạch Sanh tha tội chết cho chúng và sai thết đãi cơm rượu.

      Khi nhìn thấy niêu cơm bé tẹo, chứng tỏ ý không muốn ăn. Thạch Sanh bèn đố chúng ăn hết sẽ ban thưởng thêm. Lạ chưa, niêu cơm cứ vơi lại đầy, không sao ăn hết. Bấy giờ mọi người càng phục Thạch Sanh, về sau, vua cha tôi đã truyền ngôi cho Thạch Sanh, vì Người không có con trai.

BT8. Em múc nước để tưới cho cây trong vườn thì thấy một chú bọ hung mắc nạn. Em đã cứu giúp và có cuộc trò chuyện thú vị. Hãy đóng vai chú bọ hung ấy để kể lại truyện Thạch Sanh  
 Tôi hối hận lắm vì những sai trái của mình. Đời đời, kiếp kiếp tôi chỉ là con bọ hung bị ghét bỏ. Tôi chỉ ao ước một lần được hoá kiếp làm người, khi ấy tôi sẽ không làm điều xấu xa nữa. Không biết đến khi nào điều ước xa xôi đó mới thành hiện thực.  
  
Vào một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, tôi rong chơi trong khu vườn nọ rồi không may mắc nạn. Đang loay hoay không biết làm sao thì có một cô bé ra vườn tưới cây đã thương tình cứu tôi.

Tôi vô cùng cảm kích trước lòng tốt cùa cô bé bởi tôi mắc nạn đã lâu mà không có ai cứu giúp. Ai trông thấy họ hàng bọ hung chúng tôi cũng ghét bỏ và chỉ muốn đi xa. Nhiều khi chính bản thân tôi cũng thấy tự ghét chính mình, ghét những việc mình đã làm trước đây. Cô bé có lẽ không hiểu nên tôi kể cho cô nghe câu chuyện của tôi. Câu chuyện rất dài .

Kiếp trước tôi cũng đươc làm một con người sống trên trần gian. Tên tôi là Lí Thông, làm nghề bán rượu. Nhưng sau khi mắc sai lầm tôi đã bị trừng phạt biến thành bọ hung, suốt đời chỉ ở những xó xỉnh hôi hám và bị người đời khinh ghét. Tôi bị trừng phạt vì đã đối xử không tốt với Thạch Sanh, cậu em kết nghĩa của tôi. Thạch Sanh là chàng trai mồ côi nhung tốt bụng, hiền lành và khỏe mạnh. Khi về ở với mẹ con tôi, cậu ta rất được việc, chịu khó làm ăn mà không đòi hỏi điều gì. Thạch Sanh tốt bụng là thế mà tôi đã bao lần lấy oán trả ơn. Tôi đã lừa cậu ấy đi canh miếu thờ nhưng mục đích thực là để thế mạng tôi cho mãng xà. Nhưng Thạch Sanh không chết mà còn giết được con vật độc ác nữa. Thế là tôi nghĩ cách cướp công và đuổi Thạch Sanh đi. Sau khi đến kinh thành dâng công lên hoàng thượng, tôi được bổ chức quan Quận công danh giá, sống trong sung sướng, tôi dần dần quên đi người em kết nghĩa tốt bụng của mình.

Một thời gian sau, nhà vua tổ chức hội kén rể cho công chúa. Nàng xinh đẹp quá khiến tôi cũng mơ ước được làm phò mã. Nhưng không may nàng bị con đại bàng quái ác tha đi mất. Mất con, nhà vua vô cùng đau khổ. Người sai tôi đi cứu công chúa và hứa gả nàng cho tôi. Trong niềm vui sướng ngập tràn tôi cũng vô cùng hoang mang lo sợ, không biết công chúa ở đâu mà tìm.... Và một lần nữa tôi may mắn được Thạch Sanh giúp. Tôi không muốn gặp lại cậu em kết nghĩa này nhưng nghĩ chỉ có cậu ấy tìm được nơi công chúa bị giam giữ nên lợi dụng. Thạch Sanh vốn thật thà nên nhận lời giúp ta không chút nghi kị. Sau khi cứu được công chúa, ta đã lấp miệng hang lại, vĩnh viễn chôn vùi chàng ta.

Tôi khấp khởi vui mừng vì mang được công chúa trở về cho hoàng thượng. Tôi đã nghĩ đến cảnh tượng một hôn lễ hoành tráng và được làm phò mã nhà vua. Nhưng dường như ước muốn ấy không được thực hiện. Công chúa sau khi được cứu ở hang về thì bị câm không nói năng được gì nữa. Nàng lúc nào cũng buồn rười rượi. Việc cưới xin đành phải hoãn lại. Trong lòng tôi lo lắng không yên.

Trong ngục tối, bỗng một hôm vang lên tiếng đàn. Tiếng đàn nghe mới não nùng làm sao, nó vang động đến tận hoàng cung, nó làm cho công chúa tự nhiên nói được. Câu đầu tiên nàng nói là muốn cha cho gặp người gảy đàn. Linh tính tôi mách bảo có chuyện không hay nhưng vẫn cố chờ đợi. Không ngờ tôi lại gặp Thạch Sanh. Thật éo le biết bao. Mọi tội lỗi của tôi bị vạch trần trong phút chốc. Bao mơ ước giàu sang, phú quí và lễ cưới với công chúa đã không còn. Có lẽ tôi sẽ bị mất mạng nữa. Nhưng nhờ có Thạch Sanh tốt bụng, tôi được tha tội chết, về quê sinh sống làm ăn. Nhưng lưới trời lồng lộng, không bị chết dưói đao kiếm nhà vua lại bị trừng phạt bởi đao kiếm nhà trời. Thần sét được phái xuống trừng phạt tôi. Thế là từ đó, tôi không được đầu thai làm kiếp người nữa mà đời đời lảm gã bọ hung hôi hám ở xó xỉnh tối tăm...

Cậu em kết nghĩa Thạch Sanh của tôi, sau đó đã được lấy công chúa. Lễ cưới của họ tưng bừng lắm. Nhưng lại vướng vào loạn 12 nước chư hầu kéo sang đánh vì trước kia bị công chúa từ hôn. Tôi nghĩ chắc lần này Thạch Sanh khó chống đỡ được. Nhưng tài ba thay, chàng ấy nhờ có tiếng đàn và niêu cơm thần kì của mình mà đánh thắng được lũ giặc, không tốn một mũi tên. Khâm phục thay cho tài trí Thạch Sanh.

Tôi hối hận lắm vì những sai trái của mình. Đời đời, kiếp kiếp tôi chỉ là con bọ hung bị ghét bỏ. Tôi chỉ ao ước một lần đươc hoá kiếp làm người, khi ấy tôi sẽ không làm điều xấu xa nữa. Không biết đến khi nào điều ước xa xôi đó mới thành hiện thực...

## CHUYÊN ĐỀ 5:TRUYỆN, KÍ HIỆN ĐẠI

**I – CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG KIẾN THỨC**

**1.**Về mặt thể loại, truyện và kí là hai loại chính của văn xuôi. Truyện có nhiều thể như truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tiểu thuyết. Và kí củng có nhiều thể khác nhau như kí sự, bút kí, phóng sự, du kí, tản văn, nhật kí, hồi kí, tuỳ bút… Các thể truyện và kí đều thuộc loại hình tự sự. Tự sự là một trong ba phương thức tái hiện đòi sống của văn học (tự sự — trữ tình – kịch). Tự sự tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó chủ yếu bằng kể và tả. Tác phẩm tự sự là câu chuyện về con người hoặc sự vật, sự việc nào đó được người kể chuyện kể lại hoặc miêu tả lại.

– Nếu tác phẩm trữ tình phản ánh hiện thực đời sống trong sự cảm nhận chủ quan của nhà văn thì truyện lại tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó. Truyện phản ánh hiện thực đời sống trong không gian, thòi gian qua các sự kiện, biến cố xảy ra trong cuộc đời của con người. Trong tác phẩm truyện nhà văn cũng thể hiện tư tưởng tình cảm. Nhung ở đây, tư tưởng tình cảm của nhà văn thâm nhập sâu sắc vào sự kiện và hành động bên ngoài của con người tới mức giữa chúng dường như không có sự phân biệt nào cả. Nhà văn kể lại, tả lại những gì xảy ra bên ngoài mình, khiến cho người đọc có cảm giác rằng hiện thực được phản ánh trong truyện là một thế giới tạo hình đang tự phát triển, tồn tại bên ngoài tác giả, không phụ thuộc vào tình cảm, ý muốn của tác giả. Phương thức phản ánh hiện thực thông qua các sự kiện, biến cố và hành vi của con người cho nên trong truyện có các yếu tố như cốt truyện, nhân vật, lời trần thuật (lời kể chuyện)

– Kí là loại hình trung gian giữa văn học và báo chí. Nó thiên về ghi chép những con người và sự việc có thật. Kí không miêu tả quá trình hình thành, phát triển tính cách của các cá nhân trong tương quan với hoàn cảnh. Những câu chuyện đời tư khi chưa nổi lên thành vấn đề xã hội cũng không phải là đối tượng quan tâm của kí. Đối tượng của kí là một trạng thái đạo đức – phong hoá xã hội, một trạng thái tồn tại của con ngưòi hoặc những vấn đề xã hội nóng bỏng. Do đó, kí rất gần vói truyện nhưng lại khác với truyện ở chỗ không có cốt truyện, không hư cấu, tôn trọng sự.thật khách quan của đời sống, sự việc và con người trong kí phải xác thực, có địa chỉ rõ ràng. Tác phẩm kí văn học vừa có giá trị về tư liệu lịch sử vừa có giá trị về sáng tạo nghệ thuật.

**2.**Chương trình Ngữ văn lớp 6 có 5 tác phẩm truyện (4 tác phẩm Việt Nam và 1 tác phẩm của Pháp) và 4 bài kí (3 tác phẩm kí của Việt Nam và 1 tác phẩm kí của Nga).

– Các tác phẩm truyện, kí của Việt Nam có cách viết giản dị, gần gũi với trẻ em. Các nhà văn đã xâỷ dựng được nhiều hình tượng đẹp, rrĩang tính giáo dục cao. Truyện Bài học đường đòi đầu tiên [DếMèn phiêu lưu kí) giúp người đọc, nhất là các bạn nhỏ tuổi nhận ra được một điều vô cùng thấm thìa: ở.đời không được sống hung hăng, hống hách, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn cũng mang vạ vào thân. Truyện Sông nước Cà Mau đem đến cho chúng ta một vẻ đẹp trù phú, giàu có cùng vói những nét độc đáo của cảnh sắc thiên nhiên và- sinh hoạt của con người ở một vùng đất phương Nam. Truyện ngắn Bức tranh của em gái tôi để lại cho ta một bài học về cách ứng xử trong cuộc đời-: cách ứng xử với tài năng và ý nghĩa của tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống. Truyện Vượt thác đem đến cho chúng ta một bức tranh sinh động về con người lao động giản dị mà khoẻ khoắn. Hình ảnh đó cũng là biểu tượng cho sức mạnh và ý chí của con người trong quá trình chinh phục thiên nhiên. Bài kíCây tre Việt Nam đã xâỵ dựng được một biểu tượng đẹp đẽ về con người và đất nước Việt Nam vói những truyền thống cần cù trong lao động sản xuất, hiên ngang, kiên cường trong chiến đấu để bảo vệ quê hương. Bài kí Cô Tô đem đến cho người đọc một vẻ đẹp không phải chỉ có ở ngôn từ của nhà văn mà còn là của cảnh vật thiên nhiên tráng lệ làm say đắm lòng người cùng cuộc sống lao động của con người trên đảo Cô Tô, thấy được sự hoà họp giữa thiên nhiên và con người trên đảo trong công cuộc xây dụng đất nước. Lao xao đã gợi lại cho ta nhớ về cuộc sống ở làng quê thòi xưa trong những bức tranh thiên nhiên và sinh hoạt của con người. Cuộc sống thuở ấy tuy vất vả, nghèo khó nhưng bền bỉ, dẻo dai, chứa đựng nhiều nét văn hoá độc đáo cúa làng quê Bắc bộ.

– Các tác phẩm truyện, kí của nước ngoài cũng vậy. Truyện ngắn Buổi học cuối cùng không chỉ đơn giản là kể lại một buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường tiểu học tại một làng quê thuộc vùng An-dát (Pháp) mà hơn thế, qua hình ảnh sinh động, đẹp đẽ, cảm động của thầy Ha-men rìhà văn đã cho chúng ta thấy một bài học sâu sắc về lòng yêu nước. Truyện ngắn này đã khơi dậy niềm tự hào và tinh thần yêu nước, giáo dục tình yêu Tố quốc từ những biểu hiện bình dị, nhỏ bé và rất gần gũi với mỗi con người. Bài kí Lòng yêu nước vừa gợi lên những vẻ đẹp của từng vùng miền của nước Nga thân yêu vừa thể hiện đưọ’c tinh thần yêu nước thiết tha của nhân dân Xô viết trong cuộc chiến tranh vệ quốc. .Đồng thời cũng nêu lên một chân lí giản dị mà sâu sắc: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất […]. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”.

Các tác phẩm truyện, kí trong chương trình Ngữ văn lóp 6 rất đặc sắc về nghệ thuật. Các tác phẩm thể hiện một năng lực quan sát và thể hiện sự vật, hiện tượng rất nhạy cảm, tinh tế của nhà văn. Các biện pháp tu từ nghệ thuật như nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, mượn truyện loài vật để nói chuyện của con người được các nhà văn khai thác rất hữu hiệu góp phần thể hiện rất sinh động cảnh vật và hoạt động của con người. Nhiều câu văn giàu hình ảnh, thấm đẫm chất thơ đi sâu vào tâm hồn để lại những ấn tượng khó quên trong lòng người đọc.

**BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

**(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài)**

Văn bản được trích từ chương I của truyện Dế Mèn phiêu lưu kí của nhà văn Tô Hoài. Tác phẩm được sáng tác dựa trên những kỉ niệm tuổi thơ từ vùng Bưởi – quê hương của tác giả. Dế Mèn phiêu lưu kí gồm 10 chương, kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn vì mục đích xây dựng một thế giói đại đồng, hoà họp, muôn loài kết làm anh em. Trên những chuyến phiêu du ấy, Dế Mèn ngày càng trưởng thành, trở thành một thanh niên biết trọng lẽ phải, khao khát vươn tới một lí tưởng cao đẹp… Trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên, bằng lòi kể của chính Dế Mèn, đoạn trích đã dựng lên trước mắt người đọc hình ảnh của chàng dế thanh niên, cường tráng nhưng tính tình còn kiêu căng, ngạo mạn, tự phụ, xốc nổi, hung hăng. Bởi tính cách này mà Dế Mèn đã bày trò trêu chị Cốc, làm cho chị Cốc nổi giận và dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt, một hàng xóm của Dế Mèn. Cái chết của Dế Choắt đã làm cho Dế Mèn vô cùng ân hận và rút ra được bài học đường đời đầu tiên: “Ở đời mà có thói hung hăng’bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình”. Với cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất, nghệ thuật miêu tả và kể chuyện sinh động, ngôn ngữ chírih xác, phong phú gồm hệ thống các từ láy và các động từ, tính từ đặc sắc, tác giả Tô Hoài đã khiến cho thế giới loài vật hiện lên thật sinh động, gần gũi, tự nhiên. Đoạn trích dụng lên một hình ảnh sống động về thế giới loài vật, qua đó gợi lên thế giới của con người cùng với những mối quan hệ xã hội rất đa dạng.

### I. Đôi nét về tác giả: Tô Hoài

- Tô Hoài (1920-2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), lớn lên ở quê ngoại - làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tô Hoài viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Ông có khối lượng tác phẩm phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại

- Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật

### **II. Đôi nét về tác phẩm: Bài học đường đời đầu tiên**

**1. Xuất xứ**

- “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí”

- “Dế Mèn phiêu lưu kí” được in lần đầu năm 1941, là tác phẩm nổi tiếng và đặc sắc nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi

**2. Tóm tắt**

Dế Mèn là chàng dế thanh niên cường tráng biết ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực. Tuy nhiên Dế Mèn tính tình kiêu căng, tự phụ luôn nghĩ mình “là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. Bởi thế mà Dế Mèn không chịu giúp đỡ Dế Choắt- người hàng xóm trạc tuổi Dế Mèn với vẻ ngoài ốm yếu, gầy gò như gã nghiện thuốc phiện. Dế Mèn vì thiếu suy nghĩ, lại thêm tính xốc nổi đã bày trò nghịch dại trêu chị Cốc khiến Dế Choắt chết oan. Trước khi chết, Dế Choắt tha lỗi và khuyên Dế Mèn bỏ thói hung hăng, bậy bạ. Dế Mèn sau khi chôn cất Dế Choắt vô cùng ân hận và suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

**3. Bố cục (2 phần)**

- Phần 1 (từ đầu đến “sắp đứng đầu thiên hạ rồi”): Vẻ ngoài và tính tình của Dế Mèn

- Phần 2 (còn lại): Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn

**4. Giá trị nội dung**

Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình

**5. Giá trị nghệ thuật**

- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn

- Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc

- Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình

**I. Dàn Ý: Phân Tích Bài Học Đường Đời Đầu Tiên**

**1. Mở bài**

\*Giới thiệu tác giả, tác phẩm:  
- Giới thiệu tác giả: Tô Hoài được mệnh danh là nhà văn của thiếu nhi với nhiều tác phẩm đã trở thành "món ăn" tinh thần của các bạn nhỏ.  
- Giới thiệu tác phẩm: "Bài học đường đời đầu tiên" rút từ tập "Dế Mèn phiêu lưu ký" là một đoạn trích để lại rất nhiều ấn tượng với bạn đọc.  
**2. Thân bài**

**a.Đánh giá chung:**  
- Đoạn trích rút từ tập "Dế Mèn phiêu lưu ký"  
- Có 2 phần: đi từ miêu tả ngoại hình, hành động, tính cách của nhân vật → câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên.

**b. Phân tích:**

- Ngoại hình: đôi chân với bộ móng nhọn hoắt, đôi càng mẫm bóng, "hai cái răng lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp"... → Vẻ đẹp ngoại hình: cường tráng, khoẻ khoắn.  
- Hành động: đạp phanh phách vào ngọn cỏ, đưa cả hai chân lên vuốt râu...  
→ Tính cách ngạo mạn, tự kiêu của Dế Mèn.

- Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt:  
+ Lúc đầu thì chế giễu, gọi bạn hàng xóm của mình Dế Choắt khi thấy Dế Choắt gầy gò, ốm yếu hơn mình.  
+ Ngông nghênh, ngạo mạn, xì hơi một cái thật dài khi Dế Choắt nhờ vả mình.  
+ Coi thường, gọi Dế Choắt là "mày".  
+ Ngạo mạn cố tình trêu tức chị Cốc dẫn đến cái chết đau thương của Dế Choắt.  
+Ân hận trước cái chết của Dế Choắt. → bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

**c. Nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích**

- Bằng việc sử dụng hàng loạt biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá → hình ảnh Dế Mèn trở nên chân thực, sống động: Đẹp, khỏe khoắn nhưng tính tình kiêu căng, ngạo mạn.  
- Ý nghĩa của đoạn trích: phải luôn biết giúp đỡ mọi người xung quanh mình.

**Bài học đường đời đầu tiên(LƯU Ý THÊM)**

**1.** Ở tầng nghĩa thứ nhất của văn bản, thông qua phương thức miêu tả và kể chuyện, ta nhận ra bức chân dung mà Dế Mèn tự họa. Đó là một phác thảo thành công về “một chàng dế thanh niên cường tráng” trong hai bối cảnh và hai mối quan hệ khác nhau : trong nhà và ngoài ngõ, với mình và với người. Mạch văn do đó mà liên tục theo hướng mở rộng dần ra. Quả như câu tục ngữ : “Ở nhà nhất mẹ nhì con – Ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta”.

– Trong cái thế giới riêng nhỏ bé của mình, Dế Mèn là chúa tể. Vẻ “cường tráng” toàn thân thẫm đẫm vào các chi tiết bộ phận. Tất cả đều ăn ý, hài hòa, ánh lên vẻ đẹp, sức hấp dẫn của một chàng dế thanh niên mới lớn. Nói đến sức mạnh của loài dế, trước hết phải kể đến bộ vuốt ở chân và bộ răng trên miệng. Cả hai, ở Dế Mèn đã vô cùng “lợi hại”, chỉ cần một động tác “co cẳng lên” là lập tức “Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua”, còn hai cái răng đen nhánh có thể sánh ngang với “hai lưỡi liềm máy làm việc”. Những ấn tượng thị giác vừa nêu được bổ sung bằng ấn tượng thính giác tạo ra được nội lực đáng gờm. Cái đạp của Dế Mèn là cái “đạp phanh phách” đầy khí thế, còn “hai lưỡi liềm máy” hoạt động lúc nào cũng có tiếng “ngoàm ngoạp” âm vang, đe doạ. Dế Mèn có đủ, sự sang trọng ở bộ cánh “cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi” (chứ không “ngắn hủn hoẳn” đến buồn cười như trước đó), sự đáng nể ở bộ râu “hùng dũng”. Riêng bộ râu của Dế Mèn là một điểm nhấn làm bừng sáng lên một vẻ đẹp hoàn mĩ, tuyệt vời (được tô đậm đến ba câu văn chứ không phải là một chi tiết đồng hạng ngang bằng với các bộ phận cơ thể khác). Cũng cần phải nói thêm, trong những nét miêu tả ngoại hình ấy, có những chi tiết tưởng như chỉ thoáng qua nhưng không thể thiếu, hơn nữa còn gây ấn tượng trong tâm trí người đọc. Ví dụ cái đầu “to ra và nổi từng tảng, rất bướng” của Dế Mèn. Thấp thoáng ở đây một lực sĩ toàn năng oai vệ sắp bước lên võ đài tỉ thí. Cuối cùng, sức mạnh của Dế Mèn đâu chỉ là câu chuyện vu vơ. Chú đã tìm phép thử nhưng dường như không có phản ứng ngược chiều. Dù có “cà khịa”, có “to tiếng” với “tất cả mọi bà con trong xóm”, nhưng không ai đáp lại, không một người nào “dám ho he”.

– Toàn bộ vẻ đẹp của Dế Mèn không chỉ được bộc lộ bằng hệ thống những chi tiết, đường nét khách quan. Nó còn gắn liền với vai trò chủ quan của người kể. Người kể chuyện không ở ngôi thứ ba mà là ngôi thứ nhất, ở vị trí này, Dế Mèn đã soi gương và ngắm mình trong đó. Yếu tố miêu tả đã kết hợp làm một với yếu tố trữ tình. Sức thuyết phục đối với người đọc không chỉ ở bề nổi mà còn ở chiều sâu. “Tôi” kể chuyện về “tôi” với bao nhiêu tâm trạng, nỗi niềm trong đó. Ngay ở những chi tiết hình thể, đâu phải là vô tình, tác giả hoá thân vào nhân vật mà sung sướng đến sững sờ khi nhận ra đôi càng “mẫm bóng”, những’ cái vuốt “nhọn hoắt” ở chân, đầu từng tảng to ra “rất bướng”. Không hài lòng, hơn nữa không hãnh diện với cặp râu thì làm sao Dế Mèn cứ chốc chốc lại đưa cả hai chân lên vuốt nó, mà cách vuốt “trịnh trọng và khoan thai” rất kiểu cách, điệu đà. Nếu lấy tiêu chí “con nhà võ” mà tự đánh giá, Dế Mèn thật mãn nguyện khi có được ưu thế vượt trội bẩm sinh, tự cho mình là “tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”. Có thể xốc nổi, nhưng cứ hồn nhiên như thế, Dế Mèn say sưa với bao nhiêu mơn trớn ngọt ngào.

– Hình tượng đẹp đẽ và dường như không còn chê vào đâu được nữa của Dế Mèn đã bị vơi hụt đi đáng kể dưới con mắt của chính Dế Mèn khi chàng thanh niên cường tráng thử sức lần thứ hai bày trò trêu chọc chị Cốc. Việc nghịch ngợm này không phải ngẫu nhiên như ta đã biết vì trước đó, với bà con trong xóm, Dế Mèn ta đã không dưới một lần “cà khịa” hay “to tiếng”, kẻ thì bị quát nạt (chị Cào Cào) người thì vô cớ bị cú đá ghẹo của y (anh Gọng Vó). Còn với Dế Choắt, “người hùng” của chúng ta (Dế Mèn) chỉ nhìn bằng nửa con mắt. Chẳng những không chịu giúp đỡ Dế Choắt, mà trong việc “mạo hiểm” lần này (trêu ghẹo chị Cốc), trước Dế Choắt, chàng ta muốn khẳng định mình ở vào một vị thế còn cao hơn nữa. Trước sự khuyên can thật tình : “Anh phải sợ…” của Dế Choắt, không một chút đắn đo, Dế Mèn quắc mắt : “Sợ gì ? Mày bảo tao sợ cái gì ? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa !”. Sự hợm hĩnh đến ngông cuồng, bất chấp lẽ phải là một nét tính cách của Dế Mèn. Chính nó đã dẫn đến hậu quả khôn lường : cái chết của Dế Choắt. Trong vụ án giết người mà Dế Choắt là nạn nhân này, chị Cốc là kẻ vô can, vì “Gieo gió thì phải gặt bão”, với cách nghĩ của chị Cốc, đó là chuyện thường tình. Chỉ có điều, oái oăm thay kẻ gieo gió đâu phải là kẻ có mặt lúc này ? Tội lỗi không thể nào tha thứ được của Dế Mèn không chỉ ở chỗ “quýt làm cam chịu”, mà cái chính còn là không biết yêu thương, che chở, đùm bọc cho đồng loại, nhất là những người không may mắn, những người ốm yếu rất đáng quan tâm như Dế Choắt hàng xóm “tắt lửa, tối đèn” (Nếu trước đó Dế Mèn đào cho Dế Choắt một cái ngách chạy sang thì chắc chắn là người bạn khốn khổ này đã thoát nạn). Lần đầu tiên, qua cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã nhận ra sự thiếu hụt về nhân cách, nền tảng tạo ra sức mạnh của mỗi cá nhân, còn sức mạnh của mỗi một cá nhân, nếu tách khỏi cộng đồng sẽ trở nên vô nghĩa. Đó chính là ý nghĩa đắt giá cho bài học đầu đời mà Dế Mèn tự rút ra.

**2**. Ở tầng nghĩa thứ hai của văn bản, thông qua hai lớp thời gian, một Dế Mèn hôm nay (đã trưởng thành thực sự) nhìn và kể lại một Dế Mèn hôm qua với bao nhiêu xốc nổi, dại khờ.

Chúng ta có thể hình dung trọn vẹn con đường “phiêu lưu” của nhân vật mà trích đoạn trên đây mới chỉ là bước khởi đầu. Tính chất hồi kí của tác phẩm hiện lên rất rõ. Nói đến hồi kí là nói đến cảnh, đến người thông qua miêu tả và kể chuyện nhưng gắn với hoài niệm, những kỉ niệm riêng trong quá khứ. Vì vậy, những chấn động tình cảm có điều kiện gia tăng với người kể, và chia sẻ được với người nghe, cả hai trở thành những tri âm, đồng điệu. Biểu hiện của tính chất hồi kí ở đây là lối văn hai giọng : giọng của hôm nay nhớ về quá khứ, còn những dòng viết về quá khứ lại cứ như hiện ra trước mắt, của hôm nay (hiện tại của quá khứ). Chất giọng của hôm nay là một thứ tư duy phán xét như tiếng nói của vị quan tòa nghiêm khắc cần minh bạch đúng sai nhưng cũng có sự bao dung, tha thứ cho những dại dột ấu trĩ một thời. Hai chất giọng này xen kẽ vào nhau tạo thành thứ bè đôi – phong cách riêng của Dế Mèn phiêu lưu kí nhằm điều chỉnh quá trình hướng thiện của nhân vật trung tâm đi vào quỹ đạo. Trước hết, nó đính chính lại những ngộ nhận ngây thơ mà Dế Mèn một thời cứ đinh ninh nó là như thế. Chẳng hạn việc gây sự vô cớ với bà con trong xóm mà không ai lên tiếng. Sau này tỉnh táo hơn, từng trải hơn, Dế Mèn mới hiểu được thế nào là sự im lặng. Thì ra toàn là chỗ quen thuộc cả, “không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi…”. Lên mặt mắng Dế Choắt là kẻ “ặn xổi, ở thì” nhưng sự thật không phải như vậy (thật ra chỉ vì ốm đau luôn, Dế Choắt không thể nào làm được). Cao hơn sự điều chỉnh trên đây, Dế Mèn đã tìm thấy nguyên nhân của sự “tự đắc”, ấy là tính ích kỉ, cá nhân của bản thân mình lúc đó : “Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc…”. Dám thẳng thắn như thế vì Dế Mèn là kẻ biết mình, khoác lác thế thôi (như với chị Cốc), nhưng y là một kẻ “miệng hùm gan sứa”, chẳng thế mà khi biết Dế Choắt bị chị Cốc giáng cho những đòn chí tử, tuy đã nằm tận đáy cái hang kiên cố của mình rồi, Dế Mèn vẫn khiếp đảm “nằm im thin thít”, đợi chị Cốc bay đi rồi mới dám “mon men bò lên”. Toàn bộ sự việc trêu chọc chị Cốc, bắt nạt Dế Choắt đã được khái quát lại và để từ đó một bài học về nhân sinh, về đạo lí rút ra thấm thía : “Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi…”. Câu văn này mà đặt vào một kết cấu hình thức bên ngoài thì nó như một sự chuyển ý. Nhưng nếu đặt nó vào phong cách Tô Hoài thì lại là giọng văn hồi kí có tính chất đúc kết rất cao. Nó làm sáng lên tất cả chân dung một Dế Mèn còn nhiều thiếu sót mà câu chuyện tiếp nối là một sự minh họa theo quan hệ “hô – ứng” mà thôi. Tuy có nặng lời phê phán, lối văn hai giọng cũng phát hiện ra những mầm mống tốt đẹp của Dế Mèn, một tính cách không hề giản đơn, một phía. Với Dế Choắt, Dế Mèn tỏ ra tuyệt tình nhưng thực ra Mèn cũng biết thương người. Trong cái đám sếu, vạc, cốc, le,… cãi nhau inh ỏi bốn góc đầm nước trắng mênh mông có khi chỉ tranh nhau một mồi tép, Dế Mèn rưng rưng thương cảm với “những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào”. Vừa hắt hủi Dế Choắt “Đào tổ nông thì cho chết ! “, Dế Mèn đã biết trầm tư : “Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi”. Tính cách Dế Mèn là như thế ! Đủ tất cả hay, dở, đúng, sai. Cần phải học, học theo kiểu “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” hơn nữa mới trở nên một Dế Mèn chân chính.

**3**. Về nghệ thuật, điều trước hết không thể không nói, ấy là nghệ thuật miêu tả và kể chuyện. Tác phẩm chinh phục được người đọc từ những trang đầu đến khi kết thúc. Đó là nhờ tài quan sát và kể chuyện. Bằng trí tưởng tượng của nhà văn, ta cảm nhận được thế giới loài vật nhỏ bé như thế giới loài người ở những quan hệ và số phận của chúng. Con vật mang tính cách người, hay thấp thoáng hình ảnh con người. Riêng về mặt kể chuyện, mà ở đây là tự truyện, Tô Hoài đã đi vào được đời sống nội tâm của nhân vật, đặc biệt là nhân vật Dế Mèn. Ông có những phát hiện thú vị nhất là về tâm lí. Cùng với điều đó, tác giả khéo léo đặt nhân vật vào những tình huống tưởng như bình thường nhưng diễn biến bất thường để nhân vật tự bộc lộ tính cách (nhự đoạn Dế Mèn trêu chọc chị Cốc để rồi nhận lấy cho mình bài học đau đớn, xót xa). Ngoài những điều dễ nhận biết đó ra, không thể không nói đến ngôn ngữ, đến cách dùng từ, đặt câu rất đặc biệt và cũng là thành công lớn của Tô Hoài trong Dế Mèn phiêu lưu kí. Về từ, ngữ, nhà văn chưa bao giờ cho phép mình cẩu thả. Ngay như khi cá biệt hoá cũng là khái quát hoá vẻ đẹp, sức hấp dẫn của Dế Mèn, tác giả có một phác hoạ chính xác : “chàng dế thanh niên cường tráng”. Cường tráng khác với tuấn tú, khôi ngô khác với thông minh lanh lợi. “Cường tráng” gần với loài vật hơn, lưu ý với người đọc về sức vóc nhiều hơn. Trên tinh thần sáng tạo ấy, các tính từ và động từ miêu tả ngoại hình vừa có thần vừa đá nghĩa. “Có thần” vì sức lột tả giúp cho người đọc có thể hình dung cái cốt lõi, cái tinh tuý mà ngôn từ thể hiện, còn đa nghĩa vì những tính từ và động từ ấy còn góp phần thể hiện, đúng ra là nhân vật tự thể hiện mình, một cách soi gương và .nhìn ngắm mình trong đó (như trên đã nói). Đôi càng “mẫm bóng” chứ không phải là nhẵn bóng, đôi cánh trước kia ngắn “hủn hoẳn” chứ không phải là cũn cỡn, mỗi khi tôi “vũ lên” chứ không phải là vù lên hay vỗ cánh bay lên,… Đó là những từ lạ có sức tạo hình. Song, có những từ không có gì là “lạ” nhưng do đặt được nó vào một tương quan nhất định, hiệu quả của nó không kém gì sức gợi như trên. Chẳng hạn trường hợp sợi râu của Dế Mèn : “Sợi râu của tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng”. Chữ “hùng dũng” đặt ở đây thoạt nghe có vẻ không thuận, không êm, nhưng nghĩ kĩ thì thật là chính xác. Không chỉ tả Dế Mèn, cả Dế Choắt cũng thế. Dưới con mắt tự đắc của mình, Dế Mèn nhìn đôi cánh của Dế Choắt mới buồn cười, mới ngộ nghĩnh và thảm hại làm sao. Cánh gì mà chỉ “ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê”. Lấy cái chết để cảnh báo Dế Choắt về cái tội nhà cửa tuềnh toàng, Tô Hoài viết : “Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi !”. “Chết ngay đuôi” là cụm từ rất hay và rất lạ. Giải thích cho Dế Mèn hiểu được tình cảnh bệnh tật .của mình, thông thường Dế Choắt có thể nói : em yếu sức quá. Nhưng nhà văn không chịu. Phải là “em nghèo sức quá” mới đúng là Dế Choắt của Tô Hoài. “Đứa nào cạnh khoé gì tao thế ? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế ?” thì đó mới là giọng điệu của chị Cốc, ngôn từ của chị Cốc thường dùng. Giọng điệu ở đây không kém phần đáo để, còn ngôn từ nói theo cách rút gọn thành ngữ (nói cạnh nói khoé) làm cho ý tứ không vòng vèo mà sắc nhọn hẳn lên. Rõ ràng ngôn ngữ trong trích đoạn nói trên và tác phẩm nói chung là ngôn ngữ nhân vật, kết quả của sự chắt lọc từ ngôn ngữ đời thường để chỉ còn tinh tuý mới thôi. Ở một đơn vị ngôn ngữ lớn hơn từ, ngữ, đó là câu, câu văn của Tô Hoài rất giàu nhạc tính. Thử làm một phép so sánh giữa câu văn : “Tôi quát bọn Cào Cào ngoài đầu bờ mép cỏ” với câu của Tô Hoài : “Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm”. Hoặc giữa câu : “Tôi đá anh Gọng Vó” với câu của Tô Hoài : “Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên”. Rõ ràng, chúng khác nhau một trời một vực. Tính nhạc trong những câu văn ấy của Tô Hoài tạo ra bởi thanh điệu và nhịp điệu vừa tiết chế vừa du dương. Ở câu thứ nhất có bốn nhịp, kết thúc hai nhịp đầu là thanh bằng liên tiếp thì hai nhịp sau lại là thanh trắc như một sự hoà thanh. Kết hợp với thanh điệu ấy lại là bốn nhịp có sự cân đối về số lượng từ thật chỉn chu một cách đầy dụng ý. Còn ở ví dụ thứ hai nếu cắt bỏ một cụm từ, như “dưới đầm lên”, câu văn sẽ hỏng theo quy luật phối thanh vừa phân tích. Thêm cụm từ có vẻ không quan trọng đó vào, câu văn êm thuận hẳn lên, vừa êm tai, vừa cảm động. Những câu văn như thế thoát ra khỏi sự ràng buộc của lối văn biền ngẫu, đã đạt tới sự nhuần nhị, tự nhiên, dấu hiệu rực rỡ của văn xuôi hiện đại.

**II. LUYỆN TẬP”**

**Bài Văn tham khảo**

**BT1.:Phân Tích Bài Học Đường Đời Đầu Tiên**

Người ta vẫn thường gọi Tô Hoài là nhà văn của thiếu nhi bởi những tác phẩm của ông suốt một thập kỷ qua đã trở thành "món ăn" tinh thần không thể thiếu của rất nhiều em nhỏ. "Dế Mèn phiêu lưu ký" là một trong những sáng tác rất nổi tiếng của ông mà hầu như bạn nhỏ nào cũng biết đến. Đoạn trích "Bài học đường đời đầu tiên" được rút từ tác phẩm này đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng độc giả.

Đoạn trích có hai phần. Tô Hoài đã đi từ hình dáng, tính cách, hành động của Dế Mèn rồi từ đó mở ra cho người đọc câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn sau cái chết của Dế Choắt. Toàn bộ đoạn trích được kể bằng ngôi thứ nhất, là lời kể của Dế Mèn khiến cho câu chuyện trở nên vô cùng chân thật nhưng cũng không kém phần sinh động, hấp dẫn.

Mở đầu đoạn trích là các chi tiết miêu tả hình dáng của Dế Mèn với một đôi càng "mẫm bóng" cùng "những cái móng vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt". Cả người Dế Mèn "rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn". Nó có một cái đầu "to ra và nổi từng tảng, rất bướng". Hai cái răng thì đen nhánh và "lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc" cùng với sợi râu "dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng". Chỉ bấy nhiêu nét phác hoạ thôi cũng đủ thấy sự tỉ mỉ và tinh tế trong miêu tả của nhà văn Tô Hoài. Qua từng câu, từng chữ, hình ảnh một chú Dế Mèn ngạo mạn, cường tráng cứ thế dần hiện ra trước mắt người đọc. Cùng với việc sử dụng hàng loạt các biện pháp tu từ cùng với những nét miêu tả đẹp mắt, Dế Mèn còn hiện lên như một chàng trai trẻ đầy sức sống, vừa tự tin vừa tự hào về bản thân mình. Không chỉ vậy, hành động của Dế Mèn cũng được miêu tả sinh động không kém. Với những cái móng vuốt nhọn hoắt của mình, khi muốn thử sự lợi hại của chúng, nó lại "co cẳng lên đạp phanh phách vào các ngọn cỏ". Dế Mèn còn tự miêu tả mình bằng giọng điệu thế này: "Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu", "thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái". Ngoại hình đẹp mắt cũng những hành động ngạo mạn vừa thể hiện được vẻ cường tráng vừa cho thấy tính cách điệu bộ kiêu căng của chú dế mới lớn này.

Với việc sử dụng những từ ngữ vô cùng độc đáo như: "mẫm bóng", "nhọn hoắt", "hủn hoẳn", "dài bóng mỡ", "ngoàm ngoạp"... đoạn văn miêu tả hình dáng, hành động của Dế Mèn được coi là đoạn miêu tả hết sức đặc sắc, độc đáo bởi ta chỉ cần thay thế một từ thôi thì hình ảnh chú dế mới lớn sẽ không còn hiện ra với dáng vẻ bắt mắt như vậy nữa. Vậy mới thấy Tô Hoài không chỉ có khả năng quan sát tinh tế mà còn là một bậc thầy trong việc sử dụng ngôn từ miêu tả. Nhưng cái tài của nhà văn còn ở chỗ đằng sau việc miêu tả ngoại hình, hành động ta còn thấy được hết cái tính cách của nhân vật. Đằng sau cái dáng vẻ ưa nhìn, khoẻ khoắn còn là cái vẻ kiêu căng, tự phụ đến mức nó tự nghĩ mình "có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi". Chính những suy nghĩ, cùng sự ngạo mạn đó đã dẫn đến những hậu quả đáng tiếc và đó cũng chính là những bài học đầu tiên của Dế Mèn.

Câu chuyện bắt đầu từ thái độ coi thường của Dế Mèn đối với Dế Choắt. Thấy anh bạn hàng xóm của mình trông gầy gò, ốm yếu, nó không những không đồng cảm, chia sẻ mà còn gọi bạn của mình là Dế Choắt một cách đầy chế giễu. Rồi khi Dế Choắt nhờ vả Dế Mèn, nó hếch răng lên, xì hơi một cái rõ dài đầy ngông nghênh và không coi ai ra gì. Không những vậy, Dế Mèn còn quắc mắt, mắng Dế Choắt, thể hiện rất rõ giọng điệu khinh rẻ, nhạo báng Dế Choắt: "Chú mày sinh sống quá cẩu thả, chú mày có lớn mà chẳng có khôn, chú mày hôi như cú mèo, im cái điệu khóc mưa dầm sùi sụt ấy đi, giương mắt lên mà xem tao trêu con mụ Cốc đây này". Với việc xây dựng một nhân vật hoàn toàn đối lập với Dế Mèn về ngoại hình và sức lực, Tô Hoài càng làm nổi bật lên cái vẻ ngạo mạn, kiêu căng, không coi ai ra gì của Dế Mèn.

Cái dáng vẻ yếu đuối, gầy gò của Dế Choắt không hề khiến cho một anh chàng mới lớn, khoẻ khoắn như Dế Mèn phải bận tâm cho đến khi hành động dại dột của nó đã dẫn đến cái chết thương tâm cho Dế Choắt. Nó đã ngông cuồng trêu tức chị Cốc một phần là bởi cái tính ngỗ nghịch của mình nhưng mặt khác còn là để chứng minh cho Dế Choắt thấy mình chẳng hề nể sợ ai: "Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!". Ngông nghênh là thế nhưng khi thấy chị Cốc nổi giận, nó lập tức chui vào hang sâu để lẩn trốn để rồi người chịu hậu quả lại là Dế Choắt. Cái vẻ gầy gò, ốm yếu của Dế Choắt khiến nó không thể chịu được khi cái mỏ của chị Cốc cứ thế giáng xuống và mãi cho đến tận khi chị Cốc đi rồi Dế Mèn mới dám mò ra. Khi thấy bạn của mình không thể dậy được nữa cùng với những lời trăng trối, Dế Mèn đã vô cùng đau khổ, ân hận. Nó nhận ra những sai lầm của mình cùng tính ngông nghênh, ngạo mạn của bản thân. Cái chết của Dế Choắt chính là bài học đường đời đầu tiên vô cùng đắt giá của nó.

Có thể thấy bằng việc sử dụng hàng loạt những biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá Tố Hữu không chỉ tái hiện lại câu chuyện một cách chân thực, sống động mà còn để lại một bài học vô cùng sâu sắc không chỉ với Dế Mèn mà còn với cả độc giả. Qua lỗi lầm đã gây ra cho Dế Choắt, chú Dế Mèn kiêu ngạo cũng rút ra cho mình bài học sâu sắc: Không nên kiêu căng, hống hách, cần phải suy nghĩ trước khi làm, tránh gây ra những tai họa cho người khác cũng như chính bản thân mình.

Đoạn trích "Bài học đường đời đầu tiên" không chỉ mang đến bài học sâu sắc cho Dế Mèn mà còn là bài học chung cho tất cả chúng ta về thái độ sống: cần yêu thương, sẻ chia với những người xung quanh, cần sống khiêm tốn không kiêu ngạo, coi thường người khác.

https://thuthuat.taimienphi.vn/phan-tich-bai-hoc-duong-doi-dau-tien-54152n.aspx

### BT2.Bài văn phát biểu cảm nghĩ về đoạn trích "Bài học đường đời đầu tiên"

Dế Mèn phiêu lưu kí là một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Tô Hoài. Ngay từ khi mới ra đời, truyện đã thu hút sự chú ý của độc giả và được trẻ thơ Việt Nam rất mến mộ. Trong đó, chương I: Tôi sống độc lập từ thuở bé – Một sự ngộ nghĩnh đáng ân hận suốt đời (Bài học đường đời đầu tiên) là được yêu thích nhất bởi lối kể “tự truyện” và một ngôn ngữ kể phù hợp với ngôn ngữ trẻ thơ. Đoạn trích kể về một chú Dế Mèn sớm có ý thức tự lập, ham muốn làm việc, có bản lĩnh và cá tính mạnh mẽ, sống bên cạnh đó cũng có không ít những sở thích ngông cuồng của tuổi trẻ. Trả giá cho sự “ngỗ nghịch” ấy là nỗi “ân hận” suốt đời của Dế Mèn.

Sau khi sinh ra được ba ngày, tối hôm đó Dế Mèn rời xa mẹ. Chú không sợ cũng không buồn, chú thầm cảm ơn mẹ đã tạo điều kiện cho chú được sống độc lập. Chú khoan khoái vì được sống tự do, tha hồ thoả mãn tính hiếu động của mình. Mới đến hang, chú ta đã sục sạo khắp nơi, xem xét cẩn thận chỗ ở, nhìn ngắm trời đất. Thích thú, chú cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to như để tuyên bô” cuộc sống độc lập của mình bắt đầu và gửi lời chào đến tất cả cư dân vùng đầm nước ấy. Quả là một chú dế rất đáng yêu.

Dế Mèn rất ham làm việc và có ý thức làm việc để chuẩn bị chu đáo cho cuộc sống độc lập của mình. Chú làm việc suốt ngày đến tận chập tối mới ngơi tay. Mèn hay lam hay làm, cần cù như một người lao động thực thụ, với cả bản tính lo xa như các cụ già trong họ. Thật đáng khâm phục. Tuy còn nhỏ, nhưng Dê Mèn đã tỏ ra là một chàng dế có bản lĩnh. Mèn không ngừng luyện tập và trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, dáng vẻ oai vệ. Đoạn văn miêu tả hình dáng, cử chĩ của Dế Mèn thật sinh động, cụ thể, phù hợp với cách nhìn của trẻ em về thế giới loài vật.

Cuộc sống ở xóm quanh bờ ruộng diễn ra thật vui vẻ: đêm đến, họ nhà Dế rủ nhau đàn hát, nhảy múa, ăn sương đọng, cỏ ướt. Nhưng những niềm vui chỉ có thể thoả mãn những tâm hồn ưa bình yên, giản dị, ít khát vọng. Còn Dế ta, vốn hiếu dộng, thích cuộc sống – phóng khoáng, mạnh mẽ, luôn luôn mới mẻ, vì thế chú thấy nhàm chán dần. Nỗi chán chường vì cuộc sống cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu đó chính là niềm thôi thúc Dê Mèn sau này tiến hành một cuộc phiêu lưu vô cùng hấp dẫn nhưng đầy mạo hiểm. Những ngày sống quanh quẩn bên đầm nước toàn gặp những khuôn mặt quen thuộc, chưa thấy ai tài giỏi hơn mình, cũng làm cho Dế Mèn nảy sinh những tính cách khác thường.

Dế Mèn tự say sưa ngắm mình trong tư thế đi đứng oai vệ, sợi râu dài một vẻ rất đỗi hùng dũng, tự thoả mãn với tiếng phành phạch giòn giã của đôi cánh. Vậy nên chú càng ngày càng cho mình là giỏi, là tay ghê gớm, là sắp đứng dầu thiên hạ, càng trở nên hung hăng hống hách. Mèn cà khịa, bắt nạt, trêu chọc tất cả bà con trong xóm. Cái tính khí ngỗ ngược, trẻ con ấy khiến Dế Mèn từ một chú dế đáng yêu trở thành một kẻ đáng ghét làm sao! Chẳng ai nói ra, nhưng có lẽ cả cái xóm bờ đầm đều nghĩ thế. Đỉnh điểm của trò ngỗ ngược, nghịch ranh là chuyện đến trêù chị Cốc dẫn đến cái chết thê thảm của Dế Choắt.

Kể về sự việc này, ngòi bút của Tô Hoài thật tinh tế khi miêu tả diễn biến, thái độ và tâm lý nhân vật. Lúc đầu Dế Mèn huênh hoang trước Dế Choắt: Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gi? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa! Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này. Sau đó Dế Mèn chui tọt ngay vào hang yên trí với nơi ẩn nấp kiên cố của mình. Tôi… lèn giường nằm khểnh, bắc chân chữ ngủ…. Nhưng khi Dế Choắt bị Cốc mổ thì núp tận đáy đất mà tôi cũng thiếp, nằm im thin thít, cho đến khi biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Đến đây, có lẽ người đọc đều chung một suy nghĩ: “đồ hèn nhát”. Tô Hoài đã thành công trong việc khắc họa tính cách nhân vật và để lại một ấn tượng về nhân vật của mình.

Sự việc đau lòng này đã làm cho Dế Mèn tỉnh ngộ và nhận ra cái xấu, cái tai hại của những cử chỉ ngông cuồng, ngu dại của mình. Dế Mèn thấy mình ích kỷ. Những lời trăng trối của Dế Choắt được coi là bài học sâu sắc, bài học đầu tiên trong đời Dế Mèn: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi củng mang vạ vào mình.

Dể Mèn phiếu lưu kí của Tô Hoài là truyện “đồng thoại” chứ không phải truyện ngụ ngôn. Nhưng tác giả đã thông qua truyện về thế giới loài vật, lồng vào đó những bài học triết lí nhân sinh sâu sắc, không kém gì truyện ngụ ngôn. Thông qua những trò nghịch tinh quái, những tâm tư tình cảm của Dế Mèn, nhà văn đã khéo đưa câu chuyện (đặc biệt ở chương I) những bài học về cách sống của mình: không nên làm những việc ngu dại, ngông cuồng chỉ để thoả mãn tính hiếu thắng, tính ích kỷ của mình; phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu sót của mình…

Những bài học đạo lý ấy vừa nhẹ nhàng, vừa sâu sắc, thấm thìa. Vì vậy tác phẩm không chỉ có giá trị đối với thiếu nhi Việt Nam, mà còn được tuổi thơ các nước Nga, Ru- ma-ni, Ba Lan, Ấn Độ, Nam tư, Đức, Pháp… rất yêu chuộng.

**BT3:Cảm nhận của em sau khi học đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên thuộc chương I tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí của nhà văn Tô Hoài  
Bài làm**

Dế Mèn phiẽu lưu kí là một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Tô Hoài. Ngay từ khi mới ra đời, truyện đã thu hút sự chú ý của độc giả và được trẻ thơ Việt Nam rất mến mộ. Trong đó, chương I: Tôi sống độc lập từ thuở bé - Một sự ngộ nghĩnh đáng ân hận suốt đời (Bài học đường đời đầu tiên) là được yêu thích nhất bởi lối kể “tự truyện” và một ngôn ngữ kể phù hợp với ngôn ngữ trẻ thơ. Đoạn trích kể về một chú Dế Mèn sớm có ý thức tự lập, ham muốn làm việc, có bản lĩnh và cá tính mạnh mẽ, sống bên cạnh đó cũng có không ít những sở thích ngông cuồng của tuổi trẻ. Trả giá cho sự “ngỗ nghịch” ấy là nỗi “ân hận” suốt đời của Dế Mèn.

Sau khi sinh ra được ba ngày, tối hôm đó Dế Mèn rời xa mẹ. Chú không sợ cũng không buồn, chú thầm cảm ơn mẹ đã tạo điều kiện cho chú được sống độc lập. Chú khoan khoái vì được sống tự do, tha hồ thoả mãn tính hiếu động của mình. Mới đến hang, chú ta đã sục sạo khắp nơi, xem xét cẩn thận chỗ ở, nhìn ngắm trời đất. Thích thú, chú cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to như để tuyên bố cuộc sống độc lập của mình bắt đầu và gửi lời chào đến tất cả cư dân vùng đầm nước ấy. Quả là một chú dế rất đáng yêu.

Dế Mèn rất ham làm việc và có ý thức làm việc để chuẩn bị chu đáo cho cuộc sống độc lập của mình. Chú làm việc suốt ngày đến tận chập tối mới ngơi tay. Mèn hay lam hay làm, cần cù như một người lao động thực thụ, với cả bản tính lo xa như các cụ già trong họ. Thật đáng khâm phục. Tuy còn nhỏ, nhưng Dê Mèn đã tỏ ra là một chàng dế có bản lĩnh. Mèn không ngừng luyện tập và trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, dáng vẻ oai vệ. Đoạn văn miêu tả hình dáng, cử chĩ của Dế Mèn thật sinh động, cụ thể, phù hợp với cách nhìn của trẻ em về thế giới loài vật.

Cuộc sống ở xóm quanh bờ ruộng diễn ra thật vui vẻ: đêm đến, họ nhà Dế rủ nhau đàn hát, nhảy múa, ăn sương đọng, cỏ ướt. Nhưng những niềm vui chỉ có thể thoả mãn những tâm hồn ưa bình yên, giản dị, ít khát vọng. Còn Dế ta, vốn hiếu dộng, thích cuộc sống - phóng khoáng, mạnh mẽ, luôn luôn mới mẻ, vì thế chú thấy nhàm chán dần. Nỗi chán chường vì cuộc sống cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu đó chính là niềm thôi thúc Dê Mèn sau này tiến hành một cuộc phiêu lưu vô cùng hấp dẫn nhưng đầy mạo hiểm. Những ngày sống quanh quẩn bên đầm nước toàn gặp những khuôn mặt quen thuộc, chưa thấy ai tài giỏi hơn mình, cũng làm cho Dế Mèn nảy sinh những tính cách khác thường.

Dế Mèn tự say sưa ngắm mình trong tư thế đi đứng oai vệ, sợi râu dài một vẻ rất đỗi hùng dũng, tự thoả mãn với tiếng phành phạch giòn giã của đôi cánh. Vậy nên chú càng ngày càng cho mình là giỏi, là tay ghê gớm, là sắp đứng dầu thiên hạ, càng trở nên hung hăng hống hách. Mèn cà khịa, bắt nạt, trêu chọc tất cả bà con trong xóm. Cái tính khí ngỗ ngược, trẻ con ấy khiến Dế Mèn từ một chú dế đáng yêu trở thành một kẻ đáng ghét làm sao! Chẳng ai nói ra, nhưng có lẽ cả cái xóm bờ đầm đều nghĩ thế. Đỉnh điểm của trò ngỗ ngược, nghịch ranh là chuyện đến trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thê thảm của Dế Choắt.

Kể về sự việc này, ngòi bút của Tô Hoài thật tinh tế khi miêu tả diễn biến, thái độ và tâm lý nhân vật. Lúc đầu Dế Mèn huênh hoang trước Dế Choắt: Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa! Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này. Sau đó Dế Mèn chui tọt ngay vào hang yên trí với nơi ẩn nấp kiên cố của mình. Tôi... lèn giường nằm khểnh, bắc chân chữ ngủ.... Nhưng khi Dế Choắt bị Cốc mổ thì núp tận đáy đất mà tôi cũng thiếp, nằm im thin thít, cho đến khi biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Đến đây, có lẽ người đọc đều chung một suy nghĩ: “đồ hèn nhát”. Tô Hoài đã thành công trong việc khắc họa tính cách nhân vật và để lại một ấn tượng về nhân vật của mình.  
  
Sự việc đau lòng này đã làm cho Dế Mèn tỉnh ngộ và nhận ra cái xấu, cái tai hại của những cử chỉ ngông cuồng, ngu dại của mình. Dế Mèn thấy mình ích kỷ. Những lời trăng trối của Dế Choắt được coi là bài học sâu sắc, bài học đầu tiên trong đời Dế Mèn: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi củng mang vạ vào mình.  
Dể Mèn phiếu lưu kí của Tô Hoài là truyện “đồng thoại” chứ không phải truyện ngụ ngôn. Nhưng tác giả đã thông qua truyện về thế giới loài vật, lồng vào đó những bài học triết lí nhân sinh sâu sắc, không kém gì truyện ngụ ngôn. Thông qua những trò nghịch tinh quái, những tâm tư tình cảm của Dế Mèn, nhà văn đã khéo đưa câu chuyện (đặc biệt ở chương I) những bài học về cách sống của mình: không nên làm những việc ngu dại, ngông cuồng chỉ để thoả mãn tính hiếu thắng, tính ích kỷ của mình; phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu sót của mình... Những bài học đạo lý ấy vừa nhẹ nhàng, vừa sâu sắc, thấm thía. Vì vậy tác phẩm không chỉ có giá trị đối với thiếu nhi Việt Nam, mà còn được tuổi thơ các nước Nga, Ru- ma-ni, Ba Lan, Ấn Độ, Nam tư, Đức, Pháp... rất yêu chuộng.  
  
**CHUYÊN ĐỀ. 8**

**BIỆN PHÁP TU TỪ**

**CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**I. – CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG KIẾN THỨC**

**1.**Biện pháp tu từ là những cách dùng từ ngữ gọt giũa, có hình ảnh thẩm mĩ, bóng bẩy; làm cho lời hay, ý đẹp, có sức biểu cảm cao, nâng hiệu quả diễn đạt.

**2.**Tiếng Việt có nhiều biện pháp tu từ, trong chương trình tiếng Việt lớp 6, yêu cầu HS nắm được bốn biện pháp tu từ sau:

a) So sánh:

– Khái niệm: so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng.

– Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm:

+ Vế A nêu tên sự vật, sự việc được so sánh.

+ Vế B nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh vói sự vật, sự việc nói ở vế A.

+ Từ ngữ chỉ phưong diện so sánh.

+ Từ so sánh.

Ví dụ: Quê hương/ ngọt ngào/ như /dòng sữa mẹ.

+ Quê hương : A

+ ngọt ngào: PDSS

+ như: TSS

+ dòng sữa mẹ: B

Lưu ý: Trong thực tế, mô hình cấu tạo trên có thể biến đổi ít nhiều:

– Các từ chỉ phương diện so sánh và từ so sánh có thể được lược bớt.

– Vế B có thể được đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh.

Ví dụ: Trường Sơn/: chí lớn ông cha.

(Lê Anh Xuân)

+ Trường Sơn: B

+ chí lớn ông cha: A

– Các kiểu so sánh: dựa vào các từ so sánh, ta phân biệt hai kiểu:

+ So sánh ngang bằng: như, như là, giống,…

Ví dụ:

Tâm  hồn tôi là một buổi trưa hè

Toả nắng xuống dòng sông lấp loáng.

(Tế Hanh)

+ So sánh không ngang bằng: hon, không như,…

Ví dụ:

 Bóng Bác cao lồng lộng

Ấm hơn ngọn lửa hồng.

(Minh Huệ)

– Tác dụng của phép so sánh làm cho cách diễn đạt sinh động, gợi hình, có giá trị biểu cảm cao, gợi tả cụ thể, chi tiết đặc điểm của sự vật, có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm sâu sắc.

b) Nhân hoá

– Khái niệm: nhân hoá là gọi hoặc tả cây cối, con vật, đồ vật,… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.

– Có ba kiểu nhân hoá thường gặp:

+ Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.                                                       •

Ví dụ: Từ đó***lão***Miệng,***bác***Tai,***cô***Mắt,***cậu***Chân,***cậu***Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

+ Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.

Ví dụ:Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.

(Võ Quảng)

+ Trò chuyện, xưng hô với vật như với người.

Ví dụ:

  Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

(Ca dao)

– Tác dụng của phép nhân hoá làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,… trở nên gần gũi với con người, làm cho cách diễn đạt sinh động, có giá trị biểu cảm cao. Cảnh vật, sự vật vô tri vô giác được nhân hoá trở nên gần gũi, thân thiết, có tâm hồn,…

c) Ẩn dụ

– Khái niệm: ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

– Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:

+ Ấn dụ hình thức: dựa trên nét tương đồng về hình thức giữa các sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

  Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường***lửa lựu lập loè đâm bông.***

(Nguyễn Du)

+ Ẩn dụ cách thức: dựa trên nét tương đồng về cách thức thực hiện hành động giữa các sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

Về thăm nhà Bác làng Sen

Có***hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.***

(Nguyễn Đức Mậu)

+ Ẩn dụ phẩm chất: dựa trên nét tương đồng về phẩm chất giữa các sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

***Người Cha***mái tóc bạc

Đốt lửa cho anh nằm.

(Minh Huệ)

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: dựa vào sự tương đồng về cảm giác.

Ví dụ: Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng.

(Nguyễn Tuân)

– Tác dụng của phép ẩn dụ làm cho cách diễn đạt sinh động, có giá trị biểu cảm cao. Làm tăng tính biểu cảm, tính hình tượng.

d) Hoán dụ

– Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó.

– Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy một bộ phận để gọi toàn thể.

Ví dụ:

***Bàn tay***ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông)

+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.

Ví dụ:***Làng xóm***ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách, làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể.

(Hồ Chí Minh)

+ Lấy dâu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

Ví dụ:

***Đầu xanh***đã tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.

(Nguyễn Du)

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

Ví dụ:**Chân cứng đá mềm.**

(Thành ngữ)

– Tác dụng của phép hoán dụ làm cho lời văn sinh động, có giá trị biểu cảm cao; nhấn mạnh, gây ấn tượng vào đặc điểm, dấu hiệu,… của sự vật.

**II- LUYỆN TẬP**

**BT1.**

**BT2**

# Phương pháp làm văn tự sự

**1.Khái niệm**

a.Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề bày tỏ thái độ khen, chê.

b.Sự việc và nhân vật trong văn tự sự: Sự việc trong văn tự sự được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả,… Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt. Nhân yật trong văn tự sự là người thực hiện các sự việc và là người được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản. Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm,…

c.Lời văn đoạn văn tự sự: Văn tự sự chủ yếu là kể người và kể việc. Khi kể người thì có thể giới thiệu họ tên, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, ý nghĩa của nhân vật. Khi kể việc, thì kể các hành động, việc làm, kết quả và sự thay đổi do các hành động đem lại. Mỗi đoạn văn thường có một ý chính, diễn đạt thành một câu gọi là câu chủ đề. Các câu khác giải thích cho ý chính, làm cho ý chính nổi hẳn lên.

d.Ngôi kể trong văn tự sự

Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện. Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể linh hoạt, tự do kể những gì diễn ra với nhân vật. Khi tự xưng là “tôi”, kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, suy nghĩ, cảm xúc của mình. Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp. Người kể xưng “tôi” trong tác phẩm không nhất thiết phải là chính tác giả.

**2.Các dạng bài tự sự**

**Kể chuyện đời thường:** Là kể những câu chuyện hằng ngày từng trải qua, từng gặp với những người quen hay lạ nhưng để lại ấn tượng, cảm xúc nhất định nào đó. Yêu cầu của kể chuyện đời thường là nhân vật và sự việc cần phải hết sức chân thực, không nên bịa đặt thêm thắt tuỳ ý.

**Kể chuyện tưởng tượng:**Là kể những chuyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế, nhưng có một ý nghĩa nào đó. Chuyện tưởng tượng được kể ra một phần dựa vào những điểu có thật, rồi tưởng tượng thêm cho thú vị, làm cho ý nghĩa câu chuyện nổi bật, sinh động.

Bao gồm: Kể chuyện tưởng tượng về số phận và tâm tính một sự vật; Kể chuyện đã biết theo một kết cục mới; Kể một chuyện cũ theo ngôi kể mới.

**3.Yêu cầu của một bài văn tự sự lớp 6**

**a.Kể chuyện đời thường**

– Biết sắp xếp sự việc theo một trình tự nhằm làm nổi bật ý nghĩa câu chuyện.

– Trình bày bài văn theo một bố cục mạch lạc 3 phần.

– Tuỳ theo yêu cầu đối tượng kể để lựa chọn tình huống và sắp xếp sự việc có ý nghĩa.

**b.Kể chuyện tưởng tượng**

– Biết xây dựng cốt truyện tạo tình huống tưởng tượng hợp lí.

– Câu chuyện tưởng tượng phải có ý nghĩa và bố cục rõ ràng. (Theo kết cấu 3 phần của bài tự sự)

**4.Cách làm một bài văn tự sự lớp 6**

Tuỳ theo từng dạng bài tự sự để có cách trình bày dàn ý và viết bài cho phù hợp.

**a.Kể chuyện theo cốt truyện có sẵn**

– Yêu cầu cốt truyện không thay đổi.

– Chú ý phần sáng tạo trong mở bài và kết luận.

– Diễn đạt sự việc bằng lời văn cho linh hoạt, trong sáng.

**b.Kể chuyện đời thường**

– Hình dung trình tự sự việc cho xác thực, phù hợp với thực tế.

– Sắp xếp sự việc theo thứ tự nhằm nổi bật ý nghĩa câu chuyện.

– Lựa chọn ngôi kể cho đúng yêu cầu của bài văn.

**c.Kể chuyện tưởng tượng**

– Các dạng tự sự tưởng tượng ở lớp 6:

+ Thay đổi hay thêm phần kết của một câu chuyện dân gian.

+ Hình dung gặp gỡ các nhân vật trong truyện cổ dân gian.

+ Tưởng tượng gặp gỡ những người thân trong giấc mơ…

– Cách làm:

+ Xác định được đối tượng cần kể là sự việc hay con người.

+ Xây dựng tình huống xuất hiện sự việc hay nhân vật đó.

+ Tưởng tượng các sự việc, hoạt động của nhân vật có thể xảy ra trong không gian cụ thể.

**Các bước làm bài văn tự sự**

– Tìm hiểu để văn: Tìm hiểu kĩ lời văn của đề để nắm vững yêu cầu của đề bài.

– Xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của Đề bài: nhân vật, sự việc, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của câu chuyện.

– Sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.

**Cách lập dàn ý một bài văn tự sự**

**Mở bài:**

– Giới thiệu hoàn cảnh, tình huống phát sinh câu chuyện.

– Giới thiệu nhân vật (nhân vật chính – nhân vật phụ ).

– Giới thiệu sự việc.

**Thân bài:**Diễn biến các sự việc.

– Sự việc mở đầu câu chuyện.

+ Tình tiết 1:

+ Tình tiết 2:

+ Tình tiết n…

– Sự việc thắt nút (sự việc cao trào).

+ Tình tiết 1:

+ Tình tiết 2:

+ Tình tiết n…

– Sự việc kết thúc câu chuyện:

+ Tình tiết 1:

+ Tình tiết 2:

+ Tình tiết n…

Kết luận:

– Kết thúc, khép lại câu chuyện.

– Nêu ý nghĩa câu chuyện.

– Nêu cảm nghĩ chung.

**Lưu ý:** Khi triển khai làm bài văn tự sự học sinh có thể vận dụng một cách linh hoạt các dạng khác nhau tuỳ thuộc vào cách kể chuyện, nội dung câu chuyện và yêu cầu của các dạng để khác nhau.

**5.Tham khảo một số dàn ý**

**1)Đề bài: Một đêm trăng sáng, bà kể chuyện đời xưa cho mọi người trong gia đình nghe. Em hãy kể lại một kỷ niệm về đêm hôm đó.**

(Kiểu bài Kể chuyện đời thường)

**Mở bài:**(Giới thiệu nhân vật và hoàn cảnh).

– Một đêm trăng tuyệt diệu.

– Không khí gia đình em (tôi) thật đầm ấm.

**Thân bài:** (Phát triển câu chuyện).

– Sau bữa cơm chiều, mọi người trong gia đình ngồi nghỉ ngơi và uống nước. Bà nằm võng nhai trầu.

– Bà nội đố chị em tôi ai ngồi trên mặt trăng? Chị em đoán mỗi người một khác, bà nội trả lời đó là chú Cuội.

– Bà nội kể chuyện chú Cuội trên cung trăng.

– Ba tôi chăm chú nghe quên cả hút thuốc, mẹ ngồi bên im lặng.

– Câu chuyện hấp dẫn và cuốn hút.

– Câu chuyện kết thúc, chị em tôi nhìn lên mặt trăng thấy hình chú Cuội hiện rõ trên đó.

**Kết luận:** (Khép lại sự việc).

– Trăng sáng soi vào chiếc võng bà nằm, trông bà như một bà tiên cổ tích.

– Tôi mong sao bà mãi không già để kể cho chúng tôi những câu chuyện hay như vậy.

**2)Đề bài: Em hãy kể lại lời tâm sự của một cái giường bị bỏ đi.**

**Mở bài:** Cái giường tự giới thiệu về thân phận của mình.

**Thân bài:** Diễn biến sự việc:

– Niềm tự hào của cái giường khi ở cửa hàng.

– Niềm kiêu hãnh của cái giường trên đường về nhà.

– Cái giường bắt đầu cuộc sống mới.

– Cái giường gắn bó và phục vụ cuộc sống của con người.

– Tâm sự đau buồn của cái giường lúc bị ruồng bỏ.

**Kết bài:** Ước nguyện cuối cùng của cái giường.

**3)Đề bài: Em hãy viết đoạn kết mới cho truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.**

**Mở bài:** Giới thiệu sự việc và nhân vật.

Là nữ hoàng được một thời gian, mụ vợ lại bắt ồng lão phải đi gặp cá vàng

**Thân bài:** Diễn biến các sự việc.

– Ông lão ra biển rẽ sóng đi vào biển cả.

– Ông lão trở thành khách quý của Long vương.

– Mụ vợ chờ mãi không thấy chồng về, mụ đi tìm ông lão.

– Ông lão đánh cá muốn trở về nhà.

**Kết luận:** Kết thúc câu chuyện.

Ông lão trở về nhà hạnh phúc với người vợ nghèo năm xưa.

**KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**I. – CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG KIẾN THỨC**

**1.**Trong phân loại các thể tự sự, không có loại gọi là “truyện tưởng tượng”. Tuy nhiên, đối với học sinh lóp 6, khi người viết mới tập viết, thì “truyện tưởng tượng” nhằm phân biệt với “truyện đời thường”. Truyện tưởng tượng dùng trí tưởng tượng để xây dựng những sự việc, những nhân vật mà đời sống thực tế không xảy ra (ví dụ các truyện có yếu tố thần tiên, ma quỷ, phù phép hoặc các chuyện về tương lai có tính chất dự cảm, khả năng xảy ra không nhiều (ví dụ, các truyện khoa học viễn tưởng). Nhưng câu chuyện lại nhằm nói lên một ý nghĩa .nào đó, tức là sự thực ở phần bản chất, chứ không phải các sự việc và nhân vật.

**2.**Sự việc, nhân vật tưởng tượng, nói nôm na là “bịa đặt”, nhưng bịa phải như thật, phải có cái “lí” của nó. Nghĩa là kinh nghiệm cuộc sống cho thấy, tuy bịa nhưng là điều có thể xảy ra. Đối với những yếu tố như thần tiên, ma quỷ, phù phép,… hay chuyện về các con vật, tuy không thể có thực nhưng vẫn phải có lô-gíc họp lí. Dế Mèn phiêu lưu kí là chuyện về con dế cùng thế giới các loài vật sống ở nước và đồng cỏ, chúng đi lại, nói năng như con người, là hình ảnh phản chiếu cuộc sống con người, với các vấn đề của con người; tuy nhiên, dế vẫn phải là dế (làm tổ dưới đất, ăn cỏ ướt, uống sương đọng…), châu chấu vẫn phải là châu chấu (sống ở đồng cỏ, di cư và chết hàng loạt về mùa đông,…), v.v…

**II. – LUYỆN TẬP**

**Bài tập**

**1.**Đọc lại truyện Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thuỷ Tinh; Sự tích Hồ Gươm, thống kê các tình tiết hoang đường (tưởng tượng, kì ảo). Hình ảnh Rùa Vàng (Thần Kim Quy) xuất hiện ở cả truyện An Dương Vương và Sự tích Hồ Gươm nói lên điều gì?

**2.**Đọc trích đoạn sau và cho biết: những đứa trẻ thích nghe chuyện ma quỷ, thần tiên có phải do tin ma quỷ, thần tiên có thật? Nếu không phải, tại sao chúng thích nghe?

Tôi rất thích bác Phó Uyển. Bác là một người kể chuyện tài tình.

Chuyện của bác toàn chuyện ma. Nghe quen tôi chẳng sợ gì cả. Bác dặn tôi: “Hễ đi trong làng mà thấy trờn trợn thì nắm chặt hai bàn tay lại, ngón cái quay vào giữa lòng bàn tay, tự nhiên mạnh dạn ngay”. Hồi đó tôi có biết đường làng ban đêm thế nào đâu, nhưng đi vào vườn sau nhà khi mới chập, tối, tôi nắm chặt tay, quả thấy hết sợ.

Bây giờ ở thành phố, chúng ta có đèn điện, ban đêm sáng như ban ngày. Con cháu chúng ta lại được đi đây đi đó, không ru rú trong nhà như chúng ta thuở xưa. Các em được xem nhiều thứ, nhìn thấy nhiều việc, nhiều cảnh, nghe nhiều điều mà thời xưa chúng ta không thể nào biết được.

Bây giờ, các em có nghe truyện cổ tích thì cũng không phải như tôi nghe bà tôi kể thời xưa, thời còn nhiều bóng tối xung quanh con người và trong đầu óc con người.

(Theo Vũ Ngọc Phan, Những năm tháng ấy)

**3.**Những chi tiết nào trong câu chuyện sau đây tuy rằng bịa nhưng vẫn hợp lí? Chi tiết nào bịa không hợp lí?

**KHỈ VÀ RÙA**

Một hôm, Khỉ mời tất cả bạn bè đến nhà chơi. Rùa cũng đến.

Khỉ nói lời chúc mừng rồi mời các bạn ngồi vào bàn tiệc. Chúng ăn uống thoả thích, hết chạm cốc lại gắp thịt rất là ồn ào.

Rùa loay hoay mãi không sao leo lên được ghế ngồi, nó liền nhờ Khỉ giúp. Khỉ nhìn Rùa cười giễu cợt:

– Ha! Ha! Ai bảo chân cậu ngắn thế?

Rùa tủi thân, không nói gì, nhịn đói bỏ về.

Một hôm, Rùa cũng mòi tất cả các bạn đến dự tiệc. Khỉ ta cũng có mặt.

Thịt rượu đã bày lên bàn. Đọi các bạn ngồi vào bàn xong, Rùa nói vài lời rồi tuyên bố tiệc rượu bắt đầu. Rùa đến bên Khỉ, ngắm nghía tay Khỉ, nói:

– Thưa, anh, xin lỗi, tay anh bẩn quá! Ăn uống thế này thì thật mất vệ sinh, mời anh ra rửa tay đã.

Khí vội đi rửa, nhưng taỵ vẫn đen. Nó tìm giẻ lau, nhưng lau thế nào thì tay nó vẫn đen thui. Nó hỏi Rùa phải làm thế nao. Rùa cười to:

– Ha! Ha! Ai bảo tay anh đen thế?

Lúc ấy Khỉ mới nhớ đến việc hôm trước. Nó xấu hổ, chuồn thẳng.

**GỢI Ý**

**3.**Khi con vật mà hành động hoàn toàn như người thì không là con vật nữa. Hãy tìm những chi tiết đó.

# Phương pháp làm Văn miêu tả

**A.Đặc điểm của văn miêu tả**

**1.Văn miêu tả là gì?**

Văn miêu tả là loại văn giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh.. làm cho đối tượng miêu tả như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Hoặc cũng có thể hiểu văn miêu tả chính là tái tạo lại hình ảnh của đối tượng thông qua những cảm nhận chủ quan, thông qua những năng lực quan sát, liên tưởng so sánh…

**2.Những năng lực cần có khi làm văn miêu tả**

– Quan sát: nhìn nhận, xem xét sự vật. Kĩ năng này thường bị học sinh bỏ qua nên khi làm bài các em thiếu vốn sống thực tế, bài văn nghèo về nội dung ý nghĩa, thiếu sức thuyết phục. Phải thấy những nét chính, thấy những đặc điểm riêng để tìm ra được những ngóc ngách của sự vật, vấn đề. Nhiều khi không cần liệt kê đẩy đủ sự việc mà chỉ cần ghi lại những nét đặc sắc mà mình cảm nhận được, như một câu nói, nét mặt lột tả được tính nết một người, hoặc một tiếng động, một ánh đèn, một trạng thái tư tưởng,…

Nói như Tô Hoài,… từ chỗ tìm bới trong la liệt hiện tượng quanh mình mà phát hiện ra bản chất và quy luật hiện tượng chính, tránh lối phỏng đoán sai lầm, công thức, đơn giản và loá mắt không tách bạch được đâu là chủ yếu, thứ yếu. (Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả, NXB Giáo dục, 2000)

– Nhận xét liên tưởng hình dung về sự vật đặt trong tương quan các sự vật xung quanh. Vai trò của trí tưởng tượng là rất lớn. Nó không chỉ là yếu tố tạo nên sự phong phú cho các hình ảnh trong bức tranh miêu tả mà còn giúp cho HS tìm được những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật phù hợp để bài văn tả hấp dẫn hơn.

– Ví von so sánh: Thể hiện sự liên tưởng độc đáo riêng của người viết hình dung, cảm nhận về sự vật, hiện tượng miêu tả. Chất lượng của bài miêu tả là “nói ít gợi nhiều”, chi tiết đưa ra không cần nhiều nhưng phải gợi được cảm giác mãnh liệt nhất, những hình ảnh sinh động hiện lên trước mắt người đọc, khiến họ nhìn rất rõ và rất có ấn tượng. Có thể so sánh vật với vật, cảnh với cảnh, so sánh vật với con người, so sánh theo hướng thu nhỏ lại, so sánh theo hướng phóng đại lên, so sánh theo hướng cụ thể hoặc trừu tượng hoá.

**B.Các dạng văn miêu tả ở lớp 6**

**1.Tả cảnh**

Tả cảnh là gợi tả những bức tranh về thiên nhiên hay cảnh sinh hoạt gợi ra trước mắt người đọc về đặc điểm từng nét riêng của cảnh.

**Yêu cầu:**

– Xác định đối tượng miêu tả: Cảnh nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào?

– Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.

– Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

**Bố cục bài văn tả cảnh:**

– Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

– Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự nhất định, có thể ở một số trường hợp sau:

+ Từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại).

+ Không gian từ trong tới ngoài (hoặc ngược lại).

+ Không gian từ trên xuống dưói (hoặc ngược lại).

Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả dòng sông và rừng đước Năm Căn: Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sồng Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chổng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rều, màu xanh chai lọ,… loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi)

**2.Tả người**

Tả người là gợi tả về các nét ngoại hình, tính cách, tư thế, hành động, lời nói,… của nhân vật được miêu tả.

**Phân biệt đối tương miêu tả theo yêu cầu:**

– Tả chân dung nhân vật (cần tả nhiều về ngoại hình, tính nết…)

– Tả người trong tư thế làm việc (tả người trong hành động: chú ý các chi tiết thể hiện cử chỉ, trạng thái cảm xúc).

**Cách miêu tả:**

– Mở bài: Giới thiệu người được tả (chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó).

– Thân bài:

+ Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác, nghề nghiệp…

+ Tả chi tiết: ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói,… (chú ý: tả người trong công việc cần quan sát tinh tế, tả các động tác của từng bộ phận: khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt..

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả hình ảnh dượng Hương Thư lái thuyền vượt thác: Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

(Võ Quảng)

+ Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: qua tả các chi tiết, người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người viết đối với đối tượng đó.

– Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

**3.Miêu tả sáng tạo**

\* Đối tượng miêu tả thường xuất hiện trong hình dung tưởng tượng có thể bắt nguồn từ một cơ sở thực tế nào đó.

\* Đối tượng: Người hay cảnh vật.

\* Yêu cầu khi miêu tả:

– Tả cảnh phải bám vào một số nét thực của đời sống. Ví dụ khi tả một phiên chợ, trong tưởng tượng của em cần dựa trên những đặc điểm thường xảy ra của cảnh đó làm cơ sở tưởng tượng như: không khí của buổi chợ, số lượng người với những lứa tuổi, tầng lớp nào? Chợ diễn ra ở địa điểm nào?

Thời tiết khí hậu ra sao?… Những cơ sở đó là thực tế để tưởng tượng theo ý định của mình.

– Tả người trong tưởng tượng: Nhân vật thường là những người có đặc điểm khác biệt với người thường như các nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong cổ tích hay một người anh hùng trong truyền thuyết… Cần dựa vào đặc điểm có tính bản chất để tưởng tượng những nét ngoại hình cho phù hợp, tạo sự hấp dẫn.

Lưu ý: Dù miêu tả theo cách nào và đối tượng nào thì cũng cần chú ý vận dụng lối ví von so sánh để bài văn miêu tả có nét độc đáo mang tính cá nhân rõ rệt.

**C.Cách làm một bài văn miêu tả**

**1.Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất. Muốn làm văn tả cảnh, người viết cần phải:**

– Xác định dược đối tượng miêu tả.

– Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.

– Trình bày những điểm quan sát được theo một thứ tự.

**2.Bố cục của một bài văn tả cảnh thường có ba phần:**

– Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

– Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự.

– Kết bài: Thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật được miêu tả.

**3.Cần chú ỷ chi tiết khi miêu tả. Ví dụ:**

a.Về cảnh mùa đông, có thể nêu những đặc điểm sau:

– Bầu trời âm u, nhiều mây.

– Gió lạnh, mưa phùn.

– Cây cối rụng lá trơ cành

b.Vẽ khuôn mặt mẹ có thể chú ý tới các đặc điểm:

– Hình dáng khuôn mặt (tròn, trái xoan.. )

– Tóc ôm khuôn mặt (hoặc được búi lên).

– Đôi mắt, má, miệng.

– Nước da, vẻ mặt (hiền hậu, tươi tắn..)

c.Tả một cụ già:

– Râu, tóc trắng, da mồi.

– Cặp mắt tinh anh (hoặc lờ đờ).

– Dáng vẻ nhanh nhẹn (hoặc chậm chạp).

– Giọng nói trầm ấm…

d.Tả cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo, cử chỉ âu yếm, ân cần, đôi mắt lấp lánh đầy khích lệ…

**4.Chú ý thứ tự khi miêu tả:**

Ví dụ:

a.Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn:

– Có thể theo thời gian: từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc giờ học: Trống vào lớp. Cô giáo (thầy giáo) cho chép đề. Các bạn bắt tay vào làm bài. Kết thúc buổi làm bài, thu, nộp bài cho thầy, cô…

– Có thể theo trình tự quan sát: từ gần đến xa hoặc ngược lại; hoặc theo không gian: bên ngoài lớp; trên bảng, cô (thầy) ngồi trên bàn giáo viên; các bạn trong lớp bắt tay vào làm bài…

b.Tả sân trường giờ ra chơi:

– Miêu tả theo không gian:

+ Từ xa tới gần

+ Miêu tả theo thời gian: trước, trong và sau khi ra chơi.

– Miêu tả theo thứ tự thời gian:

+ Sân trường vắng lặng trong giờ học.

+ Hiệu lệnh trống ra chơi, mọi người ùa ra.

+ Có tốp chơi đá cẩu, nhảy dây, đá bóng, có tốp chỉ đứng xem, hoặc tranh cãi nhau vê’ điểu gì đó…

+ Có thể tả màu sắc quần áo, những tiếng cười nói, hò reo,…

– Miêu tả kết hợp cả không gian và thời gian: Trước hết, cần chọn trật tự miêu tả. Sau đó chọn cảnh sân trường giờ ra chơi để viết thành đoạn văn.

Chú ý miêu tả các chi tiết như: bầu trời, mở đầu giờ ra chơi như thế nào, ở mỗi khoảng sân các hoạt động vui chơi ra sao…

**D.Tham khảo một số dàn ý**

**1)Đề bài : Miêu tả hình ảnh quê hương em đêm rằm Trung thu (hoặc vào một đêm trăng đẹp).**

a.Mở bài

Giới thiệu chung:

– Đêm rằm, trăng tỏa sáng khắp bầu trời và mặt đất.

– Làng em rộn ràng chuẩn bị đón Tết Trung thu.

b.Thân bài

Tả cảnh đêm trăng:

– Lúc xẩm tối

+ Màn đêm dần buông, bẩu trời thăm thẳm, lấp lánh sao.

+ Trăng lấp ló, thấp thoáng sau lũy tre xa xa.

+ Gió thổi mát lộng…

+ Làng xóm nhộn nhịp.

– Lúc trăng lên

+ Mặt trăng tròn vành vạnh như chiếc đĩa bạc lơ lửng giữa không trung.

+ Ánh trăng vằng vặc, soi rõ từng cảnh vật: nhà cửa, vườn cây, dòng sông, con đường, cánh đồng…

+ Trên đường làng, trẻ em nối đuôi nhau rước đèn, ca hát mừng trăng.

+ Cảnh phá cỗ vui vẻ ở sân đình…

c.Kết bài

Cảm nghĩ của em :

– Cảnh làng quê trong đêm trăng sáng đẹp như một bức tranh…

– Tình yêu quê hương càng thêm tha thiết, sâu đậm.

**2)Đề bài: Miêu tả cô giáo (thầy giáo) đang giảng bài.**

a.Mở bài

Giới thiệu cô giáo (cô dạy môn gì, tiết mấy, ngày nào?)

b.Thân bài

+ Miêu tả những nét tiêu biểu về ngoại hình: trạc tuổi, tẩm vóc (cao hay thấp, dáng điệu, nét mặt, đôi mắt…)

+ Cách ăn mặc khi lên lớp.

+ Miêu tả những nét tiêu biểu về cử chỉ, hành động, tình cảm của cô dành cho học sinh: lời giảng, việc làm, động tác (khi viết bảng giảng bài, khi ân cẩn nhắc nhở học sinh…)

c.Kết bài

Tình cảm của em đối với cô giáo. (Cô giáo là người tận tụy với nghề, hết lòng vì học sinh; như người mẹ thứ hai của em; em yêu quý cô và quyết tâm học thật giỏi,…)

**3)Đề bài: Em đã từng gặp ông Tiên trong những truyện cổ dân gian, hãy miêu tả lại hình ảnh ông tiên theo trí tưởng tượng của mình**

a.Mở bài

– Trong các truyện cổ tích, nhân vật ông tiên để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất. Tại sao?

Dẫn dắt người đọc và tình huống em gặp ông tiên (tưởng tượng).

b.Thân bài

– Miêu tả chân dung nhân vật ông tiên.

+ Hình dáng + Khuốn mặt + Chòm râu, mái tóc + Cây gậy….

– Những lời đối thoại của em với ông tiên.

– Miêu tả hành động của ông tiên (tưởng tượng, ví dụ: em bị lạc đường, ông tiên đã cho em một chiếc xe ngựa thông minh và thế là em được về nhà,…).

c.Kết bài

– Ý nghĩa của nhân vật ông tiên trong truyện và trong suy nghĩ của em.

**4)Đề bài: Từ bài thơ Mưa của Trân Đăng Khoa, em hãy tả lại cơn mưa rào mùa hạ.**

a.Mở bài

Trời đang nắng bỗng chuyển dông, mây đen xuất hiện, bầu trời xám xịt, cơn mưa rào ập đến.

b.Thân bài

Tả cơn mưa:

– Gió thổi giật, trời mát lạnh.

– Những con mối bò ra rồi cả đàn tranh nhau bay cao, bay thấp. Đàn gà thi nhau đớp mồi.

– Mưa đổ xuống trên sân nhà, trên cành cây, kẽ lá. Mưa xối xả.

– Gió thổi mạnh. Bãi mía lay động trong gió, lá mía nhọn hoắt, vươn dài như múa gươm.

– Đàn kiến tìm nơi tránh nước, chúng đi hành quân, bụi tre đung đưa trong gió cùng hàng bưởi sau nhà như vẫy tay đưa tiễn.

– Trên trời xuất hiện những tia chớp, sấm vang rền.

– Mưa ù ù như xay lúa. Mưa chéo mặt sân, nước sủi bọt trắng xóa rồi kéo nhau đổ ra mương rãnh. Đất trời mù trắng nước.

– Ngoài đồng nước lai láng. Những bác nông dân hối hả đi về.

– Bố đi làm về, đội sấm, đội chớp, đội cả bầu trời đang đổ mưa.

Tả quang cảnh sau cơn mưa:

– Mây tan dần, trời xanh thấp thoáng lộ ra.

– Trời sáng hơn, những tia nắng chiếu xuống sân nhà.

– Hoa lá lại đua nhau đón khí ấm mặt trời.

– Cóc nhảy chồm chồm, lũ chó sủa vang.

– Đàn gà kéo ra, những chú chim hót líu lo,…

c.Kết bài

– Cơn mưa rào mùa hạ đã giúp cho cảnh vật tươi mát.

– Mưa giúp ích cho mọi người, giúp ích cho nhà nông.

**5)Đề bài: Từ bài văn Lao xao của Duy Khán, em hãy tả lại khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.**

a.Mở bài

– Khu vườn mà em định tả là của ai?

– Nó có điểm gì đặc biệt?

– Nó gắn bó với em thế nào?

b.Thân bài

– Quang cảnh khu vườn khi trời sáng:

+ Mặt trời mọc …

+ Những giọt sương đêm trên lá …

– Khu vườn bắt đầu nhộn nhịp bởi tiếng chim…

– Miêu tả một số loài cây có trong vườn mà em thích.

– Khu vườn gắn bó với tuổi thơ của em ra sao? (có thể kể một kỉ niệm sâu sắc nào đó, với ông nôi chẳng han)

c.Kết bài

– Em ấn tượng nhất với khu vườn là ở điểm gì?

**I. NHỮNG LƯU Ý KHI LÀM VĂN MIÊU TẢ**

**1.**Các kĩ năng chung cần sử dụng khi làm văn miêu tả

**2.**Kĩ năng quan sát, ghi chép

Đối tượng của văn miêu tả là những sự vật, sự việc, là thế giới thiên nhiên, là con người và cuộc sống của con người. Có thể coi đó là một thế giới hết sức đa dạng, phức tạp và sống động đang diễn ra quanh ta, thay đổi từng ngày từng giờ. Tuy vậy, không phải tự nhiên mà ta hiểu và nắm vững được đặc điểm của từng sự việc, từng sự vật, từng con người để miêu tả đúng bản chất của nó. Vì vậy, phải quan sát, ghi chép.

Đối với các nhà văn, kĩ năng quan sát đóng một vị trí hết sức quan trọng, thậm chí được coi là yếu tố khơi nguồn cho cảm hứng sáng tác cũng như quyết định cho sự thành công của quá trình miêu tả hiện thực cuộc sống. Không thể ngồi trong bốn bức tường, chỉ dùng trí tưởng tượng để mà dựng lại những bức tranh về thiên nhiên, loài vật và con người. Trí tưởng tượng dù có phong phú đến bao nhiêu cũng không thể nào sánh được với hiện thực cuộc sống. Ngay cả những câu chuyện thần thoại – sản phẩm được tạo nên bằng trí tưởng tượng của người xưa – suy cho cụng cũng bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, mang bóng dáng và hơi thở của cuộc sống.

Quan sát để ghi nhận, để khám phá và để hiểu về thế giới quanh mình. Sau đồ mới có thể viết được. Ta hãy nghe chính nhà văn Tô Hoài – tác giả truyện Dế Mèn phiêu lưu kí – tâm sự : “… Chẳng phải chỉ vì có khiếu và thích thú trong tưởng tượng mà có thể viết được. Những chàng Dế Mèn,

Đối với các em học sinh, khi làm văn miêu tả, kĩ năng quan sát và ghi chép cũng rất cần thiết. Tất nhiên, các em không thể có ngay được kĩ năng ấy và sử dụng nó thành thạo như các nhà văn vẫn làm. Tất cả đều mới ở bước đầu tập dượt: tập quan sát, tập ghi chép, tập phát hiện ra những đặc điểm của các sự vật, hiện tượng quanh mình. Từ đó cỏ vốn để làm văn miêu tả. Nhưng trong thực tế, các em hay bỏ qua kĩ năng này. Thông thường, các em làm văn ở lớp (rất ít bài làm ở nhà). Ngồi giữa bốn bức tường của lớp học, xung quanh chỉ có thầy cô giáo, bạn bè, bảng đen, bàn ghế mà phải làm những bài văn tả cảnh biển, cảnh cánh đồng lúa chín, cảnh một buổi lao, động,… thì quả là không có gì để quan sát trực tiếp. Thế mới xảy ra tình trạng bịa đặt hình ảnh trong bài làm, khiến cho những hình ảnh miêu tả ấy thiếu tính chân thực, thậm chí hết sức vô lí. Chẳng hạn như câu tả “Đêm cuối tháng, cả bầu trời vằng vặc ánh trăng, chi chít muôn ngàn vì sao lấp lánh, lấp lánh” (“Đêm cuối tháng” thì làm gì có trăng ! Mà những hôm “trăng sáng vằng vặc” thì lấy đâu ra “muôn ngàn vì sao chi chít” !). Hoặc có em lại tả “Con lợn sề có bốn cái chân như bốn cái ống điếu” (Với bốn cái chân ấy thì làm sao có thể trụ vững cho toàn bộ cơ thể to lớn của con lợn sề ?)… Chính vì những hình ảnh miêu tả vô lí ấy mà nhiều bài làm của các em bị cô giáo phê là “thiếu kiến thức thực tế”.

Vậy chúng ta có thể quan sát lúc nào ? Cách quan sát và ghi chép sao cho hợp lí ?

Qua tập hợp, khảo sát một số đề tập làm văn mà giáo viên trung học cơ sở thường sử dụng, ta có thể thấy rằng số đề bài đề cập tới những hình ảnh miêu tả xa lạ với cuộc sống của các em rất ít (Ví như yêu cầu học sinh miêu tả một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước trong khi không phải em học sinh nào cũng có điều kiện được đi tham quan ở những nơi đó, nhất là học sinh ở nông thôn, miền núi ; hoặc yêu cầu học sinh nông thôn tả cảnh hoạt động của một nhà máy, yêu cầu học sinh thành phố tả những công việc đồng áng ngày mùa,…). Đa số đối .tượng miêu tả trong các bài văn mà giáo viên yêu cầu các em viết thường là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi trong cuộc sống : hình ảnh cô giáo, hình ảnh một bạn học sinh, không khí giờ ra chơi, con đường tới trường, buổi bình minh,… Tuy vậy, các em học sinh vẫn tỏ ra lúng túng khi làm bài. Và kết quả cho ra đời những bài văn nghèo nàn về nội dung ý nghĩa, thiếu sức thuyết phục. Nguyên nhân là do các em ít quan sát, không có thói quen để ý các sự vật, sự việc, hiện tượng quanh mình. Nói đúng hơn là có nhìn mà không thấy, có nghe mà không cảm nhận. Muốn khắc phục tình trạng này, các em học sinh phải tập thói quen quan sát hằng ngày. Quan sát và tự đặt ra những câu hỏi để giải đáp, nhằm tìm hiểu và khắc sâu vào trí nhớ những hình ảnh về cuộc sống xung quanh. Hãy xem hai bên đường ta đi học có những gì ? Cây cối, cảnh vật ra sao ? Cảnh về mùa đông khác với cảnh về mùa hè, cảnh buổi sáng khác với cảnh buổi chiều ở chỗ nào ? Hay hãy quan sát em bé tập đi mà xem : Nó độ bao nhiêu tháng tuổi ? Gương mặt và hình dáng như thế nào ? Từng động tác tập đi ra sao ?… Tất cả những điều ta quan sát và ghi nhận được cần phải chép lại vào một cuốn sổ tay. Không cần ốhép dài dòng, chỉ điểm qua những nét chính, ngắn gọn. Sẽ rất thành công nếu khi quan sát chúng ta có được những phát hiện bất ngờ. Những phát hiện này sẽ là điều kiện giúp cho bài làm của các em thêm sáng tạo và độc đáo.

Có thể một số em sẽ nêu thắc mắc : Những đối tượng không xuất hiện trực tiếp hằng ngày trong cuộc sống của các em thì làm sao có thể quan sát ? ở miền núi lấy đâu ra biển ? Ở đồng bằng lấy đâu ra rừng ? Vùng sản xuất nông nghiệp lấy đâu ra nhà máy, công xưởng ?… Khắc phục điều này không khó. Chúng ta có nhiều nguồn để thu thập kiến thức thực tế cho mình. Chẳng hạn như quan £át qua những hình ảnh trên chương trình truyền hình, quan sát qua những bức tranh (ảnh), đọc những tác phẩm văn học có nghệ thuật miêu tả đặc sắc,… Từ nhiều nguồn khác nhau đó, chúng ta chắc chắn sẽ có một vốn kiến thức thực tế hết sức phong phú.

**a) Kĩ năng tưởng tượng**

Có thể khẳng định rằng nếu không có kĩ năng tưởng tượng thì bài văn miêu tả chắc chắn sẽ không thể hay được, dù là văn tả thực. Làm nghệ thuật nói chung và viết văn miêu tả nói riêng không thể chấp nhận kiểu sao chép hiện thực cuộc sống một cách máy móc, khô cứng. Nếu chỉ quan sát và ghi chép vào bài làm đúng y nguyên những điều đã quan sát thì bức tranh được, miêu tả trong bài văn sẽ quá trần trụi, thiếu sức hấp dẫn. Vì vậy, cần tưởng tượng và sáng tạo thêm để bổ sung những hình ảnh phù hợp, làm cho bức tranh miêu tả trở nên phong phú và sinh động hơn.

Không có trí tưởng tượng, chắc chắn nhà văn Tô Hoài không thể xây dựng được một bức tranh phong phú về thế giới loài vật như trong tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí.

Không có trí tưởng tượng, chắc chắn nhà văn Vũ Tú Nam không thể viết được trang văn miêu tả cảnh thay đổi kì diệu của màu nước biển trong Biển đẹp.

Vậy khi làm văn miêu tả, trí tưởng tượng được dùng với vai trò gì ?

Có thể nói rằng vai trò của trí tưởng tượng rất lớn. Nó không chỉ là yếu tố tạo nên sự phong phú cho các hình ảnh trong bức tranh miêu tả mà còn giúp cho người làm văn miêu tả tìm được những từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật phù hợp để bài văn miêu tả hấp dẫn hơn.

Ta hãy so sánh hai đoạn vằn miêu tả sau : ,

Đoạn văn 1 : “Trên bãi cỏ sau làng, đàn bò đang gặm cỏ. Con nào con nấy hùng hục ăn một cách ngon lành, không còn để ý gì đến xung quanh. Tiếng gặm cỏ nghe rào rào. Nhìn cảnh tượng ‘ấy thật thú vị” (Bài làm của học sinh).

Đoạn văn 2 : “Con Nâu đứng lại. Cả đàn bò dừng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu rào lên như một nong tằm ăn rỗi khổng lồ. Con Ba Bớp vẫn , phàm ăn tục uống nhất, cứ thúc mãi mõm xuống, ủi cả đất ra mà gặm. Bọt mép nó trào ra, trông đến là ngon lành. Con Hoa ở gần đó cũng hùng hục ăn không kém… Mẹ con chị Vàng ăn riêng ở một chỗ. Cu Tũn dở hơi, chốc chốc lại… chạy tới ăn tranh mảng cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó, đi kiếm mảng khác” (Hồ Phương – cỏ non, trong Văn học 6, tập một, NXB Giáo dục, 2000).

Ớ đoạn văn thứ nhất, người tả chỉ dùng những câu văn tả thực hoàn toàn giới thiệu cảnh đàn bò gặm cỏ. Vì thế ý không thể phong phú, và đoạn văn cũng không có sức gợi tả, gợi cảm. Nhưng ở đoạn thứ hai, tác giả Hồ Phương đã kết hợp một cách tài tình giữa hình ảnh tả thực và những hình ảnh sáng tạo nhờ trí tưởng tượng. Chính trí tưởng tượng phong phú đã giúp cho tác giả khi nghe tiếng đàn bò gặm cỏ đã liên tưởng tới âm thanh “của một nong tằm ăn rỗi khổng lồ”. Và cũng nhờ trí tưởng tượng mà tác giả đã phát hiện ra được tính cách của từng con bò qua cách gặm cỏ của chúng : Con Ba Bớp thì “ngổ ngáo”, “phàm ăn tục uống” ; con Hoa vốn “tiểu thư yểu điệu” nhưng cũng không cưỡng lại được sức hấp dẫn của bãi cỏ non, “hùng hục ăn không kém”cu Tũn như một chú bé con dở hơi, tinh nghịch, nũng nịu ; chị Vàng đúng là một người mẹ dịu dàng, quen nhường nhịn,… Nghệ thuật so sánh kết hợp với nhân hoá đã làm cho hình ảnh đàn bò gặm cỏ hiện lên thật sống động dưới ngòi bút miêu tả sáng tạo của nhà văn Hồ Phương.

**c) Kĩ năng so sánh**

So sánh là hệ quả của quá trình liên tưởng, tưởng tượng. Khi quan sát một đối tượng nào đó, hình ảnh của đối tượng ấy (từ màu sắc tới hình dáng, từ kích thước tới trạng thái) thường gợi cho người quan sát nghĩ tới những hình ảnh khác có cùng một nét tương đồng nào đấy. Chính sự liên tưởng, so sánh này làm cho trang văn miêu tả hay hơn, và đối tượng miêu tả hiện lên rõ hơn, đẹp hơn, hấp dẫn hơn.

Nếu xét về đối tượng, hiện tượng so sánh trong văn miêu tả hết sức đa dạng và phong phú :

Có thể so sánh người với người : “Với gương mặt phúc hậu và mái tóc bạc trắng, trông bà hệt như một bà tiên trong truyện cổ tích” ; ” Nhìn nó chăm chỉ làm việc giúp bà, ai cũng tấm tắc : Hệt như cô Tấm trong truyện cổ tích xưa”…

Có thể so sánh người với các con vật (hình dáng, tính cách) : “Lão ta quá ranh mãnh, xảo quyệt, y như một con cáo già” ; “Trông anh ta như một con gấu ” ; “Cậu ấy nhanh như một con sóc”…

Có thể so sánh người với cây cối : “Chấm cứ như một cây xương rồng” (Đào Vũ – Cái sân gạch); “Cô bé cứ như một cây lúa non, lặng lẽ lớn lên từ bùn đất”…

Có thể so sánh người với các hiện tượng tự nhiên : “Giọng lão ta lúc nào cũng gầm vang như sấm”; “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào”…

Có thể so sánh vật với vật, cảnh với cảnh : “Cây gạo như treo rung rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới” (Vũ Tú Nam) ; “Vầng trăng non giữa bầu trời đầy sao hệt như một cái liềm vàng ai bỏ quên giữa cánh đồng lúa chúi” (theo Vích-to Huy-gô) ; “Măng chồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất luỹ mà trỗi dậy” (Ngô Văn Phú);

Có thể so sánh vật với con người : “Cây bàng già sừng sững, uy nghi như một người lính gác canh giữ cho khu vườn được bình yên” ; “Cây bưởi như một người mẹ đang cần mẫn cõng trên mình lũ con đầu tròn trọc lóc” (Đoàn Giỏi);

Nếu xét về cách thức so sánh thì có những hiện tượng so sánh sau :

So sánh theo hướng thu nhỏ lại : “Trái đất như một giọt nước màu xanh lơ lửng giữa không trung” ; “Xa xa, những cánh buồm nâu như những cánh bướm dập dờn trên mặt biển” ;

So sánh theo hướng phóng đại lên : “Rệp bò lổm ngổm như xe cóc – Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay” (Hồ Chí Minh) ; “Chiếc lá tre được thả xuống dòng nước, tròng trành, xoay xoay, rồi trôi đi như một con thuyền, chở theo ước mơ của chúng tôi” ;

So sánh theo hướng cụ thể hoá : “…Từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi” (Thánh Gióng) ; “Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn” (Nguyễn Tuân) ;

So sánh theo hướng trừu tượng hoá : “Nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người, lúc con người phải viết vào thân tre” (Nguyễn Tuân) ;

Tuy nhiên, khi sử dụng kĩ năng so sánh, cần lưu ý là phải biết sáng tạo, biết tìm điểm mới, điểm riêng. Không nên lặp đi lặp lại những hình ảnh so sánh đã quá cũ, quá sáo mòn theo kiểu : “Miệng’cười tươi như hoa”, “Những hạt sương long lanh như những hạt ngọc đính trên cánh hoa hồng”, “Cánh động lúa chín trông như tấm thảm vàng trải rộng đến chân trời”, v.v.

**c) Kĩ năng nhận xét**

Viết văn miêu tả, bao giờ người viết cũng để lại dấu ấn chủ quan của mình. Dấu ấn chủ quan ấy chính là sự cảm nhận riêng của mỗi người, là cách biểu lộ thái độ, tình cảm riêng của mỗi người đối với đối tượng được miêu tả. Một nhà văn Pháp có nói : “Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đời ta gặp bao nhiêu người, phải thấy ra mỗi người mỗi khác nhau, không một ai giống ai” (Dẫn theo Tô Hoài – Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả) .

Không phải chỉ các nhà văn, mà ngay cả học sinh khi làm văn miêu tả cũng nên ý thức rõ điều này. Chúng ta có thể hiểu cụ thể thêm nữa, rằng thiên nhiên và con người xung quanh chúng ta luôn trong trạng thái vận động và thay đổi không ngừng – thật vô cùng thú vị và hấp dẫn. Đâu phải chỉ có ngọn lửa này khác ngọn lửa kia, thân cây bạch dương này khác thân cây bạch dương kia mà ngay cùng một sự vật, hiện tượng ấy cũng từng phút, từng giờ thay đổi liên tục. Cũng một con đường từ nhà đến trường, nhưng sáng hôm nay ta thấy nó như thế này, sáng mai đã có thể đổi khác. Cũng một cây bàng, chiều hôm trước còn trơ trui lá cành, mà chỉ sau mấy hôm đã đâm chồi nảy lộc, tràn đầy sức sống. Cũng một bãi biển, nhưng khi ta buồn ta sẽ cảm nhận nó khác khi ta đang vui… Có thể nói rằng, đối tượng miêu tả sẽ xuất hiện và đi vào bài văn tuỳ thuộc vào điểm nhìn, thái độ, tình cảm, tâm trạng cũng như tình huống tiếp xúc của người viết. Đây chính là cơ sở tạo nên dấu ấp chủ quan của người viết trong văn miêu tả. Nó đòi hỏi người viết phải bộc lộ trong tác phẩm của mình những lời nhận xét, những suy nghĩ, những cảm nhận riêng về đối tượng.

Vấn đề là phải dùng cách nhận xét như thế nào để tạo sự hấp dẫn cho bài văn miêu tả ?

– Trước hết có thể nhận xét trực tiếp bằng những lời bình, những câu cảm thán, nhũng hình ảnh so sánh : “Chà ! Chà ! Béo ơi là béo ! “, ” Gớm ! Béo đâu có béo lạ béo lùng thế !” (Nguyễn Công Hoan) ; “Những bông hoa rơi từ trên cao, đài hoa nặng chúi xuống, những cánh hoa đỏ rực quay tít như chong chóng, nom thật đẹp (Vũ Tú Nam) ; ” A Cháng đẹp người thật… Nhưng phải nhìn Hạng \*A Cháng cày mới thấy hết được vẻ đẹp của anh” (Ma Văn Kháng);

Và cũng có thể bộc lộ một cách kín đáo qua việc lựa chọn hình ảnh miêu tả. Đây là thái độ mỉa mai, giễu cợt của nhà văn Nguyễn Công Hoan khi miêu tả hình ảnh một “bà chủ” : “Vậy thì bà nằm đó. Nhưng thoạt trông, đố ai dám bảo là một người. Nếu người ta chiưa nom rõ cái mặt phị, cái cổ rụt, cái thân nung núc và bốn chân tay ngắn chùn chùn, thì phải bảo là một đống hai ba cái chăn bông cuộn lại với nhau, sắp đem eất đi”. Còn đây là thái độ ngạc nhiên thích thú của nhà văn Võ Tú Nam khi quan sát và miêu tả hình ảnh những trái mướp lớn nhanh như thổi : “Rọi quả thi nhau chòi ra… bằng ngón tay… bằng con chuột. Rồi bằng con cá chuối to…”.

**2. Lưu ý về cách diễn đạt trong văn miêu tả**

**a) Cách dùng từ ngữ, hình ảnh**

Việc lựa chọn từ ngữ trong văn miêu tả là yêu cầu quan trọng, đòi hỏi phải được đặt ra một cách nghiêm túc. Muốn làm tốt yêu cầu này thì người viết văn miêu tả trước hết phải có một vốn từ phong phú. Vấn đề tích luỹ vốn từ cần được tiến hành thường xuyên và dưới nhiều hình thức : thông qua các giờ học Văn – Tiếng Việt trong nhà trường ; thông qua giao tiếp hằng ngày, thông qua quá trình đọc sách, đọc tài liệu tham khảo có liên quan tới văn miêu tả. Tất nhiên, có vốn từ phong phú chưạ hẳn đã là thành công mà điều quan trọng là người viết bài phải có sự lựa chọn tinh tường, sao cho giữa một hệ thống các từ đồng nghĩa, gần nghĩa, có thể lẩy ra được một vài từ phù hợp nhất, chính xác nhất. Điều cần lưu ý là phải luôn có thói quen tìm từ gợi hình, biểu cảm và phải chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng, với văn cảnh. Muốn làm nổi bật hình ảnh của đối tượng thì chú ý nhiều tới hệ thống từ tượng hình (tả màu sắc, hình dáng, trạng thái,…) ; muốn làm nổi bật không khí của cảnh thì dùng hệ thống của từ tượng thanh (mô phỏng các. tiếng động). Bài văn miêu tả thiếu đi các từ ngữ có sức tạo hình, gợi cảm thì chắc chắn sẽ không thể hay. Nhưng cũng cần ý thức được rằng nếu dùng từ ngữ, hình ảnh tuỳ tiện hoặc khuôn sáo, bắt chước một cách lộ liễu thì cách miêu tả cũng không có sức thuyết phục.

Ví như tả cảnh sóng biển có nhiều từ ngữ gợi hình, gợi thanh : cuồn cuộn, nhấp nhô, lăn tăn, rì rầm, rì rấo, lô nhô, ì oạp,… Nhưng không phải tả sóng lúc nào cũng dùng được tất cả các từ ấy. Tả sóng biển lúc trời động thì phải dùng từ cuồn cuộn ; tả tiếng sóng biển vỗ vào bờ đá thì phải dùng từ ì oụp ; tả tiếng sóng biển vọng lại trong đêm mà nghe xa thì phải dùng từ rì rầm ;

Tả cây cối cũng có nhiều từ ngữ chỉ màu xanh khác nhau : xanh um, xanh lì, xanh non, xanh mơn mởn, xanh tươi, xanh tốt, xanh rờn,… Nhưng khi đi vào thực tế, mỗi loại cây sẽ có một màu xanh riêng, không thể lẫn lộn : cây rau cải trong vườn hay cây lúa đang thì con gái thì phải là xanh mơn mởn, xanh rờn ; cây cối trong rừng rậm rạp thì phải là xanh rì, xanh tốt, xanh um,…

Ngay cả âm thanh tiếng mưa rào cũng có sự phân biệt rất rõ : mưa giáo đầu thì lẹt đẹt; mưa trên mái tôn thì rào rào’; mưa đập vào phên nứa đồm độp ; mưa đập vào tàu lá chuối thì lùng bùng ; mưa từ mái giọt tranh đổ xuống sân thì ồ ồ; …

Còn từ ngữ tả dáng đi của con người cũng vô cùng phong phú, đa dạng : em bé tập đi thì lẫm chẫm ; cậu bé tinh nghịch thì có dáng đi nhún nhảy, vừa đì vừa nhảy chân sáo ; cụ già thì lom. khom ; người đang đau chân thì đi khập khà khập khiễng ; các cô gái trẻ thì yểu điệu thướt tha ; người có tâna trạng thoải mái đi thong thả ; người vất vả thì dáng đi hấp tấp, lật đật, sấp ngửa,…

Bên cạnh việc lựa chọn từ ngữ, vấn đề tạo hình ảnh trong văn miêu tả cũng không kém phần quan trọng. Có thể thấy rõ câu văn miêu tả giàu hình ảnh bao nhiêu thì sức gợi cảm của nó sẽ lớn bấy nhiêu. Việc tạo hình ảnh cho câu văn miêu tả có thể thực hiện bằng nhiều cách : hoặc là bằng từ ngữ tượng hình, tượng thanh (“gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lặc lè, lặc lè”) ; hoặc bằng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nhân hoá (“Lá mía sắc như lưỡi gươm, xanh đậm” ; “Lũ trẻ đứa nào đứa nấy da cứ đen bóng như bôi nhọ mỡ” ; “Dòng sông thay chiếc áo màu xanh hằng ngày bằng dải lụa đào” ; …).

Tuy nhiên, khi sử dụng các biện pháp nghệ thuật trên trong bài văn miêu tá, chúng ta cần lưu ý rằng những nghệ thuật ấy chỉ thực sự có tác dụng nếu được dùng đúng lúc, đúng chỗ, hợp văn cảnh. Ngược lại, nếu dùng những biện pháp nghệ thuật ấy một cách máy móc, sáo mòn thì nó làm giảm giá trị của bài văn miêu tả rất nhiều. Mặt khác, cũng như khi ta ăn tiệc, món ăn dù ngon đến mấy nhưng ăn quá nhiều thì sẽ chán ; trong văn miêu tả, nếu quá lạm dụng cách nói so sánh, nhân hoá mà ít tả thực thì chắc chắn cảm giác thích thú ban đầu của người đọc sẽ giảm dần, thậm chí dẫn tới sự khó chịu, nhất là khi gặp những hình ảnh so sánh, nhân hoá nhạt nhẽo, vô vị. Chẳng hạn như : “Chị gió lả lướt bay tới làm cho cả vườn cây xao động” (chỉ cần viết: “Gió thổi nhẹ làm cả vườn cây xao động”) ; “Ông mặt trời đã lên cao, nhăn nhó xua muôn ngàn tia nắng tinh quái xuống trần gian” (chỉ cần viết “Mặt trời đã lên cao, chói chang, gay gắt. Nắng như hắt lửa xuống mặt đất”), v.v.

Để thấy rõ tầm quan trọng của việc dùng từ ngữ, hình ảnh trong văn miêu tả, ta hãy so sánh hai đoạn văn có cùng nội dung miêu tả cây cối trong vườn như sau :

Đoạn 1 : “Vườn cây đang vào mùa quả chín trông thật thích mắt. Đây là cây dừa to lớn đứng uy nghi toả bóng rợp nửa khoảng vườn, từng chum quả bao quanh ngọn, nặng trĩu. Giữa vườn là những cây roi hồng. Năm nay roi cũng được mùa, quả nhiều, có những cành không còn trông thấy lá đâu. Cuối góc vườn là cây bưởi. Đây là giống bưởi mới, thân không cao, tán lá xoè rộng ra, quả to và múi dày. Ngắm vườn cây mùa này, lòng người tự nhiên thấy thư thái hơn”.

Đoạn 2 : “Vườn cây đang vào mùa quả chín trông thật thích mắt. Rợp bóng che nửa khoảng vườn là một cây dừa to lớn, đứng uy nghi. Những buồng dừa trông như những chùm bóng bay màu xanh lúc lỉu bám quanh ngọn, nặng trĩu. Quả nào quả nấy mơn mởn và lớn nhanh như thổi. Còn giữa vườn là những cây roi hồng. Năm nay roi cũng được mùa, quả sai trĩu trịt. Có những cành roi chín đỏ mọng, uốn cong, chỉ thấy quả chi chít mà không trông thấy lá đâu nữa. Nắng gắt. Rồi một trận mưa rào đổ xuống. Những trái roi căng da, mọng nước, trông càng hấp dẫn thêm. Ớ cuối góc vườn là cây bưởi đứng nép mình, lặng lẽ, cõng trên lưng lũ quả tròn trọc lóc. Đây là giống bưởi mới, thân không cao, tán lá xoè rộng. Nhưng được cái quả to và múi dày nên được nhiều người chuộng. Ngắm vườn cây mùa quả chín, không hiểu sao lòng người tự nhiên thấy thanh thản và thư thái hơn”.

Cùng một nội dung miêu tả nhưng cách diễn đạt ở hai đoạn văn hoàn toàn khác nhau. Ớ đoạn một mới chỉ dừng lại nội dung thông báo, giới thiệu đặc điểm của từng loại cây, không hề chú trọng việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh nên đoạn văn không hay, không có sức hấp dẫn. Nhưng ở đoạn thứ hai, nội dung thông báo đã được lồng trong những câu văn giàu hình ảnh với các từ láy {lúc lỉu, mơn mởn, trĩu trịt, chi chít, lặng lẽ, trọc lóc) và với cách nói so sánh, nhân hoá (những buồng dừa trông như những chùm bóng bay màu xanh, cây bưởi cõng trên lưng lũ quả tròn trọc lóc,…). Do đó, hình ảnh cây cối trong vườn hiện lên cụ thể hơn, đem lại thành công cho đoạn văn miêu tả.

**b) Cách đặt câu, dựng đoạn trong văn miêu tả**

Cũng như văn tự sự, cách đặt câu trong văn miêu tả đòi hỏi người viết phải linh hoạt và công phu. Có thể là câu dài với đầy đủ các thành phần chính phụ, có nhiều tầng ý nối tiếp nhau. Cũng có thể là những câu ngắn (câu đặc biệt hoặc câu tỉnh lược). Vấn đề đặt ra ở đây là phải biết chọn kiểu câu phù hợp với hoàn cảnh, với tình huống, nội dung miêu tả, và cả với cảm xúc của người miêu tả nữa.

Sau đây là một số trường hợp lựa chọn kiểu câu thường gặp :

Kiểu câu dài, nhiều tầng ý, nhiều vế nối nhau thường phù hợp với việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên êm đềm, yến ả, hoặc những hoạt động diễn ra nhẹ nhàng, liên tiếp nối nhau ; hoặc khi cảm xúc của con người đang dâng tràn, tuôn chảy,…

Kiểu câu ngắn (câu đặc biệt, câu tỉnh lược) với các dấu câu (dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu chấm lửng,…) thường dùng để diễn tả những cảm xúc mạnh, những hoạt động nặng, diễn ra nhanh gọn, liên tục ; những tình huống bất ngờ…

Kiểu câu đảo ngữ : thường dùng trong những trường hợp cần nhấn mạnh một đặc điểm, một trạng thái nào đó của đối tượng được miêu tả.

Ví dụ : Tả cánh đồng quê yên ả thanh bình : cánh đồng trải ra xa tít tắp, mênh mông với sóng lúa lăn tăn gợn nhẹ, đuổi nhau chạy dài đến tận chân trời. (Câu dài)

Tả ánh trăng khuya : Trời đã về khuya, ánh trăng dường như càng sáng hơn, vằng vặc giữa vòm cao mênh mông, lặng lẽ toả ánh sáng dịu dàng và tinh khiết xuống mặt đất, huyền ảo và đẹp lạ kì. (Gâu dài)

Tả em bé đang tập đi : Cu Tí đang chập chững tập đi. Hai bàn chân bấm xuống. Hai tay dang ra để giữ thăng bằng. Một bước. Hai bước. “Uỵch”. Cu Tí khóc oà lên vì bị ngã. Mẹ vội đô Tí dậy, thơm một cái vào đôi má trắng hồng. Tí ta nhoẻn cười, nước mắt vẫn đọng trên mí. Hai bàn chân lại bấm xuống. Hai tay lại dang ra. Một bước… Hai bước… Năm bước… Mười bước… Tiếng vố tay cổ vũ của mọi người làm cho cu Tí càng phấn khởi. (Một loạt câu ngắn)

Tả hoa phượng : Trên cành cây, lác đác xuất hiện những bông hoa phượng đầu mùa. (Câu đảo ngữ)

Một điều cần lưu ý là trong cùng một bài văn miêu tả phải biết dùng đan xen nhiều kiểu câu khác nhau. Có câu dài xen câu ngắn. Có câu bình thường xen câu đặc biệt. Như vậy mới tạo được sự phong phú, đa dạng cho cách diễn đạt.

Ngoài việc đặt câu, cách dựng đoạn và liên kết giữa các đoạn trong một bài văn miêu tả cũng rất cần được quan tâm. Thông thường, khi làm văn, học sinh chia bài làm thành ba phần : Mỏ bài, Thân bài, Kết luận. Do đó, ứng với ba phần thường là ba đoạn văn. Mở bài và Kết luận ngắn, Thân bài thì dài. Dù nội dung bài văn nghèo nàn hay phong phú, dù dung lượng bài văn ngắn hay dài, dù đối tượng miêu tả ít hay nhiều, phần Thân bài cũng chỉ có một đoạn. Đây là hạn chế đáng tiếc mà ta có thể bắt gặp trong bài làm của học sinh.

Vậy có thể khắc phục hạn chế này bằng cách nào ?

Điều trước tiên là phải xác định những ý cần triển khai trong nội dung bài văn miêu tả để chia thân bài thành các đoạn văn tương ứng. Có nhiều cách để chia đoạn trong bài văn tả :

Chia đoạn theo trình tự thời gian : Người làm bài đặt đối tượng miêu tả vào các khoảng thời gian khác nhau. Trong một năm thì theo bốn mùa Xuân – Hạ – Thu – Đông (tả cây cối, cảnh vật) ; trong một ngày thì có sáng- trưa – chiều – tối (tả cảnh vật, thời tiết) ; trong một quá trình thì có bắt đầu – diễn biến – kết thúc (tả cảnh sinh hoạt), khi nhỏ – lớn lên – về già (tả con người), v.v.

Chia đoạn theo trình tự không gian : Người làm bài quan sát đối tượng miêu tả ở nhiều góc độ và từ nhiều hướng khác nhau : từ xa nhìn lại, từ ngoài nhìn vào, từ trong nhìn ra, từ trên nhìn xuống, từ dưới nhìn lên, nhìn bên trái, nhìn bên phải, nhìn phía trước, nhìn phía sau, nhìn toàn cảnh, nhìn chi tiết,…

Chia đoạn theo đặc điểm tính cách của đối tượng được miêu tả : Mỗi đặc điểm tính chất có thể được tách ra để miêu tả trong một đoạn văn độc lập. Ví như tả người nói chung có thể chia thành hai ý (hình dáng, tính tình)…

Chia đoạn theo số lượng đối tượng được miêu tả : có thể sử dụng cách chia đoạn này cho kiểu bài tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh sinh hoạt, tả thế giới loài vật, đồ vật… Ví như tả cảnh thiên nhiên thì có : bầu trời – mặt đất ; cảnh trong vườn – cảnh ngoài đồng ; cảnh biển cả – cảnh núi rừng ; Hoặc tả không khí giờ học thì có : công việc của thầy cô giáo, công việc của học sinh ; … Tả đàn gia súc, gia cầm của gia đình thì có : bầy gà, đàn vịt, lũ trâu bò, mấy con lợn,…

Chia đoạn rồi thì phải suy nghĩ cách triển khai ý trong từng đoạn. Thông thường, nếu toàn bộ phần Thân bài triển khai trong một đoạn văn thì nhiều khi chỉ cần liệt kê cảnh cũng có thể tạo thành đoạn (dù rằng nội dung miêu tả sẽ nghèo nàn, dù rằng cách tả sẽ không hay). Nhưng khi tách phần Thân bài ra thành một số đoạn mà người viết bài không có đủ kiến thức để triển khai ỷ trong một đoạn thì những đoạn văn cụt lủn ấy sẽ làm cho bài văn trở nên rời rạc, vụn vặt, thiếu liến kết. Như vậy, thực tế này đòi hỏi người viết phải có khả năng mở rộng ý, phát triển hình ảnh miêu tả một cách phong phú và hợp lí. Thông thường có thể mở rộng ý theo một số hướng sau :

Mở rộng ý bằng cách liên tưởng, so sánh đối tượng đang miêu tả với những đối tượng khác. Hoặc đặt đối tượng đang miêu tả trong các mối quan hệ với những đối tượng xung quanh.

Mở rộng ý bằng cách đi vào miêu tả thật tỉ mỉ, thật chi tiết từng đường nét, hình dáng, đặc điểm của đối tượng.

Mở rộng ý bằng cách đan xen vào những câu văn miêu tả những câu văn nêu cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét.

Mở rộng ý bằng cách kết hợp miêu tả đặc điểm với những lời giới thiệu về giá trị, về công dụng của đối tượng được tả. ‘

Ví dụ : Khi làm bài văn tả cây cối trong vườn vào một thời điểm cụ thể, ta có thể chia Thân bài thành một số đoạn ứng với một số đối tượng miêu tả như sau :

Đoạn một: Tả một cây có đặc điểm tiêu biểu và gây ấn tượng nhất trong vườn (lớn nhất, đặt ở vị trí quan trọng nhất,…). Khi tả, phải giới thiệu được vị trí, miêu tả hình dáng, đặc điểm của thân, lá, rễ, hoa, quả,… tầm quan trọng của nó đối với các cây cối khác trong vườn, hoặc đối với con người. Có trường hợp cần nêu thêm lai lịch của nó (Ai trồng ? Trồng lúc nào ? Người trồng và thời điểm trồng có ý nghĩa như thế nào đối với chủ nhân của khu vườn ?).

Đoạn hai : Tả loài cây cho hoa cho hương. Liệt kê một số loài hoa (hoa nhài, hoa hồng,…), đồng thời miêu tả cụ thể vị trí, hình dảng/đặc điểm, cấu tạo của từng loại cây (thân, lá, hoa, hương vị,…).

Đoạn ba : Tả loài cây cho quả. Liệt kê một số loài cây tiêu biểu (cam, bưởi, na, ổi,…), sau đó tập trung miêu tả vị trí, quy trình ra hoa kết trái, cấu tạo, công dụng,… của từng loài cây.

Lưu ý là trong quá trình tả, có thể đặt các đối tượng được tả trên trong mối quan hệ với nắng, với gió, với chim chóc, ong bướm, với con người,… để toàn cảnh khu vườn hiện lên sống động và đẹp hơn.

**c) Cách mở đầu và cách kết luận cho một bài văn miêu tả**

Mô hình bố cục của một bài văn miêu tả thông thường gồm ba phần rõ rệt:

Mở bài : Giới thiệu đối tượng cần miêu tả (Đối tượng gì ? Có quan hộ như thế nào đối với người miêu tả ? Hoàn cảnh tiếp xúc gặp gỡ với đối tượng ấy có gì đặc biệt ?).

Thân bài : Lần lượt dừng lại hình ảnh hoặc khung cảnh được miêu tả với những đặc điểm chung – riêng.

Kết luận : Nêu cảm nghĩ về đối tượng miêu tả.

Theo mô hình này thì văn miêu tả chỉ mở bài bằng việc giới thiệu đối tượng và kết bài bằng cách nêu cảm nghĩ của người viết. Như vậy là quá đơn điệu, rập khuôn. Thậm chí, có một số em học sinh dùng cái khuôn chung ấy để lắp ghép cho tất cả các bài văn tả khác nhau.

Ví dụ 1 : Khi tả một cây ăn quả, thường các em hay đi theo cách mở và kết như sau :     ‘

Mở bài : Trong vườn bà em trồng nhiều thứ cây ăn quả. Nhưng em thích nhất là cây bưởi đào.

Kết luận : Em rất yêu khu vườn (yêu cây bưởi đào). Hoặc Em muốn được chăm sóc cho khu vườn ngày càng tươi tốt (chăm sốc cây bưởi đào để nó tiếp tục đơm hoa kết trái ở những mùa sau).

Ví dụ 2 : Đối với đề văn “Tả một người bạn thân”, cách Mở bài và Kết luận cũng theo như ví dụ 1 :

Mở bài : Em có nhiều người bạn. Nhưng có lẽ thân thiết và gần gũi nhất vẫn là bạn X.

Kết luận : Em và X rất thân thiết, gắn bó với nhau. Chúng em tự hứa với lòng mình rằng, dù cho hoàn cảnh và điều kiện cuộc sống có thay đổi như thế nào thì tình bạn ấy vẫn không bao giờ phai nhạt.

Cứ theo kiểu lắp khuôn này thì ta sẽ có một loạt Mở bài và Kết luận na ná như nhau mặc dù đối tượng cần miêu tả có thể. không giống nhau. Để bài văn miêu tả sáng tạo hơn, ta nên chọn một số cách mở bài và kết bài khác.

Cách mở bài : Có thể mở bài bằng một lời thông báo ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề (Thạch Lam – Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi).

Cũng có thể mở bài bằng lời giới thiệu tình huống để đối tượng miêu tả xuất hiện. Cách mở này thường dài dòng (Ví như tả một người công nhân làm đường :

“Cái Thư, bạn tôi lạ lắm kia ! Hễ cứ ngồi với nhau là cái Thư lại kể về mẹ nó cho tôi nghe. Chẳng lần nào là nó không mở đầu bằng câu “Mẹ tớ, ấy biết không, là công nhân sửa đường đấy. Năm nào mẹ tớ cũng được bầu là Lao động tiên tiến. Tổ mẹ tớ vá đường giỏi nhất công ti. Nếu ấy được xem mẹ tớ làm việc, ấy phải thích mê đi. Này nhé ỉ…”.

Một buổi sáng, chúng tôi được đi ô tô đến chỗ tổ mẹ Thư làm việc”. (Nguyễn Thị Xuyến)

Cách kết bài : Có thể kết bài bằng một câu văn tả.

Ví dụ : Đêm đã khuya, vầng trăng càng sáng, vằng vặc trên vòm cao mênh mông như đang thao thức cùng trời đêm.

Hay : Cánh đồng lúa vẫn dập dờn, dập dờn trong gió. Hương thơm dịu dịu toả ra. Lan xa. Lan xa…

Có thể kết bài bằng một lời mở ý hoặc để lửng ý cho người đọc tự cảm nhận.

Ví dụ : Khi tả hoàng hôn trên sông Hương, tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường đã kết thúc theo kiểu này : Huế thức dậy trong nhịp chuyển động mới đi vào cuộc sống ban đầu của nó.

Hoặc lời kết mở cho bài văn tả một cầu thủ bóng đá thiếu niên : Và mỗi sáng, mỗi chiều, cậu bé có đôi chân kì diệu ấy vẫn cùng lũ trẻ chơi đùa trên bãi cỏ. Theo đôi chân cậu, trái bóng cứ lăn tròn, lăn tròn…

Cũng có thể kết bài bằng một vài lời tâm tình trực tiếp với đối tượng được miêu tả.

Ví dụ : Kết bài cho đề văn miêu tả mùa xuần : Cảm ơn mùa xuân ! cảm ơn những điều kì diệu mà trời đất đã ban tặng cho thiên nhiên và con người. ■

Hoặc kết bài cho văn tả hình ảnh người mẹ : Con yêu mẹ biết bao, mẹ ơi /

**3. Một số lưu ý riêng cho từng kiểu bài**

**a) Kiểu bài văn tả đồ vật, loài vật, cây cối**

Đối tượng miêu tả ở kiểu bài văn này thường rất cụ thể, và thường là những vật quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta : Một cái cặp sách, một cái bút, một tấm bản đồ, một con mèo, một chú gà trống, một cây ăn quả,… Kiểu bài này thường khó ở chỗ đối tượng miêu tả quá cụ thể, nhiều khi cấu tạo của nó lại đơn giản nên người miêu tả không biết làm thế nào để phát triển ý. Rút cục là bài văn tả chỉ ngắn cụt lủn, hời hợt, nghèo nàn. Sau đây là một số lời khuyên đối với học sinh để giúp các em làm tốt kiểu bài này.

Thứ nhất, khi làm kiểu bài này có thể chọn trình tự miêu tả là từ bao quát (giới thiệu chung) đến cụ thể (đi vào chi tiết). Riêng tả loài vật, cây cối có thể theo quá trình trưởng thành của đối tượng với các giai đoạn cụ thể.

Thứ hai, đối tượng được miêu tả ở kiểu bài này là những đồ dùng, vật dụng, những hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, khi miêu tả, phải chú ý tới công dụng, ý nghĩa của chúng cũng như mối quan hệ giữa chúng với con người. Đặc biệt, thỉnh thoảng trong quá trình tả, có thể đan xen vào một vài kỉ niệm thể hiện sự gắn bó giữa người tả với đối tượng được tả.

Thứ ba, cần biết điều chỉnh một cách hợp lí giữa tả thực và các hình ảnh liên tưởng. Nếu tả thực nhiều quá thì hình ảnh miêu tả trở nên trần trụi. Nếu liên tưởng nhiều quá thì tính chân thực sẽ giảm đi. Riêng đối với đồ dùng vật dụng, không phải lúc nào cũng tả cái mới. Có thể tả những đồ dùng đã cũ (xen vào các kỉ niệm thể hiện sự gắn bó) thì .ý nghĩa của bài làm sẽ sâu sắc hơn.

**b) Kiểu bài văn tả cảnh**

Đối tượng miêu tả bao gồm cảnh thiên nhiên và cảnh sinh hoạt. Có thể coi đây là những bức tranh bằng ngôn ngữ dựng lại một khung cảnh nào đó, một hoạt động nào đó của thiên nhiên, của con người (một phiên chợ tết, một bến đò hoặc ga tàu đông khách, một cuộc thi thả diều, một cánh rừng, một dòng sông, một làng quê yên tĩnh, V.V.). Nội dung của kiểu bài này không nghèo nàn, thậm chí rất phong phú nhưng do kinh nghiệm quan sát của học sinh còn yếu, kiến thức nghèo nàn, trình độ sắp xếp ý còn hạn chế nên bài làm thường có bố cục lộn xộn, thiếu cân đối.

Khi làm kiểu bài văn này cần lưu ý một số vấn đề sau :

Đối với văn tả cảnh thiên nhiên, người viết có thể chọn một trong số các trình tự tả : theo trình tự thời gian, không gian, số lượng cảnh,… Bức tranh thiên nhiên không bao giờ ở dạng tĩnh mà luôn có sự thay đổi, vì vậy khi tả phải làm nổi bật được sự thay đổi này (mùa này khác mùa kia, buổi này khác buổi kia, thời điểm này khác thời điểm kia,…).

Ngoài việc tả bao quát toàn cảnh, người tả cần tìm được một số hình ảnh tiêu biểu để tập trung tả chi tiết, cụ thể. Đặc biệt là khi tả cảnh thiên nhiên cần chú trọng dùng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh. Dù cảnh thiên nhiên nào thì cũng phải đặt nó trong một không gian, thời gian cụ thể, và phải có mối quan hệ mật thiết với các hiện tượng tự nhiên như gió, nắng,… Các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá nên được vận dụng nhiều để góp phần làm cho bài văn miêu tả sinh động hơn.

Đối với văn tả cảnh sinh hoạt thì cần chú trọng chọn tả theo trình tự thời gian và trình tự hoạt động của các đối tượng. Ngoài việc tả chung, nhìn bao quát toàn cảnh và liệt kê các hoạt động, người viết phải tập trung vào một số cảnh chính, tiêu biểu. Ưu tiên dùng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh, nghệ thuật so sánh, về câu văn, tuỳ theo nội dung miêu tả mà lựa chọn kiểu câu ngắn hay câu dài, câu đặc biệt hay câu bình thường, câu đảo ngữ hay câu tỉnh lược,… Đặc biệt cần chú ý làm nổi bật mối quan hệ tình cảm giữa các đối tượng xuất hiện trong các bức tranh cảnh này. Nếu cần thiết vẫn có thể đưa một số mẩu đối thoại, một số câu văn tự sự, một số câu văn nêu nhận xét, cảm nghĩ vào văn tả cảnh sinh hoạt.

**b) Kiểu bài văn tả người**

Kiểu bài văn này khá thông dụng, được dùng phổ biến, trong cuộc sống hằng ngày. Nhược điểm thường thấy là các em học sinh hay tả người theo một số hình ảnh ước lệ, có tính rập khuôn nhất định, đọc lên nghe quá nhàm, thiếu nét riêng, thiếu sự sáng tạo. Hơn nữa, dưới ngòi bút của các em, các nhân vật thường được lí tưởng hoá, đẹp hơn, đáng yêu hơn, nhưng lại thiếu tính chân thực (ví như hình ảnh mẹ hay cô giáo đều có dáng đi mềm mại, thướt tha„ mũi dọc dừa, bàn tay đẹp với những ngón thon như tháp bút,… Tức là vô tình người tả biến họ thành những cô văn công trên sân khấu).

Khi làm kiểu bài văn này cần lưu ý mấy điểm sau :

Phải xác định rõ đối tượng được miêu tả (tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính) để trên cơ sở đó chọn hình ảnh tả cho phù hợp. Chẳng hạn như người phụ nữ làm nghề dạy học sẽ có trang phục, diện mạo, cử chỉ khác hẳn người phụ nữ là công nhân làm đường.

Bên cạnh đó, phải xác định yêu cầu cụ thể của từng đề nữa. Nếu tả người nói chung thì phải làm nổi bật đặc điểm ngoại hình và tính cách ; nếu tả người trong trạng thái hoạt động thì phải tập trung vào cử chỉ, động tác. Ngay cả việc tìm những nét về ngoại hình, tính cách của nhân vật để miêu tả cũng phải gắn kết với hoạt động đang diễn ra (chẳng hạn, tả chú công nhân đang xây nhà thì phải tập trung vào cử động của đôi bàn tay, gương mặt; tả cầu thủ bóng đá thì chú ý động tác của đôi chân, tả cô giáo đang giảng bài thì chú ý dáng đi, giọng nói, gương mặt, thái độ,…).

Đối với văn tả người cũng phải chú trọng nhiều tới ngôn ngữ tượng hình, tượng thanh, nghệ thuật so sánh. Đặc biệt, người viết phải bộc lộ tình cảm đối với người được tả ngay trong quá trình làm văn (trực tiếp qua những câu bình phẩm, nhận xét, những câu cảm thán ; gián tiếp qua việc lựa chọn hình ảnh, từ ngữ và sắp xếp trật tự miêu tả).

**BÀI TẬP RÈN VIẾT VĂN MIÊU TẢ**

TẬP QUAN SÁT, TƯỞNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

**1. Ghi nhớ**

          Muốn miêu tả được, trước hết người ta phải biết quan sát, rồi từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh… để làm nổi bật lên những đặc điểm tiêu biểu của sự vật.

**2. Bài tập** : Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.

**Bài tập 4**

          Em hãy quan sát và ghi lại những đặc điểm lớp học của em. Trong những đặc điểm đó, đặc điểm nào nổi bật nhất ?

**Bài tập 5**

          – Cho đề văn : Hãy tả một ngày mưa rất to tại phố em.

          – Để làm đề văn này, sẽ dùng các hình ảnh, sự vật sau đây. Em sẽ liên tưởng, so sánh các hình ảnh, sự vật ấy với những gì ? Hãy điền vào “…”

          + Mặt trời…

          + Bầu trời …

          + Những hàng cây…

          + Những dãy nhà…

          + Đường phố…

          + Xe máy, xe đạp…

          + Nước chảy trên đường vào cống…

          + Không gian mưa rơi…

          + Người đi đường…

**Bài tập 6**

          – Cho các từ sau : ngang, khệnh khạng, vun vút, chậm chạp, rung rinh, bệ vệ, đùa giỡn.

          – Hãy chọn lựa và điền các từ đã cho vào những chỗ trống trong đoạn văn dưới đây.

          – Sau khi điền từ, đọc lại đoạn văn, cho biết:

          + Đoạn văn tả cảnh gì, ở đâu ?

          + Người viết có những tưởng tượng, so sánh, nhận xét hay ở chỗ nào ?

          “Một con sao biển đỏ thắm đang …….. bò. Những con tôm hùm      mang bộ râu dài …….. bước trên các hòn đá. Một con cua đang …….. bò. Chỗ nào cũng thấy bao nhiêu vật lạ. Đây là hoa loa kèn mở rộng cánh, …….. dưới nước. Đàn tôm con lao……..  như ruồi. Bác rùa biển………., có hai con cá xanh như đôi bướm……. phía trên mai”.

(Theo M.Goóc-ki)

**Bài tập 7**

          Cho đoạn văn sau :

          “Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước, sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh”.

          a) Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào chính ?

          – Biểu cảm

          – Tự sự

          – Miêu tả

          b) Đoạn văn trẽn tả cảnh gì ?

          – Sông ngòi, mương rạch.

          – Đồng bằng

          – Rừng tràm

          Dựa vào những dấu hiệu nào trong đoạn mà em khẳng định như vậy ?

          c) Đoạn văn có bốn câu : – Chỉ ra câu nào thể hiện rõ cách tưởng tượng, so sánh khi tả cảnh.

          – Chỉ ra câu nào bộc lộ rõ nhận xét của người viết.

          d) Viết một đến hai câu nói rõ cảm giác của em khi đọc đoạn văn này.

**Bài tập 8**

          Ở trong nhà, đi ngoài phố, đến nhà bạn, hay ngắm tranh, ta thường gặp những bé rất đáng yêu. Hãy tả để làm rõ nét đáng yêu của em bé đó.

**3. Giải bài tập**

          Bài tập 4 : Đặc điểm lớp học của em.

          – Lớp được quét vôi màu vàng chanh.

          – Cửa lớp bằng gỗ, màu sơn xanh lá cây.

          – Riêng cửa sổ có song sắt thưa.

          – Chính giữa lớp có treo ảnh Bác.

          – Bên trái là 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên.

          – Bên phải là khẩu hiệu “Thi đua học tốt”.

          – Bục giảng mới xây cao ráo.

          – Bảng đen mới, màu xanh lá cây nhạt, viết phấn lên rất rõ và đẹp.

          – Hai dãy bàn ghế mới, đánh vécni nâu vàng thơm phức, đều chằn chặn.

          – Các lẵng hoa tự tạo treo tường, mộc mạc, có duyên.

          (Đặc điểm nổi bật của lớp là những lẵng hoa tự tạo trên tường).

          – Lớp học như ngôi nhà thứ hai thân thương của em.

          Bài tập 5 : Để có thể tả một ngày mưa rất to tại phố em, em có những liên tưởng, so sánh các hình ảnh, sự vật như sau : (Điền từ, ngữ vào chỗ trống)

          – Mặt trờiđã trốn đi đâu, từ bao giờ.

          – Bầu trời đầy mây đen vần vũ.

          – Những hàng cây : như được tắm rửa trong trận mưa, nghiêng ngả đùa trong nước mưa.

          – Những dãy nhà : như khuôn mặt sáng sủa sau lần rửa mặt.

          – Đường phố: ngập nước vì chảy không kịp. Lúc mưa to nhất, đường phố như một dòng sông nhỏ, nhiều em bé gấp thuyền giấy, thả xuống…

          – Xe máy, xe đạp : không đi nhanh được, giống như từng đoàn xe lội nước.

          – Người đi đường : mặc áo mưa kín mít như những nhà tu hành, đi rất vội dưới các mái hiên trên vỉa hè.

          – Nước chảy trên đường vào cống : nghe ồ ồ như người khổng lồ đang       khóc.

          – Không gian mưa rơi : trắng như tấm màn mưa.

          Bài tập 6 : 1. Đoạn văn sau khi đã điền từ :

          “Một con sao biển đỏ thắm đang **chậm chạp**      bò. Những con tôm hùm mang bộ râu dài bệ vệ bước trên các hòn đá. Một con cua đang bò **ngang**. Chỗ nào cũng thấy bao nhiêu vật lạ. Đây là hoa loa kèn mở rộng cánh, **rung rinh**dưới nước. Đàn tôm con lao **vun vút** như ruồi. Bác rùa biển **khệnh khạng**, có hai con cá xanh như đôi bướm **đùa giỡn** phía trên mai”.

          Đoạn văn trên tả hoạt động của các loài vật dưới đáy biển.

          Người viết có những tưởng tượng, so sánh, nhận xét rất độc đáo, tài hoa, tạo nên những chi tiết rất hay, thú vị.

          – Tôm hùm mang bộ râu dài bệ vệ bước trên các hòn đá.

          – Hoa loa kèn rung rinh trong nước.

          – Đàn tôm con lao vun vút được so sánh với lũ ruồi (cách so sánh của người Nga).

          – Bác rùa khệnh khạng, hai con cá xanh như đôi bướm đùa giỡn (vừa nhân hoá, vừa so sánh hợp lí).

          Bài tập 7 : a) Miêu tả

          b) Dựa vào câu chủ đề (câu 1) và các chi tiết tả trong ba câu tiếp theo, người đọc nhận ra cảnh rừng tràm.

          c) – Câu thể hiện rõ sự tưởng tượng, so sánh : trong tả cảnh.

          + Câu 4 : Tưởng tượng : “ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh”.

          + So sánh : “nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh”.

          – Câu 1, 2, 3 bộc lộ rõ nhận xét của người viết về cảnh.

          d) Cảm giác khi đọc đoạn văn này : Em thấy không gian thật yên tĩnh, không khí thật trong lành, mát mẻ ; thiên nhiên thật đáng yêu và gần gũi như sự sống. Em yêu cảnh này vô cùng, vì đây còn là môi trường sống dồi dào và vô tận.

          Bài tập 8 : Em dự định sẽ tả một em bé đáng yêu mà em đã gặp :

          – Đôi mắt bé đen tròn, tinh nghịch – mỗi lần bé nói, đôi mắt cũng như nói theo.

          – Đôi má bé căng tròn, mỗi lần chạm môi thơm thấy căng rắn đến dễ yêu.

          – Đôi môi hồng và hàm răng trắng đều khi bé cười tươi.

          – Bé lại ra dáng người lớn mới đáng yêu chứ : Bé nhắc anh này không được nhổ bậy, chị kia ra đường không được mặc quần áo ngắn. Nhưng bé lại tự ý lấy kẹo sôcôla ăn, mà chưa xin phép ; lại còn luôn đòi mẹ mua đồ chơi nữa chứ…

          – Tất cả mọi người : hãy đem tiếng cười, tình yêu thương, hạnh phúc đến cho bé nhé.

**2.Những năng lực cần có khi làm văn miêu tả**

– Quan sát: nhìn nhận, xem xét sự vật. Kĩ năng này thường bị học sinh bỏ qua nên khi làm bài các em thiếu vốn sống thực tế, bài văn nghèo về nội dung ý nghĩa, thiếu sức thuyết phục. Phải thấy những nét chính, thấy những đặc điểm riêng để tìm ra được những ngóc ngách của sự vật, vấn đề. Nhiều khi không cần liệt kê đẩy đủ sự việc mà chỉ cần ghi lại những nét đặc sắc mà mình cảm nhận được, như một câu nói, nét mặt lột tả được tính nết một người, hoặc một tiếng động, một ánh đèn, một trạng thái tư tưởng,…

Nói như Tô Hoài,… từ chỗ tìm bới trong la liệt hiện tượng quanh mình mà phát hiện ra bản chất và quy luật hiện tượng chính, tránh lối phỏng đoán sai lầm, công thức, đơn giản và loá mắt không tách bạch được đâu là chủ yếu, thứ yếu. (Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả, NXB Giáo dục, 2000)

– Nhận xét liên tưởng hình dung về sự vật đặt trong tương quan các sự vật xung quanh. Vai trò của trí tưởng tượng là rất lớn. Nó không chỉ là yếu tố tạo nên sự phong phú cho các hình ảnh trong bức tranh miêu tả mà còn giúp cho HS tìm được những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật phù hợp để bài văn tả hấp dẫn hơn.

– Ví von so sánh: Thể hiện sự liên tưởng độc đáo riêng của người viết hình dung, cảm nhận về sự vật, hiện tượng miêu tả. Chất lượng của bài miêu tả là “nói ít gợi nhiều”, chi tiết đưa ra không cần nhiều nhưng phải gợi được cảm giác mãnh liệt nhất, những hình ảnh sinh động hiện lên trước mắt người đọc, khiến họ nhìn rất rõ và rất có ấn tượng. Có thể so sánh vật với vật, cảnh với cảnh, so sánh vật với con người, so sánh theo hướng thu nhỏ lại, so sánh theo hướng phóng đại lên, so sánh theo hướng cụ thể hoặc trừu tượng hoá.

**B.Các dạng văn miêu tả ở lớp 6**

**1.Tả cảnh**

Tả cảnh là gợi tả những bức tranh về thiên nhiên hay cảnh sinh hoạt gợi ra trước mắt người đọc về đặc điểm từng nét riêng của cảnh.

**Yêu cầu:**

– Xác định đối tượng miêu tả: Cảnh nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào?

– Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.

– Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

**Bố cục bài văn tả cảnh:**

– Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

– Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự nhất định, có thể ở một số trường hợp sau:

+ Từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại).

+ Không gian từ trong tới ngoài (hoặc ngược lại).

+ Không gian từ trên xuống dưói (hoặc ngược lại).

Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả dòng sông và rừng đước Năm Căn: Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sồng Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chổng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rều, màu xanh chai lọ,… loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi)

**2.Tả người**

Tả người là gợi tả về các nét ngoại hình, tính cách, tư thế, hành động, lời nói,… của nhân vật được miêu tả.

**Phân biệt đối tương miêu tả theo yêu cầu:**

– Tả chân dung nhân vật (cần tả nhiều về ngoại hình, tính nết…)

– Tả người trong tư thế làm việc (tả người trong hành động: chú ý các chi tiết thể hiện cử chỉ, trạng thái cảm xúc).

**Cách miêu tả:**

– Mở bài: Giới thiệu người được tả (chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó).

– Thân bài:

+ Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác, nghề nghiệp…

+ Tả chi tiết: ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói,… (chú ý: tả người trong công việc cần quan sát tinh tế, tả các động tác của từng bộ phận: khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt..

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả hình ảnh dượng Hương Thư lái thuyền vượt thác: Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

(Võ Quảng)

+ Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: qua tả các chi tiết, người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người viết đối với đối tượng đó.

– Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

**3.Miêu tả sáng tạo**

\* Đối tượng miêu tả thường xuất hiện trong hình dung tưởng tượng có thể bắt nguồn từ một cơ sở thực tế nào đó.

\* Đối tượng: Người hay cảnh vật.

\* Yêu cầu khi miêu tả:

– Tả cảnh phải bám vào một số nét thực của đời sống. Ví dụ khi tả một phiên chợ, trong tưởng tượng của em cần dựa trên những đặc điểm thường xảy ra của cảnh đó làm cơ sở tưởng tượng như: không khí của buổi chợ, số lượng người với những lứa tuổi, tầng lớp nào? Chợ diễn ra ở địa điểm nào?

Thời tiết khí hậu ra sao?… Những cơ sở đó là thực tế để tưởng tượng theo ý định của mình.

– Tả người trong tưởng tượng: Nhân vật thường là những người có đặc điểm khác biệt với người thường như các nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong cổ tích hay một người anh hùng trong truyền thuyết… Cần dựa vào đặc điểm có tính bản chất để tưởng tượng những nét ngoại hình cho phù hợp, tạo sự hấp dẫn.

Lưu ý: Dù miêu tả theo cách nào và đối tượng nào thì cũng cần chú ý vận dụng lối ví von so sánh để bài văn miêu tả có nét độc đáo mang tính cá nhân rõ rệt.

**C.Cách làm một bài văn miêu tả**

**1.Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất. Muốn làm văn tả cảnh, người viết cần phải:**

– Xác định dược đối tượng miêu tả.

– Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.

– Trình bày những điểm quan sát được theo một thứ tự.

**2.Bố cục của một bài văn tả cảnh thường có ba phần:**

– Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

– Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự.

– Kết bài: Thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật được miêu tả.

**3.Cần chú ỷ chi tiết khi miêu tả. Ví dụ:**

a.Về cảnh mùa đông, có thể nêu những đặc điểm sau:

– Bầu trời âm u, nhiều mây.

– Gió lạnh, mưa phùn.

– Cây cối rụng lá trơ cành

b.Vẽ khuôn mặt mẹ có thể chú ý tới các đặc điểm:

– Hình dáng khuôn mặt (tròn, trái xoan.. )

– Tóc ôm khuôn mặt (hoặc được búi lên).

– Đôi mắt, má, miệng.

– Nước da, vẻ mặt (hiền hậu, tươi tắn..)

c.Tả một cụ già:

– Râu, tóc trắng, da mồi.

– Cặp mắt tinh anh (hoặc lờ đờ).

– Dáng vẻ nhanh nhẹn (hoặc chậm chạp).

– Giọng nói trầm ấm…

d.Tả cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo, cử chỉ âu yếm, ân cần, đôi mắt lấp lánh đầy khích lệ…

**4.Chú ý thứ tự khi miêu tả:**

Ví dụ:

a.Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn:

– Có thể theo thời gian: từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc giờ học: Trống vào lớp. Cô giáo (thầy giáo) cho chép đề. Các bạn bắt tay vào làm bài. Kết thúc buổi làm bài, thu, nộp bài cho thầy, cô…

– Có thể theo trình tự quan sát: từ gần đến xa hoặc ngược lại; hoặc theo không gian: bên ngoài lớp; trên bảng, cô (thầy) ngồi trên bàn giáo viên; các bạn trong lớp bắt tay vào làm bài…

b.Tả sân trường giờ ra chơi:

– Miêu tả theo không gian:

+ Từ xa tới gần

+ Miêu tả theo thời gian: trước, trong và sau khi ra chơi.

– Miêu tả theo thứ tự thời gian:

+ Sân trường vắng lặng trong giờ học.

+ Hiệu lệnh trống ra chơi, mọi người ùa ra.

+ Có tốp chơi đá cẩu, nhảy dây, đá bóng, có tốp chỉ đứng xem, hoặc tranh cãi nhau vê’ điểu gì đó…

+ Có thể tả màu sắc quần áo, những tiếng cười nói, hò reo,…

– Miêu tả kết hợp cả không gian và thời gian: Trước hết, cần chọn trật tự miêu tả. Sau đó chọn cảnh sân trường giờ ra chơi để viết thành đoạn văn.

Chú ý miêu tả các chi tiết như: bầu trời, mở đầu giờ ra chơi như thế nào, ở mỗi khoảng sân các hoạt động vui chơi ra sao…

**D.Tham khảo một số dàn ý**

**1)Đề bài : Miêu tả hình ảnh quê hương em đêm rằm Trung thu (hoặc vào một đêm trăng đẹp).**

a.Mở bài

Giới thiệu chung:

– Đêm rằm, trăng tỏa sáng khắp bầu trời và mặt đất.

– Làng em rộn ràng chuẩn bị đón Tết Trung thu.

b.Thân bài

Tả cảnh đêm trăng:

– Lúc xẩm tối

+ Màn đêm dần buông, bẩu trời thăm thẳm, lấp lánh sao.

+ Trăng lấp ló, thấp thoáng sau lũy tre xa xa.

+ Gió thổi mát lộng…

+ Làng xóm nhộn nhịp.

– Lúc trăng lên

+ Mặt trăng tròn vành vạnh như chiếc đĩa bạc lơ lửng giữa không trung.

+ Ánh trăng vằng vặc, soi rõ từng cảnh vật: nhà cửa, vườn cây, dòng sông, con đường, cánh đồng…

+ Trên đường làng, trẻ em nối đuôi nhau rước đèn, ca hát mừng trăng.

+ Cảnh phá cỗ vui vẻ ở sân đình…

c.Kết bài

Cảm nghĩ của em :

– Cảnh làng quê trong đêm trăng sáng đẹp như một bức tranh…

– Tình yêu quê hương càng thêm tha thiết, sâu đậm.

**2)Đề bài: Miêu tả cô giáo (thầy giáo) đang giảng bài.**

a.Mở bài

Giới thiệu cô giáo (cô dạy môn gì, tiết mấy, ngày nào?)

b.Thân bài

+ Miêu tả những nét tiêu biểu về ngoại hình: trạc tuổi, tẩm vóc (cao hay thấp, dáng điệu, nét mặt, đôi mắt…)

+ Cách ăn mặc khi lên lớp.

+ Miêu tả những nét tiêu biểu về cử chỉ, hành động, tình cảm của cô dành cho học sinh: lời giảng, việc làm, động tác (khi viết bảng giảng bài, khi ân cẩn nhắc nhở học sinh…)

c.Kết bài

Tình cảm của em đối với cô giáo. (Cô giáo là người tận tụy với nghề, hết lòng vì học sinh; như người mẹ thứ hai của em; em yêu quý cô và quyết tâm học thật giỏi,…)

**3)Đề bài: Em đã từng gặp ông Tiên trong những truyện cổ dân gian, hãy miêu tả lại hình ảnh ông tiên theo trí tưởng tượng của mình**

a.Mở bài

– Trong các truyện cổ tích, nhân vật ông tiên để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất. Tại sao?

Dẫn dắt người đọc và tình huống em gặp ông tiên (tưởng tượng).

b.Thân bài

– Miêu tả chân dung nhân vật ông tiên.

+ Hình dáng + Khuốn mặt + Chòm râu, mái tóc + Cây gậy….

– Những lời đối thoại của em với ông tiên.

– Miêu tả hành động của ông tiên (tưởng tượng, ví dụ: em bị lạc đường, ông tiên đã cho em một chiếc xe ngựa thông minh và thế là em được về nhà,…).

c.Kết bài

– Ý nghĩa của nhân vật ông tiên trong truyện và trong suy nghĩ của em.

**4)Đề bài: Từ bài thơ Mưa của Trân Đăng Khoa, em hãy tả lại cơn mưa rào mùa hạ.**

a.Mở bài

Trời đang nắng bỗng chuyển dông, mây đen xuất hiện, bầu trời xám xịt, cơn mưa rào ập đến.

b.Thân bài

Tả cơn mưa:

– Gió thổi giật, trời mát lạnh.

– Những con mối bò ra rồi cả đàn tranh nhau bay cao, bay thấp. Đàn gà thi nhau đớp mồi.

– Mưa đổ xuống trên sân nhà, trên cành cây, kẽ lá. Mưa xối xả.

– Gió thổi mạnh. Bãi mía lay động trong gió, lá mía nhọn hoắt, vươn dài như múa gươm.

– Đàn kiến tìm nơi tránh nước, chúng đi hành quân, bụi tre đung đưa trong gió cùng hàng bưởi sau nhà như vẫy tay đưa tiễn.

– Trên trời xuất hiện những tia chớp, sấm vang rền.

– Mưa ù ù như xay lúa. Mưa chéo mặt sân, nước sủi bọt trắng xóa rồi kéo nhau đổ ra mương rãnh. Đất trời mù trắng nước.

– Ngoài đồng nước lai láng. Những bác nông dân hối hả đi về.

– Bố đi làm về, đội sấm, đội chớp, đội cả bầu trời đang đổ mưa.

Tả quang cảnh sau cơn mưa:

– Mây tan dần, trời xanh thấp thoáng lộ ra.

– Trời sáng hơn, những tia nắng chiếu xuống sân nhà.

– Hoa lá lại đua nhau đón khí ấm mặt trời.

– Cóc nhảy chồm chồm, lũ chó sủa vang.

– Đàn gà kéo ra, những chú chim hót líu lo,…

c.Kết bài

– Cơn mưa rào mùa hạ đã giúp cho cảnh vật tươi mát.

– Mưa giúp ích cho mọi người, giúp ích cho nhà nông.

**5)Đề bài: Từ bài văn Lao xao của Duy Khán, em hãy tả lại khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.**

a.Mở bài

– Khu vườn mà em định tả là của ai?

– Nó có điểm gì đặc biệt?

– Nó gắn bó với em thế nào?

b.Thân bài

– Quang cảnh khu vườn khi trời sáng:

+ Mặt trời mọc …

+ Những giọt sương đêm trên lá …

– Khu vườn bắt đầu nhộn nhịp bởi tiếng chim…

– Miêu tả một số loài cây có trong vườn mà em thích.

– Khu vườn gắn bó với tuổi thơ của em ra sao? (có thể kể một kỉ niệm sâu sắc nào đó, với ông nôi chẳng han)

c.Kết bài

– Em ấn tượng nhất với khu vườn là ở điểm gì?

**Một số bài làm mẫu**

Đề 1

Có một lần:, Thuỷ Tinh tình cờ gặp được Mị Nương. Chàng có cơ hội để thanh minh chuyên cũ. Hãy thay lời Thuỷ Tinh để kể lại cuộc gặp gỡ ấy.

Bài làm

Hàng ngàn năm đã trôi qua, Thuỷ Tinh lặng lẽ ôm nỗi buồn dưới thuỷ cung. Chàng nghĩ tới Mị Nương và vẫn không thôi khao khát được cùng nàng nên vợ nên chồng. Và có lẽ buồn hơn cả là cái tiếng xấu mà thiên hạ đã gán cho chàng kể từ ngày chàng và Sơn Tinh giao chiến để giành Mị Nương. Thế rồi một hôm, Thuỷ Tinh quyết đi tìm Mị Nương. Chàng từ biển Đông ngược dòng sông Hồng, men theo con suối nhỏ để đi lên núi Tản. Một ngày. Hai ngày. Một tháng. Hai tháng. Núi Tản kia rồi. Thuỷ Tinh nép mình sau tảng đá lớn. Chàng hi vọng Mị Nương sẽ ra suối…

Và quả như chàng đã dự đoán. Một buổi sáng, khi chim rừng cất cao tiếng hót chào đón những tia nắng đầu tiên thì Mị Nương xuất hiện. Nàng ra suối ngắm cảnh. Đã mấy ngàn năm mà nhan sắc của Mị Nương không hề phai, vẫn dáng người mảnh mai, thướt tha. vẫn gương mặt hiền như ánh trăng rằm. vẫn mái tóc dài tuôn từ bờ vai rủ xuống gót chân óng ả, đen mượt. Thuỷ Tinh rời khỏi chỗ nấp tiến về phía Mị Nương. Nàng hoảng sợ lùi lại. Thuỷ Tinh vội buồn rầu lên tiếng :

– Nàng đừng sợ ! Nàng không nhận ra ta ư ?

– Chàng là… – Mị Nương ngập ngừng… Trong thoáng chốc, nàng đã nhớ lại hình ảnh cuộc đua tài tranh ngôi phò mã tại Phong Châu ngày trước. – Chẳng lẽ chàng là Thuỷ Tinh đó sao ? Chàng tìm ta làm gì ? Ta là gái đã có chồng. Mấy ngàn năm rồi, bao nhiêu tai hoạ chàng gây cho nhân dân ta như vậy vẫn chưa đủ ư ?

– Mị Nương ! Nàng hãy nghe ta. Ta đi tìm nàng lần này là để thanh minh câu chuyện ngày trước, để nàng đừng oán giận ta nữa ! – Thấy Mị Nương im lặng, Thuỷ Tinh lấy hơi kể liền một mạch. – Nàng biết không : Ngay từ buổi đầu gặp nàng, ta đã mơ ước cùng nàng xe tơ kết tóc. Có trời đất chứng giám lòng thành của ta đối với nàng. Hôm đọ sức cùng Sơn Tinh, ta cũng thầm phục chàng trai ấy. Nhưng tình yêu thì không thể chia sẻ nên ta cố gắng đem hết tài năng của mình ra để vừa ý nàng và vừa ý vua cha. Chắc nàng cũng thấy rõ ta và Sơn Tinh hoàn toàn ngang tài ngang sức…

– Nhưng tại vì chàng đã mang lễ vật đến muộn hơn phu quân tà, sao chàng còn oán giận mà gây cảnh binh đao ? – Mị Nương ngắt lời Thuỷ Tinh.

– Nàng thực không công bằng với ta rồi – Thuỷ Tinh buồn rầu. – Nàng không nhận thấy rằng khi vua Hùng yêu cầu lễ vật, vua đã ngầm thiên vị cho Sơn Tinh đó sao ? Tất cả các lễ vật ấy, từ gạo nếp đến voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao đều là sản vật của núi rừng – vương quốc của Sơn Tinh – còn ta là chúa miền nước thẳm, giữa biển cả bao la, làm sao ta có thể tìm ngay được các lễ vật ấy chỉ trong vòng có một đêm. Vậy mà nàng thấy đó, ta đâu có nản chí. Ngay khi rời khỏi thành Phong Châu, ta cùng với Binh Tôm, Tướng Cá toả đi các ngả để tìm.

Bao nhiêu gian nan, ta đâu ngại. Bao nhiêu vất vả, ta đâu sờn. Chỉ hiềm nỗi khi ta có được tất cả các thứ ấy để đem đến thành Phong Châu ra mắt nhà vua thì đã chậm mất rồi. Được tin Sơn Tinh đã rước nàng lên núi, ta đau buồn và tuyệt vọng quá. MỊ Nương ! Nàng có hiểu cho tâm trạng của ta lúc bấy giờ không ?

Mị Nương thoáng đỏ mặt. Nàng không thể không chạnh lòng trước lời tâm sự chân thành của Thuỷ Tinh. Tự nàng cũng rõ rằng ngày ấy, khi cùng các Lạc hầu bàn bạc để tìm ra cách chọn rệ hiền, vua cha cùng với quần thần trong triều đã ngầm thiên vị cho Sơn Tinh. Ngay cả nàng lúe ấy, dù thầm thán phục cả hai chàng như nhau, nhưng tự trong thâm tâm, nàng vẫn thấy Sơn Tinh gần gũi với mình hơn. Vả lại, chỉ nghĩ tới việc lấy chồng về miền nước thẳm, xa xôi cách trở, nàng đã sợ hãi rồi… Nhưng mọi chuyện đã qua… MỊ Nương nghiêm nghị nhìn Thuỷ Tinh.

– Ta hiểu lòng chàng. Nhưng sau khi mọi việc đã yên bề sao chàng còn gây chiến với phu quân ta mãi không thôi, để muôn dân điêu đứng ? Chàng thật đáng trách…

– Mị Nương ! Việc ta đánh Sơn Tinh ngày ấy cũng dễ lí giải thôi. Ta không có ý gì khác ngoài mong muốn giành lại nàng. Lúc thất bại, ta hiểu rằng điều đó không thể được. Ta lui về thuỷ cung cùng nỗi buồn từ ngày ấy. Còn các cuộc chiến hằng năm đâu phải do ta. Đó là bởi bọn Binh Tôm, Tướng Cá, những trợ thủ đắc lực của ta muốn trả thù cho chủ, và để giải toả cho ta nỗi buồn này. Mặt khác, nạn lũ lụt hằng năm ấy còn là bởi con người nữa đấy. Những cánh rừng đầu nguồn bị tàn phá vô tội vạ. Môi trường bị ô nhiễm nặng nề… Nàng phải hiểu cho ta, Mị Nương ! Làm sao ta có thể nhận cả những lỗi không phải của mình.

Thuỷ Tinh ngừng lời. Chàng đã nói được những gì cần nói. Và nỗi buồn nặng trĩu trong lòng chàng từ hàng ngàn năm nay hình như cũng có phần vơi đi. Chàng nhìn MỊ Nương lần cuối rồi lặng lẽ theo dòng suối đổ ra sông, về với đại dương mênh mông.

Mị Nương đứng lặng hồi lâu. Lời Thuỷ Tinh vẫn còn văng vẳng bên tai nàng. Sự oán trách Thuỷ Tinh dường như đã tiêu tan đâu cả. Nàng nghĩ tới những câu nói cuối cùng của thần nước. Những cánh rừng đầu nguồn bị tàn phá… Môi trường bị ô nhiễm… Con người cũng chịu một phần trách nhiệm trước những thiên tai. Nàng hiểu ý Thuỷ Tinh muốn nói gì. Điều nàhg có thể làm được lúc này để minh oan phần nào cho Thuỷ Tinh chính là cùng với Sơn Tinh ngăn chặn những sai lầm của con người. Phải giữ lấy những cánh rừng. “Thuỷ Tinh ! Chàng hãy yên tâm. Thiếp sẽ không phụ lòng chàng đâu Ị”. Mị Nương thầm nhủ trong lòng. Nàng rời bờ suối, rảo gót quay về. Sơn Tinh còn đợi nàng trên đỉnh núi kia.

Một ngày mới đang bắt đầu.

**BÀI THAM KHẢO.**

Đề bài 10: Tưởng tượng một cuộc đọ sức giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh

### **Bài văn mẫu**

    Năm nào em cũng được chứng kiến một cuộc đọ sức. Đó chính là trận chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Tất cả cũng bởi Thủy Tinh vẫn luôn ôm hận trong lòng nên năm nào cũng lập mưu đánh Sơn Tinh.

    Mối hiềm khích giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh đã có từ rất lâu. Em kể mọi người kể rằng việc tranh giành, này bắt đầu từ đời vua Hùng Vương thứ mười tám. Ngày ấy, vua Hùng có một người con gái tính tình hiền dịu lại xinh đẹp tuyệt trần tên là Mị Nương. Vua thương con gái nên muốn kén cho nành một chàng rể thật xứng đáng.

    Sơn Tinh và Thủy Tinh nghe tin liền đến cầu hôn. Sơn Tinh vốn là chúa vùng non cao, Thủy Tinh cũng tài giỏi không kém, chàng là chúa vùng nước thẳm. Cả hai chàng đều ngang sức ngang tài nên vua không thể quyết định ngay bèn lệnh cho hai chàng đến ngày hôm sau, ai mang lễ vật đến trước sẽ được rước Mị Nương về. Thủy Tinh đã đến chậm một bước, không lấy được Mị Nương. Chàng nổi giận đùng đùng, hô mưa gọi gió đuổi đánh Sơn Tinh. Trận đánh năm đó Thủy Tinh thất bại hoàn toàn, chàng vừa uất hận vừa xấu hổ, bởi vậy năm nào chàng cũng lập mưu trả thù rửa mối hận năm đó. Ngày trước, Sơn Tinh và Thủy Tinh đọ sức bằng phép thần, đến thế kỉ XXI hai chàng còn nhờ đến cả những phương tiện, máy móc hiện đại để hỗ trỡ.

    Buổi sáng hôm đó em vừa tỉnh dậy, đã nghe thấy loa phát thanh của phường thông báo mọi người di chuyển đến vùng an toàn vì Thủy Tinh đang dẫn quân kéo đến trả thù. Mọi người ai lo lắng, không biết năm nay Thủy Tinh có thêm những thứ vũ khí mới nào, liệu Sơn Tinh có thắng nổi không. Đang chuẩn bị đồ đạc, đài phát thanh lại vang lên giọng nói sang sảng của Sơn Tinh:

 - Tất cả mọi người hãy thu dọn đồ đạc bởi theo nguồn tin mật Thủy Tinh sẽ tiến đánh đến vùng này, hãy di chuyển đến vùng đất của ta, mọi người sẽ được bảo vệ an toàn. Nghe vậy mọi người bớt lo lắng hơn. Sơn Tinh rất chu đáo, chuẩn bị cả xe cộ, trực thăng đến đón mọi người đến nơi an toàn.

    Hai ngày sau quả nhiên Thủy Tinh đã đến, chàng dẫn theo rất nhiều tướng lĩnh nago tướng Bạch Tuộc, Cá Mập, Cá Voi, ... trông ai cũng vừa oai nghiêm vừa đáng sợ. Thủy Tinh đứng giữa biển trên một ngọn sóng cao, dùng loa truyền tin khiêu chiến với Sơn Tinh. Sơn Tinh cũng đã chuẩn bị sẵn đội hình để ra trận, bên cạnh chàng vẫn là các tướng trung thành như Voi, Hổ, Trâu, ...và quân sư Sóc. Biết Thủy Tinh sẽ dùng kế dâng nước lấn át, Sơn Tinh còn chuẩn bị sẵn máy xúc, máy cẩu, bê tông cốt thép để chặn lũ.

    Thủy Tinh hô vang một tiếng “Đánhhh”, tất cả các tướng của chàng đồng loạt kéo quân lính đến các ngả để càn quét, đi tới đâu dẫn nước tới đó. Thủy Tinh có sức mạnh thần thông, chàng vẫy tay hô mưa, goi gió, gọi bão dâng nước thành sóng thần nhằm quét sạch quân Sơn Tinh. Các tướng phía Sơn Tinh không hề nao núng, họ biết hết các mánh khóe của Thủy Tinh rồi. Voi dùng sức nhấc bê tông để chặn dòng nước, Hổ và quân lính dưới quyền thì điều khiển máy cẩu nhấc từng khối bê tông chặn đường kẻ thù. Riêng Sơn Tinh , chàng dùng phép để nâng đê cao lên đến hàng chục mét, sóng thần có mạnh đến đâu cũng không tràn qua được. Quân sư Sóc đã cử riêng một đội quân đi tàu lặn, lặn xuống dưới nước bắt sống hàng trăm tên lính và cả các tướng chủ chốt bên Thủy Tinh.

Tất cả những tướng và lính bị bắt nhanh chóng bị kiệt sức vì họ chỉ quen sống dưới nước. Thủy Tinh mất hết các trợ thủ đắc lực nên đã suy nghĩ lại. Chàng đã tạm giảng hòa với Sơn Tinh để cứu người của mình về. Lại thêm một lần thất bại nữa. Không biết năm sau chàng có trở lại trả thù nữa không.Sau trận đánh, Sơn Tinh đã hóa phép cho tất cả nhà cửa ruộng vườn trở lại như cũ. Gia đình chúng em lại được xe đưa về tận nhà và tiếp tục sinh sống làm ăn.

    Vì sự ích kỉ của Thủy Tinh mà có biết bao nhiêu người phải tốn công tốn sức. Cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh cũng phản ánh công cuộc phòng chống thiên tai của nhân dân ta từ xa xưa.

Đề 5: Sẻ Mẹ thường dạy các con của mình : “Có công mài sắt có ngày nên kim”. Nhưng có một chú sẻ Con bướng bỉnh không biết nghe lời, khi tập bay đã phải vấp nhiều thất bại mới hiểu hết lời khuyên của mẹ. Câu chuyện sẽ diễn ra như thế nào ? Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện ấy.

Bài làm

Hoan hô ! Hoan hô ! sẻ Em giỏi quá !

Cả khu rừng xôn xao những tiếng reo vui. Việc sẻ Em biết bay đã trở thành một sự kiện thật quan trọng. Từ chị Sóc nâu cho đến bác Nhím già, ai cũng có lời chúc mừng khiến sẻ Em cảm động ứa nước mắt.

Nhưng để có được niềm vui ngày hôm nay, đâu phải điều đơn giản. Nghĩ lại chuyện cũ, sẻ Em cứ xấu hổ mãi.

Gia đình nhà sẻ sống trong khu rừng này từ bao giờ, sẻ Em không biết nữa. Từ khi ra đời, sẻ Em đã thấy mọi người thật gần gũi và thân thiết với mình, sẻ Mẹ chăm sóc các con rất chu đáo. Anh em sẻ chẳng thiếu thứ gì. Hôm thì những hạt thóc vàng ươm. Hôm thì nắm kê béo ngậy. Có hôm lại là chú cào cào… Khi anh em nhà sẻ đã cứng cáp, mẹ dành thời gian dạy chúng tập bay. Bao giờ mẹ cũng nhắc đi nhắc lại cái câu “Có công mài sắt có ngày nên kim”, sẻ Em nghĩ bụng : “Họ nhà chim thì ai mà chẳng biết bay. Cứ có cánh là bay được tất, cần gì phải tập !”.

Nghĩ thế nào thì làm thế đó, những buổi tập bay, mặc cho mẹ dỗ dành thế nào, Sẻ Em cũng tìm cớ để trốn tránh. Nào là đau bụng. Nào là nhức đầu. Rồi lại đau cánh nữa chứ. sẻ Anh thì ngược lại, luôn luôn nghe lời mẹ, cần mẫn tập bay. Hài lòng về Sẻ Anh bao nhiêu, mẹ lại buồn vì sẻ Em bấy nhiêu. Nhưng sẻ Em đâu có bận tâm. Chiều con, sẻ Mẹ cũng không ép.

Thời gian trôi qua. sẻ Anh đã bay thành thạo, theo mẹ kiếm mồi. sẻ Em cử nằm trong tổ, đợi mẹ. Nhưng nằm mãi rồi cũng chán. Nghe anh kể những chuyện lí thú ở bên ngoài, sẻ Em cũng thấy thèm. “Phải bay ra ngoài thôi”, sẻ Em nghĩ bụng. Một buổi sáng nọ, đợi mẹ và anh bay đi kiếm mồi, sẻ Em lần ra cửa tổ.

Cả một thế giới mới lạ mở ra trước mắt chú. Này là chị Sóc nâu chuyền cành nhanh thoăn thoắt. Này là mẹ con nhà bác Nhím già xù lông tua tủa trông thật buồn cười, sẻ Em muốn được ra khỏi tổ. Phải bay mới được. Nhưng bay như thế nào, Sẻ Em đâu biết. Có lẽ chỉ xoè cánh ra là được chứ gì ! Dễ quá ! sẻ Em đến sát mép tổ, xoè cánh ra, ngỡ là mình sẽ được vi vu giữa bầu trời cao rộng kia. Nào ! Bắt đầu nhé ! sẻ Em nhắc chân ra khỏi tổ. Chưa kịp định thần thì đã rơi bệt xuống đất. “Ôi đau quá ! Đau quá !”. sẻ Em rên rỉ. Bác Nhím và chị Sóc vội vã chạy tới. Sẻ Em đã bị gãy một bên cánh. Khi về tổ, biết chuyện, sẻ Mẹ cuống quýt lên. Thương sẻ Em quá, sẻ Mẹ cứ khóc mãi.

Chỉ sau một tuần, vết thương của sẻ Em đã lành lặn. sẻ Mẹ quyết định tập cho Sẻ Em bay. Lúc này thì sẻ Em mới thấy rằng để bay được đâu phải dễ. Một hôm. Hai hôm. Chỉ mỗi động tác dang cánh để giữ thăng bằng thôi mà sao khó thế. Người Sẻ cứ đau ê ẩm. Thấy sẻ Em nản chí, sẻ Mẹ lại động viên : “Có công mài sắt có ngày nên kim con ạ !”. sẻ Em không thể kiên trì được, cứ chực bay ngay. Nhiều hôm ngã đau điếng.

Một tháng trôi qua. sẻ Em quen dần với bài tập luyện của mẹ. Chú không còn thấy chán nản nữa. Thú nhất là lúc nâng mình lên, bay bổng trên không trung, hay được nhảy chuyền từ cành này sang cành khác, sẻ Mẹ luôn miệng nhắc : “Cẩn thận nhé con ! Khéo ngã đấv !”. Giờ thì sẻ Em thấy lời khuyên của mẹ bao giờ cũng đúng. Chú ngoan ngoãn vâng lời.

Hôm này, lần đầu tiên sẻ Em được theo mẹ và anh đi kiếm mồi. Có nghĩa là được bay xa, ra khỏi cánh rừng này. Chú vui quá. Cứ háo hức mãi. Nhìn đôi cánh non nớt của sẻ Em vẫy vẫy, và bóng chú vút lên không trung, sẻ Mẹ mừng rơi nước mắt. Còn cả khu rừng thì xôn xao : “Hoan hô sẻ Em ! Hoan hô sẻ Em !”.

Sẻ Em nghiêng cánh chào tất cả mọi người. Phía trước kia, bao điều lí thú đang chờ đợi chú.

Bay lên ! Bay lên nào !